

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Thị Thủy

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ  
(2009 - 2024)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Thị Thủy

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ  
(2009 - 2024)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS.TS. Dương Văn Huy
- TS. Vũ Thị Anh Thư

Hà Nội - 2026

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tất cả các số liệu, dữ liệu và nội dung được đề cập trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những đánh giá, kết luận của luận án là kết quả nghiên cứu riêng của tác giả.

**Tác giả luận án**

**Trần Thị Thủy**

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban Lãnh đạo Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải, nay là Ban Giám đốc Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng đã cho tôi cơ hội được học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Trong suốt quá trình tôi học tập, tôi được tạo mọi điều kiện về vật chất, thời gian và luôn nhận được sự động viên, khích lệ từ Ban Giám đốc, các đồng nghiệp trong cơ quan.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới Khoa Quốc tế học đã tạo điều kiện tốt nhất cho các NCS nói chung và cá nhân tôi nói riêng. Các thầy, cô đã giảng dạy và cung cấp cho tôi nhiều kiến thức chuyên ngành và định hướng cho tôi trong quá trình tôi triển khai nghiên cứu luận án; hỗ trợ tôi hồ sơ, giấy tờ và các công việc liên quan trong suốt quá trình tôi học tập.

Tôi xin cũng cảm ơn Phòng Đào tạo, nhất là Bộ phận Đào tạo sau Đại học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, đã hỗ trợ tôi về mặt thủ tục để tôi được thuận lợi trong quá trình học tập và bảo vệ luận án các cấp.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới hai người em cùng lớp NCS là em Trần Mỹ Hải Lộc và Nguyễn Thị Thanh Hoa. Hai em đã luôn đồng hành cùng tôi, không kể thời gian để cùng chia sẻ, phản biện cho nhau, hỗ trợ nhau học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới PGS.TS. Dương Văn Huy và TS. Vũ Thị Anh Thư đã luôn kiên trì, trách nhiệm và hướng dẫn tôi trong suốt quá trình học tập. Từ những bước đi đầu tiên, việc chọn đề tài, cách tra cứu tài liệu, cách tiếp cận, cách viết một bài báo khoa học, tôi luôn được sự hỗ trợ nhiệt tình, chỉ bảo từng khâu, động viên, góp ý, chỉnh sửa chi tiết từng bài báo, từng chương của luận án. Sự trách nhiệm và tình cảm của Thầy, Cô là nguồn động viên lớn để tôi vượt qua những trở ngại, khó khăn để hoàn thành luận án. Tôi cũng tự nhận thấy trách nhiệm của mình phải nỗ lực để không phụ lòng hướng dẫn của Thầy, Cô. Em rất mong muốn tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của Thầy, Cô trong suốt quá trình giảng dạy, nghiên cứu sau này.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, người thân luôn đồng hành, động viên tôi trong suốt quá trình học tập./.

**Tác giả luận án**

**Trần Thị Thủy**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	
LỜI CẢM ƠN	
MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	4
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>7</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	7
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu .....	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	10
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu .....	11
5. Đóng góp mới của luận án .....	13
6. Nguồn tài liệu tham khảo .....	14
7. Bố cục của luận án .....	14
<b>Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>16</b>
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	16
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về lý thuyết liên quan đến chính sách đối ngoại của các nước nhỏ .....	16
1.1.2. Một số công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia và chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ .....	27
1.2. Nhận xét kết quả nghiên cứu và vấn đề đặt ra cho luận án.....	39
1.2.1. Nhận xét chung về các công trình nghiên cứu .....	39
1.2.2. Những luận điểm luận án kế thừa được từ tổng quan tình hình nghiên cứu.....	40
1.2.3. Nhiệm vụ đặt ra cho luận án .....	40
<b>Tiểu kết chương 1 .....</b>	<b>42</b>
<b>Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ (2009 - 2024) .....</b>	<b>43</b>
2.1. Cơ sở lý luận .....	43
2.1.1. Một số khái niệm liên quan .....	43
2.1.2. Đặc điểm chính sách đối ngoại của các nước nhỏ .....	52

2.1.3. Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế .....	56
2.1.4. Lý thuyết về phân tích chính sách đối ngoại .....	66
2.1.5. Khung phân tích .....	71
2.2. Các nhân tố tác động.....	73
2.2.1. Cấp độ hệ thống quốc tế.....	73
2.2.2. Cấp độ quốc gia .....	87
2.2.3. Cấp độ ra quyết định.....	100
<b>Tiểu kết chương 2 .....</b>	<b>106</b>
<b>Chương 3. NỘI DUNG, MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ (2009 - 2024).....</b>	<b>107</b>
3.1. Nội dung, mục tiêu, phương thức triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) .....	107
3.1.1. Nội dung chính sách đối ngoại của Campuchia .....	107
3.1.2. Nội dung chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) ...	112
3.1.3. Phương thức Campuchia thực thi chính sách đối ngoại với Mỹ (2009 - 2024).....	116
3.2. Thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 .....	118
3.2.1. Đẩy mạnh quan hệ chính trị - ngoại giao .....	118
3.2.2. Tăng cường hợp tác kinh tế.....	131
3.2.3. Củng cố hợp tác về quốc phòng - an ninh.....	137
3.2.4. Thu hút viện trợ thông qua cơ chế LMI.....	149
<b>Tiểu kết chương 3 .....</b>	<b>159</b>
<b>Chương 4. ĐÁNH GIÁ VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ (2009 - 2024) VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM.....</b>	<b>160</b>
4.1. Đặc điểm chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ .....	160
4.2. Kết quả triển khai chính sách .....	167
4.2.1. Kết quả đạt được .....	167
4.2.2. Những vấn đề đặt ra.....	174

4.3. Tác động từ chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) .....	180
4.3.1. Tác động đối với Campuchia .....	180
4.3.2. Tác động đối với chiến lược khu vực của Mỹ .....	183
4.3.3. Tác động đến quan hệ giữa Campuchia và Trung Quốc .....	184
4.3.4. Tác động đến quan hệ giữa các nước ASEAN .....	185
4.3.5. Tác động đối với Việt Nam.....	187
4.4. Dự báo xu thế chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đến năm 2028 ..	189
4.4.1. Cơ sở của dự báo .....	189
4.4.2. Phân tích mô hình SWOT đối với xu thế chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.....	196
4.4.3. Đánh giá các kịch bản đối với xu thế chính sách của Campuchia với Mỹ.....	201
4.5. Hàm ý chính sách cho Việt Nam .....	206
4.5.1. Cơ sở đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.....	206
4.5.2. Một số hàm ý cụ thể cho Việt Nam.....	209
<b>Tiểu kết chương 4 .....</b>	<b>215</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>216</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ</b>	
<b>LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN .....</b>	<b>222</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>223</b>

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>TT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Tiếng Anh</b>	<b>Tiếng Việt</b>
1	ADMM+	ASEAN Defence Ministers Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng
2	ADB	The Asian Development Bank	Ngân hàng Phát triển Châu Á
3	AIIB	Asian Infrastructure Investment Bank	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng châu Á
4	AMM	ASEAN Ministerial Meeting	Hội nghị Bộ trưởng ASEAN
5	AOIP	ASEAN outlook of the Indo-Pacific	Tầm nhìn của ASEAN về AĐD-TBD
6	APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
7	ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
8	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
9	ASEAN+3		Cơ chế hợp tác giữa ASEAN và ba nước Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc
10	ASEM	Asia - Europe Summit Meeting	Hội nghị Á – Âu
11	AUKUS	Australia, United Kingdom, United States	Hợp tác ba bên Mỹ - Anh - Australia
12	Brexit	Britain exit	Anh rời khỏi Liên minh châu Âu
13	BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai Con đường
14	CNRP	Cambodian National Rescue Party	Đảng Cứu nguy dân tộc Campuchia
15	COVID-19	Coronavirus disease 2019	Bệnh virus corona 2019
16	CPP	Cambodian People's Party	Đảng Nhân dân Campuchia

17	CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
18	CSO	Civil Society Organization	Tổ chức xã hội dân sự
19	EAS	East Asia Summit	Hội nghị cấp cao Đông Á
20	EPA	Economic Partnership Agreement	Hiệp định đối tác kinh tế
21	EU	European Union	Liên minh Châu Âu
22	FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
23	FOIP	Free and Open Indo-Pacific Strategy	Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở
24	FUNCINPEC	Front Uni National pour le Cambodge Indépendant, Neutre, Pacifique et Coopérative	Mặt trận thống nhất dân tộc vì một nước Campuchia độc lập, trung lập, hòa bình và hợp tác
25	FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
26	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
27	GMS	Great Mekong Subregion	Tiểu vùng Mekong mở rộng
28	GSP	GSP – Generalized System of Preferences	Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập
29	HRP	Human Right Party	Đảng Nhân quyền
30	KPP	Khmer Power Party	Đảng quyền lực Campuchia
31	LHQ	United Nations	Liên hợp quốc
32	LMI	Lower Mekong Initiative	Sáng kiến Hạ nguồn Mekong
33	IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
34	IPEF	Indo-Pacific Economic Framework for Prosperity	Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự phồn thịnh
35	MRC	Mekong River Commission	Ủy hội sông Mekong

36	NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
37	NEC	National Electoral Committee	Ủy ban Bầu cử quốc gia
38	NLD	National League for Democracy	Liên minh Quốc gia vì Dân chủ
39	NGO	Non Government Organization	Tổ chức phi chính phủ
40	ODA	Official Development Assistance	Viện trợ phát triển chính thức
41	RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực
42	RCAF	Royal Cambodian Armed Forces	Lực lượng Vũ trang Hoàng gia Campuchia
43	PCA	Permanent Court of Arbitration	Toà án Trọng Tài thường trực
44	SRP	Sam Rainsy Party	Đảng Sam Rainy
45	UNTAC	United Nations Transitional Authority in Cambodia	Cơ quan quyền lực lâm thời Liên hợp quốc ở Campuchia
46	USAID	United States Agency for International Development	Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ
47	WB	World Bank	Ngân hàng thế giới
48	WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Bước vào đầu thế kỷ XXI, Đông Nam Á được đánh giá là khu vực phát triển năng động nhất nằm ở giao điểm kết nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Là nơi có các tuyến đường hàng hải huyết mạch chạy qua, khu vực Đông Nam Á có vị trí địa chính trị thuận lợi cho sự hợp tác nội khối và ngoại khối về kinh tế. Nhưng Đông Nam Á luôn được xem là vùng đệm quan trọng để thiết lập ảnh hưởng và triển khai các chiến lược lớn của các cường quốc. Khi Mỹ tuyên bố “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (FOIP) năm 2017, trong đó, ASEAN giữ vai trò trung tâm và Trung Quốc xem Đông Nam Á là điểm xuất phát của ‘Sáng kiến Vành đai - Con đường’ (BRI) thì nguy cơ đẩy khu vực vào tình trạng căng thẳng, cạnh tranh theo kiểu “có tổng bằng không” có thể xảy ra. Vì vậy, các nước Đông Nam Á cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Cũng giống như một số nước trong khu vực, Campuchia có vị trí địa chính trị thuận lợi cho việc triển khai FOIP của Mỹ và BRI của Trung Quốc, “Chiến lược hợp tác ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” của Liên minh châu Âu, FOIP của Nhật Bản. Vì vậy, các nước nhỏ như Campuchia đang là mục tiêu hướng đến của nước lớn để lôi kéo và lợi dụng nó cho việc mở rộng ảnh hưởng kinh tế - chính trị lên toàn khu vực, bao gồm cả Biển Đông. Trong bối cảnh đó, bài toán đặt ra cho Campuchia là làm thế nào duy trì được sự ổn định trong mối quan hệ bất đối xứng với các nước lớn nhằm bảo đảm mục tiêu cải cách và phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng nhưng vẫn duy trì được độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không bị lệ thuộc hay đối đầu vào bất cứ một quốc gia nào.

Campuchia là một quốc gia đang phát triển trong khu vực, cũng chịu ảnh hưởng lớn từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 - 2009. Là một nền kinh tế nhỏ, chủ yếu dựa vào nông nghiệp; cơ sở hạ tầng lạc hậu, hệ thống y tế, giáo dục rất cần nguồn lực để phát triển, Campuchia mong muốn thúc đẩy quan hệ kinh tế với Mỹ để hưởng lợi từ chính sách thuế quan (GSP) của Mỹ và thu hút nguồn đầu tư, viện trợ từ Mỹ để phát triển đất nước. Mặt khác, Mỹ là một siêu cường, việc thúc đẩy quan hệ với Mỹ trong quan hệ chính trị - ngoại giao, quân sự sẽ giúp Campuchia củng cố

được chính sách đa phương, đa dạng hóa, tránh bị rơi vào tình trạng ‘nhất biên đảo’ với một quốc gia nào đó. Đồng thời, Campuchia giảm bớt được những lo ngại về an ninh đối với các quốc gia láng giềng, đảm bảo được an ninh quốc gia.

Tình hình chính trị nội bộ của Campuchia luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, đặc biệt là mâu thuẫn giữa các đảng phái chính trị, cụ thể là CPP và CNRP; tình hình tham nhũng diễn ra khá phổ biến, niềm tin của người dân vào Đảng cầm quyền và vai trò của Thủ tướng Hun Sen có xu hướng bị suy giảm. Từ sau cuộc bầu cử Quốc hội khóa V (2013 - 2018), đấu tranh quyền lực giữa các đảng phái chính trị càng trở lên gay gắt hơn. Năm 2017, CNRP bị giải thể với cáo buộc âm mưu lật đổ Chính phủ đã tác động mạnh mẽ tới đời sống chính trị tại Campuchia, khiến tình hình Campuchia diễn biến phức tạp hơn. Tháng 7/2023, Campuchia tiến hành bầu cử với sự thắng lợi của CPP và đây cũng là sự kiện nổi bật với sự chuyển giao quyền lực từ Hun Sen sang con trai của mình là Hun Manet. Điều này cũng đánh dấu bước chuyển biến then chốt trong chính trường Campuchia.

Về đối ngoại, Campuchia chủ trương, nhất quán thực hiện chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết, cân bằng quan hệ với các nước lớn song luôn xác định Trung Quốc là ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại nhằm thu hút nguồn lực để phát triển đất nước và đảm bảo vai trò cầm quyền lâu dài của Thủ tướng Hun Sen. Chính chính sách ngoại giao thực dụng, “phù thịnh” Trung Quốc của Campuchia đã buộc Mỹ phải dành sự quan tâm đặc biệt đến quốc gia Đông Nam Á này. Sự tranh giành ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc ở Campuchia, sự bất ổn định về tình hình chính trị nội bộ, sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Campuchia đã đặt ra nhiều thách thức an ninh đối với khu vực Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Vì vậy, việc tìm hiểu chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giúp chúng ta hiểu sâu hơn về mối quan hệ bất đối xứng, chính sách của một nước nhỏ với nước lớn trước bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp.

Bên cạnh đó, Campuchia là quốc gia láng giềng, có vị trí địa lý và mối quan hệ lịch sử gần gũi với Việt Nam, là nước thành viên của ASEAN. Trong những năm gần đây, việc Campuchia điều chỉnh quan hệ với các nước lớn, nhất là trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc cũng tác động không nhỏ tới mối quan hệ nội khối, đồng

thời tạo nên những thay đổi không nhỏ trong mối quan hệ tam giác giữa ba nước Trung Quốc, Việt Nam và Campuchia. Mặt khác, Mỹ hiện là đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam. Chính vì vậy, nghiên cứu, tìm hiểu rõ đặc điểm cũng như những chuyển động trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giúp Việt Nam đánh giá được xu hướng chiến lược khu vực, từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong chính sách đối ngoại với Mỹ và Campuchia. Đồng thời, điều này cũng giúp Việt Nam dự báo các tác động đến an ninh, kinh tế và vai trò địa chiến lược của mình trong khu vực Đông Nam Á, từ đó, đưa ra những gợi mở cho Việt Nam là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Với những lý do trên, tôi chọn đề tài: **“*Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)*”** cho luận án tiến sỹ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

**Mục tiêu tổng quát:** Mục tiêu nghiên cứu của luận án là làm rõ sự vận động, đặc điểm chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024, từ đó đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

#### **Mục tiêu cụ thể:**

- Làm rõ các vấn đề lý luận nhằm lý giải hành vi chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ;
- Làm rõ nội dung và thực tiễn Campuchia triển khai chính sách đối ngoại với Mỹ về mặt tổng thể và trên các lĩnh vực cụ thể;
- Làm rõ kết quả và xu thế chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.
- Luận án đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thứ nhất, hệ thống nguồn tư liệu nghiên cứu về chính sách đối ngoại của nước nhỏ - nước lớn; chính sách đối ngoại của Campuchia và chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ;
- Thứ hai, phân tích cơ sở lý luận và những nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024);

- Thứ ba, phân tích nội dung, quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) thể hiện trên các lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác;

- Thứ tư, phân tích những kết quả đạt được và những trở ngại trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024);

- Thứ năm, rút ra một số nhận xét về đặc điểm chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024); đồng thời dự báo diễn biến trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đến năm 2028;

- Thứ sáu, đánh giá tác động chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) tới Campuchia, chiến lược khu vực của Mỹ, quan hệ giữa Campuchia với Trung Quốc, quan hệ giữa các nước ASEAN, Việt Nam và đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nghiên cứu chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024).

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Phạm vi nội dung*: Đề tài tập trung nghiên cứu nội dung, thực tiễn triển khai chính sách của Campuchia với Mỹ trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác.

- *Phạm vi thời gian nghiên cứu*: Đề tài tập trung phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024.

Năm 2009 là năm bắt đầu nhiệm kỳ mới của ông Hun Sen sau thắng lợi của CPP trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa IV (2008 - 2013), đồng thời năm 2009 là mốc thời gian Mỹ quyết định đưa Campuchia ra khỏi danh sách đen thương mại, đánh dấu quan hệ hai nước bước sang một trang mới. Quan hệ chính trị - ngoại giao và quốc phòng hai nước thay đổi mạnh mẽ qua chuyến thăm của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ, John Negroponte, tới Phnom Penh năm 2008 và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Campuchia, Tea Banh, tới Washington năm 2009. Đồng thời, đây cũng là thời điểm Tổng thống B.Obama bắt đầu nhiệm kỳ đầu tiên của mình (20/01/2009). Năm 2024 là mốc đánh giá một năm điều hành của chính quyền mới

Campuchia sau kết quả tổng tuyển cử vào tháng 7/2023, đồng thời là năm Tổng thống J.Biden kết thúc nhiệm kỳ của mình. Đây là thời điểm hợp lý để có thể tổng kết, đánh giá một cách toàn diện về những điều chỉnh, kết quả đạt được trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.

- *Phạm vi không gian*: Đề tài phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024), song vấn đề này được đặt trong sự vận động của khu vực và thế giới, đặc biệt trong quan hệ giữa Campuchia và Trung Quốc.

#### **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Cách tiếp cận**

- *Cách tiếp cận hệ thống*: Trong nghiên cứu này, cách tiếp cận hệ thống đặt vấn đề nghiên cứu chính sách của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) trong bối cảnh rộng lớn với sự tương tác giữa các nhân tố với nhau, bao gồm các yếu tố bên trong và bên ngoài của mỗi chủ thể, cũng như giữa các mối quan hệ. Chẳng hạn như quan hệ Campuchia với Mỹ không tách rời khỏi sự tương tác với các nhân tố như Trung Quốc, Việt Nam, ASEAN...

- *Cách tiếp cận lý thuyết*: Đề tài xây dựng khung lý thuyết là cơ sở để phân tích, đánh giá đối với chính sách của Campuchia với Mỹ. Trong đó các hành vi chính sách, mô hình quan hệ, phản ứng chính sách, kết quả thực thi chính sách, triển vọng chính sách... đều dựa trên những công cụ lý thuyết tương ứng để đánh giá.

Để đánh giá vấn đề nghiên cứu một cách khách quan và toàn diện, luận án tiếp cận dựa trên lý thuyết Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo, Chủ nghĩa Mác, Lý thuyết Bất cân xứng về sức mạnh và Lý thuyết phân tích chính sách đối ngoại. Trong đó, *Chủ nghĩa Hiện thực* được vận dụng để phân tích những toan tính về quyền lực, an ninh, lợi ích sống còn của Campuchia trong quan hệ với Mỹ. Lý thuyết của *Chủ nghĩa Tự do* được vận dụng nhằm làm rõ xu hướng phụ thuộc của Campuchia trong quan hệ với Mỹ, đặc biệt là trong hợp tác kinh tế của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024. Lý thuyết của *Chủ nghĩa Kiến tạo* giúp lý giải những cơ sở hình thành nên chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ dưới góc nhìn của bản sắc, giá trị và lợi ích quốc gia. Lý thuyết của *Chủ nghĩa Mác* nhấn mạnh các nước lớn luôn giữ vai trò trung tâm và các nước yếu luôn giữ vai trò ngoại vi. *Lý thuyết Bất cân xứng về sức mạnh* được sử dụng để phân tích

hành vi của Campuchia (nước nhỏ) đối với một nước lớn (Mỹ). Đồng thời, tác giả cũng vận dụng lý thuyết này để chỉ ra vai trò của Campuchia (nước nhỏ) với vị trí địa chính trị quan trọng trong chiến lược cạnh tranh của Mỹ tại khu vực để lý giải cho việc Mỹ cũng rất cần quan tâm đến một nước nhỏ như Campuchia. *Lý thuyết phân tích chính sách đối ngoại* dùng để phân tích các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ; nội dung, thực tiễn triển khai và đánh giá chính sách, từ đó đưa ra các dự báo chính sách trong tương lai.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Là đề tài về quốc tế học nên phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế nhằm xem xét sự hình thành, nội dung, quá trình thực hiện chính sách đối ngoại của Campuchia trong quan hệ với Mỹ dưới góc độ quan hệ nước nhỏ - nước lớn. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả áp dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp lịch sử (đồng đại, lịch đại) được tác giả sử dụng để sắp xếp thông tin, nội dung một cách logic, khoa học vận động theo thời gian của đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp phân tích chính sách được tác giả sử dụng để xác định mục tiêu, phương thức và cơ chế thực thi chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024), đồng thời đánh giá kết quả và tác động của chính sách và dự báo chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, luận án phân tích mức độ phù hợp dựa trên các lựa chọn chính sách đối ngoại của Campuchia với lợi ích quốc gia, năng lực nội tại và ràng buộc thể chế, cũng như làm rõ ảnh hưởng của môi trường quốc tế, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đối với quá trình điều chỉnh chính sách. Cách tiếp cận này cho phép xem xét chính sách đối ngoại như một quá trình động, qua đó đánh giá hiệu quả, giới hạn và xu hướng vận động của quan hệ Campuchia - Mỹ trong giai đoạn nghiên cứu.

Phương pháp phân tích diễn ngôn: Thông qua việc phân tích các bài phát biểu, các tuyên bố, thông cáo của Thủ tướng Hun Sen, Thủ tướng Hun Manet, Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác quốc tế Campuchia, các chính trị gia và của Chính phủ Campuchia để tác giả làm rõ nội dung chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024).

Phương pháp tổng hợp được tác giả sử dụng để thu thập thông tin, dữ liệu từ các nguồn tài liệu khác nhau, từ đó xử lý và phân tích để làm rõ các luận điểm nghiên cứu và cung cấp các minh chứng cho những nhận định của tác giả.

Phương pháp so sánh được tác giả sử dụng để đánh giá và so sánh quá trình thực hiện và điều chỉnh chính sách của Campuchia trong quan hệ với Mỹ qua các nhiệm kỳ khác nhau của lãnh đạo hai nước.

Phương pháp phân tích SWOT được tác giả sử dụng để đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong xu thế chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, từ đó là cơ sở để tác giả dự báo chính sách của Campuchia với Mỹ trong tương lai.

Phương pháp dự báo được tác giả sử dụng để đưa ra dự báo xu hướng trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong giai đoạn tới.

## **5. Đóng góp mới của luận án**

Luận án là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam về chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế. Vì vậy, luận án có những đóng góp mới cả về khoa học, thực tiễn và tư liệu.

Về khoa học, trên cơ sở nghiên cứu những văn bản chính thức của Chính phủ Campuchia và các nguồn tài liệu khác, luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống về chính sách đối ngoại của một nước nhỏ với một nước lớn góp phần chỉ ra được sự bất đối xứng trong quan hệ quốc tế. Luận án cũng chỉ ra được cơ sở hình thành, nội dung, quá trình triển khai, những kết quả đạt được và những trở ngại đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ; từ đó phân tích sự vận động và điều chỉnh chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 so với các giai đoạn trước đó. Đặc biệt, về mặt lý luận, luận án đóng góp thêm cơ sở lý luận cho việc vận dụng thuyết bất đối xứng (*Asymmetry theory*), lý thuyết “*phòng bị nước đôi*”, “*cân bằng*”, “*phù thịnh*”... trong quan hệ quốc tế để phân tích chính sách đối ngoại nước nhỏ - nước lớn.

Về thực tiễn, luận án phân tích, đánh giá tác động chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) tới Campuchia, chiến lược khu vực của Mỹ, quan hệ giữa Campuchia với Trung Quốc, quan hệ giữa các nước ASEAN, Việt Nam và

đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam. Nghiên cứu cũng góp phần làm rõ động lực, lợi ích và hạn chế trong quan hệ song phương, từ đó cung cấp cơ sở cho việc dự báo xu hướng hợp tác - cạnh tranh trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu có thể hỗ trợ cho các nhà hoạch định chính sách, giới nghiên cứu và ngoại giao trong việc đề xuất giải pháp tăng cường hợp tác kinh tế - an ninh, xử lý thách thức về dân chủ - nhân quyền, đồng thời giúp Việt Nam và các nước ASEAN hiểu rõ hơn cách Campuchia cân bằng quan hệ với Mỹ trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung ngày càng gay gắt.

*Về tư liệu*, qua việc hệ thống hóa các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước, cũng như kết quả nghiên cứu, luận án sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các học giả, nghiên cứu viên, sinh viên ngành quan hệ quốc tế hoặc cho những ai quan tâm đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ và quan hệ Campuchia - Mỹ.

## **6. Nguồn tài liệu tham khảo**

Luận án sử dụng hai nhóm nguồn tài liệu chính. Nguồn sơ cấp bao gồm các văn bản chính thức do Chính phủ và Bộ Ngoại giao Campuchia ban hành như Hiến pháp, cương lĩnh chính trị và một số tài liệu chính sách, được khai thác qua các bản dịch tiếng Anh đã được công bố công khai, cùng với một số báo cáo liên quan đến Campuchia của Chính phủ Mỹ. Nguồn thứ cấp gồm các công trình nghiên cứu học thuật đăng tải trên các tạp chí quốc tế uy tín, các bài viết từ báo chí đáng tin cậy ở Campuchia, Việt Nam và quốc tế, cũng như các báo cáo và ấn phẩm của các viện nghiên cứu chính sách như Konrad-Adenauer-Stiftung, ISEAS - Yusof Ishak Institute và Center for Strategic and International Studies...

## **7. Bố cục của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương với những nội dung chính sau:

### **Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Trong Chương này, tác giả hệ thống hóa lại nguồn tư liệu (tiếng Việt, tiếng Anh) liên quan đến các lý thuyết về quan hệ bất đối xứng, quan hệ nước nhỏ - nước lớn; chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ và quan hệ Campuchia - Mỹ. Từ đó, rút ra những nhận xét và khoảng trống trong nghiên cứu chính sách đối ngoại Campuchia với Mỹ.

**Chương 2:** Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)

Chương này tác giả tập trung vào phân tích cơ sở lý luận và các nhân tố (cấp độ hệ thống quốc tế, cấp độ quốc gia và cấp độ ra quyết định) tác động đến sự hình thành chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024).

**Chương 3:** Nội dung, phương thức và thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)

Nội dung Chương 3 tập trung phân tích nội dung (mục tiêu, nguyên tắc, phương châm, phương hướng), phương thức Campuchia triển khai chính sách đối ngoại, thực tiễn triển khai chính sách trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác trong giai đoạn (2009 - 2024).

**Chương 4:** Đánh giá về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) và hàm ý chính sách cho Việt Nam

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở trên, trong Chương này, tác giả sẽ: rút ra một số nhận xét về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024); chỉ ra những kết quả đạt được và những trở ngại trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024); dự báo xu thế diễn biến trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đến năm 2028. Đồng thời, tác giả cũng phân tích, đánh giá tác động của chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) tới Campuchia, chiến lược khu vực của Mỹ, quan hệ Campuchia - Trung Quốc, mối quan hệ giữa các nước ASEAN, Việt Nam và đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

## Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

### 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

#### 1.1.1. Một số công trình nghiên cứu về lý thuyết liên quan đến chính sách đối ngoại của nước nhỏ

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, chủ đề về “nước nhỏ” (small states) đã thu hút sự quan tâm đáng kể của giới học giả từ nửa sau thế kỷ XX đến nay. Xuất phát từ bối cảnh hệ thống quốc tế phân tầng rõ rệt sau Chiến tranh thế giới thứ hai, có nhiều công trình kinh điển đã đặt nền móng cho việc nhận diện và định nghĩa nước nhỏ không chỉ qua các tiêu chí vật chất như lãnh thổ, dân số, năng lực quân sự, mà còn thông qua vị thế, khả năng hành động và mức độ ảnh hưởng trong cấu trúc quyền lực quốc tế. Từ cách tiếp cận này, dòng nghiên cứu về nước nhỏ ngày càng mở rộng, phản ánh sự đa dạng trong quan niệm: từ việc coi nước nhỏ là thực thể dễ bị tổn thương và phụ thuộc vào các cường quốc, cho đến việc nhấn mạnh khả năng linh hoạt, khôn khéo và vai trò tích cực của chúng trong ngoại giao đa phương, tổ chức quốc tế và hợp tác khu vực. Dưới đây là một số các công trình nghiên cứu tiêu biểu:

#### *- Nhóm các công trình về khái niệm, đặc điểm và vai trò của nước nhỏ trong hệ thống quốc tế:*

Kuznets (1960) với bài viết “Economic Growth of Small Nations” trong cuốn sách Economic Consequences of the Size of Nations (tạm dịch: Tăng trưởng kinh tế của các nước nhỏ). Trong nghiên cứu này, Kuznets cho rằng một nước nhỏ có dân số từ 5 đến 15 triệu. Từ quy mô dân số nhỏ, các quốc gia không đủ năng lực nội địa để tạo ra nền kinh tế đa dạng và hiệu quả theo quy mô mà buộc phải dựa vào hội nhập kinh tế quốc tế.

“The small states in international politics and organization” (tạm dịch: Các nước nhỏ trong chính trị và tổ chức quốc tế) của Vandebosch (1964). Theo tác giả, nước nhỏ là những nước không có khả năng áp đặt lợi ích quốc gia của mình thông qua các phương tiện chính trị hoặc quân sự độc lập, đặc biệt trong mối quan hệ bất đối xứng với các cường quốc. Một quốc gia được xem là “nhỏ” không chỉ dựa trên quy mô lãnh thổ, dân số hay kinh tế, mà còn dựa trên vị thế yếu hơn trong các mối

quan hệ quốc tế. Vandebosch lưu ý rằng một quốc gia có thể là “nhỏ” so với một quốc gia lớn hơn, nhưng lại là “lớn” so với một quốc gia nhỏ hơn (tác giả minh họa bằng ví dụ: Bỉ nhỏ so với Pháp, nhưng lại “lớn” so với Luxembourg). Tác giả cho rằng các nước nhỏ thường không thể cạnh tranh trực tiếp với các cường quốc trong chiến tranh hoặc các hoạt động áp đặt quyền lực. Thay vào đó, họ phải dựa vào các chiến lược ngoại giao, liên minh hoặc các tổ chức quốc tế để bảo vệ lợi ích của mình.

David Vital (1967) với ấn phẩm “The Inequality of States: A Study of the Small Power in International Relations” (tạm dịch: Sự bất bình đẳng giữa các quốc gia: Nghiên cứu về nước nhỏ trong quan hệ quốc tế). Đây là công trình đầu tiên đo lường và xác định “nước nhỏ” theo tiêu chí số lượng - vật chất. Tác giả cho rằng nước nhỏ thường có dân số dưới khoảng 10 - 15 triệu, nguồn lực hạn chế, khó duy trì sức mạnh quân sự độc lập và năng lực tự chủ về chính sách đối ngoại. Do dễ bị tổn thương, nước nhỏ thường phải chọn liên minh hoặc trung lập.

Robert L. Rothstein (1968) với cuốn sách chuyên khảo “Alliances and Small Powers” (tạm dịch: Liên minh và các nước nhỏ). Trong ấn phẩm này, tác giả đưa ra khái niệm nước nhỏ dựa trên mối quan hệ và năng lực chứ không dựa đơn thuần vào dân số, diện tích hay GDP. Theo ông, nước nhỏ là nước không thể tự mình đảm bảo an ninh và sự tồn tại của mình trước một cường quốc. Đồng thời, tác giả cũng phân tích động cơ gia nhập liên minh, thế lưỡng nan của nước nhỏ, bàn về triển vọng và hạn chế lâu dài của liên minh đối với nước nhỏ. Đây cũng là một trong những công trình mang tính tiên đề về cách nhìn đối với nước nhỏ ngoài phạm vi yếu tố vật chất.

Tiếp nối công trình của Rothstein (1968), Liska.G (1968) với ấn phẩm “Alliances and the Third World” (tạm dịch: Liên minh và thế giới thứ ba). Liska tiếp tục tư duy về liên minh (alliances), nhưng ông tập trung vào mối quan hệ giữa cường quốc và các nước nhỏ, yếu ở thế giới thứ ba. Theo tác giả, liên minh bất cân xứng giữa siêu cường (Mỹ, Liên Xô) và nước nhỏ thuộc thế giới thứ ba có tính chất bảo trợ - phụ thuộc. Với siêu cường: mục tiêu là chiến lược toàn cầu, mở rộng ảnh hưởng, kiểm soát địa chính trị. Với nước nhỏ: mục tiêu là an ninh và phát triển, tìm nguồn viện trợ, bảo vệ chế độ chính trị. Đây là một quan hệ trao đổi nhưng đầy mâu thuẫn: Cường quốc muốn sự trung thành, tuân thủ. Nước nhỏ muốn viện trợ nhưng lại tìm cách giữ khoảng tự chủ tối thiểu. Liska chỉ ra rằng

các nước nhỏ thế giới thứ ba không chỉ là đối tượng bị động, mà còn biết tận dụng cạnh tranh giữa các cường quốc để nhận viện trợ hoặc nhượng bộ. Tuy nhiên, mức độ tự chủ của họ bị hạn chế đáng kể.

Robert O. Keohane (1969) với nghiên cứu “Lilliputians’ Dilemmas: Small States in International Politics” (tạm dịch: Những thế lưỡng nan của các nước nhỏ trong chính trị quốc tế). Bài viết chuyển trọng tâm nghiên cứu từ chỉ số vật chất sang quan hệ và vai trò của quốc gia trong cấu trúc hệ thống. Keohane cho rằng nước nhỏ không chỉ nhỏ về diện tích, dân số, GDP mà còn được hiểu qua vai trò của nó trong hệ thống quốc tế. Theo ông, nước nhỏ là những nước khó có thể ảnh hưởng tới hệ thống quốc tế một cách đơn lẻ. Họ phải tìm kiếm sự đảm bảo từ bên ngoài (liên minh, bảo trợ). Đồng thời tác giả cũng đưa ra những thế lưỡng nan mà nước nhỏ thường gặp như: tự chủ và ảnh hưởng; trung lập và liên minh; hành động đơn lẻ và hành động tập thể...

David Vital (1971) bổ sung thêm ấn phẩm “The Survival of Small States: Studies in Small Power/Great Power Conflict” (tạm dịch: Sự tồn tại của các nước nhỏ: Nghiên cứu về xung đột giữa nước nhỏ và nước lớn). Nếu như trong ấn phẩm năm 1967 ông xem các nước nhỏ là những nước dưới 10 - 15 triệu dân, thì đến 1971 ông mở rộng thành dưới 30 triệu dân. Đặc điểm chính của các nước nhỏ là tính dễ tổn thương. Do nước nhỏ có nguồn lực hạn chế, không đủ để duy trì sức mạnh quân sự độc lập vì vậy họ đặc biệt dễ bị tổn thương trước sức ép từ siêu cường hay những biến động chiến lược toàn cầu. Để sinh tồn, Vital cho rằng các quốc gia nhỏ có ba chiến lược chính: Liên minh với siêu cường để có bảo đảm an ninh, đổi lại mất một phần tự chủ; Trung lập hoặc không liên kết - giữ khoảng cách để tránh bị lôi kéo, nhưng cũng dễ rơi vào thế bị cô lập; Dựa vào thể chế quốc tế - tận dụng LHQ và luật pháp quốc tế.

Bài viết “Size and Foreign Policy behavior: A Test of Two Models” (tạm dịch: Quy mô và hành vi chính sách đối ngoại: Kiểm định hai mô hình) của East, M.A. (1973). Trong bài viết này, tác giả không định nghĩa nước nhỏ theo ngưỡng cụ thể mà East xem nước nhỏ như một tập hợp các quốc gia ở nhóm quy mô nhỏ (diện tích nhỏ, dân số ít, GDP thấp, năng lực quân sự hạn chế). Ông đưa ra hai mô hình:

Mô hình truyền thống (Conventional Model) và Mô hình thay thế (Alternative Model) cùng với các giả định tương ứng về hành vi đối ngoại của nước nhỏ. Tác giả sử dụng bộ dữ liệu của CREON Project để kiểm chứng hai mô hình trên và đưa ra kết luận rằng: i) Không có một định nghĩa tuyệt đối về nước nhỏ. Quy mô (size) phải được hiểu cả theo khía cạnh định lượng (dân số, GDP, lãnh thổ, quân sự) và khả năng hành động độc lập, vai trò trong hệ thống của quốc gia đó; ii) hành vi chính sách đối ngoại của nước nhỏ không phải lúc nào cũng thận trọng và ít rủi ro như Mô hình truyền thống giả định; ngược lại, do hạn chế nội tại, họ có thể hành động rủi ro hơn, cam kết cao hơn và thường xuyên dựa vào hành động tập thể.

Tiếp cận khái niệm nước nhỏ theo hướng vai trò trong hệ thống quốc tế còn có cuốn sách “Small States in World Politics: Explaining Foreign Policy Behavior” (tạm dịch: Nước nhỏ trong chính trị thế giới: Giải thích hành vi chính sách đối ngoại) do Hey (2003) chủ biên bao gồm 10 chương. Hey mở đầu bằng việc tổng quan các định nghĩa về nước nhỏ (Vital, Rothstein, Keohane...). Tác giả cho rằng thay vì tranh cãi “bao nhiêu dân thì là nhỏ”, cần tập trung vào vai trò và hành vi chính sách đối ngoại. Theo đó, đặc điểm cốt lõi của nước nhỏ là thường có nguồn lực hạn chế, nhưng có thể tối ưu hóa ảnh hưởng qua chiến lược thích nghi và thể chế quốc tế. Cuốn sách cũng dành 9 chương nghiên cứu trường hợp các nước nhỏ tại nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Các tác giả cho rằng yếu tố quyết định chính sách đối ngoại nước nhỏ bao gồm: hệ thống quốc tế, thể chế quốc tế và khu vực, yếu tố trong nước, lựa chọn chiến lược. Nước nhỏ không phải lúc nào cũng là “nạn nhân” trong quan hệ quốc tế mà họ có thể chủ động và sáng tạo bằng việc tham gia các tổ chức quốc tế, ngoại giao chuyên biệt và khai khác luật pháp quốc tế để bảo vệ lợi ích của mình.

Baldur Thorhallsson (2006) với bài viết “The Size of States in the European Union: Theoretical and Conceptual Perspectives” (tạm dịch: Quy mô của các quốc gia trong Liên minh châu Âu: Các góc nhìn lý thuyết và khái niệm). Trong công trình này, Thorhallsson lập luận rằng “size” không thể đo bằng một biến duy nhất. Ông chia ra nhiều khía cạnh: Dân số - ảnh hưởng đến sức nặng bỏ phiếu, thị trường, tiềm năng quân sự; Diện tích lãnh thổ - gắn với nguồn tài nguyên, tầm quan trọng địa - chiến lược; Năng lực kinh tế - GDP tuyệt đối và bình quân đầu người; Năng

lực hành chính & ngoại giao - số lượng & chất lượng công chức, cơ quan chính sách, cán bộ ngoại giao; khả năng đáp ứng được khối lượng công việc; Năng lực quân sự & tài chính - đóng góp cho phòng thủ, tham gia chiến dịch... Từ góc nhìn trên, Thorhallsson tham chiếu các nước nhỏ trong EU trong việc tham gia các hoạt động của EU cũng như các chiến lược của các nước nhỏ nhằm tối ưu hóa lợi ích.

Bài viết "Vai trò của các nước vừa và nhỏ trong quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương" của Lê Linh Lan (2012). Tác giả khẳng định rằng, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, các nước vừa và nhỏ ở châu Á - Thái Bình Dương không chỉ là những "khán giả thụ động" mà đã trở thành những "diễn viên" quan trọng, đóng góp tích cực vào việc định hình trật tự khu vực thông qua các sáng kiến và vai trò trung gian trong các diễn đàn đa phương.

**- Nhóm các công trình về chính sách đối ngoại của nước nhỏ:**

Có thể nói, nghiên cứu chính sách đối ngoại của các nước nhỏ là một chủ đề được nhiều học giả quan tâm. Điển hình là một số công trình sau:

Cuốn sách "The Power of Small States: Diplomacy in World War II" (tạm dịch: Sức mạnh của các nước nhỏ: Ngoại giao trong Thế chiến II) của Annette Baker Fox (1959). Đây là công trình nghiên cứu vai trò của nước nhỏ trong bối cảnh một cuộc chiến toàn cầu. Vấn đề mà tác giả đưa ra bàn luận là: trong một hệ thống quốc tế bị chi phối bởi các cường quốc, liệu các quốc gia nhỏ có bất kỳ ảnh hưởng nào không? Nếu có, họ sử dụng công cụ nào để duy trì chủ quyền và ảnh hưởng? Tác giả tập trung nghiên cứu trường hợp của một số nước châu Âu trong Thế chiến II: Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ. Theo tác giả, công cụ quyền lực của các nước nhỏ bao gồm: Địa lý và vị trí chiến lược; chính sách ngoại giao khéo léo; khai thác nhu cầu của cường quốc để có thể "mặc cả" nhằm bảo toàn lợi ích của mình. Nước nhỏ không phải lúc nào cũng yếu và bị động. Các nước nhỏ có thể dùng các chiến lược ngoại giao như: Trung lập tích cực; nhượng bộ có tính toán; liên minh với cường quốc; tận dụng vị trí chiến lược; ngoại giao thương mại & luật pháp quốc tế. Mặc dù vậy, không phải chính sách nào cũng thành công nhưng ngoại giao khéo léo có thể giúp nước nhỏ sống sót, ngay cả trong một hệ thống bị chi phối bởi đại cường.

Bài viết “Bandwagoning, Balancing, and Small States: A Case of Sri Lanka” (tạm dịch: Phù thịnh, Cân bằng và các nước nhỏ: Trường hợp của Sri Lanka) của tác giả Sandya Nishanthi Gunasekara (2015). Nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của nước nhỏ trong quan hệ quốc tế và hai phương thức ngoại giao phổ biến của các nước nhỏ là “phù thịnh” và “cân bằng”. Thông qua trường hợp điển hình của Sri Lanka, tác giả cho rằng nước nhỏ như đã ứng dụng chính sách "phù thịnh" thông qua việc liên minh với nước Anh để bảo vệ lợi ích của mình, đồng thời lại chuyển sang "cân bằng" khi tham gia Phong trào Không liên kết nhằm tránh bị cuốn vào các tranh chấp quyền lực lớn và giúp Sri Lanka đạt được những lợi ích cụ thể và bảo đảm lợi ích quốc gia.

Bài viết “Small state diplomacy” (tạm dịch: Chính sách đối ngoại của nước nhỏ) của hai tác giả Thorhallsson và Bailes (2016) đã cung cấp nền tảng về ngoại giao của nước nhỏ. Các tác giả đã xác định các yếu tố như: quy mô dân số, lãnh thổ, sức mạnh kinh tế hạn chế, mức độ tham gia vào các vấn đề toàn cầu và nhận thức tự thân của các quốc gia đó là các tiêu chí để nhận diện nước nhỏ. Bài viết nghiên cứu chính sách đối ngoại của các nước nhỏ dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế chính như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo...

Tiếp nối cách tiếp cận này, trong bài viết “Diplomacy of small states in the international political system” (tạm dịch: Chính sách đối ngoại của quốc gia nhỏ trong hệ thống chính trị thế giới), Mushelenga và Van Wyk (2017) đã nhấn mạnh rằng đặc điểm dễ tổn thương đã thúc đẩy các nước nhỏ ưu tiên an ninh quốc gia và tham gia các tổ chức đa phương nhằm tìm kiếm sự bảo vệ và hợp tác. Về tổng thể, nước nhỏ thường dễ bị tổn thương và đều mong muốn được đảm bảo an ninh quốc gia. Xu hướng chính trong chính sách đối ngoại của nước nhỏ là tham gia các tổ chức đa phương, ngoại giao liên kết (các nước nhỏ cùng liên kết lại với nhau nói lên tiếng nói về các vấn đề lợi ích chung) và quan hệ, hợp tác kinh tế với các cường quốc lớn hoặc cường quốc tầm trung. Tuy nhiên, theo các tác giả: khi hợp tác kinh tế với các nước lớn, các nước nhỏ có thể bị hạn chế trong xây dựng chính sách đối ngoại; khi các nước lớn gia tăng ảnh hưởng sẽ tác động đến các nước nhỏ, thậm chí cả về an ninh quốc gia.

Trong khi Gunasekara phân tích "phù thịnh" và "cân bằng", Koga (2017) mở rộng khái niệm "phòng bị nước đôi" trong bài viết "The Concept of "Hedging" Revisited: The Case of Japan's Foreign Policy Strategy in East Asia's Power Shift" (tạm dịch: Khái niệm 'Phòng bị nước đôi' được xem xét lại: Trường hợp chiến lược chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong bối cảnh chuyển dịch quyền lực ở Đông Á). Theo tác giả, "phòng bị nước đôi" là một chiến lược nằm giữa "cân bằng" và "phù thịnh". Bài viết lập luận rằng khái niệm này nên được đặt trong bối cảnh "cân bằng - phù thịnh" của lý thuyết "cân bằng quyền lực". Cụ thể, "phòng bị nước đôi" giúp các nước nhỏ duy trì quan hệ ổn định với các cường quốc, tận dụng lợi ích từ các mối quan hệ này mà không hoàn toàn nghiêng về một bên. Nó được xem như một lựa chọn chiến lược thứ ba dành cho các nước nhỏ trong quan hệ quốc tế. Tác giả cho rằng mức độ phân cực của hệ thống quốc tế (đơn cực, lưỡng cực hay đa cực) đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định khả năng xuất hiện hành vi "phòng bị nước đôi". Tuy nhiên, trong các giai đoạn chuyển giao quyền lực, sự không chắc chắn về mặt chiến lược sẽ gia tăng. Đặc biệt, các quốc gia tầm trung buộc phải cân nhắc kỹ lưỡng rủi ro của ba chiến lược "cân bằng", "phù thịnh" và "phòng bị nước đôi" để lựa chọn phương án tối ưu nhất. Tác giả nhấn mạnh rằng, khi phân tích hành vi đối ngoại của các quốc gia, yếu tố quan trọng nhất cần xem xét là năng lực kinh tế và quân sự. Nếu các yếu tố này không đủ mạnh để xác định rõ ràng hành vi "cân bằng", "phù thịnh" hoặc "phòng bị nước đôi", thì các yếu tố ngoại giao cũng cần được cân nhắc, dù chúng có vai trò yếu hơn. Bài viết đã vận dụng khung phân tích về chiến lược "phòng bị nước đôi" để lý giải chính sách ngoại giao của Nhật Bản trong việc duy trì quan hệ với Mỹ, đồng thời thích ứng với sự trỗi dậy của Trung Quốc nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia trong bối cảnh chuyển dịch quyền lực ở Đông Á. Nhìn chung, việc đặt "phòng bị nước đôi" trong phổ "cân bằng - phù thịnh" đã mang đến một cách tiếp cận hệ thống và toàn diện hơn so với lý thuyết cân bằng quyền lực truyền thống. Công trình này có giá trị lý thuyết quan trọng đối với tác giả luận án, giúp cung cấp một khung phân tích hữu ích để nghiên cứu sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy và sự dịch chuyển quyền lực trong khu vực.

Tác giả Nguyễn Việt Thảo và Ngô Chí Nguyễn (2018) có bài viết “Quan hệ nước nhỏ - nước lớn”. Bài viết khẳng định quan hệ nước nhỏ - nước lớn là quan hệ bất cân xứng. Tác giả nhấn mạnh rằng sự bất cân xứng về sức mạnh dẫn đến sự kiểm soát của các nước lớn và làm suy yếu quyền tự chủ của nước nhỏ trong quan hệ song phương. Tuy nhiên, bằng cách kết hợp các chính sách khác nhau, các nước nhỏ có thể tạo nên ảnh hưởng và đảm bảo lợi ích quốc gia mà không cần phải phụ thuộc hoàn toàn vào bất kỳ một bên nào. Hay nói cách khác, dù bị hạn chế về nguồn lực, các nước nhỏ vẫn có thể linh hoạt và sáng tạo trong chính sách đối ngoại để đối phó với những thách thức từ các quốc gia lớn. Trong xử lý quan hệ với các nước lớn, các nước nhỏ thường theo đuổi những chính sách như: phù thịnh, cân bằng và phòng bị nước đôi. Bài viết cũng đưa ra nghiên cứu trường hợp của Việt Nam trong quan hệ với nước lớn với những chính sách ngoại giao linh hoạt, mềm dẻo.

Bài viết “External behavior of small states in light of theories of international relations” (tạm dịch: Hành vi đối ngoại của các nước nhỏ dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế) của Galal (2019). Tác giả cho rằng nước nhỏ không có những yếu tố sức mạnh về vật chất thì có thể dựa vào những yếu tố bên trong như vai trò lãnh đạo chính trị, biến số nhận thức và quyền lực phi vật chất để thực hiện hiệu quả vai trò của mình. Mặc dù, có sự tương đồng về đặc điểm và tiêu chuẩn nhưng chính sách đối ngoại của nước nhỏ cũng có sự khác nhau phụ thuộc vào mục tiêu của mỗi nước. Chẳng hạn, một số nước nhỏ lựa chọn cách giữ hòa bình với các cường quốc, một số khác lại tìm cách tạo dấu ấn của mình trên trường quốc tế, hoặc có nước nhỏ khác lại sử dụng quyền lực mềm và nguyên tắc gắn kết xã hội như một sức mạnh phòng thủ để đối mặt với những áp lực nội tại. Về bản chất, sự khác biệt về công cụ và mục tiêu của các nước nhỏ đã dẫn đến sự khác biệt trong chính sách đối ngoại. Tác giả cho rằng nghiên cứu sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của các nước nhỏ sẽ giúp khắc phục được những hạn chế về mặt lý thuyết của các lý thuyết quan hệ quốc tế (coi quốc gia nhỏ là một gói) do đó sẽ không giải thích được những đặc điểm quan trọng và riêng biệt của mỗi nước nhỏ.

Ở một công trình khác “The small state in international relations” (tạm dịch: Nước nhỏ trong quan hệ quốc tế) của Baldur Thorhallsson (2019) và các cộng sự

trong cuốn “Small states and Shelter theory”, nhóm tác giả cho rằng các lý thuyết truyền thống như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo có những lý giải chưa đủ bao quát về hành vi của các nước nhỏ trong hệ thống quốc tế. Nhóm tác giả đã đưa “lý thuyết trú ẩn” (shelter theory) để luận giải chính sách đối ngoại của nước nhỏ. Theo đó, các nước nhỏ không chỉ quan tâm đến vấn đề an ninh quốc gia mà họ còn cần hợp tác với các nước lớn để phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa vì sự thịnh vượng của đất nước. Do tính dễ tổn thương, khả năng hành động của các nước nhỏ bị hạn chế nghiêm trọng và chịu tác động bởi cả yếu tố trong nước và bên ngoài. Những bất lợi về nguồn lực và nhu cầu để phát triển đất nước là tương đối ổn định vì vậy các nước nhỏ luôn phải tìm kiếm đến hành vi “trú ẩn”. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chi phí cho việc “trú ẩn” đôi khi trở nên quá đắt bởi nó có thể bao gồm sự xâm nhập sâu của nước lớn vào nước nhỏ kèm theo những tác động chuyển hóa đối với nước nhỏ và xã hội của nó. Do đó, mối quan hệ giữa nước nhỏ và nước lớn không chỉ giới hạn trong hệ thống quốc tế mà mối quan hệ này còn có thể gây ra những hậu quả đáng kể trong nước đối với sự phát triển chính trị, kinh tế và xã hội ở nước nhỏ.

Ciorciari và Haacke (2019) tiếp tục mở rộng lý thuyết "phòng bị nước đôi" khi nghiên cứu cách các nước nhỏ ở Đông Nam Á áp dụng chiến lược này để duy trì lợi ích an ninh trong bối cảnh Trung Quốc trở dậy ngày càng mạnh mẽ. Thông qua bài viết “Hedging in international relations: an introduction” (tạm dịch: Giới thiệu về phòng bị nước đôi trong quan hệ quốc tế), tác giả chỉ ra rằng các quốc gia như Việt Nam, Philippines hay Singapore đều phải đối mặt với sự đe dọa từ một Trung Quốc ngày càng trở nên mạnh mẽ về cả quân sự và kinh tế. Ciorciari và Haacke nhận định rằng việc duy trì quan hệ với cả Trung Quốc và các cường quốc khác, đặc biệt là Mỹ, không chỉ giúp các nước nhỏ này bảo vệ an ninh của mình mà còn duy trì quyền lợi kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực quốc tế. Nghiên cứu của họ nhấn mạnh sự quan trọng của chiến lược "phòng bị nước đôi" trong việc giảm thiểu tác động của việc phụ thuộc vào một cường quốc duy nhất, đồng thời gia tăng khả năng đàm phán và chiến lược của các nước nhỏ trong các tổ chức và diễn đàn đa phương.

Bài viết “Shrinking room for hedging: system - unit dynamics and behavior of smaller powers” (tạm dịch: Thu hẹp không gian cho phòng bị nước đôi: Động lực hệ thống - đơn vị và hành vi của các cường quốc nhỏ) của Korolev (2019) chỉ ra rằng: mặc dù "phòng bị nước đôi" có thể là một chiến lược hiệu quả nhưng không phải lúc nào nó cũng dễ dàng thực hiện khi các cường quốc gia tăng sự cạnh tranh quyền lực. Khi các nước lớn như Mỹ và Trung Quốc tăng cường cạnh tranh, các nước nhỏ sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì sự cân bằng này, đặc biệt trong các khu vực tranh chấp như Biển Đông. Ví dụ, Việt Nam và Philippines, mặc dù có thể áp dụng chiến lược "phòng bị nước đôi" trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, nhưng khi các nước lớn gia tăng ảnh hưởng trong khu vực, họ cũng phải đối mặt với những quyết định khó khăn trong việc duy trì sự trung lập và không bị cuốn vào các xung đột quyền lực. Korolev cho rằng các nước nhỏ không chỉ phải đối mặt với sự thay đổi của các yếu tố vật chất như quân sự và kinh tế mà còn phải linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách ngoại giao sao cho phù hợp với những biến động của môi trường quốc tế. Đồng thời, “phòng bị nước đôi” giới hạn (limited hedging) được xem xét như một “đặc quyền” ngược với mức độ cân bằng của quốc gia trong hệ thống quốc tế.

Cuốn sách “Sự bất cân xứng về sức mạnh và các mối quan hệ quốc tế” của Brantly Womack (2020) đã luận giải những kiến thức liên quan đến Lý thuyết bất cân xứng về sức mạnh. Cuốn sách tập trung giải thích và làm sáng tỏ các đặc điểm và nhân tố chi phối các mối quan hệ bất cân xứng về sức mạnh giữa các quốc gia (quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ về sức mạnh). Theo tác giả, ở cấp độ song phương, quan hệ giữa một nước nhỏ và một nước lớn chỉ có thể bình thường nếu như nước nhỏ không cảm thấy bị đe dọa bởi nước lớn và nước lớn thấy sức mạnh của mình được nước nhỏ tôn trọng. Tác giả cũng đề cập đến bất cân xứng ở cấp độ đa phương và cấp độ toàn cầu. Phần cuối của cuốn sách tác giả cũng đưa ra các giải pháp cho vấn đề bất đối xứng. Có thể khẳng định rằng, đây là công trình rất hữu ích vì mối quan hệ giữa Campuchia - Mỹ là mối quan hệ bất đối xứng (nước nhỏ - nước lớn). Dựa trên khung lý thuyết này, luận án sẽ đánh giá được toàn diện mối quan hệ bất đối xứng giữa hai quốc gia, từ đó sẽ đề xuất giải pháp nhằm cải thiện và phát triển quan hệ giữa hai nhóm chủ thể này.

Sự bổ sung của các công trình nghiên cứu này cho thấy rằng các chiến lược như "phòng bị nước đôi", "phù thịnh" và "cân bằng" không phải là những lựa chọn đơn lẻ mà thường được áp dụng kết hợp trong bối cảnh thực tế của các nước nhỏ. Các nước này, tuy nhỏ bé về diện tích và dân số, nhưng lại có khả năng vận dụng chiến lược ngoại giao một cách linh hoạt và sáng tạo để duy trì sự tồn tại và phát triển trong một hệ thống quốc tế đầy cạnh tranh và biến động. Những nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng các lý thuyết truyền thống về quan hệ quốc tế như Chủ nghĩa Hiện thực hay Chủ nghĩa Lý tưởng, không thể hoàn toàn giải thích hết được sự thay đổi và điều chỉnh chiến lược ngoại giao của các nước nhỏ. Chính vì vậy, các học giả như Martin Jones và Nicole Jenne (2022) đề xuất việc áp dụng Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển để phân tích chiến lược ngoại giao của các nước nhỏ, đặc biệt là khi họ điều hướng mối quan hệ với các cường quốc qua bài viết "Hedging and grand strategy in Southeast Asian foreign policy" (tạm dịch: Phòng bị nước đôi và chiến lược tổng thể trong chính sách đối ngoại của Đông Nam Á). Điều này thể hiện qua việc các quốc gia Đông Nam Á, chẳng hạn như Singapore, đã khéo léo duy trì sự cân bằng giữa hợp tác kinh tế với Trung Quốc và hợp tác an ninh với Mỹ nhằm duy trì sự độc lập và chủ quyền trong một thế giới ngày càng bị chi phối bởi các cường quốc.

Gần đây nhất, Wang Yuzhu (2022) với ấn phẩm "Hedging Strategy: Concept, Behavior, and Implications for China - ASEAN Relations" (tạm dịch: Chiến lược phòng bị nước đôi: Khái niệm, hành vi và tác động đối với quan hệ Trung Quốc - ASEAN). Tác giả đã chỉ ra rằng "phòng bị nước đôi" cho phép các quốc gia ASEAN đa dạng hóa chính sách đối ngoại. Theo tác giả, các quốc gia ở ASEAN không muốn bị "chăm sóc quá mức" từ một cường quốc duy nhất và do đó họ tìm cách đa dạng hóa các quan hệ đối tác chiến lược của mình để không bị phụ thuộc hoàn toàn vào bất kỳ một quốc gia nào. Đặc biệt, trong môi trường quan hệ ASEAN - Trung Quốc, các quốc gia ASEAN không chỉ hợp tác với Trung Quốc về kinh tế mà còn cố gắng giữ vững quan hệ an ninh với Mỹ, điều này cho thấy họ đang áp dụng "phòng bị nước đôi" một cách hiệu quả. Sự kết hợp giữa "phòng bị nước đôi", "cân bằng" và "phù thịnh" cho phép các nước nhỏ ở Đông Nam Á và các khu vực khác không chỉ duy trì an ninh và ổn định mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững trong

một thế giới toàn cầu hóa và đầy rẫy những biến động quyền lực. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra rằng nếu quan hệ kinh tế giữa nước lớn - nước nhỏ được thúc đẩy vì lợi ích của các nước nhỏ thì mối quan hệ đó sẽ phát triển khá thuận lợi nhưng nếu vì mục đích chính trị của nước lớn thì sự hợp tác cũng trở nên khó khăn hơn. Cách tiếp cận của nghiên cứu này có thể tham khảo để luận giải mối quan hệ Campuchia với Mỹ trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung hiện nay.

### ***1.1.2. Một số công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia và chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ***

#### ***- Nhóm công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia:***

Những năm gần đây, nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu không chỉ phân tích sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Campuchia qua các thời kỳ lịch sử mà còn phân tích mối quan hệ của Campuchia với các nước. Dưới đây là một số công trình nghiên cứu tiêu biểu:

Luận án Tiến sĩ “Chính sách đối ngoại của Campuchia giai đoạn 1953 - 1970” của Nguyễn Thành Văn (2012) đã tập trung nghiên cứu chính sách đối ngoại trung lập của Campuchia dưới thời Norodom Sihanouk. Luận án bao gồm ba chương: Chương 1 nói về bối cảnh khu vực, quốc tế và tình hình Campuchia trước và trong thời gian Campuchia thực hiện chính sách đối ngoại trung lập. Xuất phát từ việc nghiên cứu bối cảnh, tác giả đã đưa ra những luận giải vì sao Campuchia lựa chọn chính sách đối ngoại trung lập. Chương 2 nói về sự hình thành, nội dung và quá trình triển khai chính sách đối ngoại trung lập, trong đó có đề cập đến quan hệ của Campuchia với một số nước. Chương 3 tập trung vào đánh giá về chính sách đối ngoại với các nội dung như đặc điểm, thành công, hạn chế và tác động của chính sách.

Tác giả Both Sreng (2017) với bài viết “Chính sách đối ngoại của Campuchia nhằm củng cố độc lập dân tộc giai đoạn 1993 - 2003”. Bài viết đã phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia và hệ thống hóa những kết quả đạt được trên các lĩnh vực từ việc điều chỉnh chính sách đối ngoại. Cụ thể Campuchia đã phá được thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa;

giữ vững được độc lập chủ quyền; từng bước giải quyết được các vấn đề biên giới, lãnh thổ tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, đưa đất nước từng bước hội nhập vào khu vực và thế giới.

Cuốn sách “Cambodia’s Foreign Relations in Regional and Global Context” (tạm dịch: Chính sách đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh quốc tế và khu vực), do Quỹ Konrad-Adenauer-Stiftung (2018) tập hợp 20 bài nghiên cứu về quan hệ đối ngoại của Campuchia với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và thế giới. Được chia thành năm phần, cuốn sách cung cấp một cái nhìn toàn diện về lịch sử chính trị và quan hệ ngoại giao của Campuchia từ năm 1945 đến nay, trong đó tập trung vào các yếu tố chính trị, kinh tế và văn hóa tác động đến chính sách đối ngoại của quốc gia này. Cụ thể, phần III của cuốn sách nghiên cứu quan hệ ngoại giao của Campuchia với các cường quốc khu vực và thế giới, như Trung Quốc, Mỹ, EU, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga và Ấn Độ. Các bài viết trong phần này giúp làm rõ những ảnh hưởng của các quốc gia lớn đối với Campuchia, đồng thời chỉ ra những thay đổi chính sách của Campuchia trong việc đối phó với các cường quốc này. Điều này phản ánh một đặc điểm quan trọng trong chính sách đối ngoại của Campuchia: sự đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia, trong khi vẫn phải duy trì sự cân bằng giữa các thế lực lớn. Cuốn sách không chỉ tập trung vào sự phát triển của mối quan hệ giữa Campuchia và các quốc gia đối tác mà còn làm rõ các vấn đề chính trị, biên giới và hòa bình khu vực mà Campuchia phải giải quyết trong bối cảnh toàn cầu thay đổi. Đây là những công trình có giá trị lớn đối với việc hiểu rõ chính sách đối ngoại của Campuchia trong cả lịch sử và hiện tại.

Tác giả Đào Đình Kỳ (2019) với luận án tiến sỹ quan hệ quốc tế “Chính sách đối ngoại của Campuchia dưới thời Thủ tướng Hun Sen (1997 - 2017)”. Với 3 chương nội dung chính, luận án đã làm nổi bật cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Campuchia giai đoạn 1997 - 2017; phân tích những nội dung trong chính sách đối ngoại của Campuchia như mục tiêu, nguyên tắc, phương châm, nhiệm vụ, phương hướng đối ngoại và quá trình triển khai chính sách giai đoạn 1997 - 2017. Trong đó, cũng đề cập một phần nhỏ tới chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ và các nước lớn khác như Trung Quốc, Nhật Bản. Tác giả cũng đưa ra những

đánh giá chính sách đối ngoại của Campuchia giai đoạn 1997 - 2017, đồng thời dự báo chính sách đối ngoại của quốc gia này đến năm 2028. Có thể nói, đây là một công trình có giá trị tham khảo rất lớn trong quá trình triển khai luận án.

“Geopolitics, Great Power Competition, and Cambodian Foreign Policy” (tạm dịch: Địa chính trị, cạnh tranh giữa các cường quốc và chính sách đối ngoại của Campuchia) của tác giả Pou Sothirak (2021). Theo tác giả, trật tự toàn cầu sau Chiến tranh Lạnh dựa trên sự thống trị của Mỹ đang có sự thay đổi nhanh chóng cả về tình trạng kinh tế, khả năng thể hiện quyền lực, sự thay đổi chính trị nội bộ trong nhiều nền dân chủ phương Tây. Tác giả cũng nhận định rằng khi Phó Tổng thống J.Biden đắc cử Tổng thống Mỹ, cấu trúc chính trị toàn cầu được các học giả và chuyên gia dự đoán rất đa dạng và phong phú. Ở Đông Nam Á, khi phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia trong 20 năm tới, cần xem xét ba cấu trúc tiềm năng: (i) sự độc quyền của Mỹ và sự trở lại ảnh hưởng của Mỹ; (ii) chủ nghĩa bá quyền của Trung Quốc; (iii) đa cực Mỹ - Trung Quốc. Mỗi cấu trúc này đều đem đến những thách thức và cơ hội khác nhau cho mỗi quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Campuchia. Ấn phẩm cũng dự đoán rằng chính sách đối ngoại của Campuchia trong 20 năm tới sẽ phụ thuộc vào sự định hình lại cấu trúc khu vực và toàn cầu, dựa trên sự cạnh tranh của các nước lớn. Sự cạnh tranh này có thể gây ra một tương lai bất ổn và không an toàn cho các nước nhỏ hơn trừ phi Vương quốc này ứng xử một cách khôn ngoan và tuân thủ sự cân bằng quyền lực giữa các nước lớn. Tương lai của Campuchia sẽ vẫn còn mơ hồ và phụ thuộc vào “sự nhân từ” của những quyền lực đó. Kể từ khi Mỹ đưa Campuchia ra khỏi danh sách đen thương mại vào năm 2009, quan hệ giữa hai nước đã có những bước cải thiện rõ rệt.

***- Nhóm công trình nghiên cứu về quan hệ Campuchia - Mỹ:***

Ấn phẩm “U.S - Cambodia Defense Relations: Defining New Possibilities” (tạm dịch: Quan hệ quốc phòng Mỹ - Campuchia: Định hình những khả năng mới) của tác giả Levis M.Stern (2009). Bài viết nhấn mạnh sau cuộc đảo chính năm 1997, tình hình nội bộ Campuchia đã có nhiều thay đổi, động lực của quan hệ hai nước đã cải thiện và có dấu hiệu phát triển tốt. Mỹ và Campuchia đã thúc đẩy hợp tác quốc phòng thông qua các hoạt động giữa quân đội Mỹ và RCAF; đào tạo kỹ thuật, tìm kiếm và cứu hộ, ứng phó thảm họa...; viện trợ vũ khí; hỗ trợ quân đội

Campuchia phát triển chuyên nghiệp. Để mỗi quan hệ quốc phòng giữa hai nước tiếp tục phát triển, tác giả của bài viết cũng đề xuất một số giải pháp như: Mỹ và Campuchia tiếp tục cam kết lâu dài đối với hoạt động rà soát mìn nhân đạo; tiếp tục thực hiện những bước cụ thể hướng tới hợp tác chống khủng bố; cam kết các hoạt động hải quân song phương; kiên định những cam kết với chương trình nghiên cứu quản lý nguồn lực quốc phòng; RCAF cần đặt một đại sứ quân sự tại Mỹ.

“Quan hệ Campuchia - Mỹ từ năm 1954 đến năm 1965” của Nguyễn Thành Văn (2011) tập trung phân tích mối quan hệ chính trị và ngoại giao giữa Campuchia và Mỹ trong giai đoạn từ sau Hiệp định Genève 1954 đến năm 1965. Trong thời kỳ này, Campuchia, dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Norodom Sihanouk, theo đuổi chính sách trung lập nhằm duy trì độc lập và chủ quyền quốc gia giữa bối cảnh Chiến tranh Lạnh và sự can thiệp của các cường quốc vào khu vực Đông Nam Á. Mỹ với mục tiêu ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản, đã tìm cách lôi kéo Campuchia vào quỹ đạo ảnh hưởng của mình thông qua viện trợ kinh tế và quân sự. Tuy nhiên, sự khác biệt về quan điểm chính trị và những nghi ngờ lẫn nhau đã dẫn đến những căng thẳng và mâu thuẫn trong quan hệ song phương. Đỉnh điểm là vào năm 1965, khi Campuchia quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Mỹ, đánh dấu sự kết thúc của một giai đoạn đầy biến động trong quan hệ hai nước.

Bài viết “Bàn về quan hệ giữa Campuchia và Mỹ” của Carlyle A. Thayer (2012) đã phân tích các tác động của các yếu tố trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến quan hệ giữa Mỹ và Campuchia giai đoạn 1991 - 2012; tiến trình phát triển mối quan hệ song phương giữa hai nước trong các lĩnh vực chính trị, quốc phòng - an ninh, nhân đạo - viện trợ phát triển. Đồng thời, Carlyle A. Thayer cũng đưa ra những dự đoán quan hệ hai nước trong tương lai. Bài viết đã giúp luận án nắm được bối cảnh và thực trạng mối quan hệ giữa Campuchia - Mỹ những năm 2009 - 2010 như thế nào để áp dụng vào trong cơ sở thực tiễn của đề tài.

Tác giả William E. Todd (2013) đã nhấn mạnh quan điểm và những cam kết của Mỹ đối với Campuchia để hỗ trợ đất nước này phát triển và hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới qua bài viết “The US - Cambodia Relationship: A Work in Progress” (tạm dịch: Quan hệ Mỹ - Campuchia: Một quá trình đang tiến triển). Trong nhiều năm qua, Mỹ đã viện trợ, hỗ trợ Campuchia rất lớn trong việc xây

dựng hệ thống pháp luật, cải thiện hệ thống bầu cử nhằm cải thiện vấn đề dân chủ và nhân quyền tại Campuchia. Phía Mỹ cho rằng cuộc bầu cử năm 2013 sẽ là một phép thử đối với Chính phủ Campuchia trong việc tổ chức tổng tuyển cử đảm bảo yếu tố dân chủ cho quốc gia đa đảng này. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra những thách thức trong quan hệ hai nước và đưa ra những kỳ vọng mới cho quan hệ hai nước sau bầu cử.

Tác giả Dương Văn Huy (2018), “Xu hướng quan hệ Campuchia với các nước lớn sau bầu cử” nhận định rằng, quan hệ hai bên xấu đi nhanh chóng kể từ năm 2017 khi CPP nhằm vào CRNP. Nhất là sau cuộc bầu cử của Campuchia năm 2018, Mỹ và phương Tây tuyên bố gia tăng các biện pháp trừng phạt đối với Campuchia và những phản ứng mạnh mẽ ban đầu của Phnom Penh trước sức ép của phương Tây khiến cho quan hệ hai bên có xu hướng căng thẳng hơn. Mặc dù vậy, nghiên cứu của Dương Văn Huy (2019), “Sự chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Campuchia hiện nay” và Dương Văn Huy - Lê Chí Công (2021), “Tiến triển trong quan hệ Mỹ - Campuchia từ năm 2008 đến nay” cũng chỉ ra rằng, quan hệ Mỹ và Campuchia có những bước cải thiện nhất định, nhưng chưa tạo ra đột biến cần thiết. Bên cạnh đó, quan hệ hai nước gặp một số thách thức liên quan đến vấn đề dân chủ ở Campuchia và sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại quốc gia Chùa Tháp này. Trong bối cảnh đó, bài viết cung cấp bức tranh tương đối toàn diện về diễn biến quan hệ Mỹ và Campuchia trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác.

Tác giả Pou Sothirak (2020) với bài viết “Into the 70th anniversary of Cambodia - US relations and beyond: The rebalancing dilemma and new era of relations” (tạm dịch: Kỷ niệm 70 năm quan hệ Campuchia - Mỹ và xa hơn nữa: Thế lưỡng nan tái cân bằng và kỷ nguyên mới của quan hệ hai nước) đã đánh giá lại môi quan hệ 70 năm giữa Campuchia và Mỹ. Bài viết không chỉ điềm lại những thăng trầm trong môi quan hệ giữa hai nước mà còn đưa ra những gợi ý chính sách nhằm cải thiện và phát triển quan hệ song phương trong bối cảnh hiện nay. Tác giả đã phân tích sự hỗ trợ của Mỹ đối với Campuchia trong các lĩnh vực như kinh tế, giáo dục, y tế và an ninh, nhưng cũng chỉ ra những giai đoạn căng thẳng, đặc biệt là sau các cuộc bầu cử năm 2013 và năm 2018 tại Campuchia, khi

Mỹ chỉ trích chính quyền Campuchia về các vấn đề dân chủ và nhân quyền. Bài viết cũng cho thấy việc Campuchia tìm cách xích lại gần Trung Quốc, đặc biệt là khi có những cáo buộc từ Mỹ về việc Campuchia cho phép Trung Quốc sử dụng căn cứ quân sự Ream. Tuy nhiên, Sothirak khẳng định rằng cả Campuchia và Mỹ đều nhận thức rõ vai trò quan trọng của đối tác trong chính sách đối ngoại của mỗi bên và đã có những nỗ lực để cải thiện quan hệ. Bài viết này đóng vai trò quan trọng trong khôi phục và xây dựng lại mối quan hệ giữa hai nước, từ đó giúp xác định những giải pháp hợp lý trong tương lai.

Bài viết "People's views of the US's relations towards Cambodia: A survey among university students in Phnom Penh" (tạm dịch: Quan điểm của người dân về quan hệ của Mỹ đối với Campuchia: Một cuộc khảo sát đối với sinh viên đại học ở Phnom Penh) của Sothiary Toch và Tong Ly (2020). Nghiên cứu cung cấp cái nhìn từ góc độ sinh viên đại học tại Phnom Penh về mối quan hệ giữa Mỹ và Campuchia. Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù một số sinh viên cho rằng mối quan hệ giữa hai quốc gia không đáng tin cậy nhưng phần lớn đều nhìn nhận sự viện trợ và hỗ trợ của Mỹ đối với Campuchia là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển của đất nước này. Dưới góc nhìn tự do, trọng tâm bài viết tập trung vào sự hợp tác và hỗ trợ quốc tế như một phương tiện quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của các nước nhỏ, đặc biệt là thông qua viện trợ và các chương trình hợp tác giữa các quốc gia.

"The Contemporary Cambodia - US relations: An Analysis of Confrontation" (tạm dịch: Quan hệ Campuchia - Mỹ đương đại: Một phân tích về sự đối đầu) của tác giả Tann Eangdavid (2021), đi sâu vào phân tích nguyên nhân căng thẳng trong quan hệ Campuchia - Mỹ, đặc biệt là những mâu thuẫn nổi bật trong thời gian gần đây. Eangdavid chỉ ra ba nguyên nhân chính dẫn đến sự căng thẳng này. Thứ nhất, hai bên có những quan điểm khác nhau về sự can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, trong khi Thủ tướng Hun Sen cảm thấy bị tổn thương vì những hành động của Mỹ trong quá khứ (chẳng hạn như cuộc nội chiến và những cuộc ném bom của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam). Sự chỉ trích của Thủ tướng Hun Sen đối với Mỹ đã làm gia tăng sự thù địch cá nhân giữa ông và các lãnh đạo Mỹ, đồng thời, cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ song phương. Thứ hai, Eangdavid phân tích sai lầm trong

chính sách đối ngoại của Mỹ, khi mà Mỹ không tính đến lợi ích chiến lược của Campuchia và đã làm mất lòng chính quyền Phnom Penh, đẩy Campuchia đến gần hơn với Trung Quốc. Mặc dù vậy, Campuchia vẫn cố gắng duy trì một mối quan hệ quân bình giữa hai siêu cường này. Thứ ba, Eangdavid khẳng định rằng mối quan hệ căng thẳng giữa Campuchia và Mỹ cũng xuất phát từ thiếu hụt lợi ích chiến lược chung. Nếu Campuchia có thể mang lại lợi ích kinh tế hoặc chiến lược cho Mỹ, các chỉ trích về nhân quyền có thể giảm bớt và mối quan hệ sẽ được cải thiện.

***- Nhóm công trình nghiên cứu về các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ và mối quan hệ Campuchia - Mỹ:***

Nghiên cứu về các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ và mối quan hệ Campuchia - Mỹ đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong suốt thời gian qua, phản ánh những biến động trong bối cảnh chính trị quốc tế và khu vực Đông Nam Á. Các học giả chủ yếu tập trung phân tích những mâu thuẫn giữa hai nước về vấn đề dân chủ, nhân quyền, cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại Campuchia, đặc biệt là ảnh hưởng của Trung Quốc tại Campuchia. Một số công trình tiêu biểu:

Một trong những công trình sớm nhất và có ảnh hưởng lớn trong nhóm vấn đề này là bài viết của Zsuzsanna Biedermann (2010) với tựa đề “Cambodia today or is China eating America’s lunch in Southeast Asia?” (tạm dịch: Cambodia ngày nay hay Trung Quốc đang chiếm ưu thế trước Mỹ ở Đông Nam Á). Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của cạnh tranh quyền lực giữa Trung Quốc và Mỹ trong khu vực Đông Nam Á đối với chính sách đối ngoại của Campuchia. Nghiên cứu này khẳng định rằng mặc dù Campuchia là một quốc gia nhỏ và nghèo nhưng do vị trí địa chiến lược quan trọng, quốc gia này trở thành điểm nóng trong cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc. Biedermann cho rằng Campuchia buộc phải duy trì một chính sách đối ngoại khéo léo, cân bằng giữa Trung Quốc và Mỹ, đặc biệt trong bối cảnh Campuchia phụ thuộc phần lớn vào viện trợ nước ngoài để phát triển đất nước.

Trong nghiên cứu của Dương Văn Huy (2013) “Một số vấn đề trong cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ tại Campuchia”, tác giả cho rằng trong chiến lược “tái cân bằng” của Washington đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ đã vấp phải trục quan hệ Trung Quốc - Campuchia. Cùng với Myanmar, Campuchia là một

trong những quốc gia ở khu vực Đông Nam Á lục địa mà Mỹ quan tâm gia tăng quan hệ nhằm góp phần gia tăng kiểm chế sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực. Đồng thời, Campuchia cũng giúp Mỹ can dự tốt hơn vào khu vực tiểu vùng sông Mekong và khu vực ASEAN. Tác giả cũng nhấn mạnh thêm, mặc dù thiết lập quan hệ ngoại giao với Campuchia từ năm 1950, trải qua nhiều thăng trầm, đến tháng 11/1991 hai bên mới khôi phục lại quan hệ ngoại giao chính thức bằng việc Mỹ mở cửa lại Văn phòng ngoại giao tại Phnom Penh và nâng cấp văn phòng đại diện thành Đại sứ quán vào năm 1993. Tuy nhiên, do bất ổn chính trị ở Campuchia năm 1997 mà quan hệ hai nước xấu đi nghiêm trọng, Mỹ đã tạm dừng viện trợ cho chính quyền trung ương của Thủ tướng Hun Sen, chấm dứt mọi hỗ trợ quốc phòng và phản đối các khoản cho vay của các thể chế tài chính quốc tế trừ các nguồn vốn nhân đạo cho các nhu cầu tối thiểu của con người. Quan hệ chính trị giữa Mỹ và Campuchia xấu đi nghiêm trọng. Lệnh trừng phạt này kéo dài 10 năm và kết thúc năm 2007. Tiếp sau đó, Mỹ cũng tích cực sử dụng cách tiếp cận Campuchia ở mức độ đa phương. Quan hệ hai nước có những tiến triển nhất định.

Tiếp nối chủ đề này, công trình của Tem Oudom (2014) mang tên “Cambodia between China and The United States” (tạm dịch: Campuchia giữa Trung Quốc và Mỹ). Với 6 chương, công trình phân tích mối quan hệ giữa Campuchia với Trung Quốc và Mỹ từ năm 1997 đến năm 2013. Tác giả đã chỉ ra nguyên nhân (động cơ) vì sao Campuchia xích lại gần hơn với Trung Quốc thay vì Mỹ, nó không đơn thuần vì lợi ích kinh tế mà còn vì yếu tố chính trị, vai trò của cá nhân của lãnh đạo, chế độ xã hội... Bên cạnh đó, công trình cũng khái quát được thực trạng mối quan hệ giữa Campuchia với Trung Quốc và Mỹ trên lĩnh vực chính trị và kinh tế. Từ đó, có những nhận định, đánh giá mối quan hệ của Campuchia với hai quốc gia này.

Chansambath Bong (2019) với bài viết “Making US - Cambodia relations great again” (tạm dịch: Làm cho quan hệ Mỹ - Campuchia trở nên tốt đẹp trở lại) đã phân tích nguyên nhân dẫn đến sự căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Campuchia, đồng thời chỉ ra những nỗ lực của cả hai phía nhằm cải thiện mối quan hệ này. C.Bong cho rằng, một phần của nguyên nhân căng thẳng đến từ sự can thiệp của Trung Quốc trong các vấn đề chính trị nội bộ của Campuchia, khiến Mỹ khó có thể tác động tích cực đến mối quan hệ này.

Tiếp đến, nhóm tác giả Duong Van Huy and Tran Thi Hai Yen (2021) với bài viết “Rising Strategic Competition Between the United States and China in Mekong River Subregion” (tạm dịch: Sự cạnh tranh chiến lược gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc ở tiểu vùng sông MeKong). Nghiên cứu đã phân tích cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực Mekong và phản ứng chính sách của các nước, trong đó có phản ứng chính sách của Campuchia trong quan hệ với hai nước lớn này. Đồng thời, bài viết của nhóm tác giả Dương Văn Huy - Ngô Văn Cương (2021), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc ở khu vực tiểu vùng sông Mê Công những năm gần đây” cũng phân tích rõ thêm phản ứng chính sách của Campuchia trong quan hệ với Mỹ. Bên cạnh đó, tác giả Trần Xuân Hiệp (2013) với bài viết “Mỹ - Campuchia - Trung Quốc và những tác động từ mối quan hệ này”. Tác giả cũng đã phân tích tam giác quan hệ Mỹ - Trung - Campuchia, trong đó nhấn mạnh vị trí, vai trò của Campuchia trong chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc cũng như thực tiễn quan hệ giữa Campuchia với hai chủ thể này.

***- Nhóm công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, xu hướng và những giải pháp thúc đẩy mối quan hệ Campuchia - Mỹ:***

Chansambath Bong (2020) với nghiên cứu “Cambodia’s hedging foreign policy between the United States and China: The role of domestic politics” (tạm dịch: Chính sách ngoại giao phòng bị nước đôi của Campuchia giữa Mỹ và Trung Quốc: Vai trò của chính trị nội bộ) nghiên cứu sâu hơn về chính sách đối ngoại “phòng bị nước đôi” của Campuchia trong mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc trong giai đoạn 1999 - 2019. Tác giả đã vận dụng lý thuyết quan hệ quốc tế để phân tích cách mà Campuchia duy trì mối quan hệ với hai nước lớn mà không rơi vào tình trạng lệ thuộc vào một bên nào. Theo C.Bong, yếu tố chính trị nội bộ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách đối ngoại của Campuchia. Chính phủ Campuchia, đặc biệt là dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Sen, đã sử dụng phương thức "phòng bị nước đôi" để bảo vệ lợi ích quốc gia trong khi vẫn duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ với cả Trung Quốc và Mỹ. Công trình của C.Bong cũng chỉ ra rằng ngoài "phòng bị nước đôi", Campuchia còn kết hợp các phương thức như “cân bằng gián tiếp”, “phù thịnh giới hạn” và “thực dụng kinh tế” để duy trì sự linh hoạt trong chính sách đối ngoại và không để mình bị lệ thuộc vào một cường quốc.

Cùng chủ đề này có bài viết “Are Cambodia - US relations Mendable?” (tạm dịch: Quan hệ Campuchia - Mỹ có thể hàn gắn được không?) của hai tác giả Thearth Leng, Vannarth Chheang (2021) và bài viết của KimKong Heng (2022) “Mending Cambodia - US relations: A Cambodian Perspective” (tạm dịch: Hàn gắn quan hệ Campuchia - Mỹ: Góc nhìn từ Campuchia). Bài viết cũng chỉ ra nguyên nhân và diễn biến mối quan hệ hai nước xấu đi từ năm 2017 cùng những chính sách và phản ứng của hai nước. Điểm mới của bài viết này so với bài viết của Chansambath Bong (2019) là tác giả đưa ra những gợi ý để Campuchia cải thiện mối quan hệ với Mỹ. Trước tiên, KimKong Heng nhận định: Campuchia là nước nhỏ, tiềm lực kinh tế còn yếu, cơ sở hạ tầng lạc hậu, Campuchia rất cần sự viện trợ của Mỹ về mọi mặt để phát triển đất nước. Hơn thế nữa, Mỹ là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Campuchia hiện nay và là một cường quốc quân sự mạnh nhất trên thế giới. Để mối quan hệ căng thẳng như hiện nay, Campuchia mất nhiều hơn là được, vì vậy, việc Campuchia chủ động cải thiện mối quan hệ là việc nên làm. Tác giả cũng đề xuất năm giải pháp Campuchia nên chủ động tiến hành để làm dịu mối quan hệ căng thẳng và lấy lại niềm tin trong quan hệ với Mỹ.

Bài viết của Chandy Doung, William Kang và Jaechun Kim (2022) “Cambodia’s foreign policy choice during 2010 to 2020: From strategic hedging to bandwagoning” (tạm dịch: Sự lựa chọn chính sách đối ngoại của Campuchia giai đoạn 2010 - 2020: Từ phòng bị nước đôi đến phù thịnh) đã phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á. Các tác giả chỉ ra rằng trong giai đoạn 2010 - 2020, Campuchia đã sử dụng, điều chỉnh các phương thức ngoại giao, từ “phòng bị nước đôi” đến “phù thịnh” khi tăng cường hợp tác với Trung Quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại và cơ sở hạ tầng, trong khi thúc đẩy hợp tác kinh tế với Mỹ. Sự lựa chọn này phản ánh sự linh hoạt trong chính sách đối ngoại của Campuchia, khi quốc gia này cố gắng tối đa hóa lợi ích từ quan hệ với cả hai cường quốc. Công trình này cũng chỉ ra rằng những yếu tố trong nước như tình hình chính trị bất ổn, tình trạng kinh tế yếu kém và mối đe dọa về an ninh quốc gia đã tác động rất lớn đến quyết định của Campuchia trong việc điều chỉnh chính sách đối ngoại.

Nhóm tác giả Gregory B. Poling, Charles Dunst và Simon Tran Hudes (2022) có bài viết “Pariah or Partner? Clarifying the US Approach to Cambodia” (tạm dịch: Kẻ bị xa lánh hay đối tác? Làm rõ cách tiếp cận của Mỹ đối với Campuchia). Các tác giả chỉ ra rằng chính sách của Mỹ đối với Campuchia trong suốt thập kỷ qua không hiệu quả trong việc thuyết phục Campuchia thay đổi chế độ hoặc cải thiện vấn đề nhân quyền. Các biện pháp trừng phạt của Mỹ không chỉ không thuyết phục Campuchia mà còn đẩy quốc gia này gần hơn với Trung Quốc. Tác giả đã đề xuất Mỹ nên tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực công, tư, phi lợi nhuận thay vì áp đặt các lệnh trừng phạt; đầu tư vào phương tiện truyền thông độc lập bằng tiếng Khmer; mở rộng và công bố viện trợ của Mỹ đối với Campuchia đặc biệt trong lĩnh vực sức khỏe, tâm lý...; đầu tư và viện trợ mạnh vào lĩnh vực giáo dục (vì đây là lĩnh vực mang lại lợi ích đích thực cho người dân Campuchia); mở rộng hợp tác với xã hội dân sự ngoài Phnom Penh; dành nguồn lực cho việc khử dioxin và bom mìn sau chiến tranh; đàm phán giải pháp về nợ chiến tranh (có thể chuyển thành quỹ học bổng để sinh viên Campuchia có thể được học tập tại Mỹ); ưu tiên phát triển năng lượng xanh và cơ sở hạ tầng...

Nguyen Tien Thinh (2025) với bài viết “An Assessment of Cambodia-US Relations under the Trump Administrations” (tạm dịch: Đánh giá quan hệ Campuchia – Mỹ dưới thời chính quyền Trump) tập trung vào đánh giá mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ trong hai nhiệm kỳ Tổng thống Donald Trump. Dưới thời Trump 1.0, quan hệ hai nước rơi vào tình trạng phức tạp với nhiều căng thẳng chính trị và ngoại giao. Các biện pháp trừng phạt của chính quyền Trump khiến lòng tin chiến lược giữa hai bên giảm sút, đẩy Campuchia hướng gần hơn về Trung Quốc, tạo điều kiện cho Bắc Kinh mở rộng ảnh hưởng về kinh tế và quân sự tại Campuchia, điển hình là nâng cấp Căn cứ Hải quân Ream và đình chỉ hợp tác quốc phòng với Mỹ. Tuy nhiên, trong nửa cuối nhiệm kỳ, Mỹ cho thấy thái độ hợp tác hơn, thể hiện qua tuyên bố không tìm cách thay đổi chế độ tại Phnom Penh và duy trì hợp tác thương mại. Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia. Trong bối cảnh D.Trump tái đắc cử (Trump 2.0), bài viết nhận định có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để cải thiện quan hệ, nhờ đóng góp của Thủ tướng Hun Manet

trong việc thúc đẩy đối thoại, tái khởi động viện trợ Mỹ, thu hút đầu tư và hâm nóng hợp tác quốc phòng, đồng thời Campuchia đa phương hóa quan hệ với các đối tác chiến lược khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Australia. Tuy vậy, thách thức vẫn tồn tại khi Trung Quốc có thể xem sự xích lại gần Mỹ là mối đe dọa đối với lợi ích của mình, còn Mỹ vẫn hoài nghi về mối quan hệ giữa Campuchia và Trung Quốc, đòi hỏi Campuchia phải giữ thế cân bằng trong chính sách đối ngoại.

Taylor Coplen (2025) với bài viết “Cambodia’s Warming Ties with Washington Reflect Continuity, Not Realignment” (tạm dịch: Quan hệ ấm lên giữa Campuchia và Washington phản ánh tính liên tục, chứ không phải sự tái liên kết). Tác giả cho rằng sự cải thiện gần đây trong quan hệ Campuchia - Mỹ không phản ánh một sự chuyển hướng hay tái liên kết chiến lược khỏi Trung Quốc, mà chủ yếu thể hiện tính liên tục trong truyền thống ngoại giao linh hoạt của Campuchia. Thông qua phân tích lịch sử từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh đến bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung hiện nay, tác giả lập luận rằng Campuchia nhất quán theo đuổi chiến lược tối đa hóa lợi ích và duy trì không gian tự chủ bằng cách khai thác đồng thời quan hệ với các cường quốc, thay vì liên kết cứng nhắc với một bên. Việc Phnom Penh thúc đẩy quan hệ với Washington được lý giải chủ yếu bởi các động cơ thực dụng như bảo đảm tiếp cận thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa quan hệ quốc phòng và giảm thiểu rủi ro phụ thuộc quá mức vào Trung Quốc. Qua đó, bài viết nhấn mạnh rằng sự “ấm lên” trong quan hệ Campuchia - Mỹ nên được hiểu như một sự điều chỉnh chiến thuật trong khuôn khổ chiến lược cân bằng lâu dài, hơn là một sự thay đổi căn bản trong định hướng chính sách đối ngoại của Campuchia.

“Cambodia Seeks Balance Between China and USA Under Trump 2.0” (tạm dịch: Campuchia tìm cách cân bằng giữa Trung Quốc và Mỹ dưới Trump 2.0) của Heike Löschmann (2025) phân tích cách Campuchia điều chỉnh chính sách đối ngoại trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung gia tăng và sự trở lại của Tổng thống D.Trump. Tác giả cho rằng chính sách đối ngoại của Campuchia tiếp tục dựa trên nguyên tắc trung lập, không liên kết và cân bằng linh hoạt giữa các cường quốc, thay vì lựa chọn liên kết chiến lược với một bên. Trong khi Trung Quốc vẫn giữ vai trò then chốt về đầu tư, tài chính và hợp tác quốc phòng, Campuchia có động lực rõ rệt để cải thiện quan hệ với Mỹ nhằm bảo đảm tiếp cận

thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa quan hệ an ninh và giảm rủi ro phụ thuộc quá mức vào Trung Quốc. Bài viết cũng chỉ ra những ràng buộc cấu trúc hạn chế dư địa chiến lược của Campuchia, bao gồm sự phụ thuộc vào xuất khẩu, quy mô tài chính của Trung Quốc và nhu cầu duy trì tính chính danh trong nước. Qua đó, nghiên cứu nhấn mạnh rằng các động thái xích lại gần Washington dưới thời D.Trump 2.0 nên được hiểu như sự điều chỉnh chiến thuật trong khuôn khổ chiến lược cân bằng lâu dài của Campuchia, chứ không phải là một sự chuyển hướng hay tái liên kết căn bản trong chính sách đối ngoại.

## **1.2. Nhận xét kết quả nghiên cứu và vấn đề đặt ra cho luận án**

### ***1.2.1. Nhận xét chung về các công trình nghiên cứu***

Từ việc hệ thống hóa tổng quan các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của nước nhỏ, chính sách đối ngoại của Campuchia, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, luận án rút ra một số nhận xét sau:

*Thứ nhất*, trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị hiện nay, chính sách đối ngoại của Campuchia, đặc biệt trong quan hệ với Mỹ, đã nổi lên như một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng, nhất là khi cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á ngày càng gia tăng. Về tổng thể, các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ cũng có nhiều công trình với những nội dung khác nhau, tuy nhiên các công trình hiện có thường tập trung vào tác động của cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc đối với chính sách đối ngoại của Campuchia hoặc chỉ xem mỗi quan hệ Campuchia - Mỹ như một khía cạnh trong bối cảnh chính trị khu vực rộng lớn hơn, đặc biệt trong mối liên hệ với Trung Quốc. Do đó, các nghiên cứu chuyên sâu về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ hoặc quan hệ song phương Campuchia - Mỹ vẫn còn rất hạn chế.

*Thứ hai*, mặc dù tại Việt Nam đã xuất hiện một số nghiên cứu liên quan đến Campuchia nhưng các công trình này thường ưu tiên các mối quan hệ khác, chẳng hạn như quan hệ Việt Nam - Campuchia, tam giác Việt Nam - Lào - Campuchia, quan hệ Campuchia với Trung Quốc, Nhật Bản hoặc chính sách đối ngoại chung của Campuchia. Chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024.

*Thứ ba*, phạm vi thời gian của các nghiên cứu trước đây thường đã khá cũ, không phản ánh đầy đủ những biến chuyển gần đây trong quan hệ hai nước, đặc biệt trong bối cảnh chuyển giao quyền lực từ Thủ tướng Hun Sen sang Thủ tướng Hun Manet, đánh dấu sự thay đổi đáng kể trong cấu trúc chính trị nội bộ Campuchia.

*Thứ tư*, trong các công trình hiện có, rất ít các nghiên cứu áp dụng các khung lý thuyết quan hệ quốc tế để giải thích bản chất của mối quan hệ này, dẫn đến sự thiếu hụt trong việc phân tích cơ sở lý luận tác động tới chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ (2009 - 2024).

### ***1.2.2. Những luận điểm luận án kế thừa được từ tổng quan tình hình nghiên cứu***

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trên, luận án sẽ kế thừa các nội dung liên quan trực tiếp và gián tiếp đến nội dung nghiên cứu của đề tài, đặc biệt là các nội dung sau:

*Thứ nhất*, những luận điểm liên quan đến khái niệm, đặc điểm của nước nhỏ và chính sách đối ngoại đặc thù của nước nhỏ, để từ đó luận án soi chiếu từ lý luận vào phân tích thực tiễn chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.

*Thứ hai*, những luận điểm liên quan đến các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia nói chung, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ nói riêng từ lịch sử đến hiện tại, nhất là yếu tố Trung Quốc được rất nhiều nghiên cứu phân tích. Đây chính là cơ sở để luận án có thể phân tích và so sánh những điều chỉnh chính sách của Campuchia đối với Mỹ theo chiều dài lịch sử.

*Thứ ba*, những gợi ý/đề xuất các giải pháp để cải thiện mối quan hệ hai nước. Đây là cơ sở để luận án tham khảo để dự báo chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong thời gian tới.

### ***1.2.3. Nhiệm vụ đặt ra cho luận án***

Dựa trên những kết quả nghiên cứu đã có và những khoảng trống trong các nghiên cứu trước đây, luận án đặt ra một số nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

Thứ nhất, từ góc độ lịch sử nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng lập trường của Campuchia đối với Mỹ không phải là một yếu tố ổn định mà có sự thay đổi, phản ánh trong từng giai đoạn của chính sách đối ngoại. Do đó, một nhiệm vụ quan trọng

của luận án là phân tích sự thay đổi trong lập trường và quan điểm của Campuchia đối với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024. Từ đó, tác giả sẽ chỉ ra những yếu tố chính chi phối sự thay đổi này, bao gồm các yếu tố bên ngoài (như sự thay đổi trong môi trường chiến lược khu vực và quốc tế) và các yếu tố bên trong (như sự thay đổi trong chính trị nội bộ của Campuchia).

Thứ hai, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á, Campuchia đã sử dụng những phương thức ngoại giao gì để đạt được mục tiêu trong chính sách đối ngoại của mình? Các chính sách này không chỉ phản ánh mối quan hệ với Mỹ mà còn là sự điều chỉnh chiến lược của Campuchia trong việc thích ứng với ảnh hưởng của các cường quốc khác, đặc biệt là Trung Quốc. Tác giả sẽ nghiên cứu và phân tích các phương thức ngoại giao mà Campuchia đã sử dụng, như các thỏa thuận song phương, tham gia các tổ chức quốc tế và sự thay đổi trong các cam kết chiến lược. Đồng thời, tác giả sẽ đánh giá tác động của chính sách đối với quan hệ Campuchia - Mỹ và các yếu tố bên ngoài liên quan như quan hệ Campuchia với Trung Quốc, các nước ASEAN và Việt Nam.

Thứ ba, với tư cách là một quốc gia láng giềng, quan hệ đối tác đặc biệt của Campuchia, đồng thời là đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ, Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển quan hệ khu vực. Vì vậy, một nhiệm vụ quan trọng của luận án là đưa ra những hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ với Campuchia và Mỹ trong bối cảnh các xu hướng chiến lược mới đang nổi lên. Tác giả sẽ phân tích những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong việc điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình nhằm vừa duy trì quan hệ tốt đẹp với Campuchia vừa giữ vững quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ.

Như vậy, luận án không chỉ cung cấp một cái nhìn sâu sắc và toàn diện về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) mà còn đề xuất những định hướng chính sách thiết thực cho Việt Nam trong bối cảnh chiến lược khu vực đang thay đổi nhanh chóng. Những nhiệm vụ nghiên cứu này sẽ góp phần hiểu rõ thêm bản chất mối quan hệ Campuchia - Mỹ, từ đó nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về chính sách đối ngoại của nước nhỏ trong bối cảnh các mối quan hệ quốc tế phức tạp.

## **Tiểu kết Chương 1**

Chương 1 đã tổng quan tình hình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của nước nhỏ, chính sách đối ngoại của Campuchia và chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ. Qua phân tích, có thể thấy rằng mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia, song vẫn còn nhiều khoảng trống cần tiếp tục khai thác. Đặc biệt, các công trình nghiên cứu về quan hệ Campuchia - Mỹ chưa thực sự toàn diện, chủ yếu tiếp cận từ góc nhìn Mỹ hoặc đặt trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung mà chưa đi sâu vào động cơ chiến lược của Campuchia. Bên cạnh đó, việc áp dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế vào phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia vẫn còn hạn chế. Từ những khoảng trống nghiên cứu đã chỉ ra, luận án sẽ tập trung vào: chỉ ra những động lực chính trong chính sách đối ngoại Campuchia với Mỹ; phân tích việc lựa chọn, điều chỉnh chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024); dự báo chính sách của Campuchia với Mỹ trong thời gian tới.

## **Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ ( 2009 - 2024)**

### **2.1. Cơ sở lý luận**

#### **2.1.1. Một số khái niệm liên quan**

##### *2.1.1.1. Khái niệm nước nhỏ, nước lớn*

##### *\* Khái niệm “nước nhỏ”*

Có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm "nước nhỏ" (small states). Theo cách hiểu truyền thống, để xác định một “nước nhỏ”, người ta thường xem xét các yếu tố như dân số, diện tích lãnh thổ, sức mạnh kinh tế và quân sự. Trong đó, yếu tố dân số thường được coi là quan trọng nhất, vì nó có ảnh hưởng lớn đến tiềm lực kinh tế, khả năng quân sự và thậm chí là quy mô lãnh thổ của một quốc gia [Baldur Thorhallsson, Sverrir Steinsson, Thorsteinn Kristinsson, 2019, tr.14]. Tiếp cận theo góc nhìn này, Kuznets (1960) đưa ra khái niệm “nước nhỏ” là những quốc gia có mức dân số từ 5 đến 15 triệu [Kuznets, 1960, tr.14]. Quan điểm của Kuznets phản ánh góc nhìn kinh tế, khi ông cho rằng các nước có dân số trong khoảng này có thể gặp khó khăn hơn trong việc phát triển các ngành kinh tế quy mô lớn và xây dựng nền tảng công nghiệp mạnh mẽ. Do đó, những quốc gia này có khả năng phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế và dễ bị tác động bởi các biến động kinh tế toàn cầu. David Vital (1967) cho rằng “nước nhỏ” là những nước có dân số dưới khoảng 10 - 15 triệu [David Vital, 1967, tr.8], tuy nhiên, trong David Vital (1971), ông cho rằng một “nước nhỏ” thường có dân số dao động từ 10 đến 30 triệu người [David Vital, 1971, tr.8]. Với dân số nằm trong ngưỡng này, các “nước nhỏ” thường gặp hạn chế trong việc tạo ảnh hưởng đáng kể trên trường quốc tế và có xu hướng phụ thuộc vào các nước lớn để duy trì ổn định và an ninh. Sự khác biệt trong các mức dân số của hai tác giả cho thấy rằng khái niệm "nước nhỏ" không phải là một chuẩn mực cố định, mà thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh và các yếu tố được xem xét. Vital (1967, 1971) nhìn nhận vấn đề từ góc độ chính trị và an ninh, trong khi Kuznets (1960) nhấn mạnh đến năng lực kinh tế của quốc gia. Cả hai tiêu chí này đều cho thấy rằng các “nước nhỏ” có xu hướng gặp nhiều thách thức trong việc phát triển và duy trì vị thế độc lập trong hệ thống quốc tế.

Một số quan điểm khác cho rằng tiêu chí để xác định "nước nhỏ" không chỉ nằm ở các chỉ số như dân số, lãnh thổ, kinh tế mà còn phụ thuộc vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của quốc gia đó trong hệ thống quốc tế. Theo Annette Baker Fox (1959), "nước nhỏ" là những quốc gia không thể áp đặt ý chí của mình lên các quốc gia khác [Annette Baker Fox, 1959, tr.3]. Rothstein (1968) cho rằng "nước nhỏ" là những quốc gia không đủ khả năng tự bảo vệ mà phải dựa vào sự hỗ trợ từ các quốc gia khác khi có mối đe dọa từ bên ngoài [Rothstein, 1968, tr.29]. Theo Keohane (1969), "nước nhỏ" là những quốc gia không có khả năng tạo ảnh hưởng đáng kể trong hệ thống quốc tế và không thể tự đảm bảo an ninh mà không có sự hỗ trợ từ các nước lớn [Keohane, 1969, tr.295]. Đồng quan điểm với Keohane, Hey (2003) đồng ý rằng "nước nhỏ" là những quốc gia mà lãnh đạo của họ nhận thức được rằng họ không thể tác động đơn phương đến hệ thống quốc tế [Keohane, 1969, tr.291-295; Hey, 2003, tr.3]. Mouritzen và Wivel (2005) bổ sung rằng các "nước nhỏ" là những quốc gia thiếu khả năng tự bảo vệ trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, dẫn đến việc họ phụ thuộc vào các tổ chức hoặc cường quốc lớn để đảm bảo an ninh [Mouritzen & Wivel, 2005, p.19].

Dù có sự khác nhau trong việc đưa ra khái niệm "nước nhỏ" nhưng các học giả đều có những quan điểm chung như sau: Trong quan hệ quốc tế, một "nước nhỏ" được đặc trưng bởi sự hạn chế về nguồn lực kinh tế, quân sự và dân số, dẫn đến tầm ảnh hưởng địa chính trị thấp và khả năng định hình hệ thống quốc tế bị giới hạn. Các nước nhỏ tích cực tham gia các cơ chế đa phương như các tổ chức quốc tế hoặc khu vực để tăng cường tiếng nói và bảo vệ chủ quyền, thể hiện sự thận trọng trước áp lực từ nước lớn thông qua chính sách đối ngoại mang tính phòng thủ. Những đặc trưng này phản ánh vị thế yếu thế nhưng linh hoạt của "nước nhỏ", tập trung vào việc điều hướng giữa các cường quốc để duy trì quyền tự chủ chiến lược trong một hệ thống quốc tế đầy biến động.

Từ những quan điểm khác nhau trên, luận án đưa ra khái niệm nước nhỏ như sau: *"Nước nhỏ" là quốc gia hạn chế về quy mô lãnh thổ, dân số, tiềm lực kinh tế, năng lực quân sự và mức độ ảnh hưởng chính trị - ngoại giao trong hệ thống quốc tế.*

*\* Khái niệm “nước lớn”*

Nước lớn/cường quốc (*great power/major power*) là một khái niệm cơ bản trong quan hệ quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập trật tự và cân bằng quyền lực toàn cầu. Hiện nay không có sự thống nhất hay một định nghĩa chung về “nước lớn”. Hầu hết các nhà nghiên cứu và học giả đều đánh giá “nước lớn” dựa trên sức mạnh tổng hợp quốc gia và ảnh hưởng sâu rộng trong hệ thống quốc tế. Theo đó, “nước lớn” là những quốc gia sở hữu sức mạnh vượt trội và có khả năng cũng như ý chí chi phối các mối quan hệ quốc tế. Dưới đây là một số khái niệm khác nhau về “nước lớn”:

Theo Kenneth Waltz (1979), John Ikemberry, Michael Mastanduno & William C. Wohlforth (2009), “nước lớn” là những quốc gia nắm giữ phần lớn các nguồn lực và năng lực mà quốc gia có thể tận dụng để đạt được các mục tiêu chiến lược. “Nước lớn” phải vượt trội trong các yếu tố cấu thành sức mạnh quốc gia, bao gồm quy mô dân số, diện tích lãnh thổ, tài nguyên, năng lực kinh tế, quân sự và năng lực tổ chức - thể chế để tạo ra ảnh hưởng [Waltz, 1979, tr.131; Ikemberry, Mastanduno & Wohlforth, 2009, tr.4]

Organski và Kugler (1981), thông qua thuyết “Chuyển dịch quyền lực” (Power transition theory), cho rằng “nước lớn” là những quốc gia có sức mạnh vượt trội về kinh tế, quân sự và chính trị đủ để định hình và duy trì trật tự hệ thống quốc tế. Họ nhận định, các “nước lớn” không chỉ đảm bảo sức mạnh nội tại mà còn tham gia tích cực vào việc duy trì hoặc thách thức trật tự quốc tế khi cần thiết. Điều này dẫn đến xung đột hoặc chuyển giao quyền lực trong các thời điểm khác nhau [Organski, Kugler, 1981, tr.27; tr.34 - 38]. Hedley Bull (2002), học giả của trường phái Anh, cho rằng “nước lớn” không chỉ dựa trên sức mạnh vật chất như quân sự hay kinh tế mà còn dựa trên khả năng và trách nhiệm của quốc gia đó trong việc duy trì trật tự quốc tế [Hedley Bull, 2002, tr.194]. Trong khi đó, Richard J. Stoll (1989) cũng đưa ra khái niệm “nước lớn” là các quốc gia có lợi ích và quyền lực để gây ảnh hưởng không chỉ trong khu vực của mình mà còn trên phạm vi toàn cầu, từ đó tác động đến các quốc gia và vùng lãnh thổ khác [Richard J. Stoll, 1989, p.136].

Như vậy, dựa trên quan niệm của các học giả khác nhau, luận án đưa ra khái niệm “nước lớn” như sau: *“Nước lớn” là những quốc gia sở hữu tiềm lực và sức mạnh vượt trội về dân số, diện tích, quân sự, kinh tế, khoa học - công nghệ, có khả năng chi phối chính sách và hành vi của các quốc gia khác, đồng thời có vai trò chủ chốt trong định hình sự vận động của hệ thống quốc tế và giải quyết các vấn đề toàn cầu.*

Một số đặc điểm nổi trội của “nước lớn” là: Thứ nhất, sức mạnh quân sự và kinh tế vượt trội: Đây là yếu tố cơ bản để một “nước lớn” có thể ảnh hưởng đến hệ thống quốc tế và các quốc gia khác; Thứ hai, nhận thức và chấp nhận trách nhiệm duy trì trật tự quốc tế: “Nước lớn” không chỉ đơn thuần là quốc gia mạnh mà còn là quốc gia có trách nhiệm đối với việc duy trì ổn định và hòa bình trong hệ thống quốc tế; Thứ ba, khả năng và trách nhiệm tham gia vào các vấn đề toàn cầu: “Nước lớn” phải có tầm ảnh hưởng đáng kể và đóng vai trò chủ chốt trong việc định hình các quy tắc, thể chế và trật tự quốc tế; Thứ tư, sự công nhận từ các quốc gia khác: “Nước lớn” cần được các quốc gia khác thừa nhận là có vai trò và vị thế vượt trội trong hệ thống quốc tế; Thứ năm, có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. “Nước lớn” có sức mạnh quân sự và kinh tế cũng như quyền lực mềm và các công cụ ngoại giao đủ để khiến các “nước nhỏ” hơn phải cân nhắc lập trường trước khi đưa ra hành động.

Nhờ sức mạnh tổng hợp vượt trội, các “nước lớn” thường duy trì lập trường kiên định trong việc bảo vệ lợi ích của mình và ít bị khuất phục trước áp lực từ các nước khác. Họ có xu hướng không ngần ngại sử dụng sức mạnh quân sự khi cần thiết để bảo vệ lợi ích quốc gia. Đồng thời, các “nước lớn” thường gây sức ép lên các “nước nhỏ” và đôi khi can thiệp vào công việc nội bộ của “nước nhỏ” khi nhận thấy lợi ích của mình bị đe dọa. Bên cạnh đó, các “nước lớn” luôn mong muốn mở rộng tầm ảnh hưởng của mình trên quy mô toàn cầu và chủ động can dự vào các khu vực chiến lược nhằm thúc đẩy lợi ích quốc gia [Domke William, 1989, tr.159].

Như vậy, phân định giữa “nước lớn” và “nước nhỏ” thường phụ thuộc vào bối cảnh và cách nhìn nhận của từng quốc gia, dựa trên so sánh tương quan về sức mạnh, vị thế và khả năng ảnh hưởng. Từ khái niệm về “nước lớn”, “nước nhỏ” và hành vi của từng loại quốc gia, có thể thấy rõ sự khác biệt trong cặp quan hệ Campuchia - Mỹ.

Vận dụng vào trường hợp Campuchia: Campuchia có dân số khoảng 17 triệu người [National Institute of Statistics, 2023], GDP khoảng 42,34 tỷ USD (World Bank, 2023), so sánh với các “nước lớn” như Trung Quốc với trên 1,4 tỷ dân, GDP gần 18 nghìn tỷ USD hay Mỹ với trên 347 triệu dân, GDP trên 27 nghìn tỷ USD [Statistia, 2023]. Campuchia nhận đầu tư lớn từ Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản. Về sức mạnh quân sự, theo báo cáo năm 2024 từ Global Firepower thì Mỹ đứng 1, Trung Quốc thứ 2, còn Campuchia đứng thứ 95 trong số 145 quốc gia và vùng lãnh thổ [Global Firepower, 2024]. Campuchia không đủ khả năng định hình các xu hướng quốc tế mà chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các cường quốc.

Ngược lại, xét về sức mạnh tổng hợp quốc gia, Mỹ có GDP lớn nhất thế giới [Tim Smart, 2024], vượt xa hầu hết các quốc gia khác, cung cấp nguồn lực tài chính để chi phối các tổ chức kinh tế quốc tế như IMF và WB. Về quân sự: Mỹ sở hữu ngân sách quốc phòng lớn nhất toàn cầu với hơn 750 căn cứ quân sự tại 80 quốc gia, thể hiện khả năng triển khai sức mạnh toàn cầu. Về dân số: với khoảng 347 triệu dân, Mỹ có nguồn nhân lực lớn để duy trì sức mạnh kinh tế và quân sự. Về khả năng định hình và duy trì trật tự thế giới: Mỹ là nước sáng lập và chi phối các tổ chức quốc tế như LHP, NATO và WTO, sử dụng chúng để duy trì trật tự tự do (liberal order) sau Thế chiến II. Về ảnh hưởng ngoại giao và quyền lực mềm toàn cầu: Mỹ duy trì mạng lưới đồng minh rộng lớn (NATO, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia) và các quan hệ đối tác chiến lược thể hiện sức mạnh ngoại giao toàn cầu. Văn hóa Mỹ (Hollywood, công nghệ như Apple, Google) và giá trị dân chủ lan tỏa mạnh mẽ, ảnh hưởng đến dư luận quốc tế, bao gồm Đông Nam Á. Về vai trò lãnh đạo trong cạnh tranh địa chính trị: Mỹ cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc tại Đông Nam Á. Qua các sáng kiến như Quan hệ Đối tác Mê Kông - Mỹ (MUSP năm 2020) và IPEF năm 2022 nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc [Andrew Yeo, 2024]. Về vai trò lãnh đạo trong các vấn đề toàn cầu: Mỹ đóng vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu, đại dịch và khủng hoảng nhân đạo. Các sáng kiến như Đối tác vì Cơ sở hạ tầng và Đầu tư Toàn cầu (PGII) nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tại nhiều quốc gia.

Có thể tham khảo thêm chỉ số sức mạnh quốc gia của Mỹ và Campuchia theo Lowy Institute để một lần nữa có thể khẳng định mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ là quan hệ nước nhỏ - nước lớn.



**Hình 2.1. Chỉ số sức mạnh của Mỹ và Campuchia**

Nguồn: [Lowy Institute Asia Power Index, 2024]

### 2.1.1.2. Khái niệm “Phòng bị nước đôi”

Khái niệm “Phòng bị nước đôi” (hedging) xuất hiện từ cuối thế kỷ XVII, hiểu theo nghĩa ẩn dụ là để bảo vệ bản thân trước rủi ro, mất mát bằng cách cá cược với đối tác khác. Vào cuối thế kỷ XIX, nó xuất hiện trong ngôn ngữ tài chính và được hiểu là một hình thức bảo hiểm, chống lại rủi ro thua lỗ khi ký kết các hợp đồng kinh tế [Fowler et al., 1973]. Nói một cách đơn giản, chiến lược ‘phòng bị nước đôi’ mô tả một chính sách bảo hiểm, nếu thành công, sẽ giảm thiểu rủi ro trong khi tối đa hóa được lợi ích [Medeiros, 2005, tr.148-152; Tunsjø, 2013].

Trong quan hệ quốc tế, khái niệm “phòng bị nước đôi” xuất hiện vào giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh, nhằm giải quyết một số vấn đề cốt lõi trong lý thuyết và thực tiễn của quan hệ quốc tế đương đại. Cụ thể, khái niệm này tập trung vào việc phân tích cách thức các nước nhỏ hoặc tầm trung ứng phó với sự trỗi dậy của các cường quốc mới nổi, vốn có khả năng đe dọa đến lợi ích an ninh quốc gia của họ. Một câu hỏi trọng tâm được đặt ra là: Làm thế nào để các quốc gia này tránh được rủi ro bị cô lập hoặc bỏ rơi khi áp dụng chiến lược “phòng bị nước đôi” trong quan

hệ với các nước lớn? Nói cách khác, các nhà hoạch định chính sách đối ngoại cần xây dựng những chiến lược gì để đương đầu với các thách thức an ninh trong một bối cảnh quốc tế không ngừng biến động?

Trong những năm gần đây, khái niệm “phòng bị nước đôi” đã trở thành một công cụ phân tích quan trọng trong việc nghiên cứu chính sách đối ngoại, đặc biệt tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các học giả như Kuik (2008), Tessman (2012), Murphy (2017) và Haacke (2019) đã khẳng định tầm quan trọng của khái niệm này khi xem xét động lực quan hệ quốc tế trong khu vực. Cụ thể, nó được sử dụng để phân tích mối quan hệ phức tạp giữa Trung Quốc và Mỹ, cũng như chính sách đối ngoại của các quốc gia Đông Nam Á trong việc ứng phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sau này, các nhà phân tích chính sách cũng dùng khái niệm này để phân tích chính sách đối ngoại của các nước châu Âu, Đông Á, Nam Á, Vịnh Ba Tư và nhiều nơi khác [Tessman, 2012; Guzansky, 2015]. Sự phổ biến của khái niệm này phản ánh tính linh hoạt và giá trị của nó trong việc lý giải các chiến lược đối ngoại của các quốc gia trong một trật tự toàn cầu đầy biến động.

Hiện nay, vẫn có nhiều quan niệm khác nhau về “*phòng bị nước đôi*”. Một số học giả cho rằng “*phòng bị nước đôi*” như một chiến lược tổng hợp, trong đó nước nhỏ, quốc gia tầm trung quan hệ với một nước lớn hoặc cường quốc mới nổi cả về mặt kinh tế và ngoại giao trong khi áp dụng các biện pháp an ninh dự phòng như một hình thức bảo hiểm [Kuik, 2008; Medeiros, 2005]. Một số khác lại coi “*phòng bị nước đôi*” như một chiến lược an ninh thường được nước nhỏ hay quốc gia tầm trung áp dụng khi họ tìm cách điều hướng mối quan hệ tay ba với Trung Quốc và Mỹ [Goh, 2005; Tessman, 2012]. Cũng có quan niệm rằng “*phòng bị nước đôi*” là một tập hợp các chiến lược nhằm tránh một tình huống mà các quốc gia không thể quyết định một cách đơn giản trong việc tìm các chính sách thay thế như cân bằng, phù thịnh hoặc trung lập [Goh, 2005]. Goh cũng đưa ra hai đặc điểm khác biệt của chính sách này. Một là, ‘phòng bị nước đôi’ được định nghĩa như là một chính sách nằm ở giữa “cân bằng và “phù thịnh” [Goh, 2005]. Hai là, “*phòng bị nước đôi*” cũng mang tính chiến lược trong đó nó liên kết các hành động và các nguồn lực huy động được theo một kế hoạch mạch lạc phản ánh sự tồn tại mục tiêu dài hạn, bao quát và chiến lược [Murray, 2011]. Kuik (2020) cũng nhấn mạnh rằng các nước nhỏ dùng chiến lược “*phòng bị*

*nước đôi*” để tránh đưa ra quyết định một cách rõ ràng liên quan đến việc chọn nghiêng về một cường quốc, thay vào đó là các liên minh thực dụng, đan xen, linh hoạt mà không hề có một cam kết cứng rắn nào.

Cũng như các nước nhỏ khác, Campuchia đang đối diện với cục diện thế giới đang biến động theo hướng đa cực, đa trung tâm và ngày càng phức tạp, cho nên các nước nhỏ thường theo đuổi chính sách “phòng bị nước đôi” để có thể thích ứng tốt hơn với môi trường quốc tế phức tạp như hiện nay. Từ việc nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Campuchia cho thấy, nước này về mặt hình thức đang nỗ lực theo đuổi “phòng bị nước đôi” trong quan hệ với các cường quốc nhất là với Mỹ và Trung Quốc.

### *2.1.1.3. Khái niệm “Cân bằng”*

Khái niệm “cân bằng” (balancing) xuất phát từ lý thuyết cân bằng quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực [Levy, Paul, Winz and Fortmann, 2004] và được các học giả sử dụng trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh xuất phát từ thực tế của châu Âu. Khi Trung Quốc trỗi dậy và cạnh tranh giữa Mỹ - Trung diễn ra phức tạp tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khái niệm “cân bằng” được dùng phổ biến hơn để miêu tả chính sách đối ngoại của các nước nhỏ tại Đông Nam Á. Chiến lược “cân bằng” được hiểu là việc một hay một nhóm quốc gia thực hiện để cân bằng và chống lại các quốc gia mạnh hơn hoặc khi các quốc gia muốn bảo vệ an ninh của họ từ các quốc gia lớn mạnh hơn hoặc những đe dọa tiềm ẩn [Waltz, 1979]. Có nhiều khái niệm liên quan đến “cân bằng” như ‘cân bằng bên trong’, ‘cân bằng bên ngoài’, ‘cân bằng mềm’. Theo Waltz, “cân bằng bên trong” là các quốc gia tăng cường nguồn lực kinh tế và triển khai sức mạnh quân sự cũng như các cơ chế quyền lực nhằm hạn chế các quốc gia mạnh nhất hoặc các quốc gia đang trỗi dậy với các mối đe dọa tiềm ẩn, đồng thời có thể cạnh tranh hiệu quả hơn trong hệ thống quốc tế. Ngược lại, “cân bằng bên ngoài” là việc các nước nhỏ hơn tập hợp lại với nhau và hình thành một liên minh để cân bằng và chống lại đối với một bá quyền hoặc cường quốc mới nổi với các mối đe dọa tiềm ẩn [Waltz, 1979]. Trong thế giới bất ổn như ngày nay, chiến lược “cân bằng mềm” đang nổi lên như một lựa chọn ưu việt hơn cho các nước nhỏ và quốc gia tầm trung thông qua các công cụ phi quân sự như chính sách ngoại giao, chính sách kinh tế, các thể chế và hiệp định quốc tế, các cơ chế đa phương nhằm trì hoãn, làm nản

lòng và làm suy yếu hành động, chiến lược và quyết định đơn phương của các nước muốn làm lãnh đạo bá quyền thế giới [Page, Paul, 2005].

Campuchia là một quốc gia nhỏ, do đó phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc ứng phó với sức ép từ các cường quốc. Trước tình hình đó, nước này đã chủ động theo đuổi chính sách “cân bằng” nhằm duy trì ổn định và bảo vệ lợi ích quốc gia. Đặc biệt, kể từ năm 2013, khi Mỹ gia tăng các biện pháp gây sức ép về chính trị - ngoại giao, Campuchia đã tích cực tìm kiếm các đối tác hợp tác khác để cân bằng trong quan hệ đối ngoại. Mặc dù đây là một thách thức lớn đối với Campuchia, song phương thức này được chính quyền Phnom Penh xem là một hướng đi cần thiết trong bối cảnh địa chính trị khu vực ngày càng phức tạp.

#### *2.1.1.4. Khái niệm “Phù thịnh”*

Khái niệm “phù thịnh” (bandwagoning) cũng xuất hiện trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, được dùng để miêu tả một chiến lược của các nước nhỏ duy trì an ninh quốc gia bằng cách tìm kiếm sự bảo vệ từ một thế lực mạnh hơn bằng cách liên minh với chính thế lực này. Theo Kang (2009), “phù thịnh” được hiểu là những nỗ lực rõ ràng của các nước nhỏ nhằm thu hút sự ủng hộ của một nước lớn thông qua các liên minh quân sự hoặc hợp tác kinh tế và ngoại giao [Kang, 2009, tr.5]. Điều này có nghĩa là các nước nhỏ thường phải bằng lòng, ủng hộ hoặc không phản đối các chính sách của các quốc gia chiếm ưu thế mặc dù những hành động đó có thể ảnh hưởng tới người đến sau. Hơn nữa, các nước nhỏ có thể phải từ bỏ mức độ tự chủ đáng kể trong các hoạt động quốc tế để đổi lấy sự bảo vệ của kẻ mạnh. Theo Waltz (1979), “phù thịnh” thường xảy ra trong những trường hợp sau: Một là, các nước càng nhỏ thì càng có xu hướng “phù thịnh” hơn là “cân bằng”. Hai là, các nước không có đồng minh hoặc giới hạn về số lượng đồng minh; Ba là, phục vụ lợi ích chung của kẻ yếu và kẻ mạnh [Waltz, 1979, tr.125-126]. Liên quan đến khái niệm này, một số học giả cho rằng có hai loại “phù thịnh”: “phù thịnh giới hạn” (limited bandwagoning) và “phù thịnh thuần túy” (pure bandwagoning). “Phù thịnh giới hạn” biểu thị tình huống trong đó một nước nhỏ hơn liên kết với một nước lớn hơn nhưng đồng thời cố gắng duy trì quan hệ với một cường quốc khác lớn hơn. “Phù thịnh thuần túy” đề cập đến tình huống trong đó một nước nhỏ hơn liên kết với một cường quốc lớn hơn và dần dần tách mình ra khỏi một cường quốc khác. Trên con đường từ “phù thịnh giới hạn” đến

“phù thịnh thuần túy” còn tồn tại loại hình “phù thịnh toàn diện” (comprehensive bandwagoning) trong đó đề cập đến nỗ lực của các nước nhỏ nhằm liên kết với một cường quốc lớn hơn trên nhiều phương diện: quân sự, kinh tế, chính trị và ngoại giao nhưng không nhằm mục tiêu vào quốc gia nào cụ thể và cũng không tìm cách tách mình ra khỏi cường quốc lớn hơn khác [Kuik, 2008, tr.167-169].

Campuchia được xem là thực hiện chính sách "phù thịnh" trong quan hệ với các cường quốc, đặc biệt với Trung Quốc và điều này tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của nước này với Mỹ. Khi xem xét chính sách đối ngoại của Campuchia đối với các cường quốc, có thể thấy rằng việc Mỹ gia tăng sức ép đối với Phnom Penh chủ yếu nhằm vào ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc đối với quốc gia Đông Nam Á này. Vì vậy, việc làm rõ chính sách "phù thịnh" của Campuchia sẽ giúp nhận diện rõ hơn về việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, cũng như kết quả của chính sách này trong giai đoạn 2009 - 2024.

### **2.1.2. Đặc điểm chính sách đối ngoại của các nước nhỏ**

Đặc điểm chính sách đối ngoại của các nước nhỏ có sự khác biệt rõ rệt so với các nước lớn do hạn chế về nguồn lực và ảnh hưởng toàn cầu. David Vital (1967) nhận xét rằng các “nước nhỏ” dễ bị tổn thương trước áp lực, dễ nhượng bộ khi bị ép buộc, có ít lựa chọn về mặt chính trị và chịu sự gắn kết chặt chẽ giữa các vấn đề đối nội và đối ngoại [David Vital, 1967, tr.30-50]. Rothstein (1968) cho rằng các “nước nhỏ” thường cảm thấy bản thân bị đe dọa bởi các chính sách của nước lớn [Rothstein, 1968, tr.29-35]. Theo Waltz (1979), các “nước nhỏ” thường dựa vào viện trợ, đầu tư hoặc bảo trợ an ninh từ các nước lớn để bù đắp sự thiếu hụt nguồn lực nội tại. Điều này làm giảm khả năng tự chủ chiến lược của họ [Kenneth Waltz, 1979, p.118-120; p.131-135]. Trong bối cảnh chính trị quốc tế, các “nước nhỏ” thường được xem là “rule takers” (người chấp nhận luật chơi) hơn là “rule makers” (người định hình luật chơi). Tuy vậy, điều này không có nghĩa là họ không có vai trò; trong những điều kiện nhất định, “nước nhỏ” vẫn có thể tác động hiệu quả đến chính sách đối ngoại và nội bộ của các nước lớn [Đỗ Thị Thủy, 2021, tr.20]. Về hành vi, do sự chênh lệch lớn về tầm vóc và sức mạnh, các “nước nhỏ” thường phải nhẫn nhịn, tôn trọng vị thế của nước lớn và đôi khi buộc phải nhượng bộ để đảm

bảo an ninh và ổn định. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới hiện nay, các “nước nhỏ” thường thông qua các cơ chế đa phương như LHQ và các tổ chức quốc tế, các “nước nhỏ” đã có thể tự khẳng định mình như những chủ thể độc lập và bình đẳng trong cộng đồng quốc tế. Điều này cho phép các “nước nhỏ” giữ vững độc lập chủ quyền và đôi khi đôi đầu hiệu quả với sức ép từ các nước lớn. Do đó, ranh giới giữa sự nhần nhin cần thiết và sự nhượng bộ thái quá trở nên mong manh và phụ thuộc vào tầm nhìn, bản lĩnh và nghệ thuật lãnh đạo của mỗi quốc gia.

Đặc điểm đáng chú ý của các nước nhỏ là sự thiếu hụt sức mạnh quân sự, khi nền kinh tế và dân số hạn chế khiến họ không thể duy trì lực lượng quân sự mạnh mẽ hoặc tham gia các chiến dịch quân sự lâu dài. Theo Thorhallsson và Steinsson (2017), việc thiếu vùng đệm an ninh làm các nước nhỏ dễ bị tổn thương trước các mối đe dọa từ các quốc gia lớn. Điều này không chỉ là yếu điểm về quân sự mà còn phản ánh hạn chế trong năng lực ngoại giao và đàm phán quốc tế. Những nước có nền kinh tế yếu kém hoặc diện tích lãnh thổ nhỏ sẽ gặp khó khăn trong việc huy động đủ nhân lực ngoại giao và tham gia vào các tiến trình đàm phán quốc tế quan trọng [Mattila, 2004, tr. 34-35]. Để thịnh vượng, các nước nhỏ cần một nền kinh tế quốc tế mở, nơi mà các nước có thể tự do giao thương. Mặc dù cả nước lớn và nhỏ đều hưởng lợi từ thương mại tự do, nhưng các quốc gia nhỏ phụ thuộc nhiều hơn vào thương mại để phát triển. Khác với các nước lớn có thị trường trong nước rộng lớn, cho phép họ tiếp cận dễ dàng với thị trường toàn cầu mà không gặp phải rào cản lớn, trong khi đó, các nước nhỏ, với thị trường trong nước hạn chế, cần giảm thiểu các rào cản thuế quan và phi thuế quan để tối đa hóa thương mại quốc tế. Do đó, sự tồn tại và thịnh vượng của các nước nhỏ chủ yếu phụ thuộc vào mức độ cởi mở của nền kinh tế toàn cầu [Alesina & Spolaore, 2003].

Trong chiến lược an ninh, các nước nhỏ thường theo đuổi nhiều chính sách an ninh khác nhau nhằm thích ứng với môi trường địa chính trị phức tạp. Họ có thể giữ thái độ trung lập hoặc tham gia liên minh, thực hiện chính sách hòa nhập với các cường quốc hoặc áp dụng chiến lược cân bằng để duy trì sự độc lập và ổn định [Labs, 1992]. Một đặc điểm nổi bật trong hành vi đối ngoại của các nước nhỏ là xu hướng phụ thuộc vào các nước lớn trong một trật tự phân cấp quốc tế. Việc tham

gia vào một hệ thống phân cấp không chỉ được xem là thực tế bắt buộc, mà còn là một chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi ích trong bối cảnh bị giới hạn về nguồn lực. Trong mối quan hệ phân cấp này, các nước nhỏ kỳ vọng đạt được ba lợi ích chính [Lake, 2009, tr.4-7]: (i) tăng cường an ninh và bảo đảm toàn vẹn lãnh thổ thông qua sự bảo trợ hoặc cam kết an ninh từ các cường quốc; (ii) thiết lập và bảo vệ rõ ràng quyền sở hữu và lợi ích, cả trong nước lẫn quốc tế, qua đó giảm thiểu tình trạng bất ổn, xung đột và chi phí giao dịch trong các hoạt động thương mại và ngoại giao và (iii) tham gia vào việc xây dựng và tuân thủ các chuẩn mực ứng xử chung.

Ngoài các yếu tố hạn chế về quân sự và ngoại giao, các nước nhỏ cũng cần sự tự chủ trong việc xây dựng chính sách đối ngoại nhằm bảo vệ lợi ích của mình. Họ phải tìm cách đối phó với sự bất cân xứng về quyền lực khi phải tương tác với các nước lớn. Các chiến lược chính sách đối ngoại của họ có thể bao gồm việc tham gia vào các liên minh đa phương hoặc xây dựng các liên kết song phương với những quốc gia mạnh hơn để bảo vệ an ninh và kinh tế.

Trong bối cảnh này, các nước nhỏ phải đối mặt với sự lựa chọn giữa ba phương thức chủ yếu: phù thịnh, cân bằng và phòng bị nước đôi. Thứ nhất, phương thức phù thịnh là lựa chọn khi các nước nhỏ liên kết với các cường quốc mạnh nhất để nhận sự hỗ trợ về an ninh và kinh tế, giúp duy trì ổn định quốc gia. Đồng thời, *“các cường quốc cân bằng với các thế lực bá chủ tiềm tàng, trong khi các nước nhỏ ở gần các nước mạnh sẽ làm những gì cần thiết để tồn tại... phù thịnh với thế lực mạnh thay vì cân bằng với họ.”* [Levy, 1989, tr.231]. Tuy nhiên, phương thức này có thể khiến các nước nhỏ phụ thuộc quá mức vào các quốc gia lớn, mất dần khả năng tự quyết và dễ bị thao túng trong các quyết định chính trị [Walt, 1987, tr. 29]. Thứ hai, phương thức cân bằng yêu cầu các nước nhỏ xây dựng liên minh với các quốc gia yếu hơn để chống lại sức mạnh của các quốc gia lớn. Tuy nhiên, việc duy trì các liên minh này thường gặp khó khăn do nguồn lực hạn chế và chiến lược này có thể không luôn mang lại hiệu quả trong thực tế khi các liên minh không đủ mạnh hoặc không ổn định. Thứ ba, phương thức phòng bị nước đôi là một lựa chọn linh hoạt hơn. Các nước nhỏ có thể duy trì quan hệ hợp tác với nhiều cường quốc mà không nghiêng hẳn về một bên nào, giúp giảm thiểu rủi ro xung đột và bảo vệ lợi

ích quốc gia trong bối cảnh các cường quốc đối đầu. Phương thức này giúp các nước nhỏ tối ưu hóa lợi ích mà không phải đối đầu trực tiếp với bất kỳ cường quốc nào, đồng thời duy trì một trạng thái độc lập và sự linh hoạt trong chính sách đối ngoại. Phương thức này có thể kết hợp hợp tác, thỏa hiệp và cảnh giác, nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia mà không làm mất đi chủ quyền hay sự ổn định chính trị.

Một trong những yếu tố giúp các nước nhỏ duy trì ổn định trong chính sách đối ngoại là sự linh hoạt trong hoạt động ngoại giao. Mặc dù các quốc gia này không có đủ lực lượng ngoại giao hùng mạnh như các nước lớn, nhưng họ có thể tận dụng sự tự chủ trong quyết định để phản ứng nhanh chóng với các tình huống thay đổi. Điều này cho phép họ thích ứng với môi trường quốc tế một cách linh hoạt hơn so với các quốc gia lớn với hệ thống hành chính phức tạp [Thorhallsson, 2000].

Một lợi thế đáng kể khác của các quốc gia nhỏ là khả năng phát triển sức mạnh mềm, điều này giúp họ tăng cường ảnh hưởng quốc tế mà không cần dựa vào sức mạnh cứng. Các nước nhỏ có thể sử dụng văn hóa, giá trị xã hội và thành tựu chính sách công để xây dựng một hình ảnh quốc tế về sự hòa bình, trung lập và hợp tác. Sức mạnh mềm, theo Joseph Nye (1990), là khả năng thu hút sự chú ý và sự ủng hộ của các quốc gia khác thông qua các phương tiện phi cưỡng chế như sự hấp dẫn và thuyết phục [Nye, 1990, tr. 9, 153-171].

Bên cạnh những chính sách ngoại giao này, các nước nhỏ cũng có thể gia tăng ảnh hưởng thông qua việc tham gia vào các liên minh khu vực hoặc các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các cơ quan chuyên môn. Điều này không chỉ giúp họ mở rộng khả năng ngoại giao mà còn nâng cao năng lực thể chế trong các diễn đàn quốc tế, từ đó bảo vệ lợi ích quốc gia một cách hiệu quả [Bailes, Thayer & Thorhallsson, 2016; Koga, 2017].

Áp dụng vào trường hợp chính sách đối ngoại của Campuchia, là nước nhỏ nên Campuchia phải tận dụng các phương thức như cân bằng, phù thiện và phòng bị nước đôi để bảo vệ lợi ích quốc gia mà không cần phải đối đầu trực tiếp với các cường quốc. Những phương thức này giúp Campuchia giữ vững quyền tự chủ, đồng thời duy trì ổn định trong một khu vực có nhiều biến động chính trị.

### **2.1.3. Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế**

#### **2.1.3.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Hiện thực về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ**

Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế tập trung vào các yếu tố quyền lực, lợi ích quốc gia và cạnh tranh giữa các quốc gia, với giả định rằng hệ thống quốc tế là vô chính phủ. Vì bản chất vô chính phủ của thế giới và luôn sống trong môi trường cạnh tranh, vì nhu cầu quyền lực tất yếu của quốc gia, nên mọi quốc gia đều tìm cách có được quyền lực để bảo vệ chủ quyền và lợi ích cũng như đảm bảo sự tồn tại lâu dài của mình. Hans Morgenthau cho rằng quyền lực là động lực, mục tiêu trong chính sách đối ngoại của mỗi nước, là lợi ích cơ bản của quốc gia. Lợi ích quyền lực là chuẩn mực khách quan và nó có thể thay đổi phương cách tùy theo hoàn cảnh của từng quốc gia, tuy nhiên, mọi quốc gia vẫn theo đuổi lợi ích quyền lực [Hans Morgenthau, 1949, tr. 79]. Quốc gia nào không tự chủ về quyền lực sẽ dễ bị chi phối bởi các nhân tố bên ngoài [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.42] và dù mục đích cuối cùng của chính trị thế giới có thể khác nhau nhưng quyền lực luôn là mục tiêu trước mắt và quan trọng nhất. Nhận định này đặc biệt phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia, một quốc gia nhỏ trong khu vực Đông Nam Á. Với vị thế hạn chế về sức mạnh, Campuchia khó có thể thoát khỏi sự chi phối của môi trường bên ngoài, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc. Điều này có nghĩa là chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ luôn chịu tác động trực tiếp từ các nhân tố bên ngoài, thể hiện rõ qua việc nước này thường xuyên điều chỉnh chính sách nhằm thích ứng với sự dịch chuyển quyền lực trong khu vực và toàn cầu.

Nếu Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển nhấn mạnh đến bản chất con người và nhu cầu quyền lực tất yếu, thì Chủ nghĩa Hiện thực mới (*Tân Hiện thực*) của Kenneth Waltz lại tập trung vào cấu trúc hệ thống quốc tế. Waltz cho rằng hệ thống quốc tế vô chính phủ không đồng nghĩa với hỗn loạn tuyệt đối; ngay cả khi có các tổ chức và liên minh quốc tế thì bản chất vô chính phủ vẫn không thay đổi và chính sự phân bổ quyền lực trong bối cảnh vô chính phủ mới quyết định hành vi của các quốc gia.

[Waltz, 1979, tr.114; Waltz, 1997, tr.915]. Trật tự thế giới được xây dựng theo nhiều mô hình khác nhau. Một trong những mô hình nổi tiếng liên quan đến vấn đề nghiên cứu đó là “*mô hình những quả bi a (Billiard Ball Model)*”. Theo mô hình này, các quốc gia được ví như những quả bi a và tương tác giữa chúng chủ yếu là va đập. Trong quá trình va đập, những quả bi nhỏ hơn (quyền lực thấp hơn) có thể bị “văng đi” hoặc “dừng lại”, trong khi các quả bi lớn hơn (có quyền lực cao hơn) vẫn tiếp tục đi dù có thể hơi bị giảm tốc độ hoặc chệch hướng chút ít [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.42]. Theo đó, quốc gia nhỏ như Campuchia buộc phải lựa chọn giữa các phương thức cân bằng (balancing), phù thịnh (bandwagoning) hoặc phòng bị nước đôi (hedging) để thích ứng với áp lực từ các cường quốc. Thực tiễn chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ từ năm 2009 - 2016 có thể được nhìn nhận như một dạng “va đập” nhẹ nhàng, trong đó Campuchia - một “quả bi nhỏ” - tận dụng sự tương tác với Mỹ - một “quả bi lớn” - để củng cố lợi ích quốc gia mà không bị đẩy ra khỏi quỹ đạo của mình. Ngược lại, từ năm 2017, mối quan hệ chuyển sang “*va đập mạnh*” do Mỹ gia tăng sức ép về dân chủ và nhân quyền, khiến Campuchia chịu tác động nặng nề và dịch chuyển chiến lược về phía Trung Quốc - một “*quả bi lớn*” khác trong khu vực. Nhìn từ mô hình này, có thể thấy chính sách đối ngoại của Campuchia phản ánh rõ tính chất không cân xứng trong quan hệ giữa quốc gia nhỏ và siêu cường, đồng thời khẳng định tính chính xác của luận điểm hiện thực mới rằng hành vi quốc gia chịu sự quy định bởi nhu cầu cân bằng quyền lực trong hệ thống vô chính phủ.

Bên cạnh đó, Chủ nghĩa Hiện thực tân cổ điển đưa ra một cách nhìn bổ sung khi kết hợp yếu tố cấu trúc hệ thống với các yếu tố nội bộ trong nước [Norrin M. Ripsman, 2017; Gideon Rose, 1998, tr.144 -145] cho rằng bản chất con người vốn ích kỷ, ham muốn quyền lực, nhưng cách quốc gia ứng xử không chỉ do cấu trúc hệ thống quyết định mà còn chịu ảnh hưởng từ chính trị nội bộ, thể chế trong nước và nhận thức của các nhà lãnh đạo. Luận điểm này cho thấy, để lý giải chính sách đối ngoại, cần phải tính đến “*các biến trung gian*” (intervening variables) trong nước, tức là những nhân tố nội bộ có khả năng định hướng cách quốc gia phản ứng trước sức ép bên ngoài [Ripsman et al, 2016, tr.196]. Trường hợp Campuchia là một minh

chúng điển hình: chính quyền của Thủ tướng Hun Sen luôn đặt ưu tiên hàng đầu vào việc duy trì quyền lực và sự ổn định của chế độ. Do đó, lợi ích quốc gia không chỉ được hiểu theo nghĩa bảo vệ chủ quyền và an ninh trước các mối đe dọa bên ngoài, mà còn gắn liền với việc bảo vệ sự tồn tại của hệ thống chính trị đương nhiệm [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.37]. Đây chính là lý do tại sao các giá trị dân chủ và nhân quyền vốn được Mỹ đề cao lại thường bị Campuchia coi là thứ yếu. Khi Mỹ áp đặt các biện pháp trừng phạt và chỉ trích mạnh mẽ tình hình nhân quyền sau năm 2017, phản ứng của Phnom Penh không chỉ phản ánh bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung, mà còn xuất phát từ nhu cầu bảo vệ chế độ trong nước. Việc Campuchia chuyển hướng sang hợp tác sâu hơn với Trung Quốc vì vậy vừa là hệ quả của cấu trúc hệ thống vô chính phủ, vừa là kết quả trực tiếp của các động lực nội bộ, phù hợp với luận điểm trung tâm của Chủ nghĩa Hiện thực tân cổ điển.

Nhìn tổng thể, cả ba nhánh của Chủ nghĩa Hiện thực đều góp phần lý giải chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ trong giai đoạn 2009 - 2024. Chủ nghĩa Hiện thực cổ điển chỉ ra rằng một quốc gia nhỏ, yếu thế như Campuchia khó có thể thoát khỏi sự chi phối của môi trường bên ngoài. Chủ nghĩa Hiện thực mới nhấn mạnh rằng nhu cầu cân bằng quyền lực trong một hệ thống vô chính phủ đã buộc Campuchia phải liên tục điều chỉnh phương thức trong chính sách đối ngoại. Còn Chủ nghĩa Hiện thực tân cổ điển giúp giải thích vì sao chính trị nội bộ, đặc biệt là nhu cầu bảo vệ chế độ của giới lãnh đạo, đã tác động trực tiếp đến chính sách đối ngoại, khiến Campuchia chấp nhận “xa rời” Mỹ để tìm sự hậu thuẫn từ Trung Quốc. Từ ba lăng kính này, có thể thấy rõ rằng chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ không chỉ là sự tương tác đơn giản giữa một nước nhỏ và một nước lớn, mà còn là sự phản ánh của các nguyên lý cơ bản trong Chủ nghĩa Hiện thực, nơi quyền lực, lợi ích và sự sinh tồn luôn là động lực định hình chính sách đối ngoại.

### *2.1.3.2. Quan điểm của Chủ nghĩa Tự do về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ*

Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế nhấn mạnh rằng các quốc gia có thể hợp tác vì lợi ích chung, ngay cả khi có sự khác biệt về quyền lực hoặc các vấn đề chính trị. Hợp tác dần thay thế cho xung đột và trở thành xu thế chính trong chính

trị quốc tế và sẽ đem lại hòa bình [Hoàng Khắc Nam, 2017a, tr.72]. Điều này phản ánh quan điểm của Chủ nghĩa Tự do rằng sự phụ thuộc lẫn nhau có thể tạo ra động lực cho hòa bình và hợp tác, thay vì xung đột quyền lực như trong Chủ nghĩa Hiện thực [Cynthia Weber, 2005; Tim Dunne, Milja Kurki, Steve Smith, 2012; Mykola Kapitonenko, 2022]. Trong chính sách đối ngoại của Campuchia và Mỹ giai đoạn 2009 - 2024, tự do kinh tế, tự do dân chủ và thể chế đa phương là những yếu tố chính giúp hai quốc gia duy trì quan hệ, mặc dù có những bất đồng trong các vấn đề chính trị và nhân quyền.

Thứ nhất, lợi ích kinh tế có thể là động lực quan trọng giúp các quốc gia, dù là mạnh hay yếu, hợp tác với nhau. Đặc biệt, Campuchia và Mỹ đã xây dựng quan hệ hợp tác vững mạnh trong lĩnh vực kinh tế bất chấp những khác biệt về chính trị. Mỹ đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp viện trợ phát triển và hỗ trợ tài chính cho Campuchia, đặc biệt qua các chương trình của USAID nhằm cải thiện các lĩnh vực như y tế, giáo dục và nông nghiệp. Campuchia, với nền kinh tế phát triển chậm, đã tận dụng viện trợ và đầu tư từ Mỹ để thúc đẩy các ngành quan trọng, như nông nghiệp, dệt may và cơ sở hạ tầng. Việc hợp tác kinh tế này đã giúp Campuchia tăng trưởng kinh tế, tạo ra việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Mặc dù giữa hai nước tồn tại một số căng thẳng trong các vấn đề chính trị và nhân quyền, hợp tác kinh tế vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ [Ferguson, 2016, tr.593]. Điều này chứng tỏ rằng lợi ích kinh tế có thể là yếu tố chủ yếu giúp duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững giữa các quốc gia, ngay cả khi có những sự khác biệt về các yếu tố khác trong quan hệ quốc tế [Aharon Barth, 2000].

*Thứ hai*, Chủ nghĩa Tự do cũng cho rằng các quốc gia dân chủ thường có xu hướng hợp tác và ít xảy ra xung đột, bởi việc chia sẻ những chuẩn mực chung về tự do, minh bạch và nhân quyền đã góp phần quan trọng trong việc định hình mối quan hệ giữa các quốc gia [Doyle, 1983]. Mỹ luôn đặt dân chủ và nhân quyền là trọng tâm trong chính sách đối ngoại của mình, đặc biệt trong các quốc gia như Campuchia, nơi mà chính phủ kiểm soát chặt chẽ quyền lực và hạn chế các quyền tự do chính trị. Tuy nhiên, trong khi Campuchia coi những yêu cầu này là sự can thiệp vào công việc nội bộ, Mỹ lại coi việc thúc đẩy dân chủ là điều cần thiết để tăng

cường quan hệ lâu dài và ổn định. Chính sự khác biệt trong quan điểm về dân chủ và nhân quyền đã tạo ra rào cản chính trị trong mối quan hệ giữa hai quốc gia. Mỹ sử dụng các yêu cầu về dân chủ và nhân quyền để tạo áp lực, đặc biệt trong các giai đoạn có những căng thẳng chính trị nội bộ tại Campuchia. Tuy nhiên, chính các mâu thuẫn này cũng cho thấy sự phụ thuộc lẫn nhau giữa hai quốc gia. Trong khi Campuchia cần sự hỗ trợ kinh tế và chiến lược từ Mỹ, Mỹ lại cần Campuchia duy trì sự ổn định chính trị để đảm bảo an ninh khu vực Đông Nam Á, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh với Trung Quốc.

*Thứ ba*, một yếu tố quan trọng khác của Chủ nghĩa Tự do là tự do thể chế thông qua việc thúc đẩy hợp tác thông qua thể chế đa phương và các tổ chức quốc tế [Nye.J., 2011, tr.17]. Campuchia đã tận dụng các cơ chế đa phương, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN, để tham gia vào các sáng kiến của Mỹ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và chiến lược khu vực. Tự do thể chế thể hiện ở việc tham gia vào các thể chế quốc tế giúp các quốc gia nhỏ như Campuchia tăng cường vai trò của mình trong các vấn đề khu vực và quốc tế, đồng thời giảm thiểu sự phụ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào. Trong mối quan hệ với Mỹ, Campuchia cũng tham gia vào các sáng kiến sáng kiến LMI, qua đó thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực như phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nước. Điều này cho thấy rằng sự tham gia vào các cơ chế đa phương không chỉ giúp Campuchia tăng cường ảnh hưởng quốc tế mà còn giúp nước này duy trì mối quan hệ hợp tác vững chắc với Mỹ, dù có những sự khác biệt trong các vấn đề chính trị.

### *2.1.3.3. Quan điểm của Chủ nghĩa Kiến tạo về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ*

Chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh rằng hành vi của các quốc gia không chỉ được hình thành bởi quyền lực vật chất mà còn bởi các yếu tố bản sắc, giá trị và các cấu trúc xã hội [Wendt, 1992, tr.392]. Trong đó, các quốc gia hành xử dựa trên bản sắc của họ và cách họ nhìn nhận bản sắc của quốc gia khác [Sharafutdinova, 2003, tr.615]. Hay nói cách khác, bản sắc của quốc gia sẽ hàm ý những ưu tiên và hành động đi kèm của quốc gia đó. Một quốc gia sẽ hiểu quốc gia khác thông qua những bản sắc mà nó gán cho quốc gia đó. Đồng thời, quốc gia cũng sẽ tái tạo bản sắc của

mình thông qua việc thực hành xã hội hàng ngày [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.103]. Trong trường hợp của Campuchia và Mỹ, mối quan hệ giữa hai quốc gia không chỉ phản ánh sự chênh lệch về quyền lực vật chất mà còn gắn liền với cách mỗi quốc gia xác định bản sắc của mình trên trường quốc tế.

*Thứ nhất*, Mỹ, với tư cách là một nước lớn, tự xác định mình là quốc gia đi đầu trong việc thúc đẩy dân chủ và nhân quyền trên phạm vi toàn cầu. Mỹ nhìn nhận bản sắc quốc gia mình như một “*người bảo vệ tự do*” cho các quốc gia khác, trong đó có Campuchia. Ngược lại, Campuchia, với tư cách là một quốc gia nhỏ hơn, định hình bản sắc của mình dựa trên chủ quyền và sự ổn định chính trị nội bộ. Sau những thăng trầm lịch sử, đặc biệt là dưới ảnh hưởng của các cuộc xung đột trong thế kỷ 20, Campuchia đặt mục tiêu bảo vệ sự độc lập và tự chủ của quốc gia trong bối cảnh các cường quốc có ảnh hưởng trong khu vực như Mỹ và Trung Quốc. Đây chính là mối quan hệ xã hội được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế về chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia. Những chuẩn mực này không chỉ là công cụ của các cường quốc mà còn là yếu tố quan trọng giúp Campuchia duy trì tự chủ trong chính sách đối ngoại, mặc dù họ phải đối mặt với một cường quốc như Mỹ. Hành vi của quốc gia không chỉ phụ thuộc vào lợi ích vật chất mà còn từ cách mỗi quốc gia nhìn nhận và tương tác với nhau thông qua các giá trị và bản sắc chung [Wendt, 1992, tr. 413]. Chính vì thế, bản sắc của mỗi quốc gia, bao gồm Campuchia và Mỹ, trở thành yếu tố định hình sự tương tác và hành động của họ trong quan hệ quốc tế [Jung, 2029, tr.2].

*Thứ hai*, khi nhìn vào môi chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, ta thấy một sự tương đồng trong các giá trị chung, đặc biệt là khi xét đến sự nhấn mạnh của Campuchia vào hòa bình, ổn định và trung lập trong khu vực Đông Nam Á. Dù là một quốc gia nhỏ, Campuchia đã sử dụng những giá trị này như một phương tiện để định vị bản thân trong ASEAN và cộng đồng quốc tế. Từ năm 2009 đến năm 2024, Campuchia đã thúc đẩy hình ảnh một quốc gia hòa bình, ổn định và không bị chi phối bởi các thế lực bên ngoài, qua đó tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với Mỹ, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến viện trợ kinh tế và hợp tác phát triển. Điều này cũng có thể hiểu như một phần trong cách định hình bản sắc của Campuchia, trong đó nước

này muốn thể hiện mình như một quốc gia có trách nhiệm trong các vấn đề khu vực và toàn cầu. Thực tế, khi Mỹ áp dụng các lệnh trừng phạt đối với Campuchia, quốc gia này đã nhanh chóng phản ứng và thắt chặt hơn nữa quan hệ với Trung Quốc, qua đó thể hiện sự linh hoạt trong việc duy trì cân bằng và tự chủ. Campuchia đã khéo léo sử dụng các chuẩn mực quốc tế như chủ quyền và không can thiệp để bảo vệ lợi ích quốc gia, tránh bị áp lực quá mức từ phía Mỹ.

*Thứ ba*, các yếu tố phi vật chất như hình ảnh, bản sắc và các chuẩn mực quốc tế cũng quan trọng như quyền lực vật chất trong quan hệ quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.105; Akerlof, 1980]. Campuchia đã tận dụng quyền lực phi vật chất này để giảm thiểu sự bất đối xứng quyền lực với Mỹ. Một ví dụ rõ ràng là việc Campuchia sử dụng chính sách ngoại giao mềm để xây dựng hình ảnh một quốc gia hòa bình, ổn định và có trách nhiệm trong các tổ chức quốc tế như ASEAN. Điều này không chỉ giúp Campuchia duy trì mối quan hệ hòa bình với Mỹ mà còn gia tăng khả năng đàm phán, bảo vệ lợi ích quốc gia trong các vấn đề như viện trợ và hợp tác kinh tế. Chính sự tái tạo bản sắc của mỗi quốc gia trong các tương tác xã hội hàng ngày đã góp phần duy trì hoặc thay đổi mối quan hệ giữa các quốc gia [Smith, 2000, tr.796; Magam, 2022, tr.149]. Campuchia, qua các chính sách đối ngoại, đã định vị lại bản sắc quốc gia trong mắt Mỹ và các cường quốc khác, từ đó không chỉ duy trì tự chủ mà còn tối đa hóa lợi ích trong bối cảnh quốc tế đầy biến động.

Do đó, dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Kiến tạo, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ không chỉ là kết quả của sự chênh lệch về quyền lực vật chất, mà còn là sản phẩm của sự tương tác xã hội, các giá trị và bản sắc quốc gia mà mỗi bên xây dựng và nhận thức về nhau. Bằng cách tận dụng các yếu tố phi vật chất và các chuẩn mực quốc tế, Campuchia đã thành công trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia của mình và duy trì tự chủ trong quan hệ với một cường quốc như Mỹ.

#### *2.1.3.4. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác về chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ*

Theo Chủ nghĩa Mác, xu hướng phân hóa giàu nghèo quy định địa vị khác nhau giữa các quốc gia và dẫn đến sự phân tầng trong hệ thống thế giới [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.135; David Harvey, 2003, tr.87-88]. Trong hệ thống thế giới,

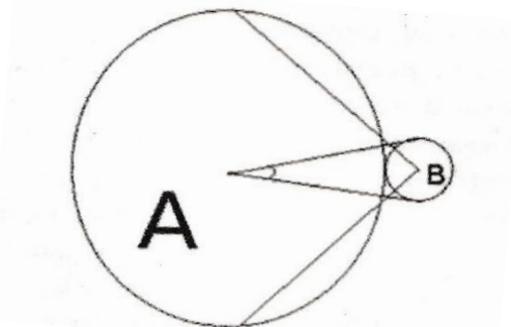
các nước phát triển đóng vai trò chi phối, còn các nước đang phát triển đóng vai trò phụ thuộc. Các học giả lý thuyết phụ thuộc mô tả sự phân tầng này bằng nhiều hình thức khác nhau như “*trung tâm*” và “*ngoại vi*”, quốc gia chi phối và quốc gia phụ thuộc, trung tâm và vệ tinh [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.135]. Nói một cách đơn giản hơn, lý thuyết này nhấn mạnh cách mà các quốc gia đang phát triển (gọi là “*ngoại vi*”) lệ thuộc vào các quốc gia giàu và phát triển hơn (gọi là “*trung tâm*”). Theo lý thuyết này, sự phụ thuộc kinh tế này không chỉ là một phần tự nhiên của hệ thống quốc tế mà còn là kết quả của các chính sách và cấu trúc kinh tế do các quốc gia phát triển áp đặt. Hơn nữa, do sức mạnh và sự chi phối về kinh tế của các nước giàu được chuyển hóa thành sức mạnh và sự chi phối về chính trị, bất bình đẳng về kinh tế sẽ dẫn đến bất bình đẳng về chính trị. Sự phụ thuộc này khiến các nước nghèo vẫn tiếp tục bị đẩy ra “*ngoại vi*”, đồng thời sự phụ thuộc này góp phần tạo ra quyền lực của các quốc gia chi phối đối với các quốc gia phụ thuộc. Trên thực tế, nền kinh tế Campuchia đang bị phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc. Vận dụng Lý thuyết phụ thuộc vào phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ từ 2009 - 2024, ta thấy rằng sự phụ thuộc kinh tế của Campuchia vào Mỹ và Trung Quốc đã định hình các lựa chọn đối ngoại của nước này theo hướng cân bằng động giữa hai “*trung tâm*”. Trung Quốc, với vai trò ngày càng lớn về kinh tế và quân sự, đã đẩy Campuchia xa Mỹ trong một số giai đoạn, nhưng Campuchia cũng không từ bỏ hoàn toàn Mỹ để tránh bị “*lệ thuộc*” hoàn toàn vào một bên (Trung Quốc). Sự phân tầng “*trung tâm - ngoại vi*” trong hệ thống thế giới không chỉ giải thích sự bất bình đẳng kinh tế và chính trị mà Campuchia phải đối mặt, mà còn làm rõ cách mà nước này điều chỉnh chính sách đối ngoại để tồn tại trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung.

#### 2.1.3.5. Lý thuyết bất cân xứng về sức mạnh trong quan hệ quốc tế

Mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ là một điển hình của quan hệ "nước nhỏ - nước lớn", trong đó, sự chênh lệch về sức mạnh tổng hợp quốc gia, vị trí và ảnh hưởng trên trường quốc tế tạo nên một mối quan hệ bất cân xứng rõ rệt. Theo Brantly Womack (2020), *quan hệ bất cân xứng là mối quan hệ mà bên nhỏ hơn dễ bị tác động hơn trong tương tác với bên lớn hơn bởi sự khác biệt về tiềm lực, nhưng bên lớn*

hơn không thể đơn phương điều chỉnh mối quan hệ” [Brantly Womack, 2020, tr.41]. Lý thuyết này đưa ra một số luận điểm liên quan đến đề tài luận án như sau:

Sự bất cân xứng về tiềm lực có thể dẫn đến sự khác biệt về mức độ tương tác trong quan hệ và mức độ quan tâm của từng bên đến các cặp quan hệ [Shin et al, 2016, tr.235-237]. Bên mạnh hơn (bên A) thường ít quan tâm hơn do nguy cơ bị tác động ít hơn trong khi bên yếu hơn (bên B) thường phải dành sự quan tâm nhiều hơn đến cặp quan hệ (Minh họa tại hình 2.2). Sự khác biệt này dẫn đến sự khác biệt về mặt tương tác [Brantly Womack, 2020, tr.87].



**Hình 2.2. Sự chú ý trong quan hệ bất cân xứng**

*Nguồn: Brantly Womack (2020), tr.104*

Theo Brantly Womack (2020), trong các mối quan hệ bất cân xứng giữa hai quốc gia (quốc gia lớn A và quốc gia nhỏ hơn B), sự điều chỉnh trong quan hệ này thường diễn ra phức tạp và phụ thuộc nhiều vào sự nhìn nhận, ứng xử của cả hai bên.

Đầu tiên, trong những giai đoạn khủng hoảng hoặc khi có sự phán đoán không chính xác, quốc gia A thường tập trung vào các động thái của B mà mình lo ngại, thay vì đánh giá toàn diện tình hình quan hệ song phương. Ví dụ, nếu B liên kết với các nước đối lập với A, quốc gia A sẽ nhìn nhận đây là mối đe dọa tiềm tàng [Womack, 2020, tr.164]. Tuy nhiên, ngay cả trong điều kiện bình thường, các mối quan hệ bất cân xứng thường gặp khó khăn do chênh lệch về tiềm lực, lợi ích và cách tiếp cận. Womack cho rằng, quốc gia lớn A với ít lợi ích cụ thể trong quan hệ sẽ có cách tiếp cận thoải mái hơn, trong khi B lo lắng về việc duy trì sự tự chủ và có xu hướng yêu cầu A tôn trọng điều này. Mối quan hệ này phức tạp hơn vì mỗi bên có kỳ vọng riêng: A muốn B tuân theo khuôn khổ mà mình thiết lập, trong khi B lại lo ngại bị tổn thương và yêu cầu bảo đảm tự chủ [Womack, 2020, tr.164].

Trên thực tế, khi xảy ra các sự cố trong quan hệ, tác động lên quốc gia nhỏ B sẽ lớn hơn. A với sức mạnh vượt trội có thể dễ dàng gây áp lực lên B bằng các biện pháp như cấm vận hoặc phong tỏa nhằm đạt các mục tiêu cụ thể. Ngược lại, B không có đủ tiềm lực để đáp trả và buộc phải tìm cách bảo vệ mình, thường thông qua các liên minh với các cường quốc khác hoặc thông qua các ràng buộc với các tổ chức đa phương để tạo vùng đệm an toàn trước sự áp đặt của A [Womack, 2020, tr.112, tr.129]. Tuy nhiên, A lại có thể diễn giải các nỗ lực này của B là hành động liên minh chống đối, từ đó khiến quan hệ căng thẳng hơn. Khi A trừng phạt B vì liên kết với các quốc gia khác, B sẽ càng tìm kiếm sự hỗ trợ từ bên ngoài, và A lại xem đây là hành động thù địch hoặc thậm chí là "ý đồ" [Womack, 2020, tr.405]. Từ phía B, sự đáp trả mạnh tay của A dễ bị hiểu là biểu hiện của sự đàn áp hoặc đe dọa chiến tranh, thay vì là hành động có giới hạn nhằm răn đe [Womack, 2020, tr.405 - 406]. Những nhận thức lệch pha như vậy dễ khiến đôi bên mất niềm tin vào nhau, làm cho quan hệ thêm căng thẳng.

Theo Womack, các xung đột trong quan hệ bất cân xứng có thể được quản lý thông qua một số phương pháp. Một trong số đó là thường xuyên cập nhật và phi chính trị hóa các vấn đề nhạy cảm, nhằm biến các tranh cãi nóng thành các vấn đề chuyên môn trung lập. Ngoài ra, các nghi thức ngoại giao (như các chuyến thăm cấp cao) đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố sự tôn trọng lẫn nhau. Tôn trọng trong quan hệ bất cân xứng không chỉ mang tính hình thức mà còn là sự thừa nhận cụ thể về vị thế của từng bên: quốc gia nhỏ hơn B mong muốn được công nhận và tôn trọng tự chủ, trong khi quốc gia lớn A kỳ vọng B thừa nhận vai trò lớn mạnh của mình [Womack, 2020, tr.418 - 434].

Cuối cùng, sự ổn định trong quan hệ bất cân xứng được củng cố qua tập tính quan hệ lâu dài. Tập tính này xây dựng dựa trên tiền lệ về sự tôn trọng các ranh giới chính trị và bản sắc riêng của mỗi bên, giúp bên yếu duy trì lòng tin rằng quốc gia lớn sẽ không lấn át các quyền lợi của mình.

Là một quốc gia nhỏ với năng lực kinh tế và quân sự hạn chế so với Mỹ, một siêu cường toàn cầu, trong mỗi quan hệ bất cân xứng này, Campuchia không thể đối

đầu trực tiếp với Mỹ mà phải sử dụng các chính sách ngoại giao thực dụng để bảo vệ lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, lợi thế của Campuchia là mặc dù yếu hơn, Campuchia có lợi thế về vị trí địa chiến lược trong khu vực Đông Nam Á, điều này mang lại giá trị cho Mỹ trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc. Campuchia đã sử dụng đa dạng chiến lược ngoại giao để tối đa hóa lợi ích. Campuchia nhận viện trợ kinh tế và hỗ trợ phát triển từ Mỹ, trong khi duy trì quan hệ chiến lược với Trung Quốc để đảm bảo sự ổn định và nguồn đầu tư lớn. Khi Mỹ áp đặt các lệnh trừng phạt đối với Campuchia, Campuchia cũng phản ứng gay gắt và thắt chặt quan hệ hơn với Trung Quốc, tạo ra sự mất niềm tin giữa hai bên. Lý thuyết này còn thể hiện ở việc Campuchia sử dụng vị trí địa chính trị của mình để thương lượng với Mỹ, đảm bảo rằng họ nhận được sự hỗ trợ cần thiết mà không phải thay đổi hoàn toàn chính sách nội bộ. Campuchia theo đuổi lợi ích phát triển kinh tế và ổn định chính trị thông qua quan hệ với Mỹ, nhưng vẫn giữ quyền tự chủ trong các quyết định chiến lược. Nước nhỏ hơn như Campuchia có thể chấp nhận một số yêu cầu của Mỹ để đạt được viện trợ hoặc hợp tác kinh tế, nhưng họ thường đặt ra các giới hạn đối với sự can thiệp vào các vấn đề nội bộ.

#### ***2.1.4. Lý thuyết về phân tích chính sách đối ngoại***

Chính sách đối ngoại là chủ trương, đường lối, chính sách, chiến lược, sách lược, biện pháp, một bộ phận cấu thành của chính sách quốc gia. Chính sách đối ngoại là sự tiếp tục của chính sách đối nội, là phản ứng của một quốc gia đối với tình hình quốc tế, là đường hướng hoạt động của quốc gia trên trường quốc tế trong quan hệ với các chủ thể quốc tế khác nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ thể chính sách đối ngoại là nhà nước [Vũ Dương Huân, 2018, tr.9].

Chính sách đối ngoại được thể hiện dưới dạng một văn kiện của nhà nước hoặc của đảng cầm quyền; trong phát biểu của lãnh đạo quốc gia, đại diện quốc gia; trong điều ước quốc tế mà quốc gia ký kết và còn được thể hiện qua quan điểm, lập trường, thái độ của đại diện quốc gia tại các hội nghị, diễn đàn quốc tế. Nội dung của chính sách đối ngoại bao gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm và phương hướng hoạt động đối ngoại.

Chính sách đối ngoại của một quốc gia luôn hướng đến ba mục tiêu chính: huy động nguồn lực phát triển, bảo đảm an ninh quốc gia và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Những mục tiêu này được định hình bởi diễn biến của bối cảnh toàn cầu, khu vực và tình hình nội tại của mỗi quốc gia.

Lý thuyết phân tích chính sách đối ngoại giúp giải thích quá trình hình thành, nội dung và cách thức thực hiện các quyết định của quốc gia. Theo Breuning Marijke (2007), phân tích chính sách đối ngoại là việc tìm hiểu cách thức và lý do ra quyết định của các quốc gia [Breuning Marijke, 2007, tr.164]. Trong khi đó, Bruce W. Jentleson nhấn mạnh rằng hoạch định chính sách đối ngoại là quá trình xác định mục tiêu và phương thức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đó [Jentleson Bruce, 2014, tr.7].

Theo các học giả, quy trình hoạch định chính sách đối ngoại thường diễn ra qua bốn bước: i) Định hình chính sách với việc xác định lợi ích quốc gia và các ưu tiên cụ thể; ii) Ra quyết định, bao gồm việc thiết lập nhiệm vụ và lộ trình triển khai; iii) Triển khai chính sách đã ban hành; iv) Đánh giá và điều chỉnh chính sách nhằm phù hợp với bối cảnh thay đổi [Hudson, Day, 2020; Alex, Karl, 2012]. Trong quá trình này, các yếu tố nội bộ (như văn hóa, lịch sử, chính trị) và ngoại vi (như biến động quốc tế) có thể tác động mạnh đến chính sách, buộc quốc gia phải điều chỉnh để đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra. Hay nói cách khác, việc hoạch định chính sách đối ngoại của các quốc gia là một nhiệm vụ phức tạp và thường chịu tác động bởi nhiều nhân tố. Các quyết định chính sách đối ngoại có thể được đưa ra bởi một nhà lãnh đạo duy nhất (ví dụ: tổng thống), một nhóm (ví dụ: Quốc hội), hoặc một liên minh (ví dụ: trong nền dân chủ nghị viện), đồng thời, chịu ảnh hưởng bởi tính cách của các nhà lãnh đạo, môi trường chính sách đối ngoại các yếu tố quốc tế và trong nước, bối cảnh quyết định và động cơ đưa ra quyết định [Alex Mintz, 2010, tr.169].

Một trong những cách tiếp cận trong việc phân tích các nhân tố tác động đến việc hoạch định chính sách đối ngoại là phân tích theo cấp độ. Kenneth Waltz (1959) và John Spanier (1975) đưa ra ba cấp độ phân tích: cấp độ hệ thống quốc tế, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân/cấp độ ra quyết định [John Spanier, 1975, tr. 9,

17, 18; Waltz, 1959]. Trong khi đó, William Nester (2001) chia thành năm cấp độ: hệ thống niềm tin và quan điểm của các nhà lãnh đạo, hệ thống ra quyết định, hệ thống chính trị, hệ thống quốc gia và hệ thống quốc tế [William, 2001]. Valerie M.Hudson (2020) phân chia theo sáu cấp độ như sau: cấp độ cá nhân, nhóm hoạch định, văn hóa và bản sắc quốc gia, chính trị nội bộ, cấp độ quốc gia và cấp độ hệ thống quốc tế [Hudson, Day, 2020].

Luận án sử dụng khuôn khổ phân tích chính trị quốc tế của John Spanier để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ. Cách tiếp cận của Spanier rất quan trọng trong việc xem xét các khía cạnh khác nhau về cách các chiến lược chính sách đối ngoại của Campuchia đã được định hình theo thời gian.

\* **Cấp độ hệ thống quốc tế:** Hệ thống quốc tế là một chỉnh thể sống động, gồm tập hợp các chủ thể quan hệ quốc tế (các thành tố hay phần tử hoặc đơn vị) và mối quan hệ qua lại giữa chúng theo một cấu trúc nhất định. Mỗi quốc gia là một phần tử trong hệ thống quốc tế nên cũng chịu tác động khá lớn từ các xu hướng vận động chung của hệ thống. Với tư cách là môi trường diễn ra hành vi đối ngoại của quốc gia, hệ thống quốc tế có thể sản sinh ra tác động thuận hay nghịch đối với hành vi quốc gia, hay có thể đem lại điều kiện thuận lợi hay khó khăn, cơ hội hay thách thức đối với quốc gia và quan hệ quốc tế. Nói cách khác, hệ thống quốc tế có vai trò tác động tới chính sách đối ngoại của quốc gia. Trong quá trình hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại, quốc gia phải tính toán trong việc xác định mục đích của chính sách, công cụ và biện pháp thực hiện chính sách sao cho phù hợp với xu hướng vận động chung và có sự tương hợp nhất định với cơ chế của hệ thống. Đồng thời, hệ thống quốc tế với tư cách là phương pháp có thể giúp quốc gia đoán định được ưu tiên lựa chọn chính sách và công cụ thực hiện của quốc gia khác để dễ bề đề ra chính sách của mình. Bên cạnh đó, hệ thống quốc tế có tác dụng điều chỉnh đối với chính sách đối ngoại. Quốc gia có thể nhận biết được sự đúng sai trong chính sách đối ngoại thông qua phản ứng của hệ thống quốc tế. Sự phản hồi của hệ thống quốc tế đối với chính sách đối ngoại sẽ có tác dụng điều chỉnh chính sách này cho hiệu quả hơn. Như vậy, hệ thống quốc tế chính là một trong những cơ sở hoạch định và điều chỉnh chính

sách đối ngoại của mỗi quốc gia. Theo quan điểm của John Spanier: cấp độ hệ thống quốc tế liên quan đến các quốc gia và sự tương tác giữa các đơn vị chính trị trong một hệ thống quốc tế hoặc quốc gia. Sự tương tác này diễn ra trên phạm vi khu vực hoặc toàn cầu, được thể hiện qua các sự kiện quốc tế, dù là hữu hình hay vô hình. Trong chính trị quốc tế, mỗi quốc gia có trách nhiệm bảo vệ an ninh và độc lập của chính mình [John Spanier, 1975, tr.9-10]. Các sự kiện quốc tế, dù lớn hay nhỏ, đều có thể tác động trực tiếp đến an ninh quốc gia. Vì vậy, để tồn tại và duy trì sự ổn định, mỗi quốc gia buộc phải có phản ứng và đối phó với những tác động này. Cụ thể hơn, quốc gia là tác nhân chính có vai trò giám sát sự cân bằng quyền lực trong hệ thống; nếu không, an ninh của chính quốc gia đó sẽ bị đe dọa. Do đó, việc phân tích quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Campuchia trong luận án này sẽ dựa trên cơ sở lý luận của Campuchia với tư cách là một đơn vị nhà nước trong quá trình tương tác với các quốc gia khác trong hệ thống quốc gia. Nói cách khác, tác giả sẽ xác định các yếu tố quyết định hệ thống - chẳng hạn như những thay đổi trong phân bố quyền lực, thông qua địa chính trị và địa kinh tế - đã góp phần tác động đến các chiến lược chính sách đối ngoại của Campuchia theo thời gian.

Cách Campuchia quản lý an ninh của mình phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các nước lớn (như Mỹ, Nga và Trung Quốc), cũng như giữa các nước lớn đó với các nước Đông Nam Á khác. Ngoài ra, cách nước nhỏ này quản lý an ninh hiện tại của mình cũng phụ thuộc vào chính sách đối ngoại của các nước láng giềng lớn hơn, chẳng hạn như Việt Nam và Thái Lan đối với Campuchia. Bằng việc sử dụng mức độ phân tích chính sách này cho thấy, cách Campuchia quản lý an ninh của mình trong quan hệ với Mỹ (2009 - 2024) phản ánh những ảnh hưởng sau: sự thay đổi cán cân quyền lực khu vực chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, mối quan hệ giữa các nước láng giềng lớn hơn của Campuchia và chính sách đối ngoại của các nước láng giềng lớn hơn đối với Campuchia.

\* **Cấp độ quốc gia:** Khi nghiên cứu chính sách đối ngoại, cấp độ quốc gia được cho là cấp độ quan trọng nhất, các nhân tố ở cấp độ này được coi là nhân tố quyết định trong hoạch định chính sách của một quốc gia. Những khía cạnh của quốc gia sẽ bao gồm nguồn lực của quốc gia hay sức mạnh tổng hợp của quốc gia

đó như vị trí địa lý, nguồn tài nguyên thiên nhiên, dân số, kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ...; Tuy nhiên, việc đo sức mạnh tổng hợp quốc gia cũng chỉ mang tính tương đối nhưng nó là cơ sở phản ánh năng lực, khả năng của quốc gia đó trong hoạch định chính sách đối ngoại [Hudson and Day, 2020]. Bên cạnh đó, hệ thống chính trị, di sản lịch sử, bản chất của nền kinh tế và cấu trúc xã hội, bản sắc quốc gia, văn hóa chiến lược (hành vi có tính khuôn mẫu), sự tính toán lý trí (lợi ích - chi phí) ... cũng là một nhân tố quan trọng tác động đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại một quốc gia. Trong các yếu tố này, có một số biến số, bao gồm văn hóa, hệ tư tưởng, tín ngưỡng, cấu trúc chính trị và mô hình kinh tế ngày càng trở thành động lực quan trọng của chính sách đối ngoại của các quốc gia [John Spanier, 1975, tr.18-27].

Trong luận án này, các yếu tố ảnh hưởng đến cách Campuchia xử lý an ninh trong quan hệ với Mỹ chịu ảnh hưởng của địa lý, sự mệt mỏi vì chiến tranh và mong muốn hòa bình trong người dân Campuchia, chủ nghĩa dân tộc Campuchia, quan hệ kinh tế với Mỹ, sự thống trị của chế độ CPP/Hun Sen trong chính trường Campuchia, sự ủng hộ ngày càng tăng trong nước đối với dân chủ hóa ở Campuchia và sự tái liên kết chính trị giữa các đảng đối lập. Ở cấp độ phân tích này, chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ (2009 - 2024) chịu ảnh hưởng của các biến số sau: vấn đề nhân quyền, di sản của lịch sử của Campuchia với Mỹ, nhân tố Trung Quốc.

\* **Cấp độ ra quyết định (decision-making level):** Trong phân tích chính sách đối ngoại nhấn mạnh rằng các quyết định không phải do quốc gia trừu tượng đưa ra, mà bởi những cá nhân hoặc nhóm người cụ thể nắm giữ vị trí quyền lực. Chính trị quốc tế không thể hiểu đầy đủ nếu chỉ dựa trên các đơn vị trừu tượng như nhà nước hay hệ thống quốc tế, bởi trên thực tế, chính các cá nhân ra quyết định - những người giữ vị trí chính trị chính thức - mới là chủ thể thực sự đưa ra quyết sách (John Spanier, 1975, tr. 27). Vì vậy, chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ cần được phân tích trên cơ sở những cách nhìn nhận của các nhà lãnh đạo, tính chất của các vấn đề đối ngoại, cũng như cách các nhà lãnh đạo tương tác trong khuôn khổ thể chế ra quyết định cụ thể.

### **2.1.5. Khung phân tích**

Từ việc tiếp cận các khái niệm, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của đề tài, luận án xây dựng khung phân tích chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ như sau:

Thứ nhất, vấn đề nghiên cứu then chốt của luận án là làm rõ chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ, qua đó phân tích hành vi chính sách của một nước nhỏ trong quan hệ với một nước lớn (cụ thể là một siêu cường). Trường hợp nghiên cứu này góp phần bổ sung và làm rõ các vấn đề lý luận về chính sách của nước nhỏ trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là các tiếp cận lý thuyết như “phòng bị nước đôi”, “cân bằng” và “phù thịnh”. Trong bối cảnh hai quốc gia không tồn tại quan hệ đồng minh cũng như đối địch, nhận thức chiến lược, mục tiêu và cách thức triển khai chính sách của Campuchia có vai trò quyết định trong việc định hình tính chất và mối quan hệ giữa hai nước như thế nào?

Thứ hai, để làm rõ vấn đề nghiên cứu nêu trên, luận án vận dụng hệ thống lý thuyết làm cơ sở phân tích, trong đó lý thuyết về chính sách đối ngoại của nước nhỏ giữ vai trò cốt lõi, kết hợp với một số lý thuyết quan hệ quốc tế chủ đạo như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo nhằm luận giải chính sách của Campuchia đối với Mỹ. Hệ thống lý thuyết này cung cấp khung phân tích và công cụ lý luận để đánh giá hành vi chính sách của Campuchia với tư cách là một nước nhỏ, trong những bối cảnh quốc tế và khu vực cụ thể, qua đó làm rõ mục tiêu, phương thức triển khai chính sách và các kết quả đạt được trong quan hệ song phương (cũng như các kết quả chính sách so với mục tiêu đặt ra như thế nào?). Việc đánh giá kết quả chính sách không chỉ được xem xét trên cơ sở mức độ đạt được mục tiêu đặt ra của Campuchia mà còn thông qua phản ứng và điều chỉnh chính sách của Mỹ. Đồng thời, các tiếp cận lý thuyết này cũng cho phép luận án phân tích đặc điểm và tác động của chính sách của Campuchia với Mỹ.

Thứ ba, để làm rõ được tiền đề chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ cũng như những yếu tố tác động đến kết quả triển khai chính sách đó, luận án áp dụng cách tiếp cận phân tích cấp độ. Theo đó, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ chịu sự chi phối tổng hòa của ba nhóm nhân tố chính: cấp độ hệ thống quốc tế, cấp độ quốc gia và cấp độ ra quyết định. Ở cấp độ hệ thống, xu

hướng đa cực đa trung tâm, toàn cầu hóa, hòa bình, hợp tác và phát triển, cùng với vai trò của ASEAN và ảnh hưởng ngày càng gia tăng của nhân tố Trung Quốc, tạo nên bối cảnh chiến lược định hình cách tiếp cận của Campuchia với Mỹ. Ở cấp độ quốc gia, những biến chuyển trong nội bộ Campuchia, sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cũng như vai trò và vị trí của Campuchia và Mỹ trong chính sách đối ngoại song phương tác động trực tiếp đến định hướng và mức độ ưu tiên trong quan hệ hai nước. Ở cấp độ ra quyết định, tư duy thực dụng và tầm nhìn chiến lược của giới lãnh đạo, đặc biệt là Hun Sen và Hun Manet giữ vai trò quyết định trong việc lựa chọn phương thức ứng phó và điều chỉnh chính sách trước các áp lực từ phía Mỹ.

Thứ tư, từ việc làm rõ sự lựa chọn chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, luận án phân tích những khía cạnh cụ thể trong chính sách của Campuchia với Mỹ nhằm làm rõ đặc điểm, kết quả, tác động và cuối cùng là “làm rõ lý luận về chính sách nước nhỏ với nước lớn”. Theo đó, luận án sẽ phân tích mục tiêu, nội dung, cách thức và lộ trình thực hiện (qua các giai đoạn lịch sử) chính sách của Campuchia với Mỹ.

Thứ năm, trên cơ sở các phân tích ở trên, luận án tiến hành đánh giá kết quả thực hiện chính sách của Campuchia đối với Mỹ. Nội dung đánh giá tập trung vào: (i) mức độ đạt được mục tiêu chính sách so với mục tiêu đặt ra; (ii) đặc điểm và tác động của chính sách đối với các chủ thể liên quan; (iii) triển vọng chính sách trong bối cảnh mới. Qua đó, luận án làm rõ các kết quả nghiên cứu đạt được tương ứng với từng vấn đề nghiên cứu đã đặt ra, bao gồm cả những phát hiện mới của luận án. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án đồng thời rút ra các hàm ý chính sách có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Thứ sáu, trong phần kết luận, luận án tổng hợp và đánh giá mức độ giải quyết các vấn đề nghiên cứu đã đề ra, qua đó khái quát những phát hiện mới chủ yếu của luận án. Các phát hiện này được trình bày dưới dạng các luận điểm nghiên cứu mang tính khái quát, phản ánh những đóng góp của luận án về mặt lý luận và thực tiễn đối với nghiên cứu chính sách đối ngoại của nước nhỏ, cũng như trường hợp của Campuchia với Mỹ. Trên cơ sở đó, luận án khẳng định những vấn đề nghiên cứu lớn mà luận án đã tập trung giải quyết và những đóng góp mới của luận án.

## **2.2. Các nhân tố tác động**

### **2.2.1. Cấp độ hệ thống quốc tế**

*2.2.1.1. Tác động của sự thay đổi cục diện thế giới đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)*

**Thứ nhất, tác động của xu hướng đa cực đa trung tâm của cục diện thế giới đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.** Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008, cục diện thế giới đang bị xáo trộn một cách căn bản, Trung Quốc soán ngôi Nhật Bản, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vào năm 2010. Ấn Độ, Nga, Nhật Bản, Brazil, EU cũng nổi lên với sức mạnh quốc gia ngày càng gia tăng. Trong khi đó, Mỹ dù vẫn giữ được vai trò trung tâm nhưng không còn ở vị thế áp đảo như trước. Do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, sự sa lầy trong cuộc chiến tại Iraq và Afganistan khiến Mỹ suy giảm tương đối về tiềm lực cũng như ảnh hưởng trên quy mô toàn cầu. Sự rút lui của Mỹ khỏi một số cơ chế như TPP, Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu tạo ra một khoảng trống khiến các nước lớn như Nga, Trung Quốc, Nhật Bản nỗ lực tìm cách lấp đầy và gia tăng ảnh hưởng của mình. Ấn Độ cũng có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế với tham vọng vươn lên thành cường quốc khu vực. Mỹ và các nước lớn đều điều chỉnh chính sách đối ngoại sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhằm củng cố và khẳng định vị thế tại khu vực năng động này. Cuộc chạy đua tìm vị thế của các nước lớn trên thế giới đã thúc đẩy nền kinh tế, chính trị thế giới phát triển theo hướng “đa cực”, “đa trung tâm”.

Xu hướng đa cực, đa trung tâm còn được thể hiện qua việc ra đời và tồn tại song song của các thể chế khu vực và quốc tế, vừa cạnh tranh vừa bổ sung cho nhau. Bên cạnh các cơ chế như IMF, WB, ADB, ASEM... là sự ra đời của SCO năm 2001, AIIB năm 2015, CPTPP năm 2018 và RCEP năm 2020.

Xu hướng cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm tác động lớn đến chính sách đối ngoại của Campuchia nói chung, chính sách với Mỹ nói riêng. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn với nhau, các nước lớn đối với các nước nhỏ cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho Campuchia thúc đẩy quan hệ song phương với các nước, trong đó có Mỹ.

***Thứ hai, xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ tác động mạnh mẽ đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.*** Có thể nói, xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, khoa học công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ tác động đến mọi mặt của đời sống quan hệ quốc tế. Thương mại quốc tế và tính quốc tế hóa của nền kinh tế thế giới ngày càng thể hiện rõ nét khiến các nền kinh tế thế giới quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau. Toàn cầu hóa kinh tế thúc đẩy tự do hóa thương mại, thị trường nội địa của các nước đều gắn với thị trường thế giới và trở thành một bộ phận của thị trường thế giới. Toàn cầu hóa thúc đẩy quá trình sản xuất xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, khoa học công nghệ ngày càng phát triển như vũ bão, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Xu thế này tạo cơ hội cho Campuchia có khả năng tiếp cận với khoa học công nghệ, từng bước thay đổi nền kinh tế truyền thống theo hướng hiện đại; rút ngắn và mang lại những nguồn lực cần thiết cho Campuchia hội nhập và phát triển. Toàn cầu hóa cũng góp phần nâng cao vị thế, vai trò của Campuchia trong hệ thống quốc tế, tạo nền tảng cho Campuchia triển khai hiệu quả hơn các hoạt động đối ngoại, trong đó có quan hệ với Mỹ. Hiện nay, Mỹ là nước đi đầu về khoa học công nghệ trên thế giới, là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia, vì vậy việc hoạch định và điều chỉnh chính sách đối ngoại với Mỹ như thế nào để Campuchia có thể thu hút được nguồn lực từ Mỹ là điều mà nhóm hoạch định chính sách phải bàn tới. Hơn thế nữa, bản chất hai mặt của toàn cầu hóa cũng tạo ra những thách thức lớn đối với Campuchia trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại với Mỹ (2009 - 2024). Theo đó, tính độc lập trong hoạch định chính sách đối ngoại với Mỹ bị thách thức do sự xói mòn về bản sắc văn hóa (tác động từ mặt trái toàn cầu hóa); sự chi phối từ các tổ chức dân sự, NGOs...; sự can thiệp từ các chủ thể khác trong hệ thống quốc tế....

***Thứ ba, xu hướng hòa bình, hợp tác và phát triển mặc dù bị thách thức nghiêm trọng, nhưng vẫn là xu thế chính, điều này tác động không nhỏ đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.*** Trong hơn hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, môi trường an ninh quốc tế ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường. Trong khi chiến tranh, xung đột quy mô lớn ít có khả năng xảy ra nhưng lại bùng lên nhiều điểm nóng an ninh cục bộ, bất ổn trên thế giới có nguy cơ bùng phát thành xung đột, tranh chấp lãnh thổ, biển đảo và các nguồn tài nguyên trời đất và diễn biến

phức tạp ở nhiều nơi, nguy cơ chạy đua vũ trang và sự phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, cạnh tranh đối đầu cường quốc càng gay gắt, quyết liệt... Diễn hình như xung đột quân sự tại Trung Đông, tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông, chiến sự giữa Nga - Ukraine, xung đột giữa Isarel và lực lượng Hamas, Isarel và Iran...; Sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống hết sức phức tạp. Mặc dù vậy, hòa bình, hợp tác và phát triển trên bình diện toàn cầu được duy trì, thúc đẩy và trở thành xu thế chính trong quan hệ quốc tế. Các quốc gia đều nhận thức được tầm quan trọng của hòa bình, hợp tác tới phát triển kinh tế đất nước. Hòa bình, ổn định tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hợp tác phát triển giữa các quốc gia và ngược lại hợp tác cùng có lợi, sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ giữa các quốc gia dưới tác động của toàn cầu hóa ngày một sâu rộng đã góp phần củng cố xu thế hòa bình và ổn định trên thế giới. Xu thế này ảnh hưởng khá rõ nét trong việc hoạch định và điều chỉnh chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ. Trong giai đoạn 2009 - 2024, quan hệ hai nước rất căng thẳng liên quan đến việc Mỹ cáo buộc Campuchia vi phạm tự do, dân chủ, nhân quyền tại các cuộc bầu cử năm 2013, năm 2018; việc Campuchia bắt giữ nhà lãnh đạo Đảng đối lập CNRP (được cho là thân Mỹ) và sự thân thiết “quá mức” của Campuchia với Trung Quốc. Campuchia thì cáo buộc Mỹ thông đồng với CNRP để chống lại Chính phủ Hun Sen. Cả hai đều phủ nhận những cáo buộc của nhau và thực hiện một loạt hành động đáp trả khiến cho những lúc mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, có nguy cơ dẫn đến đối đầu, xung đột. Tuy nhiên, xu thế hòa bình, đối thoại, hợp tác và phát triển đã tạo nên chất xúc tác khiến cả hai bên đã tìm cách hòa dịu căng thẳng. Bản thân Campuchia đã thiện chí trong việc cải thiện quan hệ với Mỹ bằng cách cải thiện hồ sơ nhân quyền; tiến hành các hoạt động ngoại giao; thể hiện quan điểm lập trường của Campuchia với vấn đề Nga - Ukraine...

*2.2.1.2. Tác động của nhân tố khu vực đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)*

***Thứ nhất, Đông Nam Á/ASEAN trở thành một trong những trung tâm phát triển năng động, đồng thời cũng nằm trong vòng xoáy cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc.*** Đông Nam Á là khu vực có vị trí địa chiến lược, là vùng đệm quan trọng để thiết lập và triển khai các chiến lược lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong hơn hai thập niên đầu của thế kỷ XXI,

khu vực Đông Nam Á có nhiều chuyển biến quan trọng. ASEAN đã xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN (2015) và đang thực thi Tầm nhìn Cộng đồng năm 2025, Tầm nhìn Cộng đồng sau năm 2025 và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2045 [Dương Văn Huy, 2023]. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa đang lan rộng, ASEAN tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc quyền lực khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo đó, ASEAN đã thu hút các nước lớn tham gia một cách tích cực vào các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như ARF, ADMM+, ASEAN+, EAS, Đối thoại Shangri La... Một ASEAN liên kết chặt chẽ, đoàn kết, thống nhất ngày càng có vai trò và uy tín trong hệ thống quốc tế là một lợi thế lớn cho các nước thành viên, trong đó có Campuchia. Trong nhiều năm qua, ASEAN luôn nằm trong top 10 nền kinh tế hàng đầu thế giới, một số nước thành viên tăng trưởng ổn định và tham gia hai FTA thế hệ mới là CPTPP và RCEP, khiến các nước lớn ngày càng có nhu cầu tăng cường quan hệ với ASEAN trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ và EU đang rơi vào khủng hoảng. Với tiềm năng phát triển kinh tế và những diễn tiến sôi động về an ninh, chính trị, Đông Nam Á đang thu hút các nước bên ngoài hướng tới khu vực một cách mạnh mẽ hơn. Hơn thế nữa, với xu hướng “Đông hóa”, nhiều nước lớn như Ấn Độ, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Trung Quốc đã điều chỉnh chính sách, trong đó đều chọn Đông Nam Á/ASEAN là trọng tâm.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, vấn đề Biển Đông tiếp tục là tâm điểm tập hợp lực lượng và đấu tranh giữa các nước lớn ở khu vực. Những diễn biến trên Biển Đông cho thấy tình hình hết sức phức tạp, không chỉ là tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa một số nước trong khu vực với Trung Quốc mà thực sự trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn. Việc Trung Quốc có những hành động leo thang trong quá trình quân sự hóa và lấn chiếm trái phép ở Biển Đông khiến cho tình hình càng trở nên phức tạp hơn.

Đông Nam Á tiếp tục trở thành nơi giao thoa xung đột, cạnh tranh chiến lược của các nước lớn tại khu vực, đặc biệt là cạnh tranh Mỹ - Trung. Sự trỗi dậy mạnh mẽ đầy tham vọng của Trung Quốc và chính sách tái cân bằng của Mỹ là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tình hình khu vực Đông Nam Á nói chung và mỗi quốc gia thành viên ASEAN nói riêng, trong đó có Campuchia. Cụ thể, kể từ khi Tổng thống B. Obama lên nắm quyền (2009), Mỹ thực hiện chính sách “*tái cân bằng*” ở châu Á -

Thái Bình Dương với trụ cột chính là lĩnh vực quốc phòng nhằm mục tiêu quan trọng là “hạn chế” hay “kiềm chế” mưu đồ của Trung Quốc tại khu vực [Parris Chang, 2016]. Để thực hiện mục tiêu này, Mỹ tích cực tham gia các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như EAS, ADMM+, Hội nghị cấp cao ASEAN - Mỹ lần đầu tiên được tổ chức năm 2009, sau đó nâng cấp quan hệ ASEAN - Mỹ thành đối tác chiến lược vào năm 2015 và đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2022; cho ra đời LMI (2009). Đồng thời, Mỹ củng cố quan hệ liên minh với Thái Lan, Philippines, thúc đẩy và nâng cấp quan hệ với các nước thành viên khác của ASEAN như Singapore, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam để gia tăng ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Nam Á. Mỹ luôn là đối tác thương mại và đầu tư lớn của ASEAN [The White House, 2023]. Trong FOIP được Mỹ công bố năm 2021 cũng lấy ASEAN là trọng tâm.

Về phía Trung Quốc, với việc coi Đông Nam Á là địa bàn chiến lược, là vành đai an ninh, là khu vực duy nhất để nước này có thể thực hiện một cách toàn diện chiến lược ngoại giao của mình, Trung Quốc đã đẩy mạnh can dự về chính trị, lấy kinh tế làm mũi nhọn để “thu hút” các nước Đông Nam Á vào thị trường khổng lồ với sức mua ngày càng tăng của họ. Trung Quốc xem Đông Nam Á là điểm khởi đầu cho đại chiến lược BRI. Thông qua AIIB, Trung Quốc ráo riết triển khai các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại các quốc gia trong khu vực. Điều này, một mặt giúp Trung Quốc tận dụng được nguồn tài nguyên của các nước phục vụ nền sản xuất và tiêu thụ của mình, mặt khác làm cho nền kinh tế các nước được đầu tư sẽ phụ thuộc hơn vào nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này. Từ thập niên thứ hai của thế kỷ XXI trở lại đây, Trung Quốc luôn là đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN, tuy nhiên, cũng là đối tác mà ASEAN có mức thâm hụt thương mại lớn nhất. Nếu như Mỹ khởi xướng LMI (2009), thì Trung Quốc cũng khởi xướng LMC (2016) nhằm thúc đẩy hợp tác giữa Trung Quốc và năm quốc gia nằm dọc theo sông Mekong, bao gồm Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam.

Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng có những điều chỉnh chiến lược với khu vực Đông Nam Á. Song song với việc viện trợ cho các nước Đông Nam Á phát triển kinh tế - xã hội, Nhật Bản gia tăng vai trò của mình sang lĩnh vực chính trị, an ninh tại khu vực. Trong “Chiến lược an ninh quốc gia” năm 2013, năm 2022, Nhật Bản xác định rõ: Biển Đông có vai trò đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia của Nhật Bản,

là nhân tố cốt lõi trong chính sách an ninh và đối ngoại của Nhật Bản và khẳng định sẽ tăng cường quan hệ đồng minh với Mỹ và hỗ trợ tối đa các nước ASEAN trong vấn đề xây dựng năng lực an ninh tại Biển Đông [National Security Strategy of Japan, 2024]. Nhật Bản cũng khẳng định ASEAN là “trái tim” trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở (FOIP) được công bố năm 2017 và là đối tác quan trọng trong Kế hoạch “*Tầm nhìn Hòa bình Kishida*” (2022).

Nhằm kiềm chế sự ảnh hưởng của Trung Quốc, Ấn Độ triển khai mạnh mẽ Chính sách hướng Đông (*sau này là Chính sách hành động hướng Đông*) trong đó ASEAN là một trong những trọng tâm của chính sách. Ấn Độ từng bước nâng cấp quan hệ đối ngoại với ASEAN lần lượt vào những năm 2012, năm 2022. Ấn Độ nỗ lực tham gia vào các cơ chế hợp tác quan trọng ở khu vực như ARF, ASEAN+, EAS, ASEM, ADMM+...; Hiện nay, ASEAN cũng là trọng tâm trong “Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” của Ấn Độ. Tương tự như vậy, ASEAN cũng có vai trò rất lớn trong Chính sách hướng Nam mới của Hàn Quốc.

Sự cạnh tranh giữa các nước lớn tại khu vực Đông Nam Á vừa mang lại thời cơ và vừa tạo ra những thách thức nhất định cho các nước thành viên ASEAN, trong đó có đất nước Chùa Tháp. Campuchia có nhiều cơ hội thu hút viện trợ, đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng thị trường, nâng cao trình độ kỹ thuật và năng lực quản lý và cao hơn là quản trị quốc gia. Trong số các nước lớn điều chỉnh chiến lược sang châu Á - Thái Bình Dương, Nhật Bản, Hàn Quốc là đồng minh của Mỹ, Ấn Độ là đối tác chiến lược toàn diện của Mỹ, đây là một thuận lợi rất lớn cho Campuchia trong quan hệ với Mỹ. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào kinh tế dẫn đến sự phụ thuộc vào chính trị. Áp lực từ các nước lớn có thể ảnh hưởng đến các quyết định chính sách của Campuchia, đặc biệt là trong các vấn đề nhạy cảm như việc đưa ra lập trường về tranh chấp tại Biển Đông giữa Trung Quốc và các quốc gia ASEAN khác. Điều này có thể ảnh hưởng đến an ninh khu vực và quan hệ ngoại giao của Campuchia, trong đó có Mỹ. Ngoài ra, sự cạnh tranh quyền lực của các nước lớn có thể dẫn đến việc các đảng chính trị trong nước tìm cách liên kết với bên ngoài để tăng sức mạnh chính trị, tạo sự không ổn định chính trị nội bộ (CPP được cho là thân Trung Quốc, CRNP được cho là thân Mỹ), ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách tổng thể của Chính phủ, trong đó có chính sách đối ngoại.

Với vai trò là một tổ chức khu vực, ASEAN là một biến số trung gian mang tính cấu trúc điều tiết và định hình tương tác song phương giữa Campuchia với Mỹ. Quan hệ Campuchia - ASEAN - Mỹ tồn tại như một mối quan hệ hữu cơ, trong đó hành vi chính sách của mỗi chủ thể vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của sự điều chỉnh chiến lược của hai chủ thể còn lại. Đối với Campuchia, ASEAN không chỉ là khuôn khổ thể chế bảo đảm vị thế quốc tế và an ninh chiến lược của một quốc gia nhỏ, mà còn là “lớp đệm” giúp Phnom Penh quản lý quan hệ với các cường quốc, đặc biệt là Mỹ. Ngược lại, đối với Mỹ, ASEAN được xem là trụ cột thể chế trung tâm để duy trì ảnh hưởng, định hình chuẩn mực và cân bằng quyền lực tại khu vực; do đó, quan hệ Campuchia - Mỹ không thể tách rời cách Campuchia hành xử trong ASEAN. Khi Campuchia duy trì vai trò xây dựng và đồng thuận trong ASEAN, Washington có xu hướng tiếp cận Phnom Penh theo hướng hợp tác và hỗ trợ; nhưng khi Campuchia bị nhìn nhận là làm suy yếu đồng thuận nội khối hoặc lệch khỏi vai trò trung tâm của ASEAN, mức độ tin cậy chiến lược từ phía Washington sẽ suy giảm rõ rệt. Hay nói cách khác, ASEAN trở thành thước đo gián tiếp để Mỹ đánh giá định hướng chiến lược và mức độ tự chủ của Campuchia. Ở chiều ngược lại, chính sách của Mỹ đối với Campuchia cũng tác động trực tiếp đến mức độ gắn kết nội khối ASEAN. Việc Washington gia tăng sức ép song phương đối với Phnom Penh trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung khiến Campuchia có xu hướng dựa nhiều hơn vào các bảo trợ bên ngoài ASEAN, từ đó làm suy giảm vai trò trung tâm của ASEAN. Do đó, mối quan hệ Campuchia - ASEAN - Mỹ hình thành một vòng tác động khép kín: lựa chọn chiến lược của Campuchia định hình mức độ gắn kết ASEAN; sự thống nhất hay phân hóa của ASEAN ảnh hưởng đến cách Mỹ can dự khu vực; và cách Mỹ can dự lại tác động ngược trở lại hành vi đối ngoại của Campuchia. Chính mối liên kết hữu cơ này làm cho chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 không chỉ mang ý nghĩa song phương, mà còn có hệ quả cấu trúc đối với trật tự khu vực Đông Nam Á.

Trường hợp Biển Đông minh họa rõ nét cho mối quan hệ hữu cơ này. Việc Campuchia thiếu một lập trường quyết đoán, thậm chí bị cho là cản trở ASEAN hình thành tiếng nói chung về Biển Đông. Biển Đông không đơn thuần là một tranh chấp lãnh thổ, mà là một phép thử đối với trật tự dựa trên luật lệ và vai trò trung tâm của

ASEAN trong cấu trúc khu vực. Do đó, thái độ dè dặt hoặc bị xem là thiên lệch của Campuchia trong vấn đề này đã làm xói mòn niềm tin chính trị trong quan hệ với Mỹ.

Để tận dụng tối đa các cơ hội từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cũng như thể hiện được vai trò thành viên trong ASEAN, Campuchia cần phải thực thi một chính sách ngoại giao linh hoạt, cân bằng quan hệ, tạo dựng niềm tin, nhất là trong quan hệ với một siêu cường như Mỹ.

**Thứ hai, tác động của nhân tố Trung Quốc đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.** Trong bối cảnh địa chính trị khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2009 - 2024, nhân tố Trung Quốc đã nổi lên như một yếu tố then chốt định hình chính sách đối ngoại của Campuchia, đặc biệt trong mối quan hệ với Mỹ. Với sự gia tăng ảnh hưởng kinh tế, chính trị và quân sự của Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mekong, Campuchia - một quốc gia có vị trí chiến lược tại trung tâm Đông Nam Á - đã điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình để tận dụng tối đa lợi ích từ quan hệ với Trung Quốc, đồng thời cân bằng áp lực từ Mỹ. Giai đoạn này chứng kiến sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Trung Quốc và Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Campuchia trở thành một điểm nóng thể hiện sự giằng co giữa hai cường quốc.

Từ năm 2009, Trung Quốc bắt đầu thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược ngoại giao kinh tế thông qua BRI, một dự án cơ sở hạ tầng toàn cầu nhằm tăng cường kết nối kinh tế và chính trị giữa Trung Quốc với các khu vực khác trên thế giới. Tại Đông Nam Á, Trung Quốc coi Campuchia là “*mắt xích*” quan trọng để tiến sâu và gia tăng ảnh hưởng tại Đông Nam Á. Là một quốc gia lục địa ở Đông Nam Á, Campuchia có vị trí địa chiến lược trong “*Chuỗi ngọc trai*” của Trung Quốc. Đặc biệt, cảng Sihanoukville là một “*viên ngọc*” quý giá trong “*Chuỗi ngọc trai*”, là cơ sở tuyệt vời để Trung Quốc triển khai sức mạnh hàng hải vào Vịnh Thái Lan và eo biển Malacca [Heng Pheakdey, 2012, tr72]. Trong giai đoạn này, Mỹ, dưới các chính quyền từ B.Obama đến J.Biden, đã triển khai chính sách “*xoay trục về châu Á*” (pivot to Asia) và sau đó là FOIP, nhằm đối phó với sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc. Chính sách này đặt trọng tâm vào việc củng cố quan hệ với các nước ASEAN, bao gồm Campuchia, để xây dựng một mặt trận thống nhất chống lại tham vọng bá quyền của Trung Quốc tại Biển Đông và khu vực lân cận.

Tuy nhiên, Campuchia, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Sen (tới năm 2023) và sau đó là Hun Manet, đã không hoàn toàn hưởng ứng các sáng kiến của Mỹ. Thay vào đó, Campuchia ngày càng nghiêng về Trung Quốc, một đối tác cung cấp viện trợ không điều kiện, đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng và hỗ trợ chính trị trong các vấn đề nội bộ nhạy cảm như dân chủ và nhân quyền. Sự phụ thuộc này đã tác động sâu sắc cách tiếp cận của Campuchia đối với Mỹ, từ một mối quan hệ mang tính hợp tác hạn chế sang một trạng thái thận trọng, đôi khi dường như đối đầu.

Một trong những động lực chính khiến Campuchia điều chỉnh chính sách đối ngoại với Mỹ là sự phụ thuộc kinh tế ngày càng sâu sắc vào Trung Quốc. Từ năm 2010 đến hết năm 2024, Trung Quốc đã trở thành nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất của Campuchia, chiếm khoảng 53,4% tổng số FDI đầu tư vào nền kinh tế Campuchia với tổng vốn đầu tư tích lũy ước tính đạt gần 25 tỷ USD vào năm 2024 (Khmer Times, 2023; Thương vụ Việt Nam tại Campuchia, 2025, tr.156). Các dự án lớn như cảng nước sâu Sihanoukville, đường cao tốc Phnom Penh - Sihanoukville và các khu kinh tế đặc biệt do Trung Quốc tài trợ đã biến Campuchia thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới kinh tế của BRI. Ngược lại, Mỹ, mặc dù là một thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia, lại không cung cấp mức độ đầu tư cơ sở hạ tầng tương đương, mà thay vào đó tập trung vào các chương trình viện trợ phát triển và thúc đẩy dân chủ. Sự khác biệt này đã tạo ra một nghịch lý trong chính sách đối ngoại của Campuchia. Trong khi Mỹ yêu cầu Campuchia cải thiện hồ sơ nhân quyền và giảm phụ thuộc vào Trung Quốc như một điều kiện để tăng cường hợp tác kinh tế, Trung Quốc lại đưa ra các khoản viện trợ và đầu tư không kèm theo điều kiện chính trị. Không chỉ là nhà đầu tư lớn nhất, Trung Quốc còn là một trong những nhà viện trợ, chủ nợ quan trọng nhất của Campuchia. Chỉ tính đến năm 2017, Campuchia đã nhận khoảng 4,2 tỷ USD vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ Trung Quốc, tập trung vào các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, y tế và giáo dục. Không chỉ vậy, Trung Quốc còn là nguồn nợ công nước ngoài chính của Campuchia, chiếm tới 42% tổng số nợ công vào cuối năm 2017. Gần đây hơn, Trung Quốc đã cam kết viện trợ không hoàn lại 600 triệu USD cho Campuchia trong giai đoạn 2019 - 2021, tiếp tục khẳng định vai trò then chốt của mình trong nền kinh tế Campuchia [Chandy Doung, William Kang and Jaechun Kim, 2022; Xinhua, 2022;

Trần , X. H., & Trương , Q. H., 2023, tr. 23]. Điều này đặt Campuchia vào thế phải lựa chọn giữa lợi ích kinh tế tức thời từ Trung Quốc và áp lực cải cách từ Mỹ, dẫn đến việc Phnom Penh dần xa cách Mỹ trong các vấn đề song phương.

Trên bình diện chính trị, sự ủng hộ không ngừng của Trung Quốc đã giúp Campuchia củng cố chế độ cầm quyền của CPP. Trong giai đoạn 2009 - 2024, khi Mỹ và phương Tây chỉ trích chính quyền Hun Sen về các vấn đề đàn áp chính trị, giải tán CNRP (2017) và hạn chế tự do báo chí, Trung Quốc lại đóng vai trò như một lá chắn ngoại giao. Trung Quốc đã lên tiếng bảo vệ Campuchia, gọi đây là "vấn đề nội bộ" và phản đối can thiệp từ bên ngoài. Đổi lại, Campuchia thường xuyên ủng hộ lập trường của Trung Quốc trong các vấn đề khu vực, chẳng hạn như vấn đề Biển Đông. Năm 2012 và năm 2016, Campuchia đã ngăn cản ASEAN đưa ra tuyên bố chung chỉ trích hành vi của Trung Quốc tại Biển Đông, một động thái bị xem là phục vụ lợi ích của Trung Quốc hơn là đoàn kết khu vực. Quan hệ chính trị chặt chẽ với Trung Quốc đã làm phức tạp mối quan hệ của Campuchia với Mỹ. Washington, vốn coi Campuchia là một phần trong nỗ lực kiềm chế Trung Quốc, đã áp dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế và hạn chế visa đối với các quan chức cấp cao Campuchia từ năm 2017 với lý do vi phạm nhân quyền và sự suy thoái dân chủ. Đỉnh điểm là vào năm 2021, khi Bộ Tài chính Mỹ áp đặt trừng phạt đối với các thực thể liên quan đến dự án cảng Ream - một cơ sở quân sự nghi ngờ có sự tham gia của Trung Quốc - làm gia tăng căng thẳng song phương. Campuchia đáp trả bằng cách từ chối các đề nghị hợp tác quân sự của Mỹ và tăng cường các cuộc tập trận chung với Trung Quốc, chẳng hạn như "Rồng Vàng" (Golden Dragon) từ năm 2016. Những diễn biến này cho thấy nhân tố Trung Quốc không chỉ là một đối tác kinh tế mà còn là một đồng minh chính trị chiến lược, đẩy Campuchia vào quỹ đạo đối lập với lợi ích của Mỹ.

*Về an ninh - quốc phòng:* Trung Quốc luôn thể hiện là đối tác “then chốt” trong việc cung cấp trang thiết bị quân sự cho Campuchia; đào tạo nguồn nhân lực quân sự; đẩy mạnh hợp tác an ninh. Mặc dù, Campuchia hoãn tập trận chung “Angkor Sentimel” với lý do là tập trung vào bầu cử nhưng lại tiến hành tập trận chung “Rồng Vàng” với quy mô lớn chưa từng có với Trung Quốc. Ngoài ra Campuchia còn tiếp nhận hàng trăm xe quân sự các loại cùng với các vũ khí, thiết bị quân sự khác. Hai bên vẫn duy trì tập trận “Rồng vàng” vào các năm 2018, năm

2019, năm 2020. Năm 2021, năm 2022 do dịch bệnh COVID-19 nên cuộc tập trận chung này không thực hiện được nhưng hai bên đã ký kết thỏa thuận hợp tác quân sự vào ngày 01/4/2022. Như vậy, với vị trí địa lý thuận lợi cho mục tiêu tiến xuống phía Nam, Trung Quốc đã tích cực can dự nhằm xây dựng được căn cứ quân sự tại Campuchia, biến nơi này thành căn cứ phòng thủ và hậu cần quan trọng của Bắc Kinh trong Chiến lược kiểm soát Biển Đông và eo biển Malacca tiến ra Ấn Độ Dương, tìm cách kiểm soát an ninh khu vực hạ nguồn sông Mekong, đối trọng với hệ thống liên minh quân sự của Mỹ ở khu vực.

*Về văn hóa - xã hội:* Năm 2009 Trung Quốc cho xây dựng Viện Khổng Tử tại Viện nghiên cứu Hoàng Gia Campuchia với mục đích là giới thiệu cho người Campuchia hiểu về “một Trung Quốc chân thật” [Đỗ Mạnh Hà, 2018, tr.119]. Viện đã cấp rất nhiều học bổng và khóa học miễn phí cho học sinh, sinh viên Campuchia về ngôn ngữ, nghệ thuật, võ thuật, kinh dịch, thư pháp... để từng bước đưa văn hóa Trung Quốc thấm nhuần vào người dân Campuchia. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn cấp một số lượng học bổng lớn cho học sinh, sinh viên Campuchia sang học tập tại Trung Quốc. Đây là cách mà Trung Quốc sử dụng công cụ văn hóa để thực hiện mục tiêu chính trị tại Campuchia.

Có thể nói, Trung Quốc đã lợi dụng chính sách ngoại giao thực dụng của Campuchia và chính quyền Hun Sen để can dự mọi mặt, gia tăng ảnh hưởng chính trị tại đất nước này. Trong đó, Trung Quốc đã rất thành công tạo dựng nền kinh tế của Campuchia phát triển theo hướng phụ thuộc vào Trung Quốc và trở thành công cụ để thực hiện các mục tiêu chính trị; tạo dựng được cơ sở về văn hóa - xã hội để mở rộng sức mạnh mềm của Trung Quốc tại khu vực; tạo dựng được một đối tác trung thành với các lợi ích của Trung Quốc trong nội bộ ASEAN. Việc thâm nhập sâu vào Campuchia, Trung Quốc đã tạo được chỗ đứng chân trong vịnh Thái Lan, xác lập được tiền đồn mới xa hơn về phía Nam, phục vụ cho triển khai chiến lược biển và củng cố lợi thế của Trung Quốc trong tranh chấp Biển Đông, cạnh tranh với Mỹ [Đỗ Mạnh Hà, 2018, tr.71-72].

Như vậy, ảnh hưởng ngày càng sâu đậm của Trung Quốc tại Campuchia tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024. Việc Campuchia coi Trung Quốc là “điểm tựa” cả về kinh tế, chính trị và an

ninh - quốc phòng đã khiến cho vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại của Campuchia bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, trong giai đoạn 2009 - 2024, nhiều thời điểm Campuchia đã có những “phản ứng mạnh” với Mỹ trước những cáo buộc từ phía Mỹ đối với Campuchia về vấn đề nhân quyền hoặc mức độ thân thiết quá mức với Trung Quốc.

*2.2.1.3. Tác động từ sự tương tác giữa các nước thành viên ASEAN với nhau và trong quan hệ với Mỹ*

Quan hệ giữa các quốc gia thành viên ASEAN đóng vai trò trung tâm trong việc định hình chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, thông qua việc tạo ra một cấu trúc khu vực mang tính chế ước, thúc đẩy hội nhập đa phương và đặt Campuchia vào vị thế phải điều chỉnh chính sách ngoại giao trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị giữa các cường quốc. Từ góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế, sự tương tác trong ASEAN có thể được phân tích qua lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực, với sự nhấn mạnh vào cân bằng quyền lực và Chủ nghĩa Thể chế (institutionalism) với vai trò của các tổ chức khu vực trong việc giảm thiểu xung đột và thúc đẩy hợp tác. Là thành viên chính thức của ASEAN từ năm 1999, Campuchia không chỉ chịu ảnh hưởng từ các chuẩn mực của tổ chức này - chẳng hạn như nguyên tắc không can thiệp nội bộ và đồng thuận - mà còn phải điều phối chính sách đối ngoại của mình để phù hợp với lợi ích tập thể của Khối, đặc biệt trong mối quan hệ với Mỹ, một đối tác đối thoại quan trọng của ASEAN nhưng cũng là một nhân tố đối trọng chiến lược với Trung Quốc, đồng minh kinh tế và chính trị lớn nhất của Campuchia. Sự tương tác giữa các nước ASEAN tạo ra một môi trường mà trong đó Campuchia phải cân bằng giữa áp lực khu vực, lợi ích quốc gia và quan hệ với các cường quốc bên ngoài, từ đó định hình chính sách đối ngoại của nước này với Mỹ theo hướng thực dụng và đa chiều.

Trước hết, quan hệ giữa các nước ASEAN, thông qua nguyên tắc trung lập và không liên kết, góp phần tạo ra một khung chế ước đối với chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ. Theo Chủ nghĩa Hiện thực, các quốc gia hành xử dựa trên lợi ích quốc gia và cân bằng quyền lực, nhưng trong bối cảnh ASEAN, các chuẩn mực thể chế như Tuyên bố Vùng Hòa bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN) năm 1971 đã định hướng hành vi của các thành viên theo hướng tránh liên minh quân sự

với các cường quốc bên ngoài. Đối với Campuchia, điều này có nghĩa là nước này phải thận trọng khi xây dựng quan hệ với Mỹ, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ thúc đẩy FOIP nhằm kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sự đa dạng trong lập trường của các nước ASEAN đối với Mỹ - từ quan hệ đồng minh an ninh của Philippines đến sự trung lập của Indonesia - buộc Campuchia phải điều chỉnh chính sách để tránh gây xung đột với các thành viên khác, đặc biệt là Việt Nam, một quốc gia có quan hệ lịch sử với Campuchia và hiện đang hợp tác chặt chẽ với Mỹ trong các vấn đề an ninh hàng hải. Một ví dụ điển hình là sự kiện năm 2012, khi Campuchia, với tư cách Chủ tịch ASEAN, ngăn chặn việc đưa tranh chấp Biển Đông vào tuyên bố chung, phản ánh lập trường thân Trung Quốc và gây căng thẳng với các nước như Việt Nam và Philippines, đồng thời làm phức tạp quan hệ với Mỹ. Hành động này cho thấy Campuchia phải cân nhắc áp lực từ các thành viên ASEAN khi tương tác với Mỹ để tránh gây bất ổn trong Khối.

Thứ hai, hội nhập kinh tế giữa các nước ASEAN, thông qua các cơ chế như AEC và các FTA, tạo điều kiện để Campuchia giảm sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc, từ đó mở ra không gian chiến lược để cải thiện quan hệ với Mỹ. Từ góc độ Chủ nghĩa Thể chế, các tổ chức khu vực như ASEAN không chỉ thúc đẩy hợp tác mà còn tăng cường khả năng đàm phán của các quốc gia thành viên với các đối tác bên ngoài. Đối với Campuchia, sự tham gia vào AEC từ năm 2015 đã giúp nước này hưởng lợi từ dòng vốn đầu tư và thương mại với các nước láng giềng như Thái Lan và Việt Nam, giảm bớt sự lệ thuộc vào các dự án cơ sở hạ tầng do Trung Quốc tài trợ, chẳng hạn như trong khuôn khổ BRI. Trong bối cảnh này, Mỹ, với vai trò đối tác kinh tế lớn của ASEAN và thị trường xuất khẩu quan trọng cho hàng dệt may Campuchia trở thành một lựa chọn để Campuchia đa dạng hóa quan hệ kinh tế. Sự tương tác kinh tế trong ASEAN, đặc biệt qua việc học hỏi kinh nghiệm từ các nước như Việt Nam - vốn đã ký Hiệp định Thương mại song phương với Mỹ năm 2001 - giúp Campuchia nhận ra tiềm năng cải thiện quan hệ với Mỹ mà không cần đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Tuy nhiên, sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc vẫn là một yếu tố hạn chế, khiến chính sách của Campuchia với Mỹ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực phi quân sự như thương mại và viện trợ phát triển.

Thứ ba, các vấn đề an ninh khu vực, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông, tuy không trực tiếp liên quan đến Campuchia, nhưng lại tạo ra tác động gián tiếp thông qua quan hệ giữa các nước ASEAN. Từ góc độ Chủ nghĩa Hiện thực, tranh chấp này phản ánh sự cạnh tranh quyền lực giữa Trung Quốc và các quốc gia như Việt Nam và Philippines, đặt Campuchia vào vị thế trung gian đầy thách thức. Sự kiện năm 2012, khi Campuchia ngăn cản tuyên bố chung về Biển Đông, đã làm nổi bật sự chia rẽ trong ASEAN và gây căng thẳng với Mỹ, vốn ủng hộ tự do hàng hải ở khu vực này. Hành động này không chỉ làm xấu đi quan hệ song phương Campuchia - Mỹ mà còn khiến Campuchia bị chỉ trích bởi các thành viên ASEAN khác, buộc nước này phải điều chỉnh chính sách để tránh bị cô lập trong Khối. Kết quả là Campuchia duy trì một cách tiếp cận thận trọng với Mỹ, tránh tham gia vào các sáng kiến an ninh khu vực do Mỹ dẫn dắt, chẳng hạn như Bộ Tứ (Quad) và thay vào đó tập trung vào các lĩnh vực hợp tác ít nhạy cảm như hỗ trợ nhân đạo và giáo dục.

Thứ tư, quan hệ giữa các nước ASEAN nâng cao vị thế ngoại giao của Campuchia, từ đó ảnh hưởng đến cách nước này xây dựng chính sách với Mỹ. Theo Chủ nghĩa Thể chế, các tổ chức như ASEAN cung cấp một nền tảng để các quốc gia nhỏ như Campuchia tăng cường tiếng nói trên trường quốc tế. Khi đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2022, Campuchia đã tận dụng vị thế này để tổ chức các cuộc họp cấp cao với sự tham gia của Mỹ, chẳng hạn như Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN-Mỹ, nơi hai bên thảo luận về hợp tác kinh tế và biến đổi khí hậu. Sự tương tác này giúp Campuchia cải thiện hình ảnh trong mắt Mỹ. Quan hệ với các thành viên ASEAN khác, đặc biệt là sự hỗ trợ ngoại giao từ Indonesia hay Singapore, đã giúp Campuchia tự tin hơn khi đàm phán với Mỹ, đồng thời giảm áp lực từ các biện pháp trừng phạt của Mỹ.

Thứ năm, quan hệ giữa các nước ASEAN đóng vai trò như một cơ chế cân bằng trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Từ góc độ Chủ nghĩa Hiện thực, Campuchia nằm giữa lằn ranh của hai cường quốc: Trung Quốc cung cấp viện trợ và đầu tư lớn, trong khi Mỹ sử dụng áp lực nhân quyền và trừng phạt để gây ảnh hưởng. Sự đa dạng trong lập trường của các nước ASEAN - từ thân Mỹ như Singapore đến trung lập như Malaysia - mang lại cho Campuchia một "*lá chắn khu vực*" để giảm thiểu áp lực trực tiếp từ Mỹ. Các diễn đàn đa

phương của ASEAN, như ARF, cung cấp không gian để Campuchia và Mỹ đối thoại mà không cần đối đầu trực diện, từ đó duy trì một mối quan hệ song phương ở mức độ kiểm soát được.

Như vậy, quan hệ giữa các nước ASEAN định hình chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ theo hướng thực dụng, linh hoạt và đa chiều, phản ánh sự kết hợp giữa logic cân bằng quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực và lợi ích hợp tác của Chủ nghĩa Thể chế. ASEAN không chỉ là một cơ chế để Campuchia củng cố vị thế khu vực mà còn là công cụ giúp nước này điều hướng mối quan hệ phức tạp với Mỹ trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị. Tuy nhiên, sự phụ thuộc chiến lược vào Trung Quốc vẫn là yếu tố chi phối, khiến Campuchia ưu tiên tránh đối đầu với Mỹ trong các vấn đề an ninh, thay vào đó tập trung vào hợp tác kinh tế và ngoại giao để tối ưu hóa lợi ích quốc gia.

### **2.2.2. Cấp độ quốc gia**

#### *2.2.2.1. Tác động của những chuyển biến trong nội bộ Campuchia (2009 - 2024)*

*Về chính trị nội bộ:* Từ năm 2009 trở lại đây, tình hình chính trị nội bộ Campuchia vẫn diễn biến phức tạp, mâu thuẫn giữa các đảng, phái chính trị đã tác động lớn việc hoạch định chính sách đối ngoại của Campuchia. Kể từ khi Vương quốc Campuchia tiến hành cuộc tổng tuyển cử do LHQ bảo trợ vào tháng 5/1993, đất nước đã trải qua thêm các cuộc bầu cử lần lượt vào các năm 1998, năm 2003, năm 2008, năm 2013, năm 2018 và năm 2023. Trong các cuộc bầu cử, ngoại trừ năm 2013, CPP chỉ thắng sát nút CNRP, còn lại CPP đều giành thắng lợi cách biệt với các đảng còn lại. Sự thắng lợi và sự gia tăng ảnh hưởng của CPP trên cả phương diện đối nội và đối ngoại sẽ gắn liền với việc phân hóa, làm suy yếu liên minh giữa các đảng đối lập, tạo ra mâu thuẫn chính trị nội bộ. Cụ thể, đảng FUNCINPEC ngày càng giảm sút uy tín và bị phân hóa mạnh mẽ. Đảng SPR tiền thân là đảng Dân tộc Khmer (KNP) do Sam Rainsy thành lập là đảng đối lập lớn nhất của Quốc hội Campuchia. SRP tập trung vào phơi bày những hạn chế, yếu kém của Chính phủ trong điều hành và quản lý; đồng thời Đảng này đưa ra những chủ trương nhằm cải thiện đời sống của người dân nghèo. Đặc biệt, SPR luôn được hậu thuẫn từ Mỹ và phương Tây nên chủ trương gương cao ngạo cờ dân chủ, nhân quyền [Đào Đình

Kỳ, 2019, tr.47]. Chính vì thế, SRP đã đánh trúng tâm lý của đại bộ phận người dân, nhất là tầng lớp trí thức, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, dân cư tại đô thị. Để cạnh tranh với CPP và hướng tới mục tiêu là trở thành đảng cầm quyền, năm 2012, SRP đã liên minh với HRP thành đảng CNRP và bầu Sam Rainsy làm Chủ tịch và Kem Sokha làm Phó Chủ tịch. Cuộc chạy đua giữa CPP và CNRP tại cuộc bầu cử năm 2013 làm cho chính trường Campuchia hết sức phức tạp. Mặc dù CPP vẫn giành thắng lợi sát nút nhưng vai trò và tiếng nói của CNRP ngày càng gia tăng trong xã hội Campuchia. Nhận thấy ảnh hưởng của CNRP ngày càng gia tăng, trở thành đối thủ thực sự của mình, CPP và Chính phủ Hun Sen đã sử dụng nhiều “chiến thuật” nhằm chia rẽ nội bộ CNRP, loại Sam Rainsy ra khỏi đời sống chính trị ở Campuchia, đứng đằng sau một số đảng nhỏ nhằm phân tán phiếu bầu của CNRP; sửa đổi Luật Đảng phái, lôi kéo lãnh đạo CNRP, trong đó có ông Kem Sokha [Nguyễn Thành Văn, 2018, tr. 25]. Mặc dù vậy, những chiến thuật này không đạt kết quả như mong muốn, Chính phủ do CPP lãnh đạo đã sử dụng những biện pháp cứng rắn hơn đó là bắt giam Chủ tịch CNRP, Kem Sokha với tội danh âm mưu lật đổ chính phủ đương nhiệm với sự trợ giúp của Chính phủ Mỹ [Wallace & Julia, 2017]. Ngày 16/11/2017, Tòa án tối cao Campuchia đã tuyên bố giải tán CNRP (được cho là thân Mỹ) và ban hành lệnh cấm kéo dài 5 năm đối với 118 thành viên CNRP, theo đó họ không được tham gia bất kỳ hoạt động chính trị nào [Chheng Niem, 2019]. Kết quả là cuộc bầu cử năm 2018 và năm 2023, CPP tiếp tục giành thắng lợi. Cuộc bầu cử tháng 7/2023 có sự chuyển giao quyền lực giữa Thủ tướng Hun Sen cho con trai ông là Hun Manet. Như vậy, sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các đảng đối lập với chính đảng CPP khiến cho tình hình chính trị nội bộ Campuchia khá phức tạp, nhất là thời điểm trước và sau các cuộc bầu cử. Việc Chính phủ Hun Sen giải tán và bắt tạm giam Chủ tịch CNRP cũng như cách thức tổ chức các cuộc bầu cử ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ giữa Campuchia - Mỹ vì vậy việc lựa chọn các chiến lược ngoại giao của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) cũng diễn tiến theo các chiều kích khác nhau.

*Về kinh tế - xã hội:* Mặc dù nền kinh tế Campuchia đã nhiều khởi sắc trong hai nhiệm kỳ đầu của Thủ tướng Hun Sen (1998 - 2008), tuy nhiên từ năm 2009 vẫn phải đối mặt với những khó khăn mang tính hệ thống như: (i) Nền kinh tế

Campuchia đối mặt với với nhiều tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi tình trạng chậm phát triển, nguồn lực kinh tế hạn hẹp khi chủ yếu dựa vào xuất khẩu một số mặt hàng truyền thống như lúa gạo, giày da, may mặc, xe đạp, du lịch. Trong khi đó, các ngành kinh tế công nghệ cao phát triển còn nhiều hạn chế; (ii) Hệ thống cơ sở hạ tầng (hạ tầng vận tải, viễn thông, nhà kho, hệ thống hạ tầng nông nghiệp...) của Campuchia còn tồn tại nhiều hạn chế và yếu kém; (iii) Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế, năng xuất lao động còn thấp; (iv) Nguồn lực phát triển đất nước chủ yếu dựa vào viện trợ và các khoản cho vay của nước ngoài (chiếm 50% ngân sách của chính phủ) [Trần Hải Định, 2017]; (v) Việc Mỹ và EU thi hành chính sách cắt giảm viện trợ kinh tế và siết chặt quy chế ưu đãi thương mại tự do đối với Campuchia từ năm 2019 đã gây ra cú sốc lớn đối với nền kinh tế Campuchia (thực tế Mỹ và EU là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia); (vi) Đại dịch COVID -19 diễn biến phức tạp khi hầu hết chuỗi cung ứng bị đứt gãy, các thị trường đóng cửa, nền sản xuất và xuất khẩu của Campuchia rơi vào khó khăn nghiêm trọng dẫn đến nền kinh tế càng khó khăn hơn. GDP bình quân đầu người năm 2009 chỉ đạt 734.8 USD, mặc dù đã tăng lên 1.759 USD năm 2022; 1.924 USD năm 2023 và khoảng 2.700 USD vào năm 2024 nhưng vẫn rất thấp hơn rất nhiều so với một số quốc gia trong khu vực [The World bank, 2023; Thương vụ Việt Nam tại Campuchia, 2025, tr.21]. Năng lực quản trị nền kinh tế còn nhiều yếu kém, chỉ số hiệu quả hoạt động của Chính phủ còn thấp.

Ngoài ra, tình trạng tham nhũng vẫn còn tồn tại phổ biến, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành. Theo công bố của tổ chức Minh bạch quốc tế, Campuchia đứng thứ 160/170 nước (2013); năm 2022 và năm 2023 đều đứng vị trí 150/180; năm 2024 ở vị trí 158/180 nước về tình trạng tham nhũng. Đây cũng là một trong những lý do chủ yếu khiến người dân mất niềm tin vào Đảng cầm quyền và Chính phủ, tạo ra nguy cơ chia rẽ, phe phái, mất đoàn kết nội bộ. Song song với những cáo buộc về vấn đề dân chủ, nhân quyền, Mỹ cũng luôn cáo buộc Campuchia về vấn đề tham nhũng tại nước này. Điều này ảnh hưởng đến quá trình lựa chọn, triển khai các chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối ngoại với Mỹ nói riêng.

*Về y tế, giáo dục:* Campuchia là quốc gia kém phát triển, cơ sở hạ tầng còn yếu kém nên các dịch vụ y tế, sức khỏe của phụ nữ, trẻ em còn nhiều hạn chế; số ca

nhiễm HIV, AIDS, bệnh lao vẫn tăng nhiều hàng năm; số trẻ bị suy dinh dưỡng còn nhiều. Về giáo dục, trẻ em Campuchia bị tụt hậu ở trường do thiếu cơ sở hạ tầng cơ bản, chẳng hạn như nước, công trình vệ sinh, đặc biệt ảnh hưởng đến trẻ em gái vị thành niên và trẻ em khuyết tật. Bạo lực là một vấn đề ở trường học, với việc giáo viên sử dụng nhục hình. Trẻ khuyết tật vẫn bị phân biệt đối xử. Nhiều bậc cha mẹ không thể hiểu được giá trị của giáo dục và hầu hết không đủ khả năng cho con đi học, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng khó khăn.

*Về an ninh - quốc phòng:* Campuchia có tiềm lực quốc phòng còn tương đối hạn chế so với các quốc gia Đông Nam Á. Theo số liệu từ trang Global Firepower, sức mạnh quân sự của Campuchia năm 2024 xếp thứ 95/145 [Global Firepower, 2024]. Trong khi đó, Campuchia phải đối mặt với nhiều thách thức về an ninh - quốc phòng: i) Bối cảnh thế giới và khu vực hiện nay diễn biến rất phức tạp, mau lẹ và khó lường; ii) Tình hình chính trị nội bộ trong nước tiềm ẩn nhiều bất ổn, đặc biệt là sự mâu thuẫn, cạnh tranh giữa chính đảng CPP và các đảng đối lập; iii) Tác động từ an ninh kinh tế liên quan đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung; iv) Mâu thuẫn giữa Campuchia và các nước ASEAN liên quan tới vấn đề Biển Đông và tranh chấp biên giới với Thái Lan; v) Vấn đề an ninh phi truyền thống như: an ninh con người, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, khủng bố, “cách mạng màu”... Tất cả những yếu tố trên cho thấy nhu cầu tăng cường sức mạnh an ninh - quốc phòng của Campuchia là hết sức cần thiết. Thực tế này đã tác động lớn đến việc Campuchia đưa ra chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối ngoại với Mỹ nói riêng.

#### *2.2.2.2. Tác động từ tình hình Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 và sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương*

Năm 2009, khi lên nắm quyền, Tổng thống B.Obama thừa hưởng một di sản không mấy sáng sủa từ Tổng thống G. Bush. Đó là khoảng thời gian có thể nói là “tồi tệ” của nước Mỹ khi nước này sa lầy vào cuộc chiến hao người, tốn của tại Afganistan và Iraq. Cùng với đó, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã tác động sâu sắc tới nền kinh tế Mỹ khiến hàng loạt ngân hàng và các tổ chức tài chính Mỹ phá sản, tỷ lệ thất nghiệp cao... Sức mạnh kinh tế Mỹ bị giảm sút đáng kể. Chính sách đơn phương tới mức hiệu chiến trong cuộc chiến chống khủng bố đã khiến uy tín và hình ảnh của Mỹ bị suy giảm nghiêm trọng trên chính trường quốc tế.

Cũng trong khoảng thời gian này, việc mài mê tập trung mọi quyền lực vào cuộc chiến chống khủng bố, Mỹ đã lãng quên khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi đang có nhiều thay đổi hết sức căn bản bắt nguồn từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Nhận thức được sự phát triển năng động, tầm quan trọng ngày càng tăng của khu vực này đối với các lợi ích kinh tế và an ninh của Mỹ và nguy cơ bị Trung Quốc thay thế vị thế chính trị của mình, chính quyền B. Obama đã thực hiện chính sách “xoay trục”, “tái cân bằng” vào năm 2011 nhằm tăng cường sự hiện diện và cam kết của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Bằng việc tăng cường hợp tác quân sự với các đồng minh và các đối tác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và Philippines; thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa Mỹ và các quốc gia châu Á; tham gia vào các tổ chức và diễn đàn của khu vực như ASEAN, EAS, APEC; hỗ trợ phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa và các lĩnh vực khác đối với các quốc gia để thúc đẩy ổn định và thịnh vượng chung.

Trong chính sách tái cân bằng, thì Đông Nam Á cũng được coi là trọng tâm của chính sách. Mỹ đã theo đuổi bốn lĩnh vực hợp tác chính với nhiều cam kết song phương và đa phương với các nước Đông Nam Á như hỗ trợ sự phát triển của Cộng đồng ASEAN; Hỗ trợ cải cách quốc phòng và tái cơ cấu; Tạo điều kiện cho hoạt động cứu trợ thảm họa nhân đạo; Hỗ trợ đối phó với nguy cơ khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia. Sự can dự có kế hoạch này thể hiện việc Mỹ đánh giá ngày càng cao tầm quan trọng của ASEAN như một khối thống nhất.

Ngay sau khi Cộng đồng ASEAN được thành lập, Mỹ đã nâng cấp mối quan hệ với ASEAN thành đối tác chiến lược. Đây cũng là cơ sở để Campuchia thúc đẩy quan hệ với Mỹ. Trên thực tế, thời điểm này quan hệ Campuchia - Mỹ có những êm dịu trở lại và có dấu hiệu tiến triển tốt. Tuy nhiên, khi Tổng thống D. Trump lên nắm quyền vào tháng 01/2017, ông đã xóa bỏ những nỗ lực chính trị giữa hai nước mà Tổng thống B. Obama đã gây dựng trước đó. Với tính cách là một doanh nhân, D. Trump đã triển khai chính sách ngoại giao thực dụng, thay đổi chính sách đối ngoại từ “xoay trục” sang châu Á thành “Nước Mỹ trên hết”. Mỹ đã thay đổi quan điểm của mình, từ việc ưu tiên xây dựng lại quan hệ với Campuchia sang không coi nước này ngang hàng với các quốc gia khác [Cook, Malcolm, and Ian Stoney, 2017,

tr.3]. Điều này đã tác động lớn đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ. Mặc dù khi Tổng thống J.Biden (từng là Phó Tổng thống dưới thời B.Obama) lên nắm quyền vào năm 2021, nhiều kỳ vọng mới đã được đặt ra nhưng có lẽ do ông đang phải gánh trên vai một nước Mỹ ngổn ngang trước nhiều vấn đề quan trọng, nên việc hoạch định và điều chỉnh chính sách đối ngoại với một quốc gia không phải là đối tượng quan tâm đặc biệt như Campuchia cũng gặp nhiều trở ngại. Với việc Mỹ và ASEAN nâng cấp quan hệ lên thành đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2022; ASEAN được lựa chọn là trọng tâm trong FOIP của Mỹ và việc Chính phủ Campuchia có nhà lãnh đạo mới là Hun Manet từ tháng 7/2023 sẽ là nền tảng quan trọng để Campuchia hoạch định chính sách đối ngoại với Mỹ một cách hiệu quả để xây dựng một mối quan hệ tốt đẹp trong tương lai.

#### *2.2.2.3. Tác động từ cách nhìn nhận đối với vai trò và vị trí của Campuchia và Mỹ trong chính sách đối ngoại song phương*

Chính sách đối ngoại của Campuchia được thể hiện trong Hiến pháp Campuchia và trong Cương lĩnh chính trị của Chính phủ các nhiệm kỳ. Về tổng thể, bao gồm các nội dung sau: i) củng cố và phát triển quan hệ với các nước láng giềng; ii) phát triển quan hệ với tất cả các nước trong khu vực và thế giới, trong đó có các nước lớn; iii) tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực và trên thế giới, bao gồm cả LHP. Trong thực tiễn triển khai, có thể nhận rõ Mỹ không phải là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Campuchia. Tuy nhiên, là một nước nhỏ, hạn chế nguồn lực về mọi mặt, Campuchia đã sử dụng nhiều chính sách ngoại giao đan xen để tối đa lợi ích, trong đó có quan hệ với Mỹ. Như đã phân tích ở trên, mặc dù Mỹ suy giảm tương đối về sức mạnh kinh tế và quân sự so với chính nó nhưng trên thực tế hiện nay Mỹ vẫn là siêu cường về tài chính, sức mạnh quân sự và ảnh hưởng chính trị. Vì vậy, việc thúc đẩy chính sách đối ngoại tốt đẹp với Mỹ mang lại cho Campuchia rất nhiều lợi ích: (i) Việc mở rộng quan hệ chính trị - an ninh với Mỹ sẽ cho phép Campuchia hiện thực hóa mạnh mẽ chính sách đa phương, đa dạng hóa, tránh rơi vào tình trạng “nhất biên đảo” với một quốc gia nào đó. Với ảnh hưởng chính trị của Mỹ, quan hệ với Mỹ sẽ là một điểm tựa chính trị cho Campuchia trong thế giới bất

định hiện nay, đồng thời, giúp Campuchia giảm bớt được những lo ngại về an ninh quốc gia với nước láng giềng, đặc biệt là với Thái Lan, đồng minh của Mỹ. (ii) Campuchia có thể tận dụng được những ưu thế trong việc thu hút viện trợ và đầu tư từ Mỹ để tăng nguồn lực phát triển kinh tế đất nước. Mặt khác, vì Mỹ không còn là cực duy nhất trong hệ thống quốc tế nên bản thân Mỹ cũng phải có những điều chỉnh chính sách nhất định để gia tăng vai trò của mình. Yếu tố này sẽ là lực hút đối với Campuchia trong quan hệ với Mỹ. Cụ thể, việc Mỹ đưa Campuchia ra khỏi danh sách đen thương mại vào năm 2009 là một dấu hiệu tốt biểu hiện của lực hút cho mối quan hệ giữa hai nước.

Về phía Mỹ, xét về mặt tổng thể, Campuchia nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ nhằm thiết lập, duy trì vị trí lãnh đạo thế giới. Tuy nhiên, trong phạm vi Đông Nam Á, Campuchia không phải là ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ, nhất là khi Tổng thống D.Trump lên nắm quyền và thực hiện chính sách “Nước Mỹ trên hết”. Sự quan tâm của Mỹ đối với Campuchia chủ yếu phục vụ cho mục tiêu đẩy lùi ảnh hưởng của Trung Quốc và thúc đẩy thực thi chuẩn mực Mỹ, giá trị Mỹ, tiến tới chuyển hóa chính trị tại một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Đồng thời, Campuchia còn là biến số phản ánh mức độ cạnh tranh ảnh hưởng Mỹ - Trung trong nội khối ASEAN. Hành vi đối ngoại của Campuchia, đặc biệt trong các vấn đề đa phương và khi đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN, được Washington xem như chỉ báo về mức độ tự chủ chiến lược của ASEAN. Ngoài ra, Campuchia còn đóng vai trò như một “trường hợp thử nghiệm” cho các công cụ chính sách của Mỹ đối với nước nhỏ, kết hợp giữa can dự có điều kiện và gây sức ép chọn lọc. Chính vì vậy, dù quan hệ song phương nhiều thời điểm căng thẳng, Mỹ vẫn duy trì tiếp cận linh hoạt với Campuchia nhằm quản lý rủi ro chiến lược, hơn là tìm kiếm sự tái định hướng chiến lược toàn diện.

#### *2.2.2.4. Tác động từ di sản lịch sử quan hệ hai nước trước năm 2009*

Campuchia và Mỹ chính thức thiết lập ngoại giao vào ngày 11/7/1950. Việc Mỹ công nhận nền độc lập của một quốc gia nhỏ bé và xa xôi như Campuchia khi đó là muốn thuyết phục quốc gia Đông Dương này cùng đối phó với làn sóng của chủ nghĩa Cộng sản do Liên Xô đứng đầu đang phát triển mạnh tại khu vực này. Mỹ tích

cực can thiệp vào tình hình chính trị, tăng viện trợ về kinh tế cho Campuchia với mục đích biến quốc gia này thành căn cứ để thực hiện chiến tranh chống Việt Nam. Mỹ đã vận động Campuchia tham gia Tổ chức phòng thủ chung Đông Nam Á (SEATO). Tuy nhiên, Campuchia đã từ chối đề nghị của Mỹ. Từ năm 1955 đến năm 1963, viện trợ của Mỹ lên tới khoảng 409,6 triệu đô la tiền tài trợ kinh tế và 83,7 triệu đô la tiền viện trợ quân sự [US. Department of State, 1997]. Khoản viện trợ này chủ yếu được sử dụng để sửa chữa thiệt hại do cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất gây ra, hỗ trợ lực lượng an ninh nội bộ và xây dựng cơ sở hạ tầng (như đường cao tốc Phnom Penh - Sihanoukville).

Có thể nói, giai đoạn 1954 - 1970, chính sách đối ngoại của Campuchia dưới thời N.Sihanouk được triển khai theo hướng trung lập linh hoạt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc tại Đông Dương. Trên thực tiễn, Campuchia duy trì quan hệ ngoại giao chính thức với Mỹ và tiếp nhận viện trợ kinh tế - quân sự ở mức độ nhất định, song đồng thời từ chối tham gia các liên minh quân sự do Mỹ dẫn dắt và không cho phép sử dụng lãnh thổ làm căn cứ hoặc bàn đạp cho các hoạt động quân sự khu vực. Song song với đó, Campuchia mở rộng và tăng cường quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô, thiết lập các kênh hợp tác ngoại giao, kinh tế và chính trị nhằm đa dạng hóa đối tác và tạo đối trọng trong quan hệ với các cường quốc phương Tây. Ở cấp độ đa phương, Campuchia tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế và Phong trào Không liên kết để khẳng định lập trường trung lập và xử lý các vấn đề an ninh thông qua kênh ngoại giao.

Việc Campuchia từ chối gia nhập SEATO và thiết lập ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô, hay nói cách khác “chính sách ngoại giao đi đây” của Sihanouk, đã dẫn đến sự nghi ngờ của Mỹ về lập trường của Campuchia. Cơ quan tình báo Mỹ (CIA) đã “bí mật” hỗ trợ phong trào Khmer Serei chống Sihanouk từ cuối thập niên 1950, một hành động được xem như là “can thiệp ngầm” nhằm lật đổ chính quyền trung lập [Clymer, 2024a, tr.112]. Đỉnh điểm của giai đoạn này là quyết định của Sihanouk cắt đứt việc nhận viện trợ từ Mỹ và thậm chí còn cắt đứt quan hệ ngoại giao với Mỹ vào ngày 03/5/1965 sau các vụ không kích xuyên biên giới của Mỹ vào Campuchia trong Chiến tranh Việt Nam, khiến hàng chục dân thường thiệt mạng [Blum, 2003, tr.137]. Sự can thiệp của Mỹ cũng là nguyên nhân dẫn đến nội chiến

tại Campuchia. Chính quyền Lon Nol thân Mỹ chính thức sụp đổ vào năm 1975. Trong giai đoạn 1979 - 1991, Mỹ không công nhận Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia. Sau khi Hiệp định Hòa bình Toàn diện Campuchia được ký kết vào 23/10/1991, Mỹ chính thức khôi phục quan hệ ngoại giao với Campuchia vào tháng 11/1991; cho mở lại Văn phòng ngoại giao tại Phnom Penh và nâng cấp thành Đại sứ quán vào năm 1994 [Bureau of Public Affairs, 1996].

Về phía Campuchia, sau khi được tái lập (1993), Vương quốc Campuchia mong muốn nối lại quan hệ ngoại giao với Mỹ nhằm tìm kiếm sự ủng hộ về chính trị và mở rộng hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư, viện trợ để ổn định và tái thiết đất nước. Trong những năm 1990, Mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ UNTAC (Cơ quan của LHQ quản lý giai đoạn chuyển tiếp tại Campuchia), đóng góp tài chính và nhân sự để tổ chức cuộc bầu cử tự do đầu tiên tại Campuchia vào năm 1993, dẫn đến sự ra đời của chính phủ liên minh do Hoàng tử Norodom Ranariddh và Hun Sen lãnh đạo. Từ năm 1991 đến năm 1999, Mỹ cung cấp khoảng 700 triệu USD viện trợ nhân đạo và phát triển, tập trung vào tái thiết cơ sở hạ tầng, y tế và giáo dục, đồng thời thúc đẩy cải cách dân chủ và kinh tế thị trường [Clymer, 2004b, tr.221]. Tuy nhiên, quan hệ song phương không phải lúc nào cũng thuận lợi. Mỹ chỉ trích mạnh mẽ chính quyền Hun Sen sau cuộc đảo chính năm 1997, khi ông lật đổ Ranariddh và củng cố quyền lực, dẫn đến việc Mỹ tạm đình chỉ một phần viện trợ và áp đặt các biện pháp trừng phạt [Strangio, 2014, tr.67]. Dù vậy, quan hệ kinh tế bắt đầu phát triển, việc Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất cho hàng dệt may Campuchia sau khi ký Hiệp định Thương mại Song phương năm 1996, tạo điều kiện cho hàng hóa Campuchia tiếp cận thị trường Mỹ với thuế suất ưu đãi [Clyde, 2004b, tr.245].

Tuy nhiên, do vấn đề bất ổn chính trị tại Campuchia xảy ra vào năm 1997, quan hệ hai nước lại xấu đi nghiêm trọng. Mỹ tuyên bố lệnh trừng phạt kéo dài 10 năm (1997 - 2007) đối với Campuchia. Theo đó, Mỹ cắt toàn bộ viện trợ trực tiếp qua kênh chính phủ; chấm dứt mọi khoản hỗ trợ quốc phòng và phản đối các thể chế tài chính quốc tế cho Campuchia vay (trừ các nguồn vốn nhân đạo liên quan đến các nhu cầu tối thiểu). Mặc dù vậy, trong khoảng thời gian này, viện trợ gián tiếp thông qua các tổ chức phi chính phủ vẫn được duy trì trong một số lĩnh vực như

chăm sóc sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS, giáo dục, nước sạch... Bên cạnh đó sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ tăng cường hợp tác chống khủng bố với Campuchia, triển khai các chương trình huấn luyện quân sự và chia sẻ tình báo để đối phó với chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan. Campuchia thể hiện sự ủng hộ bằng cách trục xuất nghi phạm khủng bố năm 2003, củng cố quan hệ an ninh [Strangio, 2014, tr.67].

Năm 2007, sau khi lệnh cấm vận hết hiệu lực quan hệ hai nước bắt đầu có những chuyển biến tích cực. Đặc biệt, năm 2009 Mỹ chính thức rút Campuchia ra khỏi danh sách đen thương mại, mở ra một chương mới cho quan hệ hai nước.

Mặc dù vậy, khi đề cập đến dĩ sản lịch sử giữa hai nước, không thể không đề cập đến phản ứng của Mỹ đối với cuộc xung đột giữa Thái Lan - Campuchia xoay quanh vấn đề đền Preah Vihear (2008 - 2011). Khi sự việc xảy ra, Mỹ chủ yếu hành động như một “quan sát viên ngoại giao tích cực”, thúc đẩy giải pháp hòa bình thông qua ASEAN và kêu gọi kiềm chế. Mức độ can dự hạn chế của Mỹ trong các vấn đề an ninh khu vực liên quan trực tiếp đến Campuchia, trong đó có xung đột Thái Lan - Campuchia, không phải là nguyên nhân trực tiếp khiến Phnom Penh xích lại gần Bắc Kinh. Tuy nhiên, sự thiếu vắng một cam kết chiến lược rõ ràng và lâu dài từ phía Washington đã góp phần tạo ra khoảng trống chiến lược, trong đó Trung Quốc nổi lên như đối tác có khả năng cung cấp các nguồn lực an ninh, kinh tế và bảo trợ chính trị phù hợp hơn với ưu tiên của Campuchia. Hay nói cách khác, chính sách can dự hạn chế của Mỹ đóng vai trò như một điều kiện thúc đẩy gián tiếp, làm gia tăng mức độ phụ thuộc chiến lược của Campuchia vào Trung Quốc, từ đó ảnh hưởng phần nào đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ.

Có thể thấy, quan hệ Campuchia - Mỹ từ khi bắt đầu thiết lập quan hệ trước năm 2009 đã trải qua nhiều biến động, từ sự hỗ trợ ban đầu của Mỹ cho Campuchia trong giai đoạn hậu thuộc địa, đến sự rạn nứt trong thời kỳ Chiến tranh Việt Nam, sự gián đoạn hoàn toàn dưới chế độ Khmer Đỏ và cuối cùng là nỗ lực tái thiết quan hệ trong bối cảnh Campuchia chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và dân chủ hóa sau Chiến tranh Lạnh. Campuchia cũng chủ yếu chú trọng đến quan hệ kinh tế với Mỹ và ít quan tâm đến quan hệ chính trị - ngoại giao. Một lịch sử đối ngoại không mấy suôn sẻ cũng tác động ít nhiều đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ ở giai đoạn tiếp theo.

#### 2.2.2.5. Một số yếu tố phi vật chất

Bên cạnh những yếu tố về nguồn lực, đặc điểm, tình hình của mỗi nước, các yếu tố phi vật chất cũng đóng một vai trò không nhỏ, tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia nói chung, trong đó có Mỹ.

Một là, tư tưởng “*xã hội Phật giáo của Campuchia*” đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách đối ngoại trung lập của Campuchia (William E. Willmott, 1967, tr. 37). Tư tưởng có thể được coi là một yếu tố phi vật chất của Chủ nghĩa Kiến tạo vì nó đại diện cho một tập hợp các ý tưởng, giá trị và chuẩn mực ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại và tương tác của Campuchia với các quốc gia khác. Nó không chỉ bao gồm các nguyên tắc kinh tế xã hội chủ nghĩa mà còn kết hợp các yếu tố triết học Phật giáo và bản sắc văn hóa. Nó định hình cách tiếp cận của Campuchia đối với chính sách đối ngoại, nhấn mạnh các nguyên tắc như trung lập, không liên kết, chung sống hòa bình và tôn trọng chủ quyền của các quốc gia khác. Với nguyên tắc đối ngoại trung lập, Campuchia không chỉ thúc đẩy quan hệ với Mỹ mà còn với các quốc gia khác trên thế giới, đặc biệt là các nước láng giềng trong khu vực. Quan điểm này phản ánh sự chủ động trong việc xây dựng một môi trường hòa bình và ổn định cho cả khu vực và toàn cầu. Trong quan hệ với Mỹ, mặc dù có những lúc xuất hiện mâu thuẫn và căng thẳng, nhưng Campuchia luôn đặt vào trọng tâm nỗ lực và tìm kiếm giải pháp để làm dịu tình hình và cải thiện mối quan hệ. Điều này phản ánh tinh thần linh hoạt và khả năng thích ứng của chính sách đối ngoại Campuchia, nơi mà việc duy trì một mối quan hệ xây dựng và tôn trọng là rất quan trọng. Bằng cách tiếp tục duy trì kỳ vọng vào sự hòa bình, tôn trọng và hợp tác, Campuchia mong muốn tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc giải quyết bất đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong quan hệ với Mỹ.

Hơn thế nữa, trên thực tế, điều kiện về kinh tế - xã hội nội tại của Campuchia vẫn còn rất nhiều khó khăn, Campuchia đang cần rất nhiều nguồn lực để phát triển đất nước. Điều này cũng tác động không nhỏ đến việc thực hiện và điều chỉnh chính sách đối ngoại với Mỹ để đảm bảo được tốt nhất lợi ích quốc gia dân tộc. Khi quan hệ Campuchia - Mỹ mờ nhạt và căng thẳng (dưới nhiệm kỳ của Tổng thống D.Trump), Trung Quốc đã ráo riết tranh thủ thể hiện vai trò của mình với Campuchia thông qua BRI, các dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng, viện trợ.... Mặc dù

vậy, với tư tưởng ngoại giao trung lập, Campuchia vẫn khẳng định không lựa chọn bên và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác với tất cả các quốc gia trên thế giới. Quan điểm này không chỉ thể hiện sự độc lập và tự chủ trong chính sách đối ngoại của Campuchia mà còn là một đòn bẩy quan trọng, giúp quốc gia này có thể linh hoạt điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình với Mỹ thông qua phương thức “*phòng bị nước đôi*”. Bằng cách này, Campuchia có thể tận dụng các cơ hội hợp tác mới và tối ưu hóa lợi ích của mình trong quan hệ với Mỹ mà không phụ thuộc quá mức vào một bên (Trung Quốc).

Hai là, *ảnh hưởng của tàn dư chiến tranh đối với người dân Campuchia hiện nay*. Campuchia đã chứng kiến lịch sử chiến tranh tàn khốc của Mỹ tại Đông Dương. Chính phủ Campuchia đã hiểu rõ sức mạnh quân đội Mỹ và những mất mát của đất nước trong thời kỳ đó. Vì vậy, việc đối đầu với một siêu cường thế giới không phải là một lựa chọn tốt cho một quốc gia nhỏ như Campuchia. Chính vì thế, dù mâu thuẫn đến đâu, căng thẳng đến mức nào, thì Campuchia cũng luôn tìm cách hòa dịu mâu thuẫn để cải thiện mối quan hệ giữa hai nước.

Ba là, *ảnh hưởng của dư luận xã hội Campuchia*. Khi quan hệ hai nước Campuchia - Mỹ có những nốt trầm, Trung Quốc đã tận dụng thời cơ này để gia tăng ảnh hưởng của mình và cạnh tranh với Mỹ thông qua việc đầu tư ráo riết vào cơ sở hạ tầng và xây dựng các đặc khu kinh tế tại đất nước Chùa Tháp. Đồng thời, chính phủ Hun Sen có những phát ngôn về mối quan hệ thân thiết “đặc biệt” với Trung Quốc. Điều này đã gặp phải phản ứng không nhỏ của người dân Campuchia. Họ cho rằng việc nhận đầu tư quá nhiều từ Trung Quốc sẽ khiến Campuchia lệ thuộc vào kinh tế và chính trị của Trung Quốc. Điều này có thể làm giảm khả năng độc lập trong các quyết định quốc gia và chính sách đối ngoại của Campuchia, làm suy yếu nền dân chủ và độc lập chính trị của đất nước. Một số người dân cho rằng lợi ích kinh tế từ các dự án đầu tư của Trung Quốc không được phân bổ công bằng, phần lớn rơi vào tay các công ty và lao động Trung Quốc thay vì người dân Campuchia. Các công ty Trung Quốc thường mang theo lao động từ Trung Quốc, làm giảm cơ hội việc làm cho người dân địa phương và gây ra xung đột; các dự án của Trung Quốc gây ô nhiễm môi trường và đặc biệt, họ cho rằng lao động của Trung Quốc sẽ làm ảnh hưởng đến “bản sắc văn hóa” của đất nước. Trước

phản ứng của công luận, Chính phủ Campuchia đã buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại, thực hiện chiến lược cân bằng quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Một mặt nỗ lực cải thiện vấn đề dân chủ, nhân quyền trong nước, mặt khác, thúc đẩy các kênh ngoại giao nhằm hâm nóng mối quan hệ với Mỹ.

Bốn là, *mục đích lan tỏa chuẩn mực, hệ giá trị của Mỹ.*

Về chuẩn mực, Mỹ rất quan tâm đến vấn đề dân chủ, tự do và nhân quyền. Một trong những nguyên nhân tác động đến sự mâu thuẫn trong quan hệ Campuchia - Mỹ là việc Mỹ cáo buộc Campuchia thực hiện chế độ độc tài, lạm dụng chính trị, tham nhũng, vi phạm dân chủ, nhân quyền trong các cuộc bầu cử, bắt thủ lĩnh của Đảng đối lập Kem Sokha và giải tán CNRP. Mỹ lo ngại nếu Campuchia không tham gia vào thế giới dân chủ do Mỹ dẫn dắt, sự yếu kém của Campuchia sẽ là môi trường thuận lợi cho Trung Quốc can thiệp, sử dụng cho mục tiêu bá quyền ở Đông Nam Á.

Về hệ giá trị, Mỹ là một nước lớn, luôn thể hiện sứ mệnh lãnh đạo và trách nhiệm toàn cầu. Mỹ thường tự xem mình là quốc gia có trách nhiệm lãnh đạo trong việc bảo vệ và thúc đẩy các giá trị dân chủ và tự do trên thế giới; là quốc gia có trách nhiệm cung cấp viện trợ nhân đạo và phát triển cho các quốc gia nghèo, đang phát triển. Campuchia là một quốc gia với nền kinh tế còn nghèo nàn, rất cần những nguồn viện trợ từ Mỹ để phát triển đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Vì thế, Mỹ đã liên tục điều chỉnh chính sách đối ngoại với Campuchia và can dự vào Campuchia. Một mặt, Mỹ thực hiện những chính sách mang tính chất viện trợ, đầu tư để giúp một nước nghèo phát triển. Cụ thể, năm 2009 Mỹ đã rút Campuchia ra khỏi danh sách đen thương mại; thực hiện nhiều dự án về y tế, giáo dục, và phát triển bền vững thông qua USAID và cơ chế LMI. Mặt khác, Mỹ thực thi các biện pháp bao vây cấm vận về kinh tế với mục đích yêu cầu Campuchia cải thiện vấn đề dân chủ, nhân quyền. Bên cạnh đó, Mỹ tiếp tục hậu thuẫn cho CNRP; duy trì các hoạt động can thiệp về dân chủ, nhân quyền.... Mục tiêu của Mỹ là gia tăng ảnh hưởng trên chính trường Campuchia, phổ quát rộng rãi giá trị Mỹ, chuẩn mực Mỹ, hướng lái Campuchia theo mục đích ý đồ của Mỹ, hạn chế gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Tuy nhiên, quan điểm và cách thức triển khai chính sách đối ngoại với Campuchia của ba đời Tổng thống Mỹ có sự khác

nhau, thiếu tính nhất quán, diễn biến theo mô hình sóng, lúc hòa dịu, lúc căng thẳng. Đây là một yếu tố tác động lớn đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024. Tuy nhiên, yếu tố phi vật chất (chuẩn mực và hệ giá trị Mỹ) chính là lực hút giúp Campuchia có những điều chỉnh chính sách đối ngoại với Mỹ để khai thác tối đa lợi ích và nguồn lực cho phát triển đất nước.

### ***2.2.3. Cấp độ ra quyết định***

Campuchia là một chế độ quân chủ lập hiến, thực hiện chế độ đa đảng và phát triển theo hướng nền kinh tế thị trường, trong đó Chính phủ Hoàng gia thực hiện quyền hành pháp dưới sự đồng ý của Quốc vương, người “chỉ trị vì, không cai trị”. Theo Hiến pháp Campuchia năm 1993, Thủ tướng được Quốc hội bầu chọn, là người đứng đầu chính phủ, chịu trách nhiệm điều hành bộ máy hành pháp, đề xuất và thực thi chính sách quốc gia, quản lý kinh tế, quốc phòng và an ninh [Senat Secretariat General, 2008].

Với Campuchia, cá nhân Thủ tướng Hun Sen và CPP tác động mạnh mẽ đến việc định hình và triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ nói chung và giai đoạn 2009 - 2024 nói riêng. Ông là một trong những nhà lãnh đạo lâu năm nhất trên thế giới, tính cách và phong cách lãnh đạo của ông đã ảnh hưởng sâu sắc đến cục diện chính trị đất nước.

Hun Sen, sinh ngày 04/4/1951, tại Peam Kaoh Sna, tỉnh Kâmpóng Cham là chính trị gia người Campuchia. Hun Sen được giáo dục tại một tu viện Phật giáo ở Phnom Penh [Nasif Tanjim, 2023]. Vào cuối những năm 1960, ông gia nhập Đảng Cộng sản Campuchia. Trong chế độ Pol Pot (1975 - 1979), khi ước tính có khoảng hai triệu người Campuchia thiệt mạng, ông Hun Sen cùng một số đồng đội sang Việt Nam để tìm kiếm sự ủng hộ cách mạng, cứu đất nước khỏi nạn diệt chủng. Ông trở lại Campuchia vào năm 1979 và được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Năm 1985, ở tuổi 32, Hun Sen được bổ nhiệm làm Thủ tướng của Cộng hòa Nhân dân Campuchia, trở thành nhà lãnh đạo trẻ nhất thế giới lúc bấy giờ [Torn Vibol, 2025]. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc ký kết Hiệp định Hòa bình Toàn diện Campuchia năm 1991, chấm dứt nội chiến và mang lại hòa bình cho Campuchia. Dưới sự lãnh đạo của CPP, Hun Sen duy trì quyền lực qua nhiều thập kỷ, dù bị chỉ trích vì phong cách cai trị độc đoán. Năm 2023, ông chuyển giao chức Thủ tướng

cho con trai Hun Manet, nhưng vẫn giữ ảnh hưởng lớn với vai trò Chủ tịch Thượng viện và Chủ tịch CPP.

Tuy nhiên, hệ thống chính trị của Campuchia thường chịu ảnh hưởng lớn từ CPP. Đảng này hiện nắm đa số trong cả hai viện lập pháp, cho phép bầu chọn Thủ tướng và thành lập nội các, đồng thời các thành viên CPP cũng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong hệ thống tư pháp. Nhờ lợi thế về tổ chức và nguồn lực, CPP có khả năng duy trì ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống chính trị, trong khi các đảng đối lập và xã hội dân sự gặp nhiều thách thức. Trong nội bộ CPP, Thủ tướng Hun Sen nhiều năm qua giữ vai trò trung tâm và từ năm 2015 ông kế nhiệm Chea Sim làm Chủ tịch Đảng. Với cấu trúc quyền lực này, các quyết định về chính sách đối ngoại của Campuchia chủ yếu được hình thành và thông qua trong khuôn khổ lãnh đạo của CPP và Thủ tướng, thể hiện sự kiểm soát gần như tuyệt đối của họ trong hệ thống chính trị Campuchia.

Hun Sen, là một trong những nhà lãnh đạo tại vị lâu nhất thế giới, đã định hình chính sách đối ngoại của Campuchia, bao gồm mối quan hệ với Mỹ, thông qua những đặc điểm tính cách nổi trội của mình: sự thực dụng chiến lược, ý chí kiên định, khả năng thao túng chính trị, phong cách độc đoán và tầm nhìn dài hạn. Những đặc điểm này không chỉ phản ánh phong cách lãnh đạo cá nhân của ông mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến cách Campuchia tương tác với Mỹ - một cường quốc toàn cầu với các lợi ích chiến lược tại Đông Nam Á, thường xuyên xung đột với các ưu tiên của Hun Sen. Từ góc độ quan hệ quốc tế, mối quan hệ Campuchia - Mỹ (2009 - 2024) có thể được phân tích qua lăng kính Chủ nghĩa Hiện thực, nơi quyền lực và sinh tồn quốc gia là trọng tâm; Chủ nghĩa Tự do nhấn mạnh các giá trị dân chủ và nhân quyền và Chủ nghĩa Kiến tạo tập trung vào cách nhận thức và bản sắc định hình chính sách đối ngoại.

Trước hết, sự thực dụng chiến lược của Hun Sen đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, phản ánh lý thuyết Hiện thực về tối đa hóa lợi ích quốc gia trong một hệ thống quốc tế cạnh tranh. Xuất thân từ một thành viên Khmer Đỏ, Hun Sen chuyển hướng hợp tác với Việt Nam để lật đổ chế độ này vào năm 1979 và khi lên nắm quyền Thủ tướng năm

1985, ông nhanh chóng nhận ra tầm quan trọng của việc duy trì quan hệ với các cường quốc phương Tây, bao gồm Mỹ, để củng cố vị thế của Campuchia sau nội chiến. Trong những năm 1990, ông ủng hộ Hiệp định Hòa bình Toàn diện Campuchia - một sáng kiến có sự tham gia lớn của Mỹ - nhằm chấm dứt xung đột và thu hút viện trợ quốc tế [Ministry of Foreign Affairs And International Cooperation, 2018, tr.4]. Tuy nhiên, sự thực dụng của ông không đồng nghĩa với sự lệ thuộc vào Mỹ. Khi mối quan hệ với Trung Quốc trở nên chiến lược hơn vào đầu thế kỷ XXI, Hun Sen đã điều chỉnh chính sách đối ngoại để giảm phụ thuộc vào viện trợ và áp lực từ Mỹ, đặc biệt khi Mỹ liên tục chỉ trích Campuchia về dân chủ và nhân quyền. Ví dụ, sau khi Mỹ áp đặt lệnh trừng phạt vào năm 2018 đối với các quan chức Campuchia liên quan đến đàn áp phe đối lập, Hun Sen không nhượng bộ mà tăng cường quan hệ với Trung Quốc, chấp nhận các khoản vay và đầu tư từ Trung Quốc để bù đắp. Từ góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, sự thực dụng của ông cho thấy một nhà lãnh đạo sẵn sàng tận dụng Mỹ khi có lợi - như viện trợ kinh tế hay hỗ trợ tái thiết - nhưng cũng “không ngần ngại” phản ứng khi các giá trị của Mỹ xung đột với lợi ích sinh tồn chính trị của ông.

Thứ hai, ý chí kiên định của Hun Sen đã dẫn đến một môi quan hệ đầy căng thẳng với Mỹ, đặc biệt khi các lợi ích của hai bên không đồng nhất. Từ lý thuyết Hiện thực, đặc điểm này phản ánh sự ưu tiên bảo vệ chủ quyền và quyền lực nội bộ trước áp lực từ các cường quốc bên ngoài. Trong suốt nhiệm kỳ của mình, Hun Sen đối mặt với nhiều chỉ trích từ Mỹ về các vấn đề như đàn áp CNRP năm 2017, bắt giữ nhà hoạt động Kem Sokha và hạn chế tự do báo chí. Thay vì nhượng bộ trước các yêu cầu cải cách dân chủ của Mỹ, ông kiên quyết bảo vệ mô hình chính trị tập quyền của mình. Một minh chứng rõ ràng là khi Mỹ rút hỗ trợ tài chính cho cuộc bầu cử Campuchia năm 2018 để phản đối tính minh bạch của quá trình này, Hun Sen tuyên bố Campuchia không cần sự giúp đỡ của Mỹ và tiếp tục tổ chức bầu cử, dẫn đến chiến thắng áp đảo của CPP. Sự kiên định này cũng thể hiện trong việc ông từ chối tham gia các sáng kiến quân sự do Mỹ dẫn dắt, như việc hủy bỏ các cuộc tập trận chung Angkor Sentinel vào năm 2017, thay vào đó chọn hợp tác quân sự với Trung Quốc. Điều này cho thấy ý chí của Hun Sen trong việc duy trì độc lập chiến

lược, ngay cả khi điều đó làm gia tăng căng thẳng với Mỹ - một đối tác có thể mang lại lợi ích kinh tế và an ninh nhưng cũng đặt ra thách thức cho quyền lực của ông.

Thứ ba, khả năng chi phối chính trị của Hun Sen đã ảnh hưởng đến cách ông định hình nhận thức về mối quan hệ với Mỹ, cả trong nước và trên trường quốc tế, phù hợp với Chủ nghĩa Kiến tạo về vai trò của bản sắc và diễn ngôn. Ông thường xuyên sử dụng tuyên truyền để mô tả Mỹ như một thế lực can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia, qua đó củng cố hình ảnh của mình như một nhà lãnh đạo bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chẳng hạn, trong các bài phát biểu công khai, ông cáo buộc Mỹ đứng sau các phong trào đối lập như CNRP, gọi đó là âm mưu "cách mạng màu" nhằm lật đổ chính quyền của ông. Diễn ngôn này không chỉ làm giảm uy tín của Mỹ trong mắt công chúng Campuchia mà còn biện minh cho các chính sách đối ngoại nghiêng về Trung Quốc - một đối tác không đặt điều kiện chính trị. Trên bình diện quốc tế, Hun Sen tận dụng các diễn đàn như LHQ để phản bác chỉ trích của Mỹ, nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp trong Hiến chương LHQ. Khả năng thao túng này giúp ông biến áp lực từ Mỹ thành cơ hội để củng cố quyền lực trong nước, đồng thời định vị Campuchia như một nước nhỏ nhưng không dễ bị chi phối bởi các cường quốc phương Tây.

Thứ tư, phong cách lãnh đạo cứng rắn của Hun Sen là một yếu tố then chốt tác động đối với mối quan hệ với Mỹ, đặc biệt dưới lăng kính Chủ nghĩa Tự do, vốn nhấn mạnh vai trò của dân chủ và nhân quyền trong hợp tác quốc tế. Phong cách lãnh đạo tập quyền của ông - với việc kiểm soát chặt chẽ CPP, quân đội và tư pháp - trực tiếp xung đột với các giá trị mà Mỹ thúc đẩy tại Đông Nam Á. Sự kiện giải tán CNRP năm 2017 và cuộc bầu cử không cạnh tranh năm 2018 là những điểm mấu chốt khiến Mỹ áp đặt trừng phạt và cắt giảm viện trợ. Hun Sen đáp trả bằng cách công khai bác bỏ các giá trị dân chủ kiểu Mỹ, cho rằng chúng không phù hợp với bối cảnh lịch sử và văn hóa của Campuchia sau thời kỳ diệt chủng. Thay vì tìm cách hòa giải, ông đẩy mạnh quan hệ với các đối tác phi tự do như Trung Quốc và Nhật Bản, những nước không yêu cầu cải cách chính trị. Từ góc độ của Chủ nghĩa Tự do, phong cách độc đoán của Hun Sen là rào cản chính khiến Campuchia không thể tận dụng tối đa mối quan hệ với Mỹ, vốn có thể mang lại lợi

ích kinh tế và an ninh lớn hơn nếu ông chấp nhận các điều kiện về dân chủ. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, phong cách này lại là công cụ hiệu quả để ông bảo vệ quyền lực trước áp lực từ Mỹ.

Cuối cùng, tầm nhìn dài hạn của Hun Sen đã định hình một chính sách đối ngoại với Mỹ, phản ánh tư duy chiến lược của ông, được chứng minh qua các hành vi chính trị dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế. Ông nhận thức rõ tầm quan trọng của Mỹ như một đối trọng với Trung Quốc trong khu vực, nhưng cũng hiểu rằng sự phụ thuộc quá mức vào Mỹ có thể làm suy yếu quyền lực của mình do các yêu cầu về cải cách. Vì vậy, ông duy trì mối quan hệ tối thiểu với Mỹ - đủ để tận dụng viện trợ và thương mại khi cần thiết, nhưng không để Mỹ chi phối chính sách nội bộ của Campuchia. Việc chuyển giao quyền lực cho con trai Hun Manet vào năm 2023, trong khi ông tiếp tục giữ vai trò Chủ tịch Thượng viện và Chủ tịch CPP, là minh chứng cho tầm nhìn dài hạn trong việc duy trì mô hình đối ngoại này. Dưới thời Hun Manet, quan hệ với Mỹ có thể được cải thiện phần nào, nhưng di sản độc đoán và thực dụng của Hun Sen sẽ vẫn đảm bảo rằng Campuchia sẽ ưu tiên các đồng minh như Trung Quốc khi cần thiết. Từ Lý thuyết Hiện thực, tầm nhìn này phản ánh một chiến lược sinh tồn trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung; còn từ Lý thuyết Tự do, nó cho thấy sự hạn chế trong việc xây dựng quan hệ sâu sắc hơn với Mỹ.

Là một người được giáo dục tại tu viện nên Hun Sen ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo [Matthew Galway, 2023, tr.4], đồng thời, được trải nghiệm những năm tháng thăng trầm của đất nước, ông hiểu hơn ai hết những khó khăn của dân tộc, vì vậy chính sách đối ngoại của Campuchia dưới thời Thủ tướng Hun Sen vẫn duy trì “trung lập, không liên kết” theo Hiến pháp của Campuchia nhưng lại khá thực dụng do yêu cầu thực tế của đất nước. Trong quan hệ với Mỹ, mặc dù vẫn tồn tại những mâu thuẫn về chính trị, nhưng Chính phủ Hun Sen vẫn tăng cường hợp tác với Mỹ trên lĩnh vực kinh tế và an ninh - quốc phòng. Mỹ hiện là nhà nhập khẩu lớn nhất của Campuchia và là đầu tư, viện trợ lớn của Campuchia. Sự trung lập thể hiện ở chỗ mặc dù Campuchia nhận được rất nhiều lợi ích trong quan hệ với Trung Quốc, nhưng Campuchia vẫn khẳng định không chọn bên và quan hệ hợp tác với tất cả các quốc gia trên thế giới vì hòa bình và sự phát triển của Campuchia. Campuchia cũng

chủ động và thiện chí cải thiện mối quan hệ chính trị với Mỹ sau những mâu thuẫn căng thẳng.

Từng là một người lính, do đó, tính cách của Hun Sen là sự pha trộn giữa chủ nghĩa thực dụng, kiên cường và khả năng lãnh đạo uy quyền, kết hợp với sức thu hút và tầm nhìn chiến lược cho tương lai của Campuchia. Theo quan điểm của Hun Sen, việc để tồn tại những đảng chính trị đối lập sẽ gây mất ổn định chính trị và bị phân tán quyền lực trong Chính phủ. Chính vì thế, ông kiên quyết loại bỏ CNRP và lãnh đạo của họ ra khỏi chính trường Campuchia trước thềm cuộc bầu cử năm 2018. Tuy nhiên, chính sự kiên quyết này đã tạo ra dư luận ông là nhà lãnh đạo độc tài và vi phạm vấn đề dân chủ, nhân quyền. Điều này tác động rất xấu đến quan hệ giữa Campuchia - Mỹ.

Nền tảng giáo dục, trải nghiệm lịch sử cá nhân và tính cách đa diện của Hun Sen đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách đối ngoại của Campuchia, cả đối với Mỹ và các quốc gia khác. Chính sách này vừa có mặt tích cực, vừa tạo ra những mâu thuẫn nhất định trong quan hệ chính trị giữa hai nước.

Từ năm 2023, Thủ tướng Hun Manet là người đứng đầu chính phủ. Trong nhiệm kỳ đầu tiên của mình, có thể sẽ thực hiện những điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ. Hun Manet được giáo dục chủ yếu trong môi trường phương Tây, bắt đầu với đào tạo quân sự tại Học viện Quân sự Hoa Kỳ tại West Point, nơi ông tốt nghiệp với thành tích cao. Sau đó, ông tiếp tục học Thạc sĩ Kinh tế tại Đại học New York (NYU), qua đó mở rộng hiểu biết về kinh tế thị trường, quản trị và chính sách công. Hun Manet cũng hoàn thành Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Bristol (Vương quốc Anh), một cơ sở đào tạo có uy tín trong lĩnh vực khoa học xã hội. Nền tảng này góp phần hình thành ở Hun Manet phong cách kỹ trị, thận trọng và thiên về quản trị hơn là đối đầu ý thức hệ, có thể có những khác biệt tương đối so với phong cách chính trị mang tính cá nhân hóa cao của Hun Sen. Do đó, dưới thời Hun Manet, chính sách đối ngoại với Mỹ bước đầu thể hiện sự điều chỉnh chiến thuật theo hướng mềm dẻo, giảm đối đầu và tăng tín hiệu hợp tác, hơn là một sự tái định hướng chiến lược căn bản. Nói cách khác, lịch sử giáo dục và tính cách của Hun Manet tạo ra không gian điều chỉnh phong cách và phương thức tiếp cận, tuy nhiên, chưa đủ để làm thay đổi phương thức “phòng bị nước đôi” vốn đã định hình chính sách đối ngoại của Campuchia.

## **Tiểu kết Chương 2**

Chương 2 đã phân tích và làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024). Trên cơ sở nghiên cứu các lý thuyết quan hệ quốc tế phổ biến như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo, Chủ nghĩa Mác, Lý thuyết bất đối xứng và Lý thuyết phân tích chính sách đối ngoại, tác giả đã tìm ra được các luận điểm chính liên quan đến đề tài của luận án.

Chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm quan hệ lịch sử, sự cạnh tranh giữa các cường quốc và các lợi ích kinh tế, an ninh của Campuchia. Mối quan hệ giữa hai quốc gia đã trải qua nhiều thăng trầm, đặc biệt là trong bối cảnh Campuchia bị tác động bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Mỹ trong khu vực Đông Nam Á. Campuchia nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Trung Quốc về kinh tế và đầu tư, điều này khiến Campuchia đôi khi có xu hướng duy trì một chính sách đối ngoại thận trọng đối với Mỹ. Tuy nhiên, Mỹ vẫn là đối tác quan trọng trong các vấn đề như viện trợ nhân đạo, bảo vệ quyền con người và hợp tác an ninh khu vực. Vì vậy, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ không chỉ phản ánh các lợi ích trong quan hệ song phương mà còn là một phần của chiến lược cân bằng giữa các cường quốc lớn. Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ không chỉ là sự phản ánh đơn giản của mối quan hệ song phương, mà còn là sự tương tác phức tạp giữa các yếu tố nội bộ và quốc tế. Campuchia sẽ tiếp tục phải điều chỉnh và thích nghi với các thay đổi trong môi trường quốc tế và khu vực, đồng thời bảo vệ các lợi ích quốc gia của mình trong bối cảnh các thế lực lớn đang ngày càng gia tăng sự can thiệp vào các vấn đề khu vực.

### **Chương 3. NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ (2009 - 2024)**

#### **3.1. Nội dung và phương thức triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)**

##### **3.1.1. Nội dung chính sách đối ngoại của Campuchia**

Nguyên tắc trung lập và không liên kết cấu thành nền tảng pháp lý và ý thức hệ cho chính sách đối ngoại của Campuchia [Khmer Times, 2023]. Nguyên tắc này, được pháp điển hóa tại Điều 53 Hiến pháp 1993, không chỉ là một định hướng chính sách mà còn là một chiến lược sinh tồn của một quốc gia nhỏ trong một môi trường địa chính trị phức tạp [Kingdom of Cambodia, 1993, tr.12]. Chính sách đối ngoại xuyên suốt của Campuchia được thể hiện trong Điều 53 Hiến pháp Campuchia năm 1993: Vương quốc Campuchia áp dụng chính sách trung lập vĩnh viễn và không liên kết; chung sống hòa bình với các nước láng giềng và với tất cả các quốc gia khác trên toàn thế giới. Vương quốc Campuchia sẽ không xâm lược bất kỳ quốc gia nào, cũng như không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác, trực tiếp hoặc gián tiếp và sẽ giải quyết mọi vấn đề một cách hòa bình, tôn trọng lợi ích chung; không tham gia bất kỳ liên minh quân sự hay hiệp ước quân sự nào không phù hợp với chính sách trung lập của mình; không cho phép bất kỳ căn cứ quân sự nước ngoài nào trên lãnh thổ của mình và cũng sẽ không có căn cứ quân sự ở nước ngoài, trừ trường hợp nằm trong khuôn khổ yêu cầu của LHQ. Vương quốc Campuchia bảo lưu quyền tiếp nhận viện trợ nước ngoài dưới hình thức trang thiết bị quân sự, vũ khí, đạn dược, huấn luyện lực lượng vũ trang và các hình thức hỗ trợ khác nhằm tự vệ và duy trì trật tự công cộng cũng như an ninh trong lãnh thổ của mình” [Senat Secretariat General, 2008, tr.18].

Chính sách đối ngoại của Campuchia được tiếp tục khẳng định, bổ sung qua Cương lĩnh chính trị của Chính phủ các nhiệm kỳ. Trong giai đoạn 2009 - 2024, chính sách này được thể hiện với các nội dung chính sau:

*\* Mục tiêu đối ngoại*

Như đã trình bày ở Chương 1, mục tiêu đối ngoại của bất kỳ một quốc gia nào, dù lớn hay nhỏ, phát triển hay đang phát triển đều gồm ba trụ cột: Phát triển - An ninh - Vị thế/Ảnh hưởng. Ba trụ cột này có quan hệ biện chứng với nhau. Campuchia cũng như các quốc gia đang phát triển khác đều có mục tiêu tổng thể là: thu hút nguồn lực để phát triển đất nước bao gồm đầu tư và viện trợ nước ngoài (Phát triển); giữ vững được độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ (An ninh); nâng cao vai trò, vị thế, ảnh hưởng trên trường quốc tế (Vị thế/ Ảnh hưởng). Trong giai đoạn 2009 - 2024, mục tiêu này được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị qua các nhiệm kỳ. Mỗi giai đoạn của đất nước, Campuchia lại điều chỉnh, bổ sung mục tiêu đối ngoại cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Cụ thể như: Trong nhiệm kỳ 2008 - 2013, mục tiêu đối ngoại là thúc đẩy phát triển đất nước; duy trì và củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển chung của khu vực và thế giới; bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân Campuchia ở nước ngoài [Dẫn theo Nguyễn Thành Văn, 2018, tr.37]. Mục tiêu này được tiếp tục khẳng định trong Cương lĩnh chính trị Nhiệm kỳ 2013 - 2018 “... góp phần phát triển kinh tế - xã hội” [Royal Government of Cambodia, 2013, tr.4-5] và được bổ sung và nâng lên một tầm cao mới ở Nhiệm kỳ 2018 - 2023. Theo đó, mục tiêu tổng quát là: bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia, bao gồm cả việc bảo vệ quyền và lợi ích của người dân Campuchia ở nước ngoài [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2021, tr.1]. Trong Nhiệm kỳ 2023 - 2028, mục tiêu đối ngoại tiếp tục bổ sung ở mức độ cao hơn, đó là: bảo vệ lợi ích cốt lõi của Campuchia (bao gồm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập của Campuchia; hòa bình và sự phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ lợi ích của người dân Campuchia ở nước ngoài, cũng như danh dự và uy tín của quốc gia) [Royal Government of Cambodia, 2023, tr.27].

Như vậy trong giai đoạn 2009 - 2024, mục tiêu đối ngoại của Campuchia thể hiện sự kế thừa và phát triển nhất quán, từ việc chú trọng thu hút nguồn lực phát triển đến bảo vệ chủ quyền, nâng cao vị thế quốc gia. Theo thời gian, mục tiêu này ngày càng toàn diện và cụ thể hơn, phản ánh sự trưởng thành trong tư duy đối ngoại. Đây cũng là cơ sở định hướng cho cách Campuchia thiết lập và điều chỉnh quan hệ với các đối tác lớn như Mỹ.

*\* Nguyên tắc đối ngoại*

Trên cơ sở nguyên tắc trung lập vĩnh viễn và không liên kết được quy định trong Hiến pháp, nguyên tắc đối ngoại của Campuchia giai đoạn 2009 - 2024 có sự điều chỉnh, bổ sung. Cụ thể:

Trong Cương lĩnh của Chính phủ nhiệm kỳ 2008 - 2013 nhấn mạnh nguyên tắc: “Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại trung lập, chung sống hòa bình và không liên kết, xây dựng quan hệ thân thiện với tất cả các nước trên thế giới dựa trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau” [Dẫn theo Nguyễn Thành Văn, 2018, tr.37].

Cương lĩnh chính trị của Chính phủ nhiệm kỳ V (2013 - 2018) ghi rõ: “Campuchia thúc đẩy hơn nữa chính sách đối ngoại trung lập, thực hiện chính sách sống hòa bình và không liên kết. Tăng cường quan hệ hợp tác với tất cả các quốc gia trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau về độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chung” [Royal Government of Cambodia, 2013, tr.4-5].

Nguyên tắc này tiếp tục được khẳng định ở nhiệm kỳ 2018 - 2023: “Campuchia sẽ tiếp tục duy trì.....trên nguyên tắc trung lập lâu dài, không liên kết, chung sống hòa bình với các nước láng giềng và với tất cả các quốc gia trên thế giới...” [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2021, tr.1]. Khi Thủ tướng Hun Manet lên nắm quyền vào năm 2023, nguyên tắc này vẫn được Chính phủ mới khẳng định trong Cương lĩnh chính trị: “Tiếp tục theo đuổi chính sách độc lập dựa trên luật pháp, tuân thủ nguyên tắc và mục tiêu của Hiến chương LHQ và Hiến chương ASEAN” [Royal Government of Cambodia, 2023, tr.27].

Qua bốn nhiệm kỳ liên tiếp (2008 - 2024), nguyên tắc đối ngoại của Campuchia thể hiện sự nhất quán và kiên định với đường lối trung lập, không liên kết và chung sống hòa bình, đồng thời từng bước được điều chỉnh theo hướng thực dụng và hội nhập hơn. Việc nhấn mạnh các giá trị như bình đẳng, tôn trọng chủ quyền và tuân thủ luật pháp quốc tế cho thấy Campuchia nỗ lực duy trì bản sắc đối ngoại độc lập trong khi vẫn thích ứng linh hoạt với bối cảnh khu vực và toàn cầu đang biến động.

*\* Phương châm đối ngoại*

Phương châm bao trùm giai đoạn 2009 - 2024 là theo đuổi chính sách ngoại giao chủ động, mềm dẻo nhưng vẫn kiên quyết, linh hoạt và cân bằng, phù hợp, đa dạng hóa, đa phương quan hệ đối ngoại để thu hút nguồn lực phát triển đất nước. Cụ thể: tăng cường xây dựng quan hệ hữu nghị, đoàn kết và hợp tác tốt hơn với tất cả các quốc gia và các tổ chức quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, quyền tự quyết, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác; thúc đẩy ngoại giao kinh tế nhằm thu hút đầu tư, thúc đẩy thương mại và phát triển du lịch của Campuchia.

*\* Phương hướng, nhiệm vụ đối ngoại*

Để thực hiện được mục tiêu đối ngoại, đặc biệt là mục tiêu trọng tâm đưa Campuchia trở thành quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và quốc gia có thu nhập cao vào năm 2050, trong giai đoạn 2009 - 2024, Campuchia đề ra phương hướng và nhiệm vụ đối ngoại như sau:

i) Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và trung lập; duy trì hòa bình, an ninh, ổn định, trật tự và đoàn kết xã hội. Campuchia tiếp tục duy trì quyền tự quyết định độc lập trong cả chính sách đối nội và đối ngoại - về chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, đặc biệt là an ninh quốc gia và quốc phòng - trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc trung lập vĩnh viễn, không liên kết, chung sống hòa bình với các nước láng giềng và với tất cả các quốc gia trên thế giới, cũng như giải quyết hòa bình các tranh chấp và cùng có lợi. Campuchia bảo vệ và thực hiện các quyền chủ quyền của mình bằng cách theo đuổi đường lối hành động phù hợp nhất để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quốc gia cốt lõi theo Hiến pháp. Campuchia tiếp tục nỗ lực hết mình để bảo vệ quyền và lợi ích của người dân Campuchia ở nước ngoài, hợp tác với các cơ quan hữu quan của nước sở tại để giải quyết các thách thức của người lao động di cư Campuchia và cung cấp cho người lao động di cư các dịch vụ và hỗ trợ cần thiết khi cần thiết.

ii) Tăng cường quan hệ song phương, đa phương, các tổ chức thế giới và khu vực vì sự phát triển của các nước thành viên với mục tiêu tham gia tích cực, bình đẳng và bình quyền với tất cả các nước trên thế giới để giải quyết các vấn đề quốc

tế quan trọng như: chống chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên biên giới, bảo vệ môi trường... ; Cùng với đó, Campuchia tiếp tục tham gia vào các hoạt động nhân đạo, kiến tạo và giữ gìn hòa bình trên thế giới thông qua việc cử quân đội của mình tham gia giữ gìn hòa bình ở nước ngoài trong khuôn khổ LHQ [Dẫn theo Nguyễn Thành Văn, 2018, tr.37];

iii) Tăng cường quan hệ hợp tác với tất cả các quốc gia...; các khuôn khổ hợp tác song phương, tiểu vùng, khu vực và quốc tế. Tham gia tích cực vào các vấn đề quốc tế, đặc biệt là hội nhập ASEAN, nhằm hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015. Giải quyết các tranh chấp biên giới đất liền và biển...[Royal Government of Cambodia, 2013, tr.4-5];

iv) Tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị, hợp tác và đối tác hiện có với các nước khác; khôi phục quan hệ với bạn bè cũ và thúc đẩy quan hệ tốt đẹp với các nước bạn bè mới, đặc biệt là các nước ở Đông Âu và Trung Âu, Trung Á, Châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh...; đóng góp nhiều hơn nữa vào Cộng đồng ASEAN... và thông qua ASEAN, thúc đẩy và tăng cường quan hệ với tất cả các đối tác bên ngoài...; thúc đẩy ngoại giao kinh tế, tập trung vào thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, hội nhập sâu hơn vào thương mại toàn cầu (WTO, RCEP, FTA), phát triển du lịch và quảng bá văn hóa; ủng hộ chủ nghĩa đa phương và hợp tác quốc tế, tham gia gìn giữ hòa bình LHQ, triển khai hoạt động nhân đạo, tuân thủ luật pháp quốc tế; dung hòa giữa các sáng kiến của các nước lớn như “Vành đai - Con đường”, “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” và hợp tác tiểu vùng Mekong.... [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2021];

v) Tăng cường đoàn kết dân tộc, huy động và tận dụng nỗ lực chung của chính phủ Hoàng gia Campuchia, các thể chế chính phủ và toàn thể nhân dân để chống lại mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia; nuôi dưỡng, củng cố và làm sâu sắc thêm quan hệ với các nước láng giềng thân thiện và các quốc gia trong khu vực; tích cực tham gia vào các nỗ lực khu vực và toàn cầu, đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề toàn cầu như tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, các bệnh truyền nhiễm; tiếp tục đóng góp cho các phái bộ gìn giữ hòa bình của LHQ và các hoạt động rà phá bom mìn và vật liệu

chưa nổ; nâng cao vai trò của Campuchia trong khu vực và cộng đồng quốc tế, tận dụng động lực tích cực đạt được từ thành công trong vai trò Chủ tịch ASEAN; tiếp tục hành động như một bên tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán, tìm kiếm các kênh đối thoại và theo đuổi các giải pháp hòa bình, vì ASEAN không tìm kiếm bất kỳ lợi ích cá nhân nào khác ngoài hòa bình, ổn định và hòa giải; tăng cường quan hệ kinh tế với các đối tác cũ và mới, thúc đẩy sự hấp dẫn đầu tư; tìm kiếm các thị trường mới cho sản phẩm Campuchia và các ngành công nghiệp xuất khẩu của nước này. Thúc đẩy du lịch và văn hóa Campuchia dựa trên tiềm năng kinh tế và di sản lịch sử Angkor. Thúc đẩy việc thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), cũng như các cơ chế hợp tác song phương và đa phương nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước và tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục tìm kiếm nguồn lực tài chính từ các quốc gia đối tác để đóng góp vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng cứng và mềm. Tập trung vào việc đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngoại giao, đòi hỏi thời gian, phương pháp, nguồn lực trí tuệ, và các ưu đãi thích hợp để giữ chân và thu hút những người có năng lực và tài năng [Royal Government of Cambodia, 2023, tr.27].

### ***3.1.2. Nội dung chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)***

Nội dung chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ nằm trong tổng thể chính sách đối ngoại của Campuchia nói chung và được định hình bởi các yếu tố chiến lược, cạnh tranh địa chính trị và nhu cầu nội tại của Campuchia.

Về *mục tiêu đối ngoại*: Mục tiêu chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024), về cơ bản, là một bộ phận cấu thành trong mục tiêu đối ngoại nói chung của Campuchia (2009 - 2024), cũng bao gồm 3 trụ cột: Phát triển - An ninh - Vị thế/Ảnh hưởng và được thể hiện ở một số khía cạnh sau. i) thu hút nguồn lực để phát triển đất nước [Cham Nimul & Ratnakar Adhikari, 2024]. Là một đất nước đang phát triển, nền kinh tế còn nghèo, lạc hậu, Campuchia cần rất nhiều các khoản viện trợ từ Mỹ trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, nông nghiệp và môi trường [United States Agency for International Development, 2024]. Thực tế, Mỹ là một trong những nhà viện trợ lớn của Campuchia với các dự án giảm nghèo, cải thiện đời sống người dân và phát triển bền vững. Hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ kinh tế, phát triển của Mỹ như LMI. Đồng thời, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp Mỹ

vào các lĩnh vực chiến lược như cơ sở hạ tầng, công nghệ và năng lượng tái tạo [Nhean Chamrong, 2024]; ii) thúc đẩy quan hệ thương mại song phương, tiếp cận thị trường Mỹ cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Campuchia như dệt may, nông sản [Sok Siphana, 2005, p. 105]; iii) bảo vệ độc lập, tự chủ và an ninh quốc gia. Tăng cường hợp tác an ninh với Mỹ trong các lĩnh vực như chống khủng bố, buôn bán người và tội phạm xuyên quốc gia [Sok Raksa, 2023; Men Kimseng, 2019]. Cân bằng mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc để đảm bảo sự ổn định chính trị trong khu vực, trong nước cũng như tránh được việc lệ thuộc vào một nước lớn. Đồng thời, thông qua chính sách đối ngoại với Mỹ, Campuchia hạn chế các hành động can thiệp của Mỹ vào nội bộ chính trị Campuchia và bảo vệ các quan chức, doanh nghiệp Campuchia khỏi các lệnh trừng phạt đơn phương; iv) Nâng cao vai trò và tiếng nói của Campuchia trên trường quốc tế, củng cố niềm tin, hình ảnh của Campuchia như một đối tác đáng tin cậy và trung lập trong các vấn đề khu vực và toàn cầu [Sophat Soeung, 2010]. Các mục tiêu trên có thể khái quát thành các nhóm sau:

+ *Mục tiêu chiến lược*: Không thể phủ nhận rằng, là một quốc gia nhỏ, Campuchia có ít không gian để xoay xở trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị chưa từng có và trật tự khu vực năng động hiện nay. Tuy nhiên, các nguyên tắc không can thiệp, trung lập vĩnh viễn, không liên kết, chung sống hòa bình với các nước láng giềng, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, như được ghi nhận trong Điều 53 của Hiến pháp Campuchia, vẫn tiếp tục đóng vai trò là lộ trình cho định hướng chính sách đối ngoại của Campuchia. Dưới thời Hun Sen, chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ hướng đến việc thiết lập và duy trì mối quan hệ mang tính xây dựng với Mỹ, đồng thời bảo vệ quyền tự chủ chiến lược. Mục tiêu là tận dụng viện trợ và đầu tư của Mỹ cho phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng trong nước, đồng thời tận dụng vai trò là nước ủng hộ Mỹ trên trường quốc tế. Cụ thể, Campuchia hướng đến thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế thông qua việc phát triển quan hệ ngoại giao và kinh tế với Mỹ. Đồng thời, thực hiện chính sách gia tăng tiếp cận với Mỹ cũng là cách Campuchia tuyên bố về một chính sách đối ngoại trung lập (như ghi trong Hiến pháp), tự chủ và đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế.

Tuy nhỏ bé, Campuchia vẫn là một quốc gia có thể thực hiện chính sách đối ngoại độc lập và đa dạng, thể hiện qua ba khía cạnh. Thứ nhất, quyền tự chủ chiến lược của Campuchia phần lớn được quyết định bởi các chính khách, những người định hình chương trình nghị sự và định hướng chính sách đối ngoại của đất nước. Thứ hai, việc Campuchia tuân thủ các khuôn khổ thể chế và nguyên tắc là một con đường hướng tới việc giải quyết các vấn đề nhạy cảm và quan trọng. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, chiến lược đa dạng hóa quan hệ với các cường quốc tầm trung và Nam Bán cầu, mang lại thêm nhiều lựa chọn chiến lược và không gian để xoay xở trong môi trường địa chiến lược chưa từng có này.

+ *Mục tiêu chính trị - an ninh*: Duy trì quyền tự chủ chiến lược. Campuchia đặt mục tiêu cân bằng mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc để duy trì sự linh hoạt chiến lược của mình, bao gồm việc hợp tác với cả hai nước ở một mức độ nào đó. Đồng thời, giải quyết các vấn đề lịch sử: Một mục tiêu lâu dài là hợp tác với Mỹ để tìm kiếm đầy đủ nhất có thể những người Mỹ mất tích trong cuộc chiến tranh đẫm máu Đông Dương. Bên cạnh đó, Campuchia cũng muốn làm suy giảm khả năng về một cuộc “cách mạng màu” đối với quốc gia này. Do lo ngại về những gì được mô tả là nỗ lực của phương Tây nhằm tìm kiếm sự thay đổi chế độ thông qua "cách mạng màu", Phnom Penh có thể đã nhận thấy rằng sự can dự của Mỹ sẽ làm suy yếu quyền lực trung ương của Đảng cầm quyền về lâu dài. Một ranh giới đỏ lớn đối với Campuchia là sự can thiệp vào công việc nội bộ của nước này và nhận thức rằng Mỹ có ý định làm như vậy tiếp tục thách thức quan hệ song phương và làm suy yếu lòng tin chính trị. Về phần mình, các chính phủ phương Tây đã viện dẫn Hiến pháp của Campuchia, Hiệp định Hòa bình Toàn diện Campuchia và các hiệp ước quốc tế mà Campuchia đã phê chuẩn liên quan đến các quyền công dân và chính trị làm cơ sở cho những lời chỉ trích của họ đối với nền chính trị Campuchia.

+ *Mục tiêu kinh tế*: Ưu tiên của Campuchia trong quan hệ với Mỹ là thúc đẩy sự phát triển của đất nước và xóa đói giảm nghèo thông qua viện trợ của Mỹ và thương mại song phương. Campuchia mong muốn thúc đẩy thương mại và đầu tư, mở rộng quan hệ thương mại với Mỹ, bao gồm việc tận dụng Hiệp định Khung Thương mại và Đầu tư (TIFA) để giải quyết các vấn đề thương mại song phương và

thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Phòng Thương mại Campuchia thậm chí đã thành lập một văn phòng tại California để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối kinh doanh.

+ *Mục tiêu văn hóa, giáo dục*: Thúc đẩy hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực văn hóa và giáo dục, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực.

Về *nguyên tắc đối ngoại*: Trong quan hệ với Mỹ, Campuchia luôn nhấn mạnh nguyên tắc trung lập, không liên kết, bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ dù đối mặt với áp lực từ Mỹ về nhân quyền, dân chủ và minh bạch chính trị. Campuchia luôn cho rằng các chỉ trích và yêu cầu của Mỹ về dân chủ, nhân quyền và sự thân thiết với Trung Quốc là hành vi “phóng đại” và can thiệp vào chính trị nội bộ của Campuchia. Chẳng hạn như khi Tổng thống B.Obama cáo buộc Campuchia về vấn đề dân chủ, nhân quyền tại cuộc gặp gỡ giữa hai nhà lãnh đạo năm 2012 khi B.Obama thăm chính thức Campuchia. Ông Hun Sen nói với B.Obama rằng những cáo buộc vấn đề nhân quyền ở Campuchia là phóng đại mặc dù ông cũng thừa nhận có tồn tại một số vấn đề trong nước [Simon Roughneen, 2012].

Về *phương châm đối ngoại*: Trong giai đoạn 2009 - 2024, Campuchia chủ động giảm căng thẳng và duy trì đối thoại, đồng thời, phản ứng cứng rắn trước những báo buộc. Bất chấp những bất đồng trong quan hệ hai nước, Campuchia luôn nỗ lực, chủ động tìm cách hạ nhiệt và duy trì kênh ngoại giao cả song phương và đa phương để không làm đổ vỡ hoàn toàn mối quan hệ.

Về *phương hướng, nhiệm vụ đối ngoại*: Để thực hiện các mục tiêu trong quan hệ với Mỹ, trong giai đoạn 2009 - 2024, Campuchia đã triển khai các phương hướng và nhiệm vụ đối ngoại điển hình sau: Thúc đẩy, cải thiện và làm sâu sắc hơn quan hệ song phương giữa hai nước [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2024; Soth Koemsoeun, 2024]. Bất chấp căng thẳng, Campuchia không muốn cắt đứt quan hệ hoàn toàn mà luôn chủ động, tìm cách duy trì đối thoại song phương và tháo gỡ những bất đồng giữa hai nước. Thúc đẩy ngoại giao kinh tế. Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Campuchia, đặc biệt đối với hàng dệt may và nông sản [Sok Siphana, 2005]. Chính phủ Campuchia nỗ lực duy

trì và mở rộng tiếp cận thị trường Mỹ thông qua các ưu đãi thuế quan, đồng thời tranh thủ đầu tư từ doanh nghiệp Mỹ vào các lĩnh vực chiến lược như cơ sở hạ tầng, công nghệ và năng lượng tái tạo [Nhean Chamrong, 2024]. Ngoài ra, Campuchia cũng hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế của Mỹ như Sáng kiến Hạ nguồn Mekong (LMI). Khôi phục hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Duy trì nhận viện trợ phi chính trị từ Mỹ như chăm sóc sức khỏe, đào tạo nguồn nhân lực, giáo dục, y tế. Ủng hộ, tham gia tích cực vào chiến lược và các cơ chế đa phương nơi Mỹ dẫn dắt hoặc là đối tác như FOIP, LMI, LHQ và ASEAN [Royal Government of Cambodia, 2010; Royal Government of Cambodia, 2014; [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2021; Royal Government of Cambodia, 2023]. Tích cực phối hợp với Mỹ trong lĩnh vực rà soát bom mìn và tìm kiếm hài cốt sau chiến tranh. Thông qua đó, Campuchia như một cách để khẳng định lập trường trung lập, đóng góp vào duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ, đồng thời nâng cao tiếng nói của mình trên các diễn đàn quốc tế [Sophat Soeung, 2010]. Trong Định hướng đối ngoại năm 2021, Campuchia khẳng định ủng hộ các sáng kiến khu vực nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung, đồng thời nhấn mạnh việc tạo ra sự bổ trợ và cộng hưởng giữa các cơ chế khác nhau. Việc Campuchia nêu rõ cả BRI của Trung Quốc và FOIP- vốn được xem là chiến lược chủ chốt của Mỹ trong Định hướng đối ngoại cho thấy mục tiêu của Campuchia là không đứng về một bên, mà tận dụng song song các cơ chế này để phục vụ lợi ích quốc gia. Đây cũng chính là cách Campuchia cụ thể hóa mục tiêu trong chính sách đối ngoại đối với Mỹ: vừa duy trì quan hệ cân bằng, vừa khai thác lợi ích từ các chiến lược lớn trong khu vực mà không làm phương hại đến đối tác nào. Việc hợp tác và đối thoại với Mỹ giúp Campuchia củng cố hình ảnh là một quốc gia nhỏ nhưng có trách nhiệm trong các vấn đề khu vực và toàn cầu.

### ***3.1.3. Phương thức Campuchia thực thi chính sách đối ngoại với Mỹ (2009 - 2024)***

Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) không mang tính cố định hay nhất quán mà chịu tác động đáng kể bởi các yếu tố bên trong liên quan đến động lực chính trị trong nước cũng như các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là sự trỗi

dậy của Trung Quốc và mức độ ảnh hưởng ngày càng gia tăng của quốc gia này tại Campuchia.

Để hiện thực hóa nguyên tắc trung lập, không liên kết đã được hiến định, chính sách đối ngoại của Campuchia trong thực tiễn không vận hành một cách cứng nhắc mà biểu hiện qua một phổ các lựa chọn chính sách linh hoạt. Trong bối cảnh phải tương tác với các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, Campuchia đứng trước các phương thức hành xử kinh điển trong quan hệ quốc tế, bao gồm “*cân bằng*” (balancing) và “*phù thịnh*” (bandwagoning). Tuy nhiên, phương thức được áp dụng phổ biến và phức tạp nhất chính là “*phòng bị nước đôi*” (hedging), một chiến lược được xem là sự giao thoa và tối ưu hóa của hai phương thức trên (xem Hình 3).

Ở hai thái cực, “*cân bằng*” là phương thức mà một quốc gia tìm cách đối trọng lại sức mạnh của một cường quốc để bảo vệ an ninh và lợi ích quốc gia, có thể thực hiện qua việc gia tăng sức mạnh nội tại (cân bằng bên trong) hoặc xây dựng liên minh với các quốc gia khác (cân bằng bên ngoài). Ngược lại, “*phù thịnh*” là phương thức mà một nước nhỏ liên minh và đi theo một cường quốc mạnh hơn để tìm kiếm sự bảo vệ, thường phải từ bỏ một phần quyền tự chủ. Tuy nhiên, chính sách trung lập, không liên kết của Campuchia không chỉ đơn thuần là sự lựa chọn giữa hai thái cực này mà đã tiến xa hơn với phương thức “*phòng bị nước đôi*”. Đây là một phương thức thực thi trung dung, vừa giảm thiểu rủi ro, vừa tối đa hóa lợi ích. Phương thức này là sự giao thoa của “*cân bằng*” và “*phù thịnh*” bởi nó vay mượn yếu tố “*phù thịnh*” bằng cách chủ động quan hệ sâu rộng về kinh tế và ngoại giao với các cường quốc để thu về lợi ích, trong khi vẫn tích hợp các biện pháp “*cân bằng*” bằng cách áp dụng các biện pháp an ninh dự phòng. Điều này được thể hiện qua việc Campuchia đa dạng hóa đối tác, tăng cường năng lực nội tại và tham gia các cơ chế đa phương để tránh bị phụ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào. Như vậy, từ nguyên tắc trung lập, không liên kết, Campuchia đã không chọn một con đường duy nhất mà chủ động di chuyển linh hoạt giữa các cực quyền lực, kết hợp các yếu tố của cả “*cân bằng*” và “*phù thịnh*” để bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia.

Bằng cách thực hiện phương thức này, Campuchia đã khéo léo tối đa hóa lợi ích trong khi vẫn quản lý hiệu quả các rủi ro. Cụ thể, Campuchia đã tận dụng các

mối quan hệ với Mỹ để nhận được lợi ích kinh tế đáng kể thông qua các chương trình ưu đãi thương mại, đồng thời củng cố hợp tác an ninh và chính trị thông qua việc tham gia các cuộc tập trận quân sự và các sáng kiến khu vực.



**Hình 3: Mô hình “giao thoa phương thức” trong chính sách đối ngoại Campuchia**

*Nguồn: Tác giả phác thảo từ phương thức Campuchia thực hiện*

### 3.2. Thực tiễn triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024

Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ được triển khai cụ thể trên các lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác.

#### 3.2.1. Về chính trị - ngoại giao

Sau khi lệnh cấm vận kéo dài 10 năm (1997 - 2007) của Mỹ và phương Tây đối với Campuchia hết hiệu lực vào năm 2007, quan hệ Campuchia - Mỹ có nhiều diễn biến tích cực. Năm 2009, Tổng thống B.Obama lên cầm quyền, Mỹ thực hiện chính sách “xoay trục”, trở lại châu Á - Thái Bình Dương để khẳng định vai trò của mình và kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mỹ đã có nhiều động thái để thể hiện thiện chí trong cải thiện mối quan hệ với các nước Đông Nam Á, trong đó có

Campuchia. Mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ có dấu hiệu tích cực khi Đại sứ Mỹ là nữ đầu tiên, Carol A. Rodley, đến Campuchia nhận nhiệm kỳ mới vào tháng 01/2009. Tháng 6/2009, Tổng thống Mỹ B.Obama đã ký thông qua văn bản đưa Campuchia cùng với Lào ra khỏi danh sách đen thương mại [Neou Vannarin, 2009]. Đây là một mốc son quan trọng trong quan hệ hai nước.

Từ năm 2009 đến đầu năm 2012 quan hệ song phương nhìn chung ổn định do Campuchia “phòng bị nước đôi” với Mỹ bằng cách tham gia tích cực LMI do Mỹ sáng lập vào tháng 7/2009, một chương trình đối tác đa quốc gia nhằm thúc đẩy hợp tác tiểu vùng Mekong và được coi là hạt nhân trong chính sách của Mỹ đối với các nước Đông Nam Á lục địa. LMI cũng được xem là một đối trọng với LMC do Trung Quốc dẫn dắt. Để cải thiện quan hệ với Mỹ, Campuchia nỗ lực duy trì ổn định chính trị nội bộ sau bầu cử năm 2008, cải thiện giáo dục và y tế công cộng, nới lỏng sự kiểm soát đối với các nhà phê bình và áp dụng cải cách từng phần [Chansambath Bong, 2020, tr.104]. Chuyến thăm của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đến Campuchia vào ngày 31/10/2010 là một sự kiện đáng chú ý. Đây là lần đầu tiên một Ngoại trưởng Mỹ tới Campuchia trong gần một thập kỷ, đánh dấu một bước tiến trong việc cải thiện quan hệ giữa hai nước sau nhiều năm căng thẳng. Chuyến thăm này nằm trong chiến lược tái cân bằng của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á, một phần của chính sách “xoay trục” châu Á dưới thời Tổng thống B.Obama. Trong chuyến thăm này, bà Hillary Clinton đã gặp Thủ tướng Hun Sen, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Hor Namhong, Phó tổng thư ký Đảng đối lập Mu Sochua. Hai bên đã thảo luận về các vấn đề quan trọng như phát triển kinh tế, nhân quyền và quan hệ song phương giữa hai nước [Vannarith Chheang, 2010, tr.1]. Ngoại trưởng Mỹ đã đánh giá cao những chuyển biến tích cực của Campuchia trong vấn đề ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS, giảm đói nghèo, chống tham nhũng, tham gia LMI. Bà cũng nhấn mạnh sự hỗ trợ của Mỹ đối với Campuchia thông qua các chương trình viện trợ và cam kết thúc đẩy hợp tác khu vực. Năm 2010, Campuchia đã thu hút được khoản viện trợ phát triển từ Mỹ trị giá 70 triệu USD và 5 triệu USD cho Tòa án đặc biệt của Campuchia xét xử tội ác Khmer Đỏ (ECCC) nhằm truy tố các cựu lãnh đạo Khmer Đỏ và củng cố hơn nữa

hệ thống tư pháp của Campuchia [Vannarith Chheang, 2010, tr.2]. Hơn nữa, vào giữa năm 2010, Campuchia đã được chọn trong số 20 quốc gia nhận được hỗ trợ của Mỹ theo “*Sáng kiến an ninh lương thực nuôi dưỡng tương lai mới*” của Tổng thống B. Obama. Trong chuyến thăm này, Ngoại trưởng Hillary Clinton cũng kêu gọi Campuchia duy trì một chính sách đối ngoại độc lập và tránh phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc [John Pomfret, 2010].

Vào ngày 19/11/2012, Tổng thống B.Obama đã đến thăm chính thức Campuchia và tham dự Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) lần thứ 7, đánh dấu chuyến thăm đầu tiên của một Tổng thống Mỹ đương nhiệm đến Campuchia. Tổng thống B.Obama đã có một cuộc gặp ngắn và “căng thẳng” với Thủ tướng Hun Sen, trong đó ông nhấn mạnh các vấn đề về nhân quyền, việc trả tự do cho các tù nhân chính trị và một cuộc bầu cử công bằng và tự do [Spetalnick, 2012]. Mặc dù cuộc gặp căng thẳng và không kết thúc bằng một cuộc họp báo chung nhưng chuyến thăm của Tổng thống B.Obama có lẽ đã là một động lực lớn cho tính hợp pháp của CPP, vì nó cho thấy rằng sau hơn 20 năm dưới sự lãnh đạo của mình, Campuchia đã đạt được tiến bộ đáng kể trong chính sách đối nội, đối ngoại và đã được công nhận bởi các nhà lãnh đạo thế giới.

Tuy nhiên, từ cuối năm 2012, do những mâu thuẫn liên quan đến vấn đề dân chủ, nhân quyền giữa hai nước buộc Campuchia phải điều chỉnh chính sách. Bắt đầu từ việc Campuchia trao trả 20 phần tử Duy Ngô Nhĩ xin tị nạn tại nước này cho Trung Quốc năm 2009 gặp phải sự phản đối dữ dội từ Mỹ và phương Tây. Như một sự trừng phạt cho hành động này, Mỹ đình chỉ viện trợ 200 xe tải quân sự cho Campuchia [Nguyễn Thành Văn, 2018, tr.8; Reuter, 2010]. Trong các chuyến thăm của Tổng thống B.Obama và các quan chức cấp cao của Mỹ tới Campuchia đều tập trung chỉ trích Campuchia vi phạm dân chủ, nhân quyền và khẳng định việc Campuchia thiếu tiến bộ trong vấn đề dân chủ, nhân quyền là một trở ngại trong chính sách đối ngoại của Mỹ với Campuchia” [Veasna Var, 2016].

Năm 2013, quan hệ hai nước tiếp tục căng thẳng khi hai bên cáo buộc nhau về những vấn đề liên quan đến cuộc tổng tuyển cử. Phía Mỹ cho rằng cuộc bầu cử này có nhiều sai sót và cần phải có một cuộc điều tra tin cậy và minh bạch. Phát

ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ, Marie Harf, nhấn mạnh rằng cần có “những đánh giá minh bạch” về những cáo buộc bất thường trong cuộc bầu cử qua đó giúp người dân Campuchia tự tin hơn vào hệ thống bầu cử của họ” [VOA News, 2013]. Phía Campuchia cho rằng Mỹ đã can thiệp vào vấn đề nội bộ của Campuchia và đứng sau hậu thuẫn cho CNRP nhằm lật đổ Chính phủ hiện thời. Đáp trả lại, Campuchia đã đơn phương tuyên bố tạm ngừng một số chương trình viện trợ quân sự của Mỹ. Ông Hun Sen còn “phản pháo” bằng cách nói rằng Mỹ nên tiến hành cắt đứt viện trợ, vì nước hậu thuẫn chính của Campuchia là Trung Quốc, sẽ lấp đầy bất kỳ khoảng trống viện trợ nào [Khuon Narim, 2013]. Giáo sư Carlyle Thayer, chuyên gia về Đông Nam Á tại Học viện Quốc phòng Australia cũng nhận định rằng “*các sự kiện xung quanh cuộc bầu cử có thể khiến quan hệ trở nên tồi tệ hơn. Hun Sen dường như đang chơi một trò chơi mơ hồ về sự căng thẳng khi ám chỉ rằng nếu Mỹ gây sức ép mạnh hơn về các vấn đề bầu cử đến mức cắt giảm hoặc đe dọa cắt giảm viện trợ, Campuchia sẽ đơn phương cắt giảm quan hệ quân sự và tìm kiếm sự hỗ trợ từ Trung Quốc. Điều này sẽ đại diện cho một bước thụt lùi lớn trong quỹ đạo tích cực của quan hệ quân sự song phương*” [Khuon Narim, 2013]. Kết thúc cuộc bầu cử, với chiến thắng thuộc về CPP của Thủ tướng Hun Sen, CNRP tuyên bố không công nhận kết quả bầu cử và kêu gọi những người ủng hộ tiến hành biểu tình đến tận đầu năm 2014. Để kiểm soát tình hình, Chính phủ Hun Sen đã tiến hành các biện pháp mạnh trấn át những người quá khích thuộc Đảng đối lập. Ngay sau đó, Mỹ đã lên án những hành động đàn áp dữ dội các cuộc biểu tình của phe đối lập và các nhóm hoạt động nhân quyền, đồng thời, ban hành Nghị quyết Nhân quyền Campuchia vào năm 2016 [Nguyễn Quân, 2016].

Khi Tổng thống D.Trump lên cầm quyền năm 2017, quan hệ Campuchia - Mỹ diễn biến theo nhiều chiều hướng khác nhau, nhưng tình trạng căng thẳng vẫn chiếm vị trí lớn hơn. Vào tháng 01/2017, Campuchia đã hủy cuộc tập trận chung (Angkor Sentinel) với Mỹ với lý do họ phải tập trung đến các cuộc bầu cử cấp xã và quốc gia. Vào tháng 02/2017, William Heidt, Đại sứ Mỹ lúc đó tại Phnom Penh, cho biết Campuchia nên trả khoản nợ chiến tranh trị giá 500 triệu USD - một yêu cầu mới đã gây ra sự phản đối kịch liệt của người dân Campuchia, đặc biệt là các

nhà lãnh đạo chính trị, những người coi khoản nợ này là “bẩn thỉu” và “nhuốm máu” (the debt “dirty” and “blood-strained”). Khoản nợ này có nguồn gốc từ những năm 1970, khi chính quyền Lon Nol, được cho là dưới sự ủng hộ của Mỹ, vay 276 triệu USD để mua lương thực và vật tư trong bối cảnh xung đột nội bộ và chiến tranh tại khu vực. Sau khi chính quyền Khmer Đỏ lên nắm quyền năm 1975, khoản nợ này không được thanh toán và Chính phủ Mỹ vẫn duy trì yêu cầu đòi lại số tiền trên. Do lãi mẹ đẻ lãi con nên số tiền lên tới 500 triệu USD. Tuy nhiên, phía Campuchia cho rằng đây là một khoản nợ bất công, xuất phát từ một thời kỳ bất ổn do chính Mỹ góp phần gây ra [Vannarith Chheang, 2017]. Tháng 8/2017, Chính phủ Campuchia ra tuyên bố cấm hoạt động đối với Viện Dân chủ quốc gia (National Democratic Institute) do Mỹ tài trợ, đồng thời, trục xuất các nhân viên nước ngoài của tổ chức này về nước với cáo buộc tổ chức này đã cung cấp cho CNRP một kế hoạch “có ý đồ xấu” (an “ill-intended” plan) nhằm lật đổ Chính phủ [Xinhua, 2017]. Campuchia không đồng ý với quyết định của Mỹ trục xuất những người Campuchia đã bỏ trốn khỏi đất nước trong cuộc nội chiến những năm 1970. Campuchia cho rằng những người này đã mãn hạn tù tại các nhà tù của Mỹ. Sẽ là một hình phạt gấp đôi nếu họ bị đưa ra khỏi gia đình của họ ở Mỹ vô thời hạn đến một quốc gia mà họ khó nhận ra và ngôn ngữ mà họ hầu như không hiểu. Tỷ lệ trục xuất tăng 279% trong hai năm đầu tiên của Chính quyền D.Trump và có thêm 1.855 người bị trục xuất về Campuchia vào năm 2019 [Dunst Charles, 2019]. Phản ứng lại động thái trên của Campuchia, Chính phủ Mỹ cũng đã áp dụng các hình phạt hạn chế về thị thực đối với một số đối tượng nhất định sau khi Campuchia từ chối tiếp tục chương trình hồi hương này [Erin Handley, 2017].

Quan hệ hai nước càng trở nên căng thẳng hơn vào cuối năm 2017 khi Chính phủ Campuchia bắt giữ nhà lãnh đạo CNRP, Kem Sokha, vì tội danh âm mưu lật đổ Chính phủ hiện tại, với sự trợ giúp của Chính phủ Mỹ [Wallace Julia, 2017] và Tòa án Tối cao Campuchia đã giải tán CNRP (16/11/2017) đồng thời ban hành lệnh cấm kéo dài 5 năm nhằm cấm 118 thành viên CNRP tham gia vào bất kỳ hoạt động chính trị nào [Chheng Niem, 2019]. Đáp lại, Đại sứ Mỹ William A. Heidt bác bỏ cáo buộc của Chính phủ Campuchia rằng Mỹ có âm mưu với CNRP, gọi họ là “vô

căn cứ” và yêu cầu trả tự do cho nhà lãnh đạo Đảng đối lập [Parak Chan Thul, 2017]. Phía Mỹ gia tăng các hành động gây sức ép đối với Campuchia. Trong khi trả lời phỏng vấn Đài Tiếng nói Mỹ (VOA), Đại sứ Heidt nói rằng Vương quốc Campuchia đã cho Mỹ thấy “những dấu hiệu rõ ràng” rằng họ không “muốn quan tâm tới một mối quan hệ tích cực”. Khi đề cập đến việc hoãn một chương trình tập trận chung nhằm cứu hộ nhân đạo trên biển, ông Heidt nói: “*Kể từ khi tôi đến đây, nói một cách thành thực, Chính phủ Khmer đã có rất nhiều bước đi chống lại Mỹ. Vì vậy, tôi cảm thấy không hề có mong muốn thành thật từ Chính phủ Khmer để có một mối quan hệ tốt với Mỹ*” [Bnews, 2017]. Chính quyền của ông Hun Sen đã ngay lập tức đối diện với việc bị phương Tây cấm vận (từng phần) và cắt giảm viện trợ. Điển hình như ngày 17/11/2017, Mỹ tuyên bố ngừng khoản viện trợ 1,8 triệu USD cho tổ chức bầu cử địa phương trong năm 2017 và cuộc tổng tuyển cử vào năm 2018 [An Hồng, 2017].

Kể từ sau khi Tòa án Tối cao nước này ra phán quyết giải tán CNRP vào năm 2017, từ đó mở đường cho CPP cầm quyền giành chiến thắng tuyệt đối trong cuộc bầu cử Quốc hội vào năm 2018. Trước những động thái mà Thủ tướng Hun Sen nhằm vào lực lượng đối lập - lực lượng đại diện cho lợi ích của Mỹ và phương Tây ở Campuchia, sau cuộc bầu cử, Mỹ đã áp đặt các biện pháp trừng phạt thị thực và đóng băng tài sản đối với một số sĩ quan quân đội cấp cao và các tỷ phú của Campuchia, những người được xem là thân cận của Thủ tướng Hun Sen, với lý do tham nhũng. Năm 2019, Mỹ tiếp tục cáo buộc Campuchia đã ký một thỏa thuận bí mật với Trung Quốc để cho phép quân đội Trung Quốc tiếp cận căn cứ Hải quân Ream của Campuchia ở tỉnh Preah Sihanouk [Kimkong Heng, 2022].

Thậm chí, quan hệ hai nước suy giảm mạnh mẽ khi Campuchia tố cáo Mỹ kêu gọi “*cách mạng màu*” đối với nước này. Việc ủng hộ lực lượng đối lập thân Mỹ và phương Tây thực hiện “*cách mạng màu*” là cách thức mà Mỹ và phương Tây hướng tới đối với chính trường Campuchia [Mech Dara and Daphne Chen, 2018]. Phía Campuchia cho rằng những cuộc bãi công và biểu tình dân chủ quy mô lớn trong lần bầu cử trước mục đích là kích động người dân triển khai “*cách mạng màu*” nhằm lật đổ Chính phủ Hun Sen. Đồng thời “*bàn tay đứng sau*” màn

cách mạng màu là CIA [Huang Ruli, 2017]. Trước những chỉ trích của phương Tây đối với cuộc bầu cử năm 2018 của Campuchia, nhất là việc Mỹ tuyên bố sẽ gia tăng hạn chế việc cấp thị thực đối với Campuchia, Người phát ngôn của CPP, ông Sok Eysan cho rằng hành động này của Mỹ “không có tác dụng gì” và ông nhấn mạnh: “việc thực thi hạn chế hay cái gọi là cấm vận đối với Campuchia sẽ không thể có hiệu quả gì”, “chẳng hạn như tôi không muốn đi các quốc gia này, thì họ làm thế nào để đóng băng visa của tôi đây?” [CNA, 2018].

Quan hệ giữa Campuchia và Mỹ lại tiếp tục nóng lên liên quan đến việc Campuchia đã san phẳng một cơ sở do Mỹ xây dựng tại căn cứ Hải quân Ream vào tháng 10/2020. Mỹ đã đề nghị Campuchia giải thích cho hành động này, đồng thời cho rằng quyết định của Campuchia có thể liên quan tới kế hoạch cho phép Trung Quốc triển khai quân đội tới đây. Tuy nhiên, Campuchia luôn bác bỏ thông tin rằng Trung Quốc có liên quan tới việc này [Thành Đạt, 2021]. Ngày 10/6/2021, Tùy viên quốc phòng của Đại sứ quán Mỹ tại Campuchia, Marus M. Ferrara, đã tới thăm căn cứ Hải quân Ream, song Đại sứ quán Mỹ tại Campuchia cho biết, trong chuyến thăm ngắn ngủi, các quan chức quân sự Campuchia đã từ chối cho phép Tùy viên quốc phòng Mỹ tiếp cận đầy đủ căn cứ Hải quân này [Reuters, 2021]. Cũng trong tháng 6/2021, Mỹ đã quyết định kết thúc sớm chương trình viện trợ nhằm chống nạn phá rừng ở Khu bảo tồn động vật hoang dã Prey Lang của Campuchia với lý do Chính phủ Campuchia đã thất bại trong việc ngăn chặn khai thác gỗ trái phép trong các khu bảo tồn [Mech Dara, 2021]. Quyết định được đưa ra sau khi Chính quyền Campuchia bắt giữ một số nhà hoạt động vì môi trường. Tiếp đến, vào tháng 11/2021, Mỹ đã trừng phạt thêm hai quan chức quân sự cấp cao của Campuchia, bao gồm cả chỉ huy hải quân Campuchia Tea Vinh vì cáo buộc tham nhũng và những liên quan đến việc xây dựng căn cứ Hải quân Ream, căn cứ hải quân lớn nhất của Campuchia. Lệnh trừng phạt này theo sau việc Campuchia phá dỡ một tòa nhà do Mỹ tài trợ tại căn cứ này vào tháng 10/2020 và làm gia tăng lo ngại của Washington về sự hiện diện quân sự tiềm tàng của Trung Quốc ở Campuchia [Idress Ali, 2020].

Hơn nữa, do lo ngại về tình trạng tham nhũng, vi phạm nhân quyền ở Campuchia và ảnh hưởng quân sự ngày càng tăng của Trung Quốc ở Campuchia,

tháng 12/2021, Mỹ đã áp đặt thêm một loạt biện pháp trừng phạt đối với Phnom Penh bao gồm lệnh cấm vận vũ khí và hạn chế xuất khẩu mới. Thủ tướng Hun Sen đã đáp trả các lệnh trừng phạt, ra lệnh cho quân đội Campuchia thu thập tất cả vũ khí của Mỹ trong nước và đưa vào kho hoặc tiêu hủy chúng [Bangkok Post, 2021]. Phản ứng này của Campuchia càng làm cho mối quan hệ hai nước căng thẳng hơn bao giờ hết.

Cũng liên quan đến dân chủ, nhân quyền tại cuộc bầu cử tháng 7/2023 của Campuchia, Mỹ vẫn tiếp tục cáo buộc và từ chối cử quan sát viên đến cuộc bầu cử vì cho rằng cuộc bầu cử này thiếu các điều kiện để được coi là tự do và công bằng. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ, Matthew Miller cho biết: “*Chính quyền Campuchia đã tiến hành các hành động đe dọa và quấy rối đối với phe đối lập chính trị, phương tiện truyền thông và xã hội dân sự, làm suy yếu tinh thần Hiến pháp của đất nước và các nghĩa vụ quốc tế của Campuchia. Những hành động này đã phủ nhận tiếng nói và quyền lựa chọn của người dân Campuchia trong việc quyết định tương lai của đất nước họ*”. Theo Ông Michael Greenwald, phát ngôn viên của Đại sứ quán Mỹ tại Phnom Penh, các hạn chế về thị thực sẽ được áp dụng đối với những người tham gia vào “*các hành vi đe dọa và quấy rối phe đối lập chính trị, phương tiện truyền thông và xã hội dân sự*” [The Asahi Shimbun, 2023]. Tháng 9/2024, Mỹ áp lệnh trừng phạt đối với ông Ly Yong Phat - thượng nghị sĩ Campuchia từng được bổ nhiệm làm cố vấn cá nhân của ông Hun Sen và hiện là Chủ tịch Ủy ban Tài chính của Ban Chấp hành Trung ương Đảng CPP với cáo buộc buôn người để làm việc trong các trung tâm lừa đảo. Bộ Ngoại giao Campuchia tuyên bố rất tiếc với quyết định trên của Chính phủ Mỹ, cho rằng lệnh trừng phạt này có động cơ chính trị đứng sau và khẳng định “*việc ban hành các lệnh trừng phạt đơn phương như thế làm ảnh hưởng xấu đến sự tôn trọng luật pháp quốc tế và các quy tắc cơ bản trong việc quản trị quan hệ giữa các quốc gia, cụ thể là nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền và không can thiệp nội bộ*” [Poppy Mcpherson, 2024].

Để mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ không vượt qua giới hạn đỏ hay nói cách khác là “*căng thẳng nhưng không đổ vỡ*”, Campuchia đã điều chỉnh chính sách

từ “căng thẳng” sang “*phòng bị nước đôi*” với những nỗ lực nhằm hàn gắn bớt các nạn rút trong quan hệ song phương. Đáp lại những yêu cầu từ phía Mỹ, Campuchia cũng đã có một động thái thể hiện sự thiện chí trong việc cải thiện hồ sơ nhân quyền. Điển hình như: ngày 09/11/2019, Chính quyền Campuchia đã ra lệnh trả tự do cho lãnh đạo Đảng đối lập Kem Sokha, người đang bị quản thúc tại gia vì bị buộc tội phản quốc năm 2017. Khi Thủ tướng Hun Sen nhận được bức thư của Tổng thống Mỹ D.Trump vào ngày 21/11/2019 với nội dung Mỹ muốn tăng cường quan hệ hữu nghị lâu dài với Campuchia, Thủ tướng Hun Sen đã gặp Đại sứ Mỹ tại Campuchia, ông Patrick Murphy. Qua buổi gặp mặt, ông Patrick Murphy đã gửi ông Hun Sen hai bức thư của Tổng thống D.Trump, đồng thời thảo luận về vấn đề dân chủ, nhân quyền nhằm thúc đẩy quan hệ song phương. Đồng thời, ông Patrick Murphy đã gửi bức thư thứ hai của Tổng thống D.Trump về việc mời Thủ tướng Campuchia Hun Sen tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - ASEAN tại Mỹ vào đầu năm 2020 [Taing Vida, 2019]. Thủ tướng Hun Sen cũng đã chấp nhận lời mời này. Trong cuộc gặp gỡ với ông Patrick Murphy lần này, Thủ tướng Hun Sen cho biết: “*Trước đây chưa từng nhận được bức thư kiểu như vậy từ Chính phủ Mỹ*”. Bên cạnh đó, Bộ trưởng tháp tùng Thủ tướng, Keo Kim Hourn, cũng nói về bức thư của Tổng thống D.Trump: “*bức thư nhấn mạnh rằng Mỹ dự định sẽ tiếp tục cải thiện mối quan hệ song phương*” và ông cũng nhấn mạnh rằng “*điều quan trọng là Mỹ cam kết hỗ trợ Campuchia, đặc biệt tôn trọng chủ quyền của Campuchia*”. Ông cho biết thêm, Mỹ “*không có ý định thay đổi chế độ ở Campuchia*” [Taing Vida, 2019]. Đồng thời, Tổng thống D.Trump cũng cam kết, Mỹ sẽ hỗ trợ duy trì chủ quyền quốc gia của Campuchia, tiếp tục giúp đỡ Campuchia xây dựng hệ thống quản lý tài chính lớn mạnh và minh bạch, ngăn chặn rửa tiền và cung cấp viện trợ kỹ thuật, gia tăng tình hữu nghị và sự tin tưởng giữa Mỹ và Campuchia. Đáp lại, Campuchia cũng thể hiện thiện chí của mình đối với việc cải thiện quan hệ với Mỹ. Theo đó, ngày 22/11/2019, phát ngôn viên Chính phủ Campuchia, Phay Siphon, cho biết Chính phủ đồng ý với lập trường của Tổng thống D.Trump viết trong thư gửi Thủ tướng Hun Sen, khi ông nhấn mạnh rằng: “*Chính phủ Hoàng gia đang thực hiện tất cả các nỗ lực để mang lại giá trị cao cho nhân quyền và dân chủ*” [Prak Chan Thun, 2019].

Khi Thủ tướng Hun Manet lên cầm quyền vào tháng 8/2023, ông đã nhận định rằng “*việc cải thiện quan hệ ngoại giao với các quốc gia hùng mạnh là rất quan trọng để hỗ trợ ổn định khu vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố hợp tác song phương vì Mỹ là thị trường chính để Campuchia bán sản phẩm của mình*” [Suen Sam, 2024]. Ngay sau khi nhậm chức, Thủ tướng Hun Manet đã thực hiện nhiều bước đi nhằm cải thiện quan hệ với Mỹ. Điển hình như gặp gỡ với đại diện Mỹ: Thủ tướng Hun Manet đã tiếp ông Alex Carnes, Trợ lý đại diện Đảng Dân chủ tại Ủy ban Chuẩn chi Ngân sách Thượng viện Mỹ vào ngày 29/8/2023. Tại buổi gặp, ông Hun Manet bày tỏ mong muốn tăng cường quan hệ với Mỹ trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi, đồng thời cảm ơn sự hỗ trợ của Mỹ trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục và phát triển kinh tế.

Trong khi quan hệ Campuchia - Mỹ gặp nhiều “gợn sóng” do bất đồng chính trị, đặc biệt liên quan đến dân chủ, nhân quyền và mối quan hệ mật thiết giữa Campuchia với Trung Quốc, Campuchia đã khéo léo sử dụng các **điểm đòn đa phương** như LHQ và ASEAN... để “trung hòa căng thẳng”, truyền tải thông điệp và có điều kiện thuận lợi cho đối thoại với Mỹ.

Tại LHQ, trước hết, Campuchia chủ động xây dựng hình ảnh “quốc gia có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”, tích cực tham gia vào các hoạt động gìn giữ hòa bình, phát triển bền vững và hoàn thành các cam kết chung của cộng đồng quốc tế. Kể từ năm 2006, Campuchia đã cử hơn 9.000 binh sĩ đến 11 phái bộ gìn giữ hòa bình của LHQ, trong đó có hơn 800 nữ binh sĩ [Permanent mission to the United Nations, 2024, tr.5]. Campuchia cam kết tiếp tục ủng hộ, đồng hành, tham gia các Chương trình nghị sự của LHQ để thúc đẩy hòa bình và phát triển bền vững. Campuchia cũng khéo léo truyền đi các thông điệp, quan điểm của quốc gia mình. Chẳng hạn như: Campuchia coi trọng chủ nghĩa đa phương, trật tự dựa trên luật lệ và các nguyên tắc của Hiến chương LHQ, đồng thời lo ngại về sự xói mòn lòng tin vào chủ nghĩa đa phương; Campuchia phản đối các biện pháp cưỡng ép đơn phương, vì chúng gây hại cho dân thường và cản trở việc đạt được các SDGs [Permanent mission to the United Nations, 2024, tr.5].

Thứ hai, Campuchia ủng hộ một số Nghị quyết của LHQ có liên quan đến xung đột, chiến tranh. Ví dụ: Trong cuộc bỏ phiếu “*Lên án Nga xâm lược Ukraine và yêu cầu Nga chấm dứt chiến tranh*” do Đại Hội đồng Bảo an LHQ tổ chức ngày 02/3/2022, Campuchia đã bỏ phiếu thuận trong việc chống lại Nga. Đồng thời, ngày 23/3/2022, Thủ tướng Hun Sen đã chuyển sang gọi đây là một “*cuộc xâm lược*”; ngày 28/3/2022, ông đã bắt đầu chỉ đích danh và lên án Nga trong bài phát biểu của mình vào những dịp không chính thức ở đất nước của ông: “*Nga là bạn của Campuchia và đã giúp đỡ Campuchia, nhưng kiểu gây hấn này là không thể chấp nhận được đối với Campuchia*”. Ông Hun Sen cũng nói bên lề một sự kiện khánh thành bệnh viện: “*Tôi vẫn đoàn kết với người dân Ukraine chống lại cuộc xâm lược*” [Khmer Times, 2022]. Đây là một hành động không thường thấy từ một quốc gia Đông Nam Á có quan hệ truyền thống với Nga và Trung Quốc, tuy nhiên, chính quyền Hun Sen lý giải rằng họ ủng hộ Nghị quyết vì nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia độc lập. Đồng thời, Thủ tướng Hun Sen khéo léo viện dẫn những trải nghiệm lịch sử của Campuchia, là nạn nhân của chính trị cường quốc trong các cuộc chiến tranh tại Đông Dương, Chiến tranh Lạnh và thảm kịch Khmer Đỏ. Những động thái này của Campuchia rõ ràng nhận được sự ủng hộ của Mỹ, phương Tây và đây có thể coi là một cách “*hàn gắn*” rạn nứt trong quan hệ Campuchia - Mỹ.

Thứ ba, Campuchia tranh thủ tiếp xúc với Mỹ bên lề các cuộc họp tại LHQ. Tháng 9/2023, bên lề Phiên họp thứ 78 của Đại hội đồng LHQ tại New York, Thủ tướng Hun Manet đã gặp bà Victoria Nuland, Quyền Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ, nhằm thảo luận về việc cải thiện hợp tác song phương và thuyết phục Washington nói lại chương trình viện trợ của USAID cho Campuchia. Sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2024, Thủ tướng Hun Manet tiếp tục gửi điện chúc mừng ông D. Trump đắc cử Tổng thống thứ 47, nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ hữu nghị lâu dài giữa hai quốc gia và cam kết thúc đẩy quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện ASEAN - Mỹ.

Tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos vào tháng 5/2022, Thủ tướng Hun Sen tuyên bố Campuchia không muốn đứng về phe nào trong cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung bất chấp áp lực ngày càng gia tăng từ các cường quốc. Campuchia ủng hộ các sáng

kiến của cả hai bên nếu thấy có lợi và không nhằm chống bên thứ 3 [Vannarith Chheang, 2022]. Ví dụ, Campuchia tham gia tích cực LMC do Trung Quốc dẫn dắt, đồng thời hưởng ứng tích cực LMI của Mỹ.

Cùng với đó, Campuchia đang tận dụng ASEAN trở thành “tấm đệm mềm” cho các tiếp xúc Campuchia - Mỹ. Trong vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2022, Campuchia chủ trì Hội nghị Cấp cao Đặc biệt ASEAN - Mỹ (tháng 5/2022 tại Washington), nơi các nhà lãnh đạo ASEAN được đón tiếp long trọng tại Nhà Trắng và Quốc hội Mỹ. Tại sự kiện này, Hun Sen đã tranh thủ bày tỏ thiện chí của Campuchia trong việc thúc đẩy quan hệ song phương trên nền tảng đa phương với Mỹ bằng cách mời Tổng thống Mỹ J.Biden sang dự Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 40,41 được tổ chức tại Campuchia. Động thái này đã hiệu quả khi Tổng thống Mỹ đã chính thức tham dự Hội nghị này vào tháng 11/2022. Bên lề Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40,41 tại Phnom Penh, Thủ tướng Hun Sen đã gặp Tổng thống J.Biden ngày 12/11/2022. Trong cuộc gặp song phương, Thủ tướng Hun Sen đã thể hiện rõ nét chính sách đối ngoại và mong muốn của Campuchia trong việc duy trì và thúc đẩy quan hệ song phương với Mỹ. Hai nhà lãnh đạo tái khẳng định tầm quan trọng của hợp tác song phương giữa hai nước, trải rộng từ lĩnh vực thực thi pháp luật, gìn giữ hòa bình, rà phá bom mìn cho đến bảo vệ di sản văn hóa và môi trường. Đặc biệt, Thủ tướng Hun Sen bày tỏ lòng cảm kích đối với Mỹ vì đã hỗ trợ hồi hương nhiều cổ vật quý bị đánh cắp từ Campuchia. Với mục tiêu "Campuchia sạch bom mìn vào năm 2025", ông Hun Sen kêu gọi Mỹ tiếp tục hỗ trợ tài chính, kỹ thuật để hiện thực hóa mục tiêu này. Về chính sách hồi hương công dân, từ Mỹ, ông Hun Sen tái khẳng định Campuchia tuân thủ Biên bản ghi nhớ 2002, nhưng khéo léo nhấn mạnh mọi hành xử đều dựa trên tình cảm và nhân đạo, phản ánh sự tôn trọng quyền con người. Trước các vấn đề toàn cầu như khủng hoảng Myanmar, chiến tranh Ukraine, vấn đề Triều Tiên và đe dọa hạt nhân, Campuchia thể hiện quan điểm rõ ràng: phản đối chiến tranh, phản đối sử dụng vũ khí hạt nhân, ủng hộ các giải pháp hòa bình [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2022].

Campuchia cũng tận dụng các cơ chế ASEAN như ARF (Diễn đàn Khu vực ASEAN), ADMM + (Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng) và EAS (Cấp cao Đông Á) nơi Mỹ duy trì hiện diện ngoại giao và an ninh ở Đông Nam Á, từ đó, Campuchia có cơ hội đối thoại và gắn kết với Mỹ trong không gian “đa phương - ít nhạy cảm - đồng thuận khu vực”.

Như vậy, trong giai đoạn 2009 - 2024, quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Campuchia và Mỹ diễn biến phức tạp, lúc thăng, lúc trầm và có thể khắt quát như sau: Từ năm 2009 đến năm 2012: khá nồng ấm và ổn định; từ năm 2013 - 2023: mâu thuẫn, căng thẳng. Nguyên nhân chính là do những mâu thuẫn liên quan đến dân chủ, nhân quyền, sự nghi ngờ, mất niềm tin của Mỹ đối với Campuchia trong các cuộc bầu cử, sự “phù thịnh” của Campuchia với Trung Quốc. Nhằm duy trì lập trường trung lập theo Hiến pháp nhưng lại thu hút được nguồn lực để phát triển đất nước và cải thiện hình ảnh, nâng cao vị thế của mình, Campuchia đã sử dụng linh hoạt các chiến lược ngoại giao “phòng bị nước đôi” trong quan hệ với Mỹ để tối đa hóa lợi ích. Trong quan hệ song phương, Campuchia cũng nỗ lực cải thiện, cải cách các vấn đề trong nước theo đề xuất của Mỹ, thúc đẩy các cuộc tiếp xúc lãnh đạo cấp cao để giải quyết các bất đồng. Đồng thời Campuchia cũng tranh thủ các diễn đàn đa phương nơi mình là thành viên để làm bộ phận cho việc cải thiện mối quan hệ với Mỹ. Ví dụ, thông qua ASEAN, Campuchia tham gia vào các diễn đàn khu vực, nơi các quốc gia có thể thảo luận và giải quyết các vấn đề chung, không chỉ có Mỹ mà còn nhiều quốc gia khác tham gia. Điều này tạo ra không gian cho hợp tác toàn diện và giảm thiểu căng thẳng song phương. Cùng với LHQ, Campuchia đóng vai trò tích cực trong các sáng kiến toàn cầu, đặc biệt trong các vấn đề như hòa bình, an ninh và phát triển bền vững. Thông qua LMI, Campuchia lại thu hút được các nguồn viện trợ để phát triển đất nước... Hơn thế nữa, thông qua các diễn đàn đa phương, Campuchia khẳng định được đường lối đối ngoại của mình, gián tiếp bày tỏ quan điểm về các vấn đề mà Mỹ và Campuchia đang tồn tại những khác biệt.. ... Những bước đi đó giúp Campuchia duy trì một chính sách ngoại giao độc lập và làm dịu những bất đồng với Mỹ thông qua các cơ chế đa phương trung lập và hiệu

quả, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì hợp tác tốt đẹp với các cường quốc như Mỹ mà không làm mất đi các mối quan hệ khu vực và toàn cầu.

### **3.2.2. Tăng cường hợp tác kinh tế**

Mặc dù trong quan hệ chính trị, hai bên vẫn tiềm ẩn mâu thuẫn, bất đồng, có những lúc khá căng thẳng, trong giai đoạn 2009 - 2024, Campuchia nỗ lực thúc đẩy hợp tác kinh tế với Mỹ và có những bước tiến đáng kể. Bên cạnh việc “phù thịnh” với Trung Quốc, Campuchia đã thực hiện “phòng bị nước đôi” với Mỹ để được hưởng những ưu đãi về thuế quan, tiếp tục duy trì thị trường Mỹ, nơi tiêu thụ hơn 25% kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Campuchia và thu hút đầu tư để phát triển đất nước. Quá trình triển khai chính sách thực dụng kinh tế của Campuchia được thể hiện cụ thể như sau:

#### **3.2.2.1. Thúc đẩy thương mại**

Tháng 6/2009, sau khi được chính quyền Tổng thống B.Obama đưa ra khỏi “danh sách đen thương mại”, Campuchia đã tranh thủ cơ hội để đẩy mạnh thu hút đầu tư từ Mỹ. Nhờ quyết định này, các doanh nghiệp Mỹ đầu tư vào Campuchia có thể tiếp cận nguồn tài chính bảo lãnh từ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Mỹ (Exim Bank), tạo điều kiện thuận lợi cho các dòng vốn đầu tư vào nền kinh tế Campuchia. Chỉ ba tháng sau, Campuchia cùng phía Mỹ đã chủ động sửa đổi và mở rộng nội dung của Hiệp định khung về thương mại và đầu tư song phương (TIFA) - được ký từ năm 2006 - để bổ sung các lĩnh vực mới như an ninh lương thực và chống biến đổi khí hậu, phù hợp với ưu tiên phát triển bền vững của Campuchia trong giai đoạn hậu khủng hoảng toàn cầu. Đồng thời, Campuchia đã tiếp nhận khoản viện trợ trị giá 7,9 triệu USD thông qua USAID nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs), qua đó thúc đẩy tăng trưởng ở khu vực kinh tế hộ gia đình và giảm thiểu tình trạng đói nghèo tại các địa phương [Chansambath Bong, 2020, tr.115].

Tiếp nối các nỗ lực này, vào tháng 8/2012, Bộ trưởng Thương mại Campuchia, Cham Prasidh, đã có cuộc gặp chính thức với Đại diện Thương mại Mỹ, Ron Kirk, bên lề hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN, để bàn thảo việc tiến tới đàm phán Hiệp định đầu tư song phương (BIT), tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động đầu tư dài hạn giữa hai quốc gia. Song song đó, Campuchia cũng đã tận dụng Hệ thống

ưu đãi phổ cập (GSP) do Mỹ áp dụng để đẩy mạnh xuất khẩu, qua đó Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia với các mặt hàng chủ lực gồm dệt may, da giày, xe đạp, ba lô, túi xách và túi đựng hành lý. Ngành dệt may riêng lẻ đã thu hút khoảng 600 công ty, tạo việc làm cho gần 400.000 lao động, góp phần đáng kể vào GDP quốc gia. Ngoài ra còn có các sản phẩm nông nghiệp và thiết bị điện tử. Trong khi đó, Campuchia nhập khẩu từ Mỹ chủ yếu là xe đạp, máy móc và thiết bị cơ khí, dụng cụ y tế và dược phẩm. Kim ngạch thương mại hai chiều tăng trưởng mạnh, từ 2,069 tỷ USD năm 2009 lên tới 5,445 tỷ USD vào năm 2019. Trong đó, xuất khẩu từ Campuchia sang Mỹ tăng từ 1,942 tỷ USD năm 2009 lên đến 2,772 tỷ USD năm 2013 và tăng mạnh vào năm 2019 đạt 4,96 tỷ USD [Chansambath Bong, 2020, tr.115]. Đáng chú ý, sau khi mặt hàng “hàng hóa du lịch” (ba lô, túi xách, vali,...) được đưa vào danh mục miễn thuế GSP năm 2016, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đã tăng vọt từ 50 triệu USD (2016) lên gần 1 tỷ USD vào năm 2019 [Chansambath Bong, 2020, tr.115; ASEAN Vietnam Information Portal, 2020].

Trong bối cảnh dịch COVID -19 diễn biến phức tạp, Campuchia đã chủ động triển khai các chính sách nhằm duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu và mở rộng hợp tác thương mại với Mỹ. Nhờ những nỗ lực này, năm 2020 kim ngạch thương mại hai chiều giữa Campuchia và Mỹ vẫn đạt 6,9213 tỷ USD, tăng mạnh so với năm 2019; trong đó Campuchia xuất khẩu sang Mỹ 6,5777 tỷ USD, còn nhập khẩu từ Mỹ 343,6 triệu USD, chỉ giảm nhẹ so với năm trước.

Mặc dù GSP hết hạn từ tháng 12/2020 và chưa được Mỹ gia hạn, Campuchia vẫn tiếp tục thúc đẩy các chính sách khuyến khích doanh nghiệp và đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu để duy trì tăng trưởng. Kết quả, kim ngạch hai chiều vẫn tăng tốt vào các năm sau: 7,826 tỷ USD (2021) và tăng 40% trong năm 2022 đạt 12,469 tỷ USD; trong đó xuất khẩu đạt 12,2 tỷ USD, chiếm 44% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của Campuchia, còn nhập khẩu đạt 449 triệu USD. Đến năm 2023, trước bối cảnh kinh tế thế giới ảm đạm và nhu cầu tiêu dùng giảm, Campuchia vẫn tiếp tục điều chỉnh chính sách xuất khẩu để giữ vững thị trường Mỹ. Kim ngạch hai chiều đạt 9,15 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 8,9 tỷ USD và nhập khẩu đạt 257,18 triệu USD [Hin Pisei, 2024].

Nhờ tiếp tục chủ động cải thiện môi trường kinh doanh và duy trì quan hệ đối tác với Mỹ, năm 2024 Campuchia ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, với kim ngạch hai chiều đạt gần 13 tỷ USD, trong đó xuất khẩu sang Mỹ 12,6 tỷ USD, nhập khẩu từ Mỹ 321 triệu USD [Khai Tâm, 2024; United State Trade of Representative, 2024]. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Campuchia, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu, với các mặt hàng chủ lực gồm hàng may mặc, giày dép, hàng du lịch và các sản phẩm nông nghiệp. Việc gia tăng kim ngạch thương mại này phản ánh hiệu quả chính sách thương mại chủ động và hợp tác kinh tế song phương ngày càng chặt chẽ mà Campuchia đã triển khai trong quan hệ với Mỹ.

**Bảng tổng hợp kim ngạch thương mại giữa Campuchia và Mỹ (2009 - 2024)**

*Đơn vị: triệu đô la Mỹ*

<b>Năm</b>	<b>Hàng hóa Campuchia xuất khẩu sang Mỹ</b>	<b>Hàng hóa Campuchia nhập khẩu từ Mỹ</b>	<b>Cán cân thương mại</b>
2009	1.942,2	127,1	1.815,1
2010	2.300,8	153,8	2.147,0
2011	2.712,4	186,6	2.525,8
2012	2.619,6	226,4	2.393,2
2013	2.771,1	241,2	2.529,9
2014	2.847,8	328,1	2.519,7
2015	3.026,2	391,1	2.635,1
2016	2.813,7	360,7	2.453,0
2017	3.062,7	400,1	2.662,6
2018	3.818,2	445,8	3.372,4
2019	4.961,7	484,1	4.477,6
2020	6.577,7	343,6	6.234,1
2021	7.490,0	336,0	7.154,0
2022	12.200,0	449,0	11.751,0
2023	9.015,0	257,18	8.757,82
2024	12.661,8	321,6	12.340,2

(Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Lum (2009, 2013, 2015, 2018, 2019, 2023) và từ <https://www.census.gov/>; <https://www.phnompenhpost.com/business/cambodia-us-trade-tops-1-3-billion?utm>)

### 3.2.2.2. Thu hút đầu tư

Là một trong những nước nghèo nhất khu vực Đông Nam Á, để thu hút nguồn lực phát triển đất nước, trong những năm gần đây, Campuchia luôn ưu tiên nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Campuchia. Tại các cuộc họp chính thức và không chính thức, Campuchia luôn kêu gọi các nhà đầu tư Mỹ “để mắt” đến thị trường Campuchia. Đồng thời, Chính phủ Campuchia cũng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường nâng cấp cơ sở hạ tầng, ban hành nhiều cơ chế, chính sách để thu hút các nhà đầu tư Mỹ. Tháng 10/2021, Chính phủ đã thông qua Luật Đầu tư mới và có hiệu lực ngay sau đó (thay thế Luật Đầu tư cũ được ban hành năm 1994 và sửa đổi năm 2003) với các ưu đãi dành cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài bao gồm cho phép các doanh nghiệp sử hữu 100% vốn nước ngoài, miễn thuế doanh nghiệp, giảm thuế suất doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu nhiên liệu và không hạn chế chuyển vốn về nước. Bất chấp những ưu đãi này, Campuchia vẫn chưa thu hút được đầu tư đáng kể từ Mỹ. Các nhà đầu tư Mỹ cho rằng quy mô thị trường Campuchia tương đối nhỏ, vấn đề tham nhũng, lao động tay nghề thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém (giá năng lượng cao), thiếu minh bạch trong các quy trình phê duyệt của Chính phủ và các ưu đãi cho các doanh nghiệp địa phương, việc trốn thuế, tham nhũng hoặc lợi dụng môi trường pháp lý yếu kém của Campuchia là rào cản chính đối cho việc thu hút đầu tư vào quốc gia này. Nhìn một cách tổng thể, giai đoạn 2009 - 2024, hợp tác đầu tư giữa Campuchia - Mỹ khá khiêm tốn, Mỹ chỉ đứng ở vị trí thứ 6 các nước có lượng đầu tư nhiều nhất vào Campuchia. Cụ thể:

Ngay sau khi Mỹ xóa Campuchia ra khỏi “danh sách đen thương mại” vào năm 2009, Eximbank thông báo họ sẵn sàng cung cấp tài chính cho khu vực tư nhân của Campuchia mua hàng xuất khẩu của Mỹ với thời hạn trả nợ lên tới 7 năm. Campuchia đã thu hút Mỹ triển khai đầu tư 5 dự án tại Campuchia; Năm 2011 mức đầu tư của Mỹ vào Campuchia đạt 10 triệu USD nhưng lại tụt xuống 7,5 triệu USD vào năm 2015. Năm 2016, Tập đoàn Coca - Cola đã đầu tư 100 triệu USD vào việc xây dựng nhà máy Coca - Cola mới tại Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ) góp phần đưa tổng vốn đầu tư Mỹ rót vào Campuchia đã tăng vọt lên tới 122 triệu USD,

cao gấp 15 lần so với năm 2015. Năm 2018, Campuchia đã thu hút được Eximbank đầu tư khoản 345.000 USD liên quan đến nhà máy xay sát gạo Amru Rice thông qua bảo lãnh vay.

Mặc dù có những bước tiến triển trong thu hút đầu tư từ Mỹ, nhưng vấn đề tham nhũng và nhân quyền vẫn luôn là rào cản lớn nhất đối với các nhà đầu tư từ nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Tháng 11/2021, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và Thương mại Mỹ đã ban hành khuyến cáo kinh doanh nhằm cảnh báo các doanh nghiệp Mỹ đang hoạt động hoặc có ý định đầu tư vào Campuchia về vấn đề tham nhũng trong kinh doanh, tội phạm và nhân quyền. Trước tình hình đó, Campuchia nỗ lực thu hút đầu tư từ Mỹ, đã chủ động cải thiện môi trường pháp lý - tài chính và khung chính sách để tạo “điểm vào” thuận lợi cho doanh nghiệp Mỹ. Tháng 02/2023, Campuchia được cơ quan Đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền toàn cầu (The Financial Action Task Force (FATF)) đưa ra khỏi “danh sách xám”, phản ánh tiến bộ về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố - một tín hiệu tích cực “trấn an” nhà đầu tư Mỹ. Nắm bắt xu hướng tái định hướng chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Mỹ sang các nước Đông Nam Á trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung, Campuchia triển khai Luật Đầu tư 2021 cho phép sở hữu 100% vốn nước ngoài, bảo đảm không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài (trừ quyền sở hữu đất), qua đó mở rộng không gian kinh doanh cho nhà đầu tư Mỹ. Việc đô la hóa giúp giảm rủi ro tỷ giá, hỗ trợ chuyển lợi nhuận về nước thuận lợi. Về nhân khẩu học, Campuchia có lực lượng lao động trẻ và ổn định (khoảng 65% dân số trong độ tuổi lao động, tuổi trung bình là 26), mức độ sử dụng tiếng Anh ngày càng tốt, cho phép doanh nghiệp Mỹ dần bản địa hóa đội ngũ quản lý, cắt giảm chi phí so với nhân sự nước ngoài. Song song, Campuchia tận dụng ưu đãi từ RCEP và các FTA (như FTA Campuchia - Hàn Quốc) để giảm thuế quan, mở rộng thị trường liên kết; qua đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp Mỹ xây dựng chuỗi cung ứng tại Campuchia và tiếp cận các thị trường khu vực liên quan.

Hiện nay, Chính phủ của Thủ tướng Hun Manet đang nỗ lực đa dạng hóa nền kinh tế, tập trung vào các ngành sản xuất, nông nghiệp và chế biến thực phẩm có giá trị cao hơn. Tại cuộc gặp mặt các thành viên cao cấp của cộng đồng doanh nghiệp

Mỹ tại Diễn đàn Doanh nghiệp Mỹ - Campuchia, tổ chức tại New York trong khuôn khổ khóa họp thứ 78 Đại hội đồng LHQ, Thủ tướng Hun Manet đã gửi thông điệp mạnh mẽ, khẳng định Campuchia mong muốn tiếp đón các công ty Mỹ đến đầu tư tại Campuchia. Đây là một cơ hội lớn đối với Campuchia bởi cuộc gặp mặt có sự tham dự đại diện các công ty lớn nhất đầu tư vào Campuchia như công ty tài chính Visa, Mastercard, các tập đoàn thương mại, sản xuất Chevron, Abbott, AHF Products và một số ngân hàng đầu tư lớn cùng các nhà quản lý quỹ.

Trong những năm gần đây, khu vực tư nhân ở Campuchia đang phát triển mạnh và có cơ hội thu hút được các nhà đầu tư Mỹ. Ví dụ, công ty SCAFCO Grain Systems ở tỉnh Battambang - khu vực tư nhân đầu tiên của Campuchia nhận được khoản vay do Exim Bank bảo lãnh - đã đạt được một thỏa thuận hợp tác thương mại về kho chứa gạo với AHF Products - doanh nghiệp 100% vốn của Mỹ lớn nhất tại Campuchia, tuyển dụng khoảng 700 người để sản xuất hàng hóa chất lượng cho thị trường Mỹ [Quang Anh, 2023]. Campuchia vẫn thu hút được một số công ty lớn của Mỹ vẫn duy trì đầu tư vào nước này như nhà máy đóng chai trị giá 100 triệu USD của Coca - Cola và nhà máy lắp ráp xe trị giá 21 triệu USD của Ford [US Department of State, 2023]. Theo số liệu từ Đại sứ quán Mỹ ở Campuchia, tổng FDI của Mỹ vào Campuchia đạt 1,4 tỷ USD tính đến cuối năm 2022 [US Department of State, 2023a]. Năm 2023 và năm 2024 Campuchia gần như không thu hút được các doanh nghiệp Mỹ đầu tư vào nước này do các nhà đầu tư nước ngoài và địa phương đều phàn nàn về việc Chính phủ không tham vấn đầy đủ với cộng đồng doanh nghiệp về các chính sách và quy định kinh tế mới. Mặt khác, nạn buôn bán lao động, lừa đảo trực tuyến trong những năm gần đây tác động rất lớn tác động đầu tư của Mỹ vào Campuchia. Chính phủ Campuchia dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Manet đã nỗ lực tương tác và tham vấn với khu vực tư nhân về các cách cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, bao gồm việc thiết lập Đối thoại Công - Tư Mỹ - Campuchia hai năm một lần.

Về chiều ngược lại, đầu tư từ Campuchia sang Mỹ cũng khá khiêm tốn, luôn ở mức dưới 10 triệu USD mỗi năm.

### **3.2.3. Củng cố hợp tác về quốc phòng - an ninh**

Là một quốc gia nhỏ, nằm ở trung tâm Đông Nam Á, một khu vực có sự cạnh tranh quyền lực mạnh mẽ giữa các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc. Từ năm 2009 trở lại đây, Campuchia được xem là có quan hệ thân cận và phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc trong cả kinh tế và chính trị. Trung Quốc là nhà đầu tư lớn nhất tại Campuchia, đồng thời cung cấp viện trợ và hỗ trợ quốc phòng. Tuy nhiên, nếu quá nghiêng về Trung Quốc, sẽ mất đi sự hỗ trợ từ Mỹ và các đồng minh phương Tây. Mỹ vẫn là một đối tác quan trọng trong nhiều lĩnh vực như chống khủng bố, viện trợ nhân đạo và giáo dục. Mặt khác, trên thực tế, Campuchia không có nguồn lực quân sự mạnh, nên nước này đã rất khéo léo sử dụng chính sách “phòng bị nước đôi” nhằm tận dụng sự hỗ trợ quốc phòng từ cả hai phía mà không phải gia tăng chi tiêu quân sự, giúp Campuchia tập trung vào các vấn đề nội bộ, đặc biệt là phát triển kinh tế và ổn định chính trị. Chính sách “phòng bị nước đôi” phù hợp với chính sách đối ngoại độc lập và trung lập của Campuchia, giúp Campuchia tránh rủi ro khi bị lôi kéo vào các tranh chấp khu vực hoặc quốc tế cũng như tránh bị cuốn vào xung đột giữa các cường quốc mà đảm bảo được an ninh quốc gia.

Campuchia thúc đẩy hợp tác quốc phòng - an ninh với Mỹ ở một số nội dung như thăm viếng quân sự và tập trận chung; tài trợ trang thiết bị quân sự, đào tạo - huấn luyện và hỗ trợ nhân đạo; hợp tác phòng chống khủng bố và giải quyết hậu quả chiến tranh. Cụ thể:

**\* Tổ chức thăm viếng, trao đổi, gặp gỡ giữa các lãnh đạo cấp cao:** Năm 2009, khi Chính phủ Hoàng gia Campuchia (RGC) mở Văn phòng Tùy viên quốc phòng tại đại sứ quán ở Washington, D.C., Bộ trưởng Quốc phòng Campuchia, Tea Banh, đã chính thức tới thăm Mỹ vào tháng 9/2009. Trong chuyến thăm này, Tướng Tea Banh đã hội kiến riêng với Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Robert Gates, người đã tái khẳng định cam kết giúp Campuchia tăng cường khả năng gìn giữ hòa bình, an ninh hàng hải và chống khủng bố. Điểm đặc biệt quan trọng là Campuchia quyết định tham gia vào Chương trình Gìn giữ hòa bình toàn cầu (GPOI), một chương trình chủ yếu được tài trợ bởi Mỹ nhằm đào tạo lực lượng quân sự cho các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của LHQ. Ông Gates cũng mời Campuchia tham gia Đối thoại Chính sách

Quốc phòng, qua đó thiết lập một kênh song phương để hợp tác về các lợi ích an ninh chung [Thayer, 2012, tr.98]. Kết quả là, hai nước đã tiến hành Đối thoại quốc phòng lần thứ nhất tại Phnom Penh vào năm 2011 với những cam kết hợp tác trong tập trận và viếng thăm nhau. Ngày 16/11/2012, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Leon Panetta, đã có chuyến thăm chính thức Campuchia. Trong chuyến thăm này, ông cùng với Bộ Trưởng Quốc phòng Campuchia, Tea Banh, bàn về hợp tác phát triển nhân lực, tìm kiếm hài cốt binh lính Mỹ.

Mặc dù từ năm 2017 xuất hiện những mâu thuẫn và căng thẳng giữa hai nước, vẫn có những dấu hiệu cho thấy Campuchia đan xen việc sử dụng chiến lược “phòng bị nước đôi” trong hợp tác an ninh - quốc phòng với Mỹ. Các cuộc trao đổi cấp cao giữa các lãnh đạo quân sự tuy giảm tốc độ nhưng không bị chấm dứt. Vào ngày 15 - 16/01/2019, Phó Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, phụ trách Nam và Đông Nam Á, ông Joseph H. Felter, đã đến thăm Campuchia. Ông gặp các quan chức cấp cao của RCAF và thảo luận về việc hồi sinh quan hệ quốc phòng [Sun et al., 2019]. Sau đó, vào tháng 4/2019, Phó Tổng tư lệnh RCAF, Trung tướng Hun Manet, đã tham dự Hội nghị Hoạt động Đặc biệt Thái Bình Dương tại Honolulu, Hawaii. Ông đã thảo luận về chống khủng bố khu vực và gặp gỡ Tư lệnh Lực lượng Hoạt động Đặc biệt Mỹ khu vực Thái Bình Dương, tướng Jonathan B. Braga, để thúc đẩy quan hệ quốc phòng giữa Mỹ và Campuchia [Chheng Niem, 2019b]; Đại sứ Mỹ Murphy và Bộ trưởng Quốc phòng Campuchia, Tướng Tea Banh, gặp nhau và thảo luận về việc nói lại cuộc diễn tập Angkor Sentinel, việc ghé cảng của các tàu Hải quân Mỹ và các hoạt động quân sự khác giữa hai bên, mặc dù phiên tòa xét xử tội phạm quốc đối với Kem Sokha vẫn là một trở ngại [Mech, 2019].

Sau khi Thủ tướng Hun Manet lên cầm quyền, hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai nước có phần khởi sắc. Vào ngày 04/6/2024, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Lloyd Austin, đã thăm chính thức Campuchia, gặp gỡ Thủ tướng Hun Manet và các quan chức cấp cao khác. Chuyến thăm này nhằm tái khẳng định tình hữu nghị lâu dài và nhấn mạnh cam kết của Bộ Quốc phòng Mỹ và RCAF trong việc cùng nhau hợp tác duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững giữa hai nước cũng như toàn khu vực. Campuchia và Mỹ đang xem xét khả năng khôi phục cuộc tập trận

chung "Angkor Sentinel" sau gần một thập niên bị tạm dừng. Hai nước đã đạt được một số nhất trí và cam kết bước đầu về việc tăng cường và mở rộng quan hệ song phương, nhất là thúc đẩy đối thoại và hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng. Các lĩnh vực hợp tác bao gồm: Nối lại trao đổi huấn luyện quân sự về cứu trợ thảm họa; hợp tác trong khuôn khổ hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ; huấn luyện và trao đổi về rà phá bom mìn, vật liệu nổ; tham gia vào các chương trình huấn luyện quân sự chuyên nghiệp (PME) của Mỹ. Thủ tướng Hun Manet bày tỏ mong muốn chuyên thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ sẽ mở ra một giai đoạn mới về hợp tác quốc phòng - an ninh giữa hai nước, trong các lĩnh vực chống khủng bố, chống buôn người và buôn bán ma túy.

Trong cuộc gặp ngày 18/12/2024 giữa Thủ tướng Hun Manet và Đô đốc Samuel Paparo, Chỉ huy Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ, hai bên đã thảo luận về việc khôi phục tập trận chung nhằm tăng cường năng lực hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa và cải thiện hợp tác quân sự giữa hai nước. Thủ tướng Hun Manet khẳng định Campuchia luôn cởi mở với mọi sáng kiến và khả năng hợp tác nhằm cải thiện quan hệ với Mỹ, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi. Ông cũng nhấn mạnh rằng Campuchia không muốn bị đặt vào cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và mong muốn duy trì chính sách ngoại giao dựa trên luật pháp quốc tế. Những nỗ lực này cho thấy Thủ tướng Hun Manet đang hướng tới việc cân bằng quan hệ với các cường quốc, đồng thời duy trì chính sách đối ngoại trung lập và không liên kết của Campuchia.

**\* Duy trì tập trận, diễn tập chung:** Trong năm 2009, Campuchia đã thể hiện rõ nỗ lực tăng cường hợp tác quốc phòng với Mỹ nhằm hiện đại hóa năng lực và mở rộng quan hệ đối tác. Từ tháng 3 đến tháng 4/2009, RCAF đã phối hợp cùng Thủy quân lục chiến và Hải quân Mỹ tiến hành các cuộc diễn tập cứu hộ, cứu nạn chung, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc xây dựng lòng tin và khả năng phối hợp tác chiến nhân đạo.

Năm 2010, trong chuyến thăm của tàu USS Tortuga (LSD-46), Campuchia lần đầu tiên tham gia cuộc tập trận CARAT (Hợp tác trên biển về Huấn luyện và Sẵn sàng Chiến đấu), thể hiện bước tiến rõ rệt trong cam kết hợp tác hải quân với Mỹ. Tiếp đó, Campuchia tiếp tục duy trì trao đổi quân sự và huấn luyện thực địa, đón các

chuyến thăm của tàu Hải quân Mỹ như USS Stockdale (2011), USS Blue Ridge (2012) và USS Germantown (2016). Đồng thời, Campuchia và Mỹ đã đồng tổ chức cuộc tập trận lớn thuộc khuôn khổ GPOI, mang tên Angkor Sentinel, với sự tham gia của 1.000 lính gìn giữ hòa bình từ 26 quốc gia [Thayer, 2013]. Từ đó, Angkor Sentinel trở thành cuộc tập trận song phương thường niên giữa Mỹ và Campuchia. Trong cuộc tập trận Angkor Sentinel đầu tiên, đích thân Thủ tướng Hun Sen chủ trì cuộc diễn tập thực địa (17/7/2010) và nhấn mạnh rằng: "Cuộc tập trận mở ra một trang mới để đưa Campuchia hội nhập vào khu vực và thế giới, đồng thời củng cố và mở rộng năng lực của Campuchia trong việc hỗ trợ hoạt động gìn giữ hòa bình, tăng cường hợp tác đa phương cũng như củng cố quan hệ quốc tế và quan hệ đối tác khu vực vì mục tiêu hòa bình và nhân đạo" [Xinhua, 2010].

Hàng năm, một đơn vị chuyên gia Campuchia tiến hành một cuộc tập trận chống khủng bố với một đội tăng cường Lực lượng Đặc biệt Mỹ có trụ sở tại Đại sứ quán Mỹ tại Phnom Penh. Thủy quân lục chiến Mỹ, lên tàu USS Trân Châu Cảng (LSD-52) và New Orleans (LPD-18), đã tiến hành các cuộc tập trận với các lực lượng Campuchia trong một chuyến thăm cảng. Theo ước tính không chính thức, chi tiêu của Mỹ cho hợp tác quốc phòng đã tăng gấp ba lần lên 18,2 triệu USD [Thayer, 2013].

Tháng 6/2013, RCAF phối hợp với Mỹ đồng tổ chức diễn tập thiết lập cầu hàng không mang tên “Diễn tập vận tải hàng không Thái Bình Dương (Pacific Airlift Rally - PAR) 2013” tại Campuchia. Các quốc gia tham gia PAR bao gồm Campuchia, Mỹ, Australia, Bangladesh, Brunei, Canada, Ấn Độ, Indonesia, Lào, Maldives, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, Papua New Guinea, Philippines, Singapore, Sri Lanka, Thái Lan, Tonga và Việt Nam. Cuộc tập trận kéo dài năm ngày là một mô phỏng hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, được triển khai bởi lực lượng không quân và mặt đất, với sự tham gia của quân đội Campuchia và quốc tế. Cuộc diễn tập nhằm thúc đẩy hoạt động quân sự giữa RCAF và quân đội Mỹ trong hoạt động hỗ trợ nhân đạo. Các sự kiện liên quan đến tập trận bao gồm các hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm, nhằm tăng cường phối hợp giữa lực lượng không quân và mặt đất trong các hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ khi xảy ra thiên tai [Vietnamplus, 2013]

Tính từ năm 2010 đến năm 2016, hai bên đã thực hiện 07 cuộc tập trận CARAT và 07 cuộc tập trận Angkor Sentinel. Đây là cơ sở nhằm củng cố mối quan hệ quân sự giữa hai quốc gia.

Tháng 9/2019, Campuchia đã tham gia cuộc diễn tập ASEAN - Mỹ (AUMX) lần đầu tiên với sự tham gia của 1.260 nhân sự quân sự từ tất cả 10 quốc gia ASEAN [Heydarian, 2019]. Cuộc diễn tập bắt đầu tại căn cứ hải quân Sattahip ở Thái Lan, đi qua vùng biển tranh chấp Biển Đông và kết thúc ở Singapore. Mặc dù cuộc diễn tập này gửi thông điệp đến Bắc Kinh, nó cũng được xem là chiến lược phòng ngừa đa phương mà các thành viên ASEAN theo đuổi nhằm đa dạng hóa hợp tác quân sự với các cường quốc lớn, vì cuộc diễn tập chung với Mỹ không phải là duy nhất. Thực tế, ASEAN cũng đã tổ chức một cuộc diễn tập hải quân chung với Trung Quốc kể từ năm 2018. Là một thành viên tham gia AUMX, Campuchia đã tận dụng cơ hội này để bày tỏ mong muốn cải thiện quan hệ với Mỹ và hợp tác với các thành viên ASEAN khác nhằm lôi kéo Washington vào các cam kết khu vực.

Trong buổi gặp gỡ với Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Lloyd Austin (04/6/2024) và Đô đốc Chỉ huy Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ, Samuel Paparo (18/12/2024), Thủ tướng Hun Manet đã nỗ lực bày tỏ quan điểm của Campuchia muốn khôi phục lại các cuộc tập trận với Mỹ và coi đây là hoạt động trụ cột trong quan hệ quốc phòng giữa hai nước.

\* ***Phối hợp giải quyết hậu quả chiến tranh***: Tháng 12/2009, Campuchia xây dựng Trung tâm rà soát bom mìn gìn giữ hòa bình dưới sự tài trợ của GPOI, đồng thời, tích cực phối hợp với Văn phòng Tùy viên Quốc phòng Mỹ để hỗ trợ tìm kiếm 90 lính Mỹ mất tích ở Campuchia. Tính đến hết năm 2016, Campuchia đã hỗ trợ Mỹ tìm kiếm được 42 hài cốt lính Mỹ [US.Embassy in Cambodia, 2022c]. Campuchia còn phối hợp với Mỹ việc rà soát bom mìn sót lại sau chiến tranh. Theo Bộ Ngoại giao Mỹ, Mỹ đã cung cấp hơn 140 triệu đô la cho Campuchia để rà phá bom mìn và vật liệu chưa nổ (UXO) từ năm 1993 đến năm 2018 [Cambodianess, 2019]. Campuchia đã thu hút được nguồn tài trợ từ Mỹ cho nhiều đối tác trong các dự án khác nhau, từ rà phá bom mìn và UXO đến cung cấp giáo dục rủi ro bom mìn cho người dân, hỗ trợ RCAF trong công tác phá hủy, quản lý an ninh và kho dự trữ (PSSM), đạn dược. Bên cạnh đó, Campuchia còn thu hút được Mỹ cung cấp nhiều

chương trình giáo dục về rủi ro bom mìn cho người dân sống gần những vùng đất bị ô nhiễm này, đồng thời RCAF hợp tác với Mỹ để giúp người dân tiêu hủy một số đạn dược thông thường dư thừa và không ổn định, đồng thời giúp họ cải thiện an ninh vật lý và các hoạt động quản lý kho dự trữ.

Ngày 16/12/2024, tàu chiến Mỹ USS Savannah đã cập cảng Sihanoukville của Campuchia. Đây là tàu đầu tiên của Hải quân Mỹ cập cảng Campuchia trong 8 năm, đánh dấu một bước tiến trong việc hồi sinh hợp tác quân sự và nhân đạo giữa hai nước. Sự kiện này được Thủ tướng Hun Manet đánh giá cao, đồng thời khẳng định rằng sẽ thúc đẩy hơn nữa quan hệ và hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực quốc phòng. Đô đốc Samuel Paparo, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ khẳng định hợp tác nhân đạo, gìn giữ hòa bình và tìm kiếm hài cốt lính Mỹ là nền móng cho hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Ông cũng nhấn mạnh rằng "Mỹ tự hào hỗ trợ các nỗ lực của Campuchia để giải quyết di sản của chiến tranh" và bày tỏ lòng biết ơn đối với sự hợp tác của Campuchia trong việc tìm hài cốt lính Mỹ mất tích, qua đó giúp các gia đình tìm thấy hài cốt người thân của họ sau nhiều thập kỷ [Hong Raksmeay, 2024].

**\* Hợp tác phòng chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia:** Vấn đề khủng bố ở Campuchia không phải là mối đe dọa lớn so với các nước khác trong khu vực Đông Nam Á, nhưng quốc gia này vẫn phải đối mặt với một số thách thức liên quan đến an ninh, chủ yếu liên quan đến các yếu tố sau: Tổ chức ly khai hoặc bạo lực cực đoan. Một số nhóm dân tộc thiểu số (Khmer Krom), đặc biệt là ở khu vực gần biên giới, có thể có những xung đột với Chính phủ. Tuy nhiên, các cuộc xung đột này thường mang tính chất địa phương và không lan rộng ra thành mối đe dọa lớn trên toàn quốc. Campuchia nằm trong khu vực Đông Nam Á, nơi có các tổ chức khủng bố lớn như Jemaah Islamiyah (JI) và Abu Sayyaf, từng sử dụng Campuchia làm điểm trung chuyển hoặc ẩn náu. Campuchia có biên giới dài và khó kiểm soát với các nước láng giềng như Thái Lan, Việt Nam và Lào. Điều này khiến quốc gia trở thành một khu vực tiềm năng cho hoạt động buôn lậu, vận chuyển vũ khí và di chuyển của các cá nhân liên quan đến khủng bố. Vì vậy, việc hợp tác với các đối tác trong đó có Mỹ về phòng chống khủng bố là điều cần thiết để đảm bảo an ninh, trật tự tại quốc gia này.

Tháng 9/2009, với sự hỗ trợ của Mỹ, Campuchia đã lắp đặt hệ thống kiểm soát biên giới bằng máy tính tại các sân bay Phnom Penh, Siem Reap và tại cửa khẩu biên giới đất liền Poipet và Koh Kong. Chính phủ Campuchia cũng hợp tác đầy đủ với các yêu cầu của Mỹ để giám sát những kẻ khủng bố và các thực thể khủng bố được liệt vào danh sách ủng hộ tài trợ khủng bố. FBI đã tiến hành một khóa học “Quản lý các vụ án lớn” ở Campuchia nhằm xem xét Luật Tố tụng Hình sự mới của Campuchia, hướng dẫn các phương pháp hay nhất trong việc đánh giá bằng chứng và nâng cao năng lực điều tra của Chính phủ. Tháng 9/2010, với sự hỗ trợ đầu tư của Mỹ, Campuchia đã triển khai Hệ thống So sánh và đánh giá bảo mật nhận dạng cá nhân (PISCES) tại 2 sân bay quốc tế và 3 cửa khẩu biên giới nhằm xử lý thông tin hành khách khi nhập cảnh và xuất cảnh tại các sân bay quốc tế cũng như một số cửa khẩu biên giới trên đất liền. Những hành động này đã góp phần nâng cao an ninh trong nước [Kham Vanda, Theng Nan, 2015].

Năm 2016, Campuchia đã thu hút được sự hỗ trợ của Mỹ thông qua USAID thực hiện Chương trình Chống buôn bán người tại Campuchia kéo dài 4 năm nhằm giải quyết nạn buôn bán lao động trong nước và xuyên biên giới. Chương trình này cũng bao gồm việc hợp tác với Chính phủ Campuchia để tăng cường năng lực quốc gia và cấp tỉnh trong việc phòng chống mua bán người. Nạn buôn người lao động ở Đông Nam Á và các báo cáo về tình trạng nô lệ trong chuỗi cung ứng đang gây xôn xao dư luận quốc tế. Campuchia, nằm ở trung tâm khu vực, vừa là nguồn cung, vừa là điểm trung chuyển và là điểm đến. Thông qua khoản tài trợ từ USAID do Winrock International quản lý, IJM - tổ chức chống nô lệ quốc tế lớn nhất thế giới đã triển khai dự án 4 năm này tại Campuchia. IJM sẽ trang bị cho các quan chức hệ thống tư pháp, lãnh đạo cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự khả năng xác định nạn nhân và thực thi pháp luật chống buôn bán người lao động một cách hiệu quả. Chương trình Phòng chống Buôn bán Người của USAID - Campuchia là một phần quan trọng trong nỗ lực của chính phủ Mỹ nhằm giúp Campuchia chấm dứt nạn buôn người một cách triệt để bằng cách giải quyết các nguyên nhân gốc rễ để ngăn chặn nạn buôn người, cung cấp các phương án sinh kế đa dạng, thích ứng với biến đổi khí hậu, giúp giảm sự phụ thuộc vào nông nghiệp theo mùa và giáo dục những người dễ bị tổn thương về di cư

an toàn”. Dự án sẽ củng cố các nỗ lực của Chính phủ Hoàng gia Campuchia trong việc chống nạn buôn người ở cấp quốc gia và địa phương.

Tháng 10/2020, Campuchia và Mỹ đã khánh thành văn phòng chính thức các lực lượng đặc nhiệm, đặt tại trụ sở Cảnh sát Quốc gia Campuchia. Văn phòng này đảm nhận trách nhiệm nâng cao hiệu quả điều tra và thúc đẩy hợp tác trong cuộc chiến chống lại nhiều loại hình tội phạm. Nhằm tăng cường hợp tác an ninh chống khủng bố, tội phạm mạng và các hoạt động tội phạm xuyên biên giới, Campuchia đã tìm kiếm sự hỗ trợ từ Mỹ, bao gồm đào tạo và trang thiết bị cho các chuyên gia Campuchia trong cuộc chiến chống tội phạm xuyên biên giới. Tháng 11/2023, Phó Thủ tướng Neth Savoren, người đứng đầu Cơ quan chống ma túy (NACD) đã họp bàn với Đại sứ Mỹ tại Campuchia, ông W Patrick Murphy về việc thúc đẩy hợp tác giữa hai bên trong việc tăng cường an ninh, chia sẻ những thông tin quan trọng trong cuộc chiến chống tội phạm mạng, rửa tiền và phòng chống ma túy. Cũng trong cuộc gặp này, hai bên nhất trí tiếp tục hợp tác và hỗ trợ lực lượng đặc nhiệm chung có sự tham gia của Cảnh sát Quốc gia Campuchia và FBI Mỹ [Sok Raksa, 2023].

Theo Báo cáo về nạn buôn người của Chính phủ Mỹ năm 2024, Campuchia vẫn ở Bậc 3 vì không đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tối thiểu để xóa bỏ nạn buôn người và không có những nỗ lực đáng kể để thực hiện điều này. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hình ảnh của Campuchia trong khu vực và thế giới, ảnh hưởng đến du lịch, phát triển và an ninh công cộng. Ngày 01/8/2024, Campuchia đã triển khai một bản kế hoạch chiến lược mới 5 năm “Kế hoạch chiến lược quốc gia về chống buôn người (2024 - 2028)”, nhằm ngăn chặn và chống lại nạn buôn người, đặc biệt tập trung vào việc thực thi pháp luật, mà Chính phủ coi là điểm then chốt giúp quốc gia xóa bỏ tội ác này. Để thực thi Kế hoạch này được hiệu quả, Campuchia tăng cường hợp tác với Mỹ để chống nạn buôn người và các hoạt động của trung tâm lừa đảo trực tuyến. Ngày 09/8/2024, Đại sứ quán Mỹ tại Campuchia, Chou Bun Eng, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quốc gia Campuchia về phòng chống buôn người và Quyền Phó Trưởng phái đoàn Đại sứ quán Mỹ, Aleks Zittle, đã đồng chủ trì Buổi trao đổi thông tin thực thi pháp luật chung giữa Campuchia và Mỹ. Hai bên đã thảo luận về các cách thức đạt được tiến triển trong các lĩnh vực được nêu trong Kế hoạch hành động chống

buôn bán người năm 2024 của Bộ Ngoại giao Mỹ (tuy nhiên, về nguồn lực, Mỹ không cung cấp cho Bộ và các cơ quan chính phủ, mà cung cấp cho các tổ chức phi chính phủ hợp tác với Mỹ). Nội dung hợp tác là phát triển nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao nhận thức và tăng cường phối hợp để giúp chính quyền nước này chống lại nạn buôn người [Mao Sreypich, 2024].

\* *Duy trì nhận viện trợ, hỗ trợ nhân đạo và huấn luyện quân sự*: Năm 2009, Campuchia nhận hỗ trợ 20 container trang thiết bị quân sự dư thừa từ phía Mỹ, bao gồm mũ bảo hiểm Kevlar và đồng phục ngụy trang, với tổng trị giá 6,5 triệu USD [Thayer, 2012, tr.98]. Song song đó, Campuchia cũng chủ động tham gia hợp tác chiến lược ở cấp hoạch định chính sách, khi các sĩ quan RCAF được đào tạo tại Mỹ đảm nhận vai trò lãnh đạo “Nhóm Làm việc Chiến lược Quốc phòng”<sup>1</sup> và phối hợp với các chuyên gia Mỹ trong việc soạn thảo phiên bản thứ tư của “Tài liệu quốc phòng định hướng tương lai”, góp phần định hình tầm nhìn phát triển quốc phòng Campuchia theo hướng chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế [Stern, 2009, tr.5].

Bên cạnh đó, Campuchia cũng mở rộng hợp tác nhân đạo - an ninh phi truyền thống với Mỹ. Năm 2010, Campuchia đã mời tàu bệnh viện USS Mercy thực hiện chương trình khám chữa bệnh kéo dài 10 ngày cho gần 30.000 người dân Campuchia. Năm 2016, trong khuôn khổ Chương trình Pacific Angel 2016<sup>2</sup>, quân đội Campuchia đã phối hợp với quân đội Mỹ tiến hành các sự kiện hỗ trợ nhân đạo và trao đổi chuyên gia quân sự tại tỉnh Kampot, Campuchia. Trong nhiệm vụ này, khoảng 80 thành viên quân đội Mỹ và các đối tác Campuchia, cùng với các quân nhân từ Australia, Việt Nam và Thái Lan, hợp tác với các tổ chức phi chính phủ địa phương để cung cấp hỗ trợ nhân đạo cho người dân tỉnh Kampot. Theo đó, các kỹ sư đa quốc

---

<sup>1</sup> “Nhóm Làm việc Chiến lược Quốc phòng” (Defense Strategic Working Group - DSWG) là một cơ chế hợp tác song phương giữa Bộ Quốc phòng Campuchia (Ministry of National Defense - MND) và Bộ Quốc phòng Mỹ (U.S. Department of Defense - DoD), được thành lập trong khuôn khổ Đối thoại Quốc phòng Campuchia-Mỹ sau khi hai nước nối lại quan hệ quân sự đầu những năm 2000 nhằm giúp Campuchia chuyên nghiệp hóa hệ thống hoạch định chính sách quốc phòng theo chuẩn mực quốc tế; giảm phụ thuộc vào cổ vấn quân sự từ các nước khác, nhất là Trung Quốc; tăng cường năng lực thể chế của Bộ Quốc phòng và tính minh bạch trong hoạch định ngân sách quốc phòng.

<sup>2</sup> Pacific Angel là một sứ mệnh hỗ trợ nhân đạo chung và kết hợp được thực hiện tại nhiều quốc gia trên khắp khu vực Ấn Độ Dương - Châu Á - Thái Bình Dương, với sự tham gia và lãnh đạo tích cực của Không quân Mỹ. Pacific Angel bao gồm các chương trình y tế tổng quát, nha khoa, nhãn khoa, nhi khoa, vật lý trị liệu và kỹ thuật, cũng như nhiều hoạt động trao đổi chuyên gia về viện trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa. Sứ mệnh này nâng cao năng lực hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa của các quốc gia tham gia, đồng thời cung cấp các dịch vụ cần thiết cho người dân trên khắp khu vực.

gia sẽ tham gia các dự án tái thiết bốn trường học địa phương và hai trung tâm y tế tại thành phố Kampot, trong khi các nhà cung cấp dịch vụ y tế đa quốc gia sẽ tiến hành tiếp cận cộng đồng tại các huyện Tuek Chhou và Kampong Trach thuộc tỉnh Kampot. Các hoạt động trao đổi chuyên môn giữa quân đội hai nước sẽ tập trung vào các vấn đề khẩn cấp về y tế công cộng, viện trợ nhân đạo và ứng phó thảm họa [US.Indo - Pacific Command, 2016].

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2017 khi Tổng thống D.Trump lên cầm quyền, với những cáo buộc từ phía Mỹ liên quan đến việc Chính phủ Hoàng gia Campuchia (RGC) đàn áp các thành viên CNRP đã dẫn đến việc quan hệ quốc phòng an ninh với Mỹ bị suy giảm. Vào tháng 01/2017, Campuchia đơn phương hủy bỏ cuộc diễn tập Angkor Sentinel, viện dẫn lý do là chuẩn bị cho cuộc bầu cử sắp tới và cuộc chiến chống ma túy trong nước [Sopheng Cheang, 2017]. Tuy nhiên, quyết định hủy tập trận với Mỹ lại diễn ra trong bối cảnh Campuchia vẫn diễn ra cuộc tập trận “Rồng Vàng” lần đầu với Trung Quốc từ ngày 15 đến ngày 23/12/2016 khiến Mỹ nghi ngờ về những lý do mà Campuchia đưa ra. Động thái này của Campuchia cũng cho thấy rõ nước này đang có dấu hiệu “phù thịnh” với Trung Quốc.

Bên cạnh việc hủy tập trận, tháng 4/2017, Campuchia tuyên bố tạm dừng vô thời hạn đối với hoạt động Tiểu đoàn Xây dựng Cơ động Hải quân Mỹ, hay còn gọi là Seabees (Chương trình này đã xây dựng các dự án cộng đồng trị giá 5 triệu USD tại Campuchia từ năm 2008) mà không đưa ra lý do nào [Hunt, 2019]. Trong thông báo của mình, Tư lệnh Hải Quân Campuchia, tướng Tea Vinh chỉ thể hiện sự cảm ơn đối với các hoạt động của Seabees trong 9 năm qua” và cho rằng: “Seabees sẽ tạm ngừng các dự án của mình và trở về đất nước của họ để nghỉ ngơi”. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng như trường học, trạm y tế, nhà vệ sinh mà Seabees thực hiện mang giá trị tinh thần, nhằm gây dựng tình cảm và thiện chí của người dân Campuchia với quân đội Mỹ. Do vậy, cùng với việc hoãn tập trận, việc hủy bỏ cả những hoạt động hỗ trợ nhân đạo của Mỹ dường như cho thấy Chính phủ Campuchia muốn “hạ cấp quan hệ quân sự” với Mỹ [Prashanth Parameswaran, 2017].

Lĩnh vực tìm kiếm hài cốt binh lính Mỹ mất tích trong chiến tranh cũng nằm trong xu thế đi xuống chung của quan hệ quốc phòng an ninh Campuchia - Mỹ thời gian này. Ngày 14/9/2017, Thủ tướng Hun Sen cho biết ông sẽ trả đũa việc Mỹ

ngừng cấp thị thực cho hầu hết các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao và gia đình của họ bằng cách đình chỉ các hoạt động tìm kiếm hài cốt binh lính Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Ông Hun Sen cũng cho biết thêm là sẽ chỉ nối lại hoạt động này cho đến khi hai nước giải quyết được các vấn đề khúc mắc, cụ thể là Mỹ cấp lại thị thực cho các quan chức của Campuchia [Sopheng Cheang, 2017]. Phải mất hơn 1 năm sau, vào ngày 14/11/2018, Campuchia và Mỹ mới mở cuộc thảo luận về nối lại hoạt động tìm kiếm binh lính Mỹ mất tích trong chiến tranh. Tại cuộc thảo luận này, Đại tướng Bul Saruon, Bộ trưởng cấp cao phụ trách các sứ mệnh đặc biệt, đại diện đoàn đại biểu Campuchia đã tuyên bố tái khởi động quá trình hợp tác tìm kiếm hài cốt binh lính Mỹ tại Campuchia, với tinh thần nhân ái và tăng cường hợp tác với Mỹ trên các lĩnh vực, dựa trên cơ sở đôi bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.

Những lo ngại của Mỹ về việc Campuchia đang muốn xóa bỏ ảnh hưởng về quân sự của họ tại quốc gia này càng thêm chồng chất khi vào tháng 9/2020, các hình ảnh vệ tinh do Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS) công bố cho thấy tòa nhà Trụ sở Chỉ huy chiến thuật của Ủy ban An ninh Hàng hải Quốc gia Campuchia mà Mỹ đầu tư xây dựng năm 2012 đã bị phá bỏ. Ngay sau đó, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng Campuchia, Tea Banh, đã xác nhận thông tin này và lý giải: “Chúng tôi đã di dời cơ sở quốc phòng này đến một địa điểm mới. Chúng tôi không thể giữ cơ sở này nữa vì tòa nhà đã quá cũ kỹ”. Trước đó, ngày 22/7/2019, tờ Wall Street Journal có trụ sở tại New York công bố một bài báo tiết lộ thỏa thuận bí mật giữa Trung Quốc và Campuchia cho phép quân đội Trung Quốc sử dụng căn cứ hải quân Ream trong thời gian 30 năm và tự động gia hạn sau mỗi 10 năm [Jeremy Page et al, 2019]. Theo đó, Trung Quốc có thể đồn trú quân nhân, cất giữ vũ khí và neo đậu tàu chiến tại căn cứ Ream. Do vậy hành động phá bỏ tòa nhà do Mỹ xây dựng tại căn cứ Ream của Campuchia bị giới phân tích cho là nhằm dọn chỗ để đón sự hiện diện của quân đội Trung Quốc tại đây [Christopher Woody, 2020]. Trong bối cảnh Mỹ đang tích cực hiện diện tại châu Á - Thái Bình Dương thông qua các chiến dịch tự do hàng hải (FONOPS), việc Trung Quốc xây dựng căn cứ hải quân tại Campuchia hay bất cứ quốc gia nào trong khu vực đều bị Mỹ cho rằng sẽ đe dọa đến lợi ích và quyền lực lãnh đạo của họ. Mỹ lo sợ rằng, căn cứ hải

quân của Trung Quốc tại Ream sẽ giúp Trung Quốc kết nối với các căn cứ khác của nước này trên Biển Đông, tạo thành vành đai kéo dài đến Vịnh Thái Lan, tạo ra lợi thế lớn về cho Trung Quốc và bất lợi hơn cho Mỹ. Ngày 07/10/2020, Phát ngôn viên Đại sứ quán Mỹ tại Campuchia, Chad Roedemeier, bày tỏ thất vọng với Campuchia: “Chúng tôi rất thất vọng khi các nhà chức trách quân sự Campuchia đã phá dỡ một cơ sở an ninh hàng hải mới có 7 năm tuổi và là biểu tượng của mối quan hệ Campuchia - Mỹ... Sự hiện diện quân sự (của Trung Quốc) như vậy sẽ tác động tiêu cực đến mối quan hệ song phương, đồng thời gây bất ổn cho khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” [Cambodianess, 2020]. Cũng trong ngày 07/10/2020, trong bài phát biểu khai trương công viên do Trung Quốc đầu tư gần thủ đô Phnom Penh, Thủ tướng Hun Sen khẳng định: “Các nước khác cũng có thể xin phép cho tàu cập cảng, tiếp nhiên liệu hoặc tổ chức các cuộc tập trận chung với Campuchia”. Đây không phải lần đầu tiên Thủ tướng Hun Sen khẳng định điều này. Tháng 6/2020, ông Hun Sen cũng tuyên bố Trung Quốc không được trao quyền sử dụng căn cứ Ream độc quyền, tàu chiến từ mọi quốc gia, bao gồm cả Mỹ đều có thể neo đậu tại đây [Thế Việt, 2020].

Tuy nhiên, trong những mâu thuẫn và căng thẳng giữa hai nước, vẫn có những dấu hiệu cho thấy Campuchia đan xen việc sử dụng chiến lược “phòng bị nước đôi” trong hợp tác an ninh - quốc phòng với Mỹ. Thứ nhất, mặc dù đã hủy bỏ cuộc diễn tập Angkor Sentinel, Campuchia vẫn tham gia vào các lĩnh vực liên quan đến quân sự khác, chẳng hạn như gỡ mìn nhân đạo, vấn đề tù binh chiến tranh/người mất tích (POW/MIA), gìn giữ hòa bình quốc tế và nghiên cứu y tế, hầu như không bị ảnh hưởng [U.S. Department of Defense, 2019]. Thứ hai, các cuộc trao đổi cấp cao giữa các lãnh đạo quân sự tuy giảm tốc độ nhưng không bị chấm dứt.

Khi Thủ tướng Hun Manet lên cầm quyền, quan hệ quốc phòng - an ninh giữa Campuchia và Mỹ đã có những bước tiến tích cực, thể hiện qua các sự kiện và hoạt động như gặp gỡ các lãnh đạo cấp cao của Quân đội Mỹ (ngày 04/6/2024, tiếp Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Lloyd Austin, đã thăm chính thức Campuchia; cuộc gặp ngày 18/12/2024 giữa Thủ tướng Hun Manet và Đô đốc Samuel Paparo, Chỉ huy Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ).

Tóm lại, việc Campuchia tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh với Mỹ (2009 - 2024) có thể được chia thành 03 giai đoạn: Trong giai đoạn đầu, bao gồm toàn bộ thời kỳ chính quyền B.Obama từ năm 2009 đến 2016, Campuchia nỗ lực thúc đẩy hợp tác với Mỹ thông qua các cuộc trao đổi cấp cao giữa các quan chức quân sự, việc các tàu Hải quân Mỹ ghé cảng, các cuộc diễn tập trên bộ và trên biển, cũng như hợp tác trong các lĩnh vực thực tiễn khác đã đề cập. Trong giai đoạn thứ hai, kéo dài từ đầu năm 2017 đến cuối năm 2022, Campuchia đã hạ cấp quan hệ quốc phòng - an ninh với Mỹ và có nhiều dấu hiệu hợp tác sâu hơn với Trung Quốc trong lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn có sự đan xen việc sử dụng chiến lược “phòng bị nước đôi” với Mỹ ở một số lĩnh vực như hỗ trợ, tập huấn về y tế, chống khủng bố và rà soát bom mìn. Từ năm 2023 trở lại đây, với những nỗ lực của Thủ tướng Hun Manet, quan hệ quốc phòng - an ninh giữa hai nước đang có dấu hiệu tích cực trở lại. Với những chuyển động như vậy, có thể thấy được tính thực dụng trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, một mặt để tối đa lợi ích, một mặt không bị lệ thuộc vào một bên nào đó cả về chính trị lẫn quân sự, kinh tế.

#### ***3.2.4. Thu hút viện trợ thông qua cơ chế LMI***

LMI (Lower Mekong Initiative) là khuôn khổ hợp tác do Mỹ khởi xướng từ năm 2009 với các nước hạ lưu sông Mekong (Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam) nhằm thúc đẩy liên kết tiểu vùng trên các trụ cột như văn hóa - giáo dục, y tế, môi trường, năng lượng, nông nghiệp, kết nối và quản trị nguồn nước; năm 2020, LMI được mở rộng thành Mekong-U.S. Partnership (MUSP) để xử lý thêm các thách thức an ninh phi truyền thống, kinh tế số và nguồn nhân lực. Trong chính sách đối ngoại với Mỹ, Campuchia coi LMI/MUSP là kênh hợp tác “thực dụng” nhằm thu hút nguồn lực cho phát triển trong nước, từ các chương trình y tế, giáo dục, nâng cao năng lực quản trị tài nguyên nước đến kết nối hạ tầng và an ninh phi truyền thống, đồng thời duy trì thế cân bằng chiến lược trong quan hệ với các đối tác lớn. Thông qua cơ chế LMI/MUSP, hợp tác Campuchia - Mỹ được “định chế hóa” ở cấp khu vực, giảm tính nhạy cảm chính trị song phương và tập trung vào lợi ích thiết thực cho phát triển.

#### *3.2.4.1. Trụ cột văn hóa - giáo dục*

Hợp tác giữa Campuchia và Mỹ trong lĩnh vực văn hóa đã được xây dựng trên nền tảng lịch sử và các giá trị chung, tập trung vào việc bảo tồn di sản văn hóa, giáo dục và giao lưu văn hóa. Mỹ đã hỗ trợ Campuchia trong việc bảo tồn các di sản thế giới, đặc biệt là Quần thể Đền Angkor, đền thờ Preah Vihear, đền thờ Phnom Bakheng thông qua các chương trình tài trợ từ Quỹ Đại sứ Mỹ về Bảo tồn Văn hóa (AFCP). Những nỗ lực này của Mỹ góp phần giúp Campuchia bảo vệ các di sản kiến trúc, nghệ thuật và lịch sử trước nguy cơ suy thoái. Hai nước đã hợp tác chặt chẽ để chống lại nạn buôn bán trái phép các cổ vật văn hóa. Thỏa thuận song phương được ký kết năm 2003 giữa Campuchia và Mỹ về việc “Áp dụng các hạn chế nhập khẩu đối với các hiện vật khảo cổ và dân tộc học của Campuchia” đã giúp ngăn chặn việc thất thoát các hiện vật quý giá ra khỏi đất nước. Thỏa thuận này đã được gia hạn vào năm 2018 và lần thứ hai vào ngày 30/8/2023. Trong buổi lễ ký gia hạn Bản Thỏa thuận, Đại sứ Murphy cho biết “Cả hai nước chúng ta đều công nhận sức mạnh của văn hóa trong việc gắn kết mọi người lại với nhau. Mỹ tự hào về đóng góp của mình trong việc khôi phục và bảo tồn di sản văn hóa của Campuchia cho các thế hệ mai sau”. Trong khi đó, Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Mỹ thuật nhận xét “Trong nhiều thập kỷ, các hiện vật văn hóa của Campuchia đã bị cướp bóc và mua lại bởi các nhà sưu tập tư nhân và các bảo tàng trên khắp thế giới. Các biện pháp hiệu quả để chống lại nạn buôn bán trái phép hiện vật và tài sản văn hóa phụ thuộc vào sự hợp tác chặt chẽ... Sự hợp tác giữa Mỹ và Campuchia là rất quan trọng trong việc chống lại nạn buôn bán trái phép hiện vật”. Ông cũng bày tỏ lời cảm ơn tới Chính phủ Mỹ vì sự hỗ trợ liên tục trong lĩnh vực bảo vệ và bảo tồn văn hóa [US.Embassy in Cambodia, 2023],

Kể từ năm 2001, Mỹ đã tài trợ 6 triệu USD cho việc bảo tồn các di sản văn hóa của Campuchia [US. Embassy in Cambodia, 2023]. Trong 20 năm qua, Biên bản ghi nhớ này đã tạo điều kiện thuận lợi trả lại hơn 100 cổ vật vô giá và xây dựng năng lực cho người Campuchia trong bảo tồn di sản văn hóa. Điển hình như: trong những năm gần đây, lực lượng đặc nhiệm về cổ vật văn hóa của Bộ Ngoại giao Mỹ, Cục Điều tra Liên bang, Cục Cá và Động vật hoang dã Mỹ và Cơ quan Thung lũng

Tennessee đã đến Campuchia để đào tạo các chuyên gia địa phương nhằm chống lại nạn buôn bán cổ vật bất hợp pháp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các bảo tàng bảo vệ và bảo tồn các hiện vật được khai hoang. Với những nỗ lực tương tự, nhiều công tố viên và nhóm vận động tại Mỹ đã nỗ lực trả lại các vật phẩm có ý nghĩa văn hóa cho Campuchia. Vào ngày 12/9/2023, Văn phòng Luật sư Quận phía Nam của New York đã công bố việc trả lại 33 hiện vật bị đánh cắp. Trước đó vào năm 2022, các luật sư New York đã tạo điều kiện trao đổi 30 hiện vật văn hóa trở lại Campuchia. Đại sứ Campuchia tại Mỹ, Keo Chhea, đã gọi nỗ lực trả lại các hiện vật cho đất nước của ông là sự trở lại của “linh hồn của nền văn hóa của chúng ta” [Claire Callahan, Matthew Willis, 2023].

Bên cạnh đó, Mỹ cũng đã hỗ trợ các nghệ sĩ Campuchia thông qua các chương trình đào tạo và dự án hợp tác nghệ thuật. Điều này không chỉ giúp bảo tồn nghệ thuật truyền thống như múa Apsara mà còn khuyến khích sự phát triển của nghệ thuật đương đại.

Về giáo dục - đào tạo: Trong khuôn khổ LMI, hợp tác giữa Mỹ và các nước Tiểu vùng trong lĩnh vực giáo dục tập trung vào việc: Tăng cường năng lực tiếng Anh và tiếng Anh kỹ thuật; thúc đẩy đào tạo kỹ thuật và các cơ hội kết nối giữa các bên các chuyên gia thông qua việc tận dụng các trung tâm và viện đào tạo khu vực; mở rộng cơ hội trao đổi chuyên gia trong Tiểu vùng; tăng cường đào tạo giáo viên, bao gồm thông qua hỗ trợ về chương trình giảng dạy phát triển, phương pháp sư phạm và nâng cao năng lực cho các nhà giáo dục và nhân viên hành chính; khuyến khích hợp tác khu vực về cải cách giáo dục. Cụ thể: Mỹ đã hỗ trợ 16 triệu USD cho hơn 500 sinh viên mỗi năm và các chương trình trao đổi học giả với các nước tiểu vùng thông qua chương trình Fulbright và các chương trình học bổng khác từ Mỹ, đồng thời hỗ trợ việc tăng số lượng học sinh tiếp cận với giáo dục cơ bản và mở rộng kết nối Internet băng thông rộng tại các vùng nông thôn [Trịnh Thị Hoa, Nguyễn Huy Dũng, 2013].

Campuchia đã tận dụng tối đa cơ chế này thu hút viện trợ của Mỹ để thúc đẩy phát triển giáo dục. Thông qua USAID, Campuchia tranh thủ sự hỗ trợ của Mỹ trong tiến trình cải cách giáo dục mạnh mẽ, đặc biệt nỗ lực đưa trẻ em đến trường ở

bậc tiểu học và vấn đề bình đẳng giới trong giáo dục. Cụ thể, trong những năm gần đây, Mỹ đã cung cấp (trực tiếp và gián tiếp) hơn 1 triệu tài liệu bản cứng, bản mềm bao gồm sách hướng dẫn cho giáo viên, sách bổ trợ và truyện cho học sinh lớp 1, lớp 2; Đào tạo cho hơn 10.000 giáo viên tại 3.500 trường tiểu học, tiếp cận hơn 400.000 học sinh [USAID, 2023a]. Trong bối cảnh dịch bệnh COVID - 19, Campuchia cũng như tất cả các quốc gia khác chịu tác động lớn trong lĩnh vực giáo dục, USAID đã hỗ trợ: sản xuất các bài giảng điện tử, video, cung cấp vật tư vệ sinh, nguồn lực cho học sinh khuyết tật và phát động chiến dịch tựu trường cho trẻ quay lại trường học sau đại dịch; thúc đẩy đào tạo lãnh đạo và bình đẳng giới ở cấp quốc gia và địa phương, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho hàng trăm lãnh đạo nữ; nâng cao năng lực cho hàng trăm quan chức cấp Bộ và những người ra quyết định bằng cách tập trung nghiên cứu, phân tích và xây dựng chính sách cho họ; tận dụng nguồn tài trợ từ các đối tác song phương và đa phương để hỗ trợ phát triển các giá trị cốt lõi của USAID và các ưu tiên phát triển giáo dục của Campuchia. Năm 2022, Chính phủ Mỹ đã tài trợ 25 triệu USD cho chương trình giáo dục “Komar Rien Komar Cheh” (cung cấp tài liệu giảng dạy các môn học tiếng Khmer và Toán đầu cấp tiểu học), dự án “All children Learning, All children Reading” nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đầu cấp và giảm tỷ lệ bỏ học [U.S. Embassy in Campuchia, 2022a]. Trong giáo dục đại học, Education USA, mạng lưới của Bộ Ngoại giao Mỹ, đã thành lập trung tâm tư vấn giáo dục tại Pannasastra University of Campuchia và American Corners tại Phnom Penh, Siem Reap, Battambang và Kampong để hỗ trợ, tư vấn, cung cấp tài liệu, nâng cao năng lực tiếng Anh, hướng dẫn sinh viên và học giả Campuchia tiếp cận và chuẩn bị được hồ sơ tốt nhất để giành được học bổng Fulbright và các chương trình trao đổi khác từ Mỹ như Hebert Humphrey, LMI Young Scientist Program... Vì vậy, số lượng sinh viên của Campuchia sang Mỹ ngày càng tăng [U.S.Embassy in Campuchia, 2017; Meng Seavmey, Rin Ousa, 2023]. Các chương trình trao đổi và giáo dục quốc tế đã góp phần quan trọng thúc đẩy mối quan hệ về văn hóa, xã hội giữa Mỹ và Campuchia, đặc biệt là nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho nhà các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính

sách, đồng thời bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực sức khỏe cộng đồng, môi trường, giới, quyền con người, kinh doanh và khoa học, kỹ thuật... nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững và bao trùm trong bối cảnh chung hiện nay. Cũng trong khuôn khổ LMI, Campuchia cũng là quốc gia thuộc dự án USAID Connecting the Mekong through Education and Training (USAID COMET) được thực hiện trong 5 năm (2014 - 2019) trị giá 12,4 triệu USD nhằm hỗ trợ thanh niên, các trường đại học, các trường dạy nghề, các ngành công nghiệp của CLMTRV phát triển các kỹ năng theo định hướng thị trường, kết nối các bên liên quan như nhà trường, doanh nghiệp và chính phủ, đồng thời tăng cường khai thác việc sử dụng nền tảng học tập trực tuyến để tăng số lượng lao động lành nghề trong ASEAN ở các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, kế toán và du lịch (STEM+AT) tại Tiểu vùng [USAID, 2019a]. Dự án đã thành lập mạng lưới Mekong Skills2Work (MS2W) khu vực bao gồm 12 Mekong Learning Centres (MLCs) tại các trường đại học và học viện kỹ thuật dạy nghề, trong đó có Institute of Technology Cambodia (ITC). Dự án đã trang bị cho đội ngũ giảng viên Cambodia phương pháp giảng dạy hiện đại, học tập thông qua dự án, từ đó nâng cao năng lực giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực STEM+AT... Đội ngũ này sẽ đào tạo lại cho học sinh, sinh viên tại các trường đại học, trường nghề, góp phần làm tăng số lượng và chất lượng giáo dục đại học STEM tại Cambodia. Hiện nay, tại quốc gia này có các cơ sở công lập và tư nhân đào tạo STEM như: Học viện Công nghệ Kampong Chheu Teal, Học viện Công nghệ Kampong Speu, Đại học Khoa học, Viện Công nghệ Kiriom, Viện Quốc tế Bateway... [Cao Thị Mai Hoa, 2022, tr.43]. Bên cạnh đó, Mỹ còn hỗ trợ Cambodia các chương trình đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc Mỹ tài trợ cho các chuyên gia Mỹ giảng dạy tại các trường đại học tại Cambodia; cung cấp quyền truy cập vào các nguồn tài nguyên American Corners; chương trình CAMTESOL; triển khai các chương trình liên kết đại học nhằm cung cấp chương trình giáo dục chất lượng cao của Mỹ cho sinh viên Cambodia; Đầu tư và chuẩn hóa các chương trình đào tạo của American University of Phnom Penh đạt tiêu chuẩn giáo dục của Mỹ...

### 3.2.4.2. Trụ cột y tế

Hợp tác trong lĩnh vực y tế là một trong những trụ cột trọng điểm trong LMI được triển khai với các nội dung: Các mối đe dọa dịch bệnh mới nổi; phòng và kiểm soát các loại thuốc giả và kém chất lượng; tăng cường ứng phó với HIV/AIDS; ngăn chặn và Kiểm soát sốt rét tại Biên giới sông Mekong; trao đổi Kỹ thuật về Giới tính và Sức khỏe [USAID, 2013e]. Trên cơ sở đó, thông qua Chương trình Emerging Padamic Threats Program (EPT), CDC Campuchia cùng với sự hỗ trợ từ USAID đã xây dựng được đội ngũ nhân lực y tế, từ đó nâng cao năng lực phát hiện sớm các ổ dịch, ngăn chặn và ứng phó với các dịch bệnh truyền nhiễm như cúm da cầm H5N1, sốt rét, bệnh lao, COVID-19.... và mối đe dọa về sức khỏe cộng đồng. Theo báo cáo của Bộ Y tế, Campuchia không ghi nhận ca tử vong do sốt rét nào từ năm 2017 [U.S. Embassy in Campuchia, 2024]. Trong đại dịch COVID-19, Mỹ đã viện trợ 11,5 triệu USD bao gồm thiết bị y tế và hơn 3 triệu liều vaccine [Prathan, 2020]. Khoản viện trợ này đã giúp Campuchia tăng cường năng lực xét nghiệm, tập huấn kỹ năng chăm sóc sức khỏe của người lao động, hỗ trợ phương tiện truyền thông cho người nghèo và giảm thiểu tác động của đại dịch đối với nền kinh tế Campuchia. Khi nâng cấp LMI lên thành Mekong-US Partnership năm 2020, Mỹ tiếp tục hỗ trợ 52 triệu USD cho cuộc chiến chống COVID-19 của các nước tại Tiểu vùng, trong đó có Campuchia [USAID, 2020].

Campuchia là quốc gia kém phát triển, cơ sở hạ tầng còn yếu kém nên các dịch vụ y tế, sức khỏe của phụ nữ, trẻ em còn nhiều hạn chế, số ca nhiễm HIV, AIDS vẫn tăng nhiều hàng năm, vì vậy, viện trợ của nước ngoài nói chung và viện trợ của Mỹ nhằm cải thiện lĩnh vực này là vô cùng quan trọng. Với vai trò lãnh đạo trong việc giải quyết các khủng hoảng sức khỏe toàn cầu, thông qua USAID, Mỹ đã đầu tư hơn 377 triệu USD vào các chương trình hỗ trợ tại Campuchia nhằm giải quyết các vấn đề như tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và bà mẹ, bệnh sốt rét, lao, HIV/AIDS, suy dinh dưỡng, cải thiện vệ sinh và dinh dưỡng, cũng như tăng cường khả năng tài chính và quản lý hậu cần cùng hệ thống thông tin cho hệ thống y tế của Campuchia [U.S. Embassy in Campuchia, 2021]. Đặc biệt, trong cuộc chiến phòng

chống HIV/AIDS, USAID tại Campuchia đã phối hợp với Cơ quan phòng chống AIDS quốc gia và Bộ Bru chính viễn thông Campuchia thực hiện Dự án “Campuchia HIV/AIDS Flagship”, theo đó, Dự án xây dựng nền tảng điện thoại di động được gọi là “mHealth” sẽ hỗ trợ “3.0 Initiative” của Chính phủ Hoàng gia Campuchia trong việc cung cấp thông tin và các dịch vụ liên quan đến HIV/AIDS có thể cứu sống những đối tượng như nhân viên làm trong ngành nghề giải trí, nam quan hệ tình dục đồng giới và người chuyển giới [U.S. Embassy in Campuchia, 2024a]. Kết quả là, số lượng ca nhiễm HIV mới hàng năm đã giảm 36% kể từ năm 2010, 86% người Campuchia sống với HIV biết tình trạng của mình, 99% người bệnh đang nhận điều trị kháng vi rút (ART) và 98% được kiểm soát vi rút khi điều trị [U.S. Embassy in Campuchia, 2024]. Thêm vào đó, từ năm 2014 đến năm 2019, thông qua Chương trình Nghị sự An ninh Y tế toàn cầu, USAID đã hỗ trợ Campuchia đạt được các mục tiêu của Quy định y tế quốc tế, phối hợp với CDC hỗ trợ kỹ thuật và tài chính chương trình tiêm chủng quốc gia, hệ thống quản lý dữ liệu thông tin y tế, hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm ở Campuchia, đào tạo dịch tễ học ứng dụng nhằm tăng cường năng lực và ứng phó của Bộ Y tế... Ngoài ra, thông qua chương trình hợp tác Health Policy Plus (HP+) (2017 - 2020), USAID đã hỗ trợ mở rộng phạm vi bảo hiểm y tế, cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, và đảm bảo nguồn tài chính nội địa ổn định cho các chương trình y tế quan trọng [Health Policy Plus: Campuchia, 2022].

#### *3.2.4.3. Trụ cột môi trường và nguồn nước*

Có thể nói, trụ cột môi trường và nước trong hợp tác Mỹ - Mekong luôn được Mỹ đặc biệt quan tâm và đây cũng là lĩnh vực mà Mỹ thể hiện sự ảnh hưởng của mình tại khu vực trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc hiện nay. Trong trụ cột này, với mục tiêu thúc đẩy sự trao đổi thông tin và đối thoại giữa các nước CLMTV để triển khai các chính sách và chương trình hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, LMI đã hỗ trợ các nước thành viên nâng cao năng lực giảm thiểu rủi ro thiên tai liên quan đến nước, đảm bảo an ninh nguồn nước, bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên [USAID, 2013c].

Campuchia là một quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, diện tích rừng bao phủ khoảng 46% với 2.300 loài thực vật, 14 loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng và là 1 trong 7 đường đi cuối cùng của voi trên thế giới. Tuy nhiên chỉ có 34% đất được bảo tồn và quản lý, đồng thời, Campuchia cũng là quốc gia chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu, đặc biệt là hạn hán và lũ lụt. 61% dân số sống ở khu vực nông thôn, 77% các hộ gia đình ở nông thôn phụ thuộc vào nông, lâm, ngư nghiệp để sinh sống, vì vậy, thiên tai và biến đổi khí hậu tác động trực tiếp đến đời sống của cộng đồng, sinh kế của người dân [USAID, 2023a]. Campuchia đã tranh thủ viện trợ của Mỹ thông qua USAID trong việc hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan Campuchia thực hiện các quy trình bảo tồn thiên nhiên; thực hiện các dự án: “Green Future Activity” project (2019 - 2024) trị giá 5 triệu USD [USAID, 2019b] nhằm nâng cao nhận thức của người dân Campuchia về các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học và sinh kế, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; “Morodok Baitang Project” (2021 - 2026) trị giá 24 triệu USD được triển khai tại các khu bảo tồn Keo Seima, Lumphat, Siem Pang, Cardamom giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; dự án “Prey Lang” năm 2018 nhằm tăng cường duy trì hệ sinh thái rừng và nước ngọt xung quanh khu bảo tồn động vật hoang dã Prey Lang; “USAID Conserve” (2023 - 2027) nhằm bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học và tài nguyên tự nhiên khu vực ven biển Campuchia ở các tỉnh Koth Kong và Kampong Som, khu vực mở rộng Prey Lang, cải thiện sinh kế cho cộng đồng, tuyên truyền chống lại nạn buôn bán động vật hoang dã và giảm thiểu tiêu thụ thịt thú rừng, khám phá các phương án carbon xanh và các gói viện trợ khác liên quan đến khuôn khổ hợp tác trong LMI.

Thông qua việc Mỹ triển khai Sáng kiến dữ liệu nguồn nước Mekong (MWDI) và đưa vào hoạt động trang dữ liệu “*Nguồn nước Mekong*” đã góp phần cải thiện việc quản lý xuyên biên giới sông Mekong thông qua chia sẻ dữ liệu. Mỹ cũng thúc đẩy mạnh mẽ chương trình “Forecast Mekong” trong bảo vệ môi trường tại Campuchia và các nước LMI. Cục Điều tra Địa chất Mỹ đã thực hiện nghiên cứu, dự đoán mô hình thủy văn của Ủy hội sông Mekong (MRC), các điều kiện về lưu lượng

sông, chất lượng nước sông Mekong. Các chuyên gia ở Văn phòng MRC Campuchia đã cung cấp các thông tin và tư vấn về nước ngầm và sự chuyển động của nước ngầm lưu vực hạ lưu sông Mekong [Cao Thị Mai Hoa, 2022, tr.47]. Từ năm 2019, Ngoại trưởng Mỹ, Mike Pompeo, đã lên tiếng chỉ trích mạnh mẽ Trung Quốc về những tác động tiêu cực của các dự án cơ sở hạ tầng trong Tiểu vùng đặc biệt đối với môi trường và quản lý nguồn nước, Mỹ cho rằng Trung Quốc thao túng dòng chảy sông Mekong thông qua việc vận hành 11 đập thủy điện trên dòng chảy chính phía thượng nguồn sông Mekong. Điều này làm trầm trọng thêm tình trạng hạn hán tại quốc gia vùng hạ lưu. Trong MUSP, Mỹ cam kết sẽ hỗ trợ 1,8 triệu USD cho MRC và thúc đẩy hợp tác với các đối tác của FLM để tăng cường chia sẻ dữ liệu nguồn nước phục vụ công tác hoạch định chính sách và một số dự án về quản lý thiên tai,... Điều này rất hữu ích cho Campuchia trong việc hoạch định các chính sách nông nghiệp, tạo sinh kế cho người dân, tiến tới phát triển bền vững.

#### *3.2.4.4. Trụ cột nông nghiệp và an ninh lương thực*

Trong khuôn khổ LMI, trụ cột nông nghiệp và an ninh lương thực được triển khai nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và đầu tư lương thực trong khu vực Tiểu vùng thông qua việc hợp tác với khu vực tư nhân, chính phủ và các tổ chức nông dân. Các hoạt động được thiết kế khuyến khích phát triển bền vững và dịch chuyển hiệu quả hàng hóa nông nghiệp và thủy sản trong khu vực hạ lưu sông Mekong. Trụ cột này cũng hỗ trợ các nhà tài trợ ở lĩnh vực an ninh lương thực nhằm phát hiện các lỗ hổng trong các chương trình, xác định các tiềm năng quan hệ đối tác và tránh các hoạt động chồng chéo. Trên tinh thần đó, Campuchia tranh thủ hỗ trợ của Mỹ thông qua USAID nhằm biến ngành nông nghiệp thành động lực phát triển kinh tế và an ninh lương thực thông qua phương pháp là dựa trên thị trường kết hợp với khu vực tư nhân. Đó là, thúc đẩy doanh nghiệp nông nghiệp phát triển dựa trên thị trường, áp dụng các phương pháp nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và cải thiện cuộc sống của người dân nghèo ở nông thôn. Kết quả là, USAID đã hỗ trợ hơn 318.000 người hưởng lợi kinh tế từ việc quản lý và bảo tồn thiên nhiên bền vững; giảm hơn 25 triệu tấn khí thải nhà kính từ việc phá rừng và thay đổi mục

đích sử dụng đất; cải thiện quản lý tài nguyên thiên nhiên của hơn 3 triệu ha đất; thu hút hơn 20 triệu đô la Mỹ đầu tư từ khu vực tư nhân vào phát triển bền vững và giải quyết rào cản đối với sự phát triển bao trùm; hỗ trợ nông dân tăng doanh số bán hàng, mở rộng thị trường, tiếp cận tín dụng; đào tạo hơn 230.000 người (70% là nữ) cải thiện thực hành dinh dưỡng của họ [USAID, 2023b].

Như vậy, LMI chủ yếu tập trung vào các vấn đề môi trường, quản lý nguồn nước, phát triển kinh tế và giáo dục, nhưng cũng mở rộng sang những lĩnh vực hợp tác khác như bảo vệ di sản văn hóa và thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật. Mặc dù không phải là mục tiêu chính của sáng kiến, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật lại đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ giữa các quốc gia hạ lưu sông Mekong và Mỹ. Điều này được hiểu là một phần trong các sáng kiến mở rộng của LMI, song hành với các chương trình hợp tác chính thức. Lý do các lĩnh vực này được triển khai thông qua cơ chế LMI thay vì thông qua các hợp tác song phương giữa Campuchia và Mỹ là do những vấn đề như bảo vệ di sản văn hóa, phát triển nghệ thuật và giáo dục mang tính chất xuyên quốc gia, ảnh hưởng đến nền tảng văn hóa và xã hội của cả tiểu vùng. Những vấn đề này đòi hỏi sự hợp tác đa phương, liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực, vì vậy việc triển khai qua cơ chế hợp tác chung như LMI giúp gia tăng hiệu quả và tạo ra các nền tảng hợp tác bền vững.

Ngoài ra, việc đưa các chương trình giáo dục, văn hóa và nghệ thuật vào trong sáng kiến LMI cũng giúp các quốc gia trong khu vực gắn kết với nhau hơn, xây dựng mối quan hệ và chia sẻ kinh nghiệm trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Trong khi đó, các sáng kiến về môi trường và nguồn nước lại có tính cấp thiết hơn, yêu cầu sự phối hợp giữa các quốc gia do những vấn đề này ảnh hưởng đến toàn bộ khu vực. Với những lý do này, LMI không chỉ là một khuôn khổ hợp tác về môi trường và phát triển kinh tế, mà còn là một nền tảng để thúc đẩy hợp tác văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, giúp các quốc gia trong khu vực củng cố mối quan hệ và đạt được những mục tiêu phát triển bền vững giữa Campuchia và Mỹ.

### **Tiểu kết Chương 3**

Trong giai đoạn 2009 - 2024, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ thể hiện sự linh hoạt, thực dụng và thiên về lợi ích chiến lược, trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á ngày càng phức tạp và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc. Về nội dung, Campuchia theo đuổi chính sách “phòng bị nước đôi” với Mỹ nhằm mục tiêu duy trì mối quan hệ hợp tác song phương ổn định, đồng thời tránh gây phương hại đến quan hệ với Trung Quốc - đối tác chiến lược và viện trợ quan trọng. Trên thực tiễn, Campuchia chủ động tận dụng viện trợ kinh tế, hỗ trợ y tế, giáo dục và quốc phòng từ Mỹ để thúc đẩy phát triển trong nước, đồng thời khéo léo điều chỉnh quan điểm trong các vấn đề nhạy cảm như nhân quyền, dân chủ và quân sự nhằm tránh đối đầu trực diện. Việc Campuchia được đưa ra khỏi “danh sách xám” FATF năm 2023 và gia tăng đáng kể kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ trong các năm 2021 - 2024 cho thấy hiệu quả nhất định của chính sách đối ngoại linh hoạt, chủ động hội nhập và thực dụng mà Phnom Penh đang triển khai. Tuy nhiên, quan hệ song phương cũng nhiều lần bị gián đoạn hoặc căng thẳng do khác biệt về giá trị và sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Campuchia. Nhìn chung, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong thời kỳ này phản ánh rõ nét phương châm ngoại giao đa phương, linh hoạt, đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, đồng thời cố gắng duy trì thế cân bằng trong một trật tự khu vực đang chuyển động nhanh chóng.

## **Chương 4. ĐÁNH GIÁ VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CAMPUCHIA VỚI MỸ (2009 - 2024) VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM**

### **4.1. Đặc điểm chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)**

Từ việc xem xét các quan điểm lý thuyết được đề cập trong Chương 2 và thực tiễn triển khai ở Chương 3, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) có một số đặc điểm nổi bật sau:

**Thứ nhất**, Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 phản ánh khá đầy đủ đặc điểm chính sách đối ngoại của một nước nhỏ đối với nước lớn trong môi trường bất cân xứng về quyền lực. Như đã trình bày ở Chương 2, các nước nhỏ được định nghĩa không chỉ đơn thuần dựa trên quy mô lãnh thổ, dân số hay GDP, mà quan trọng hơn là vị trí cấu trúc trong hệ thống quyền lực toàn cầu và khả năng định hình luật chơi quốc tế. Đặc điểm chính của các nước nhỏ có năng lực tác động thấp tới trật tự quốc tế, nhưng lại chịu ảnh hưởng lớn từ hành vi của các cường quốc. Chính vì vậy, hành vi đối ngoại của nước nhỏ thường mang tính linh hoạt, thực dụng, phòng thủ và định hướng sinh tồn chế độ, hơn là mở rộng ảnh hưởng chiến lược. Trường hợp Campuchia, dưới sự lãnh đạo liên tục của Thủ tướng Hun Sen đến năm 2023 và sau đó là Hun Manet, cho thấy rõ một cấu trúc hành vi như vậy trong quan hệ với Mỹ - cường quốc số một thế giới.

Một trong những đặc điểm nổi bật nhất trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) là tính linh hoạt cao, đặc biệt là khả năng "phòng bị nước đôi" giữa các cường quốc để tránh bị lệ thuộc hoặc đối đầu trực diện. Giai đoạn 2009 - 2012, khi quan hệ song phương thuận lợi, Campuchia tiếp nhận viện trợ phát triển, các chương trình hỗ trợ nhân đạo và hưởng ưu đãi thương mại từ Mỹ (như GSP). Tuy nhiên, khi căng thẳng gia tăng từ năm 2017 sau sự kiện giải thể đảng đối lập CNRP và việc Mỹ áp đặt các biện pháp trừng phạt cá nhân, Campuchia ngay lập tức điều chỉnh chiến lược. Một mặt, Campuchia tiếp tục duy trì xuất khẩu và viện trợ phát triển từ Mỹ và phương Tây, xích lại gần Trung Quốc - quốc gia cung cấp viện trợ không điều kiện và hỗ trợ chính trị tại các diễn đàn quốc tế, đồng thời mở rộng quan hệ với Nhật Bản, EU, Hàn Quốc. Chẳng hạn, Nhật Bản được xem là "đối tác an toàn", ít gây sức ép chính trị nhưng vẫn cung cấp ODA, trong khi

EU trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhờ chương trình “Everything But Arms” (EBA). Đây là ví dụ điển hình của chiến lược "phòng bị nước đôi bất đối xứng" - một dạng hành vi đặc trưng của các nước nhỏ trong môi trường cạnh tranh nước lớn: không chọn phe hoàn toàn, nhưng sử dụng các mối liên kết để cân bằng rủi ro và tối ưu hóa không gian hành động chiến lược.

Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) cũng mang dấu ấn của Chủ nghĩa Tân hiện thực cổ điển, tức là lấy mục tiêu bảo vệ cấu trúc quyền lực nội tại làm ưu tiên cao nhất; từ chối điều kiện hóa viện trợ, bác bỏ chỉ trích từ các nước lớn, ưu tiên chủ quyền. Điều này thể hiện qua việc chính quyền Hun Sen phản ứng gay gắt trước các điều kiện hóa chính trị từ Mỹ, đặc biệt là các yêu cầu cải cách thể chế, mở rộng không gian dân chủ, hoặc thả tự do cho lãnh đạo đối lập. Trong các phát biểu chính thức, Hun Sen nhiều lần sử dụng “diễn ngôn mạnh” để khẳng định quan điểm của Campuchia như "không đánh đổi chủ quyền quốc gia lấy viện trợ, không đánh đổi hòa bình đất nước lấy viện trợ..." [Prak Chan Thul, 2018]; “...Thật kỳ lạ khi Campuchia được yêu cầu củng cố nền dân chủ, nhân quyền và pháp quyền; vậy mà khi chính quyền thực thi luật pháp, chúng tôi lại bị cáo buộc hạn chế quyền tự do ngôn luận. Tệ hơn nữa, một số quốc gia và thể chế này đã lợi dụng vấn đề nhân quyền làm con tin khi thảo luận về các khoản viện trợ hoặc ưu đãi kinh tế dành cho Campuchia. Chúng tôi vô cùng đau buồn khi biết rằng ngày nay, một số quốc gia hùng mạnh đã lợi dụng nhân quyền như một công cụ chính trị, một chuẩn mực hoạt động mới, hoặc một cái cớ để can thiệp vào các quốc gia yếu hơn, có chủ quyền, độc lập hoàn toàn và toàn vẹn lãnh thổ...” [Pru Sch, 2019]. Như vậy, đối ngoại được định nghĩa như một công cụ bảo vệ chế độ hơn là một phương tiện hội nhập quốc tế đơn thuần.

Đồng thời, Campuchia còn tận dụng triệt để các cơ chế thể chế khu vực và quốc tế như LHQ, LMI/MUSP, nhất là ASEAN để giảm áp lực từ các cường quốc bằng cách chuyển vấn đề song phương sang khung đa phương. Đây là một chiến lược phổ biến của các nước nhỏ nhằm đối trọng bất cân xứng bằng luật lệ và quy trình thể chế - thay vì bằng vật lực, điều này khá phù hợp với lý thuyết của Theo lý thuyết "trú ẩn" của Hey (2003), Bailes, Thayer, Thorshallsson (2016), Kei Koga

(2017) và Chủ nghĩa Tự do thể chế. Tuy nhiên, thực chất Campuchia sử dụng vị thế thành viên ASEAN như một “vỏ bọc” để điều hòa áp lực từ Mỹ, đặc biệt trong các vấn đề nhạy cảm như dân chủ, nhân quyền). Ngược lại, chính thái độ của Campuchia trong các cơ chế đa phương của ASEAN lại quyết định mức độ tin cậy chiến lược mà Mỹ dành cho quốc gia này. Cụ thể, quan điểm thiếu nhất quán của Campuchia về vấn đề Biển Đông trong ASEAN đã tác động ngược trở lại cách nhìn nhận của Mỹ đối với quốc gia này. Thiếu niềm tin chiến lược là một trong những nguyên nhân khiến mối quan hệ hai nước không thực sự được cải thiện về chất.

Một đặc điểm khác là việc Campuchia sử dụng "diễn ngôn" như một công cụ đối nội lẫn đối ngoại. Khi bị Mỹ chỉ trích, chính quyền Hun Sen không chỉ phản bác về mặt nội dung, mà còn triển khai một chiến lược ngôn ngữ mang tính chủ động, nhấn mạnh sự độc lập trong lựa chọn mô hình phát triển và quản trị nhà nước. Điều này giúp chính quyền củng cố hình ảnh người bảo vệ chủ quyền quốc gia trong mắt công chúng trong nước, đồng thời gửi thông điệp rằng Campuchia không chấp nhận can thiệp từ bên ngoài dưới danh nghĩa dân chủ hóa. Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Kiến tạo, đây là biểu hiện của chiến lược xây dựng bản sắc quốc gia kiểu "kháng cự" (resistant identity), giúp bù đắp cho sự thiếu hụt về quyền lực vật chất bằng cách nâng cao năng lực biểu tượng và đạo đức trong tranh luận quốc tế.

Một đặc điểm khác có thể nhìn thấy rõ đó là chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) là sự tiếp nối chính sách giai đoạn trước năm 2009 và có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh mới. Cụ thể, trong giai đoạn 2009 - 2024, mặc dù bối cảnh quốc tế và trong nước tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, nhưng nước này vẫn tiếp nối và khẳng định nguyên tắc cốt lõi xuyên suốt là bảo vệ chủ quyền, ổn định chính trị và quyền tự chủ chiến lược. Về phương thức, Campuchia vẫn tiếp nối chính sách đối ngoại “đi dây truyền thống” nhưng có sự linh hoạt và thực dụng hơn. Nếu như giai đoạn trước năm 2009, nhất là giai đoạn dưới thời N.Sihanouk, về bản chất là một chiến lược mang tính sinh tồn, trong đó Campuchia tìm cách duy trì khoảng cách tương đối với các cường quốc, tránh liên lết quân sự, không đứng vào phe nào và hạn chế tối đa sự

can dự sâu của bên ngoài vào công việc nội bộ. Trong khuôn khổ này, quan hệ với Mỹ được tiếp cận chủ yếu ở mức độ ngoại giao - biểu tượng và hợp tác hạn chế, nhằm tránh kích thích phản ứng tiêu cực từ các cường quốc khác cũng như bảo toàn không gian tự chủ chính trị của một nước nhỏ. Giai đoạn Thủ tướng Hun Sen điều hành đất nước từ năm 1985 đến năm 2009, chính sách đối ngoại với Mỹ cũng thể hiện sự kế thừa có điều chỉnh chính sách “đi dây truyền thống” của Sihanouk. Hun Sen đã tái cấu trúc quan hệ với Mỹ theo hướng thực dụng và có điều kiện, phù hợp với bối cảnh hậu Chiến tranh Lạnh và tái thiết nhà nước sau xung đột. Campuchia từng bước bình thường hóa và mở rộng hợp tác với Mỹ, coi Washington là nguồn hỗ trợ quan trọng về viện trợ phát triển, tái hòa nhập quốc tế và củng cố vị thế ngoại giao, song đồng thời chủ động giới hạn mức độ gắn kết chiến lược, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến dân chủ, nhân quyền và can thiệp vào công việc nội bộ. Hay nói cách khác, hợp tác với Mỹ để thu hút nguồn lực và tính chính danh quốc tế, nhưng tránh lệ thuộc hoặc để Mỹ trở thành nhân tố chi phối chính trị trong nước. Do đó, trong giai đoạn 1985 - 2009, quan hệ Campuchia - Mỹ mang tính vừa hợp tác vừa dè chừng, đặt nền tảng cho mô hình “phòng bị nước đôi” chủ động có chọn lọc của Campuchia đối với Mỹ trong giai đoạn sau năm 2009. Trong bối cảnh cục diện thế giới chuyển sang trạng thái cạnh tranh chiến lược rõ rệt, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Campuchia thực hiện phương thức “phòng bị nước đôi” một cách chủ động và tính toán chiến lược. Campuchia vừa duy trì, thúc đẩy, tranh thủ hợp tác có chọn lọc với Mỹ trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả chiến tranh và một số vấn đề an ninh phi truyền thống, vừa chủ động hạn chế mức độ gắn kết chính trị - an ninh với Washington nhằm tránh phụ thuộc hoặc bị điều kiện hóa. Song song với đó, Campuchia sử dụng quan hệ với các đối tác khác như một công cụ cân bằng, nhằm gián tiếp gửi tín hiệu rằng Campuchia có các lựa chọn chiến lược thay thế và không dễ bị gây sức ép.

**Thứ hai**, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) chịu tác động lớn từ nhân tố Trung Quốc. Có thể nói, Trung Quốc ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Campuchia và là nhân tố ảm đàng sau tác động đến mối quan hệ của Campuchia với Mỹ. Trung Quốc và Campuchia chính thức thiết lập

quan hệ ngoại giao vào ngày 19/7/1958 và kể từ đó đã duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ. Quan hệ hai nước đã được nâng cấp lên Đối tác hợp tác toàn diện vào năm 2006 và tiếp tục được nâng cấp lên Đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2010. Tháng 4 năm 2019, hai nước đã ký Kế hoạch Hành động 2019 - 2023 về Xây dựng Cộng đồng Chung vận mệnh Trung Quốc-Campuchia, cam kết thực hiện 31 biện pháp trên năm lĩnh vực chính: chính trị, an ninh, kinh tế, giao lưu nhân dân và hợp tác đa phương.

Thực tế, Campuchia là quốc gia Đông Nam Á nhận phần lớn viện trợ từ Trung Quốc, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư phát triển hạ tầng. Việc Trung Quốc tài trợ hàng tỷ đô la cho các dự án cơ sở hạ tầng tại Campuchia được cho là đã góp phần định hình lại cán cân ảnh hưởng trong quan hệ giữa Campuchia với các đối tác phương Tây.

Sự phụ thuộc của Campuchia và Trung Quốc về mặt kinh tế ngày càng gia tăng tác động mạnh mẽ đến chính sách đối ngoại của Campuchia - Mỹ. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều trong năm 2024 là 15,19 tỷ USD, trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc là khoảng 13,44 tỷ USD và xuất khẩu sang Trung Quốc khoảng 1,75 tỷ USD. Campuchia và Trung Quốc đã ký một hiệp định thương mại tự do (CCFTA) vào năm 2020 và có hiệu lực vào năm 2022. Trung Quốc là nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Campuchia (chiếm khoảng gần một nửa tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào năm 2024); Trung Quốc cũng là nhà cung cấp tài chính lớn, nắm giữ 42,7% nợ nước ngoài của Vương quốc vào năm 2024. Các dự án cơ sở hạ tầng và thủy điện do Trung Quốc hậu thuẫn đã mang lại một số lợi ích phát triển nhưng cũng tạo ra các vấn đề về môi trường, gây ra tham nhũng và tội phạm, đồng thời gây ra sự gián đoạn và xáo trộn trong một số cộng đồng địa phương. Đầu tư của Trung Quốc đặc biệt tập trung vào thành phố Sihanoukville và những nơi khác dọc theo Vịnh Thái Lan, với các dự án phát triển bao gồm xây dựng các khu nghỉ dưỡng du lịch và đánh bạc, khu công nghiệp, sân bay quốc tế tại Dara Sakor và cảng biển nước sâu tại tỉnh Kampot. Các nhà phân tích Mỹ bày tỏ lo ngại rằng sân bay và cảng biển có thể được sử dụng cho mục đích quân sự cũng như dân sự [Congressional Research Service, 2023].

Hơn thế nữa, mối quan hệ Trung Quốc - Campuchia ngày càng được định hình bởi chương trình nghị sự phát triển của Trung Quốc, đặc biệt là theo Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) được đưa ra vào cuối năm 2013. Trung Quốc đã đóng một vai trò có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Campuchia, tự định vị mình là đối tác đáng tin cậy nhất của Campuchia bằng cách cung cấp sự hỗ trợ vững chắc trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, việc Trung Quốc hỗ trợ nâng cấp Căn cứ Hải quân Ream là minh chứng cho cách Beijing biến quan hệ kinh tế - quân sự thành một “lá chắn chiến lược” cho Campuchia - và đây là một điểm khiến Mỹ lo ngại về quyền kiểm soát hợp tác quân sự trong khu vực.

Trung Quốc còn giúp Campuchia củng cố luận điểm chủ quyền: khi bị Mỹ chỉ trích về nhân quyền hay can thiệp chính trị, Campuchia có thể nói rằng họ có đối tác chiến lược mạnh mẽ, không “phụ thuộc vào Mỹ”, từ đó giảm áp lực ngoại giao. Diễn ngôn của Hun Sen thường đề cập đến “quan hệ sắt son không điều kiện” với Trung Quốc hoặc ca ngợi Trung Quốc là bạn bè tin cậy và thân thiết nhất của Campuchia trong bảo vệ chủ quyền và phát triển quốc gia.

Việc Campuchia thân thiết với Trung Quốc khá phù hợp quy luật của “*mô hình những quả bi a*” của Chủ nghĩa Tân hiện thực. Khi một quả bi a nhỏ là Campuchia va đập mạnh với một quả bi a lớn là Mỹ khiến Campuchia dịch chuyển tới một quả bi a lớn khác đó chính là Trung Quốc. Đây là cũng là một hành vi phổ biến của một nước nhỏ, tuy nhiên, sự dịch chuyển “lệch trục” của Campuchia đã tạo ra rào cản nhất định trong quan hệ với Mỹ.

Có thể nói, nhân tố Trung Quốc không chỉ là bối cảnh tác động ngoại sinh, mà đã trở thành nhân tố cấu trúc nội sinh trong chiến lược đối ngoại của Campuchia: nó chuyển đổi mối quan hệ Campuchia - Mỹ từ một cuộc chơi song phương đơn thuần sang một trò cân bằng chiến lược ba bên (Mỹ - Trung - Campuchia). Phnom Penh từ đó có thể chọn cách phản kháng mềm, tận dụng mối quan hệ Trung Quốc để giữ vị thế tự chủ chiến lược, đồng thời sử dụng Trung Quốc như một đòn bẩy “mặc cả” trong đối thoại với Mỹ. Chính vì thế, Trung Quốc là một trong những tác nhân không nhỏ trong mâu thuẫn giữa Campuchia và Mỹ.

**Thứ ba**, Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) mang đậm dấu ấn cá nhân của Thủ tướng Hun Sen - một nhà lãnh đạo tại vị lâu năm, kết hợp giữa sự thực dụng chiến lược, ý chí kiên định, khả năng kiểm soát quyền lực và phong cách lãnh đạo độc đoán. Từ khi lên nắm quyền, Hun Sen luôn khẳng định Campuchia nhất quán theo đuổi chính sách trung lập, không liên kết nhưng trên thực tế ông triển khai chính sách đối ngoại theo hướng “thực dụng có điều kiện”: hợp tác với Mỹ ở các lĩnh vực phi chính trị như rà phá bom mìn, giáo dục, y tế, nhưng kiên quyết phản ứng khi Washington gắn viện trợ với điều kiện dân chủ hay nhân quyền. Sự kiện giải thể CNRP năm 2017 và cuộc bầu cử năm 2018 đánh dấu đỉnh điểm căng thẳng, khi Mỹ áp đặt trừng phạt, còn Hun Sen đáp trả bằng việc tăng cường liên kết với Trung Quốc để bù đắp viện trợ và bảo vệ quyền lực nội bộ, đồng thời sử dụng diễn ngôn “chủ quyền hóa phản biện” để bác bỏ áp lực phương Tây, mô tả Mỹ như thế lực can thiệp, qua đó củng cố hình ảnh “người bảo vệ quốc gia” trong nước. Phong cách lãnh đạo “cứng rắn”, “tập quyền” khiến Campuchia khó hội nhập sâu vào các cơ chế do Mỹ dẫn dắt, nhưng lại duy trì ổn định nội bộ và chủ quyền biểu tượng. Đồng thời, tầm nhìn dài hạn của Hun Sen thể hiện qua chiến lược “trung lập linh hoạt”: duy trì quan hệ tối thiểu với Mỹ để đảm bảo kênh hợp tác kinh tế, song ưu tiên quan hệ chiến lược với Trung Quốc như nguồn bảo trợ chủ yếu. Dù chịu ảnh hưởng Phật giáo trong tư tưởng chính trị, Hun Sen vận dụng tinh thần “trung đạo” theo hướng thực dụng - không liên kết, nhưng không trung lập tuyệt đối, sẵn sàng nghiêng về bên mang lại lợi ích thiết thực nhất.

Tổng thể, chính sách đối ngoại của Campuchia dưới thời Hun Sen là sự pha trộn giữa “cá nhân hóa quyền lực” và “chủ nghĩa hiện thực phòng thủ”, nơi mọi tính toán đối ngoại - bao gồm với Mỹ - đều quy chiếu về mục tiêu tối thượng: duy trì ổn định chính trị và quyền lực chế độ. Sự kết hợp giữa diễn ngôn chủ quyền mạnh mẽ, thực dụng chiến lược và linh hoạt chiến thuật đã tạo nên một mô hình đối ngoại mang đậm dấu ấn cá nhân Hun Sen, vừa đảm bảo sinh tồn trong cấu trúc cạnh tranh Mỹ - Trung, vừa tối đa hóa được lợi ích trong hợp tác ở một lĩnh vực ít nhạy cảm chính trị với Mỹ nhưng vừa khiến Campuchia đánh mất cơ hội hình thành quan hệ đối tác bền vững với Mỹ trong dài hạn.

**Thứ tư**, mặc dù chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ có những điều chỉnh trong suốt giai đoạn 2009 - 2024 nhưng mối quan hệ giữa hai bên vẫn tồn tại những căng thẳng do thiếu lợi ích chung và bất đồng quan điểm. Lý do đầu tiên là cả hai chính phủ đều có quan điểm khác nhau về thuật ngữ “can thiệp nội bộ”. Hơn nữa, nhiều sự kiện lịch sử liên quan đến Mỹ đã ảnh hưởng đến lập trường chính trị của Thủ tướng Campuchia (bao gồm cả nguyên nhân gây ra nội chiến, ném bom giết người, hỗ trợ nhóm kháng chiến Khmer Đỏ và lệnh trừng phạt đối với chế độ Phnom Penh vào những năm 1980). Các phát ngôn chỉ trích chính sách của Mỹ từ Thủ tướng Hun Sen cho thấy một lập trường cứng rắn và ít thiện chí, phản ánh mức độ tin cậy chiến lược thấp giữa hai bên. Tất cả đều tác động đến giao tiếp giữa các nhà lãnh đạo của cả hai nước và mối quan hệ song phương. Lý do thứ hai là tính toán sai lầm về chính sách đối ngoại của Mỹ đã khiến Chính phủ Campuchia xa lánh Washington. Do đó, Thủ tướng Hun Sen và Đảng cầm quyền của ông coi Trung Quốc là một người bạn đáng tin cậy, có thể chia sẻ lợi ích và sự tôn trọng lẫn nhau. Hơn nữa, ngay cả khi Campuchia nỗ lực mở rộng hợp tác với Mỹ, một số chính trị gia Mỹ vẫn có tâm lý tiêu cực về Campuchia liên quan đến mối quan hệ “khép kín” với Trung Quốc, nhưng thực tế Campuchia đã phải vật lộn để cân bằng giữa hai siêu cường này. Lý do thứ ba là về lợi ích chung: Mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ thiếu chiều sâu chiến lược do hai nước không chia sẻ nhiều lợi ích chiến lược dài hạn. Trong bối cảnh đó, các vấn đề như dân chủ và nhân quyền thường trở thành điểm xung đột chính. Nếu Campuchia ngày càng thể hiện vai trò trong các cấu trúc khu vực hoặc chuỗi cung ứng toàn cầu, điều này có thể tạo động lực mới cho hợp tác, đồng thời mở rộng không gian đối thoại về các khác biệt chính trị.

## **4.2. Kết quả triển khai chính sách**

### **4.2.1. Kết quả đạt được**

Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) phản ánh một chiến lược ngoại giao linh hoạt và thực dụng của một nước nhỏ trong bối cảnh địa chính trị phức tạp ở Đông Nam Á. Sau thời kỳ bất ổn chính trị và cô lập quốc tế trong những thập niên trước, Campuchia dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Sen (cho đến năm 2023) và sau đó là Hun Manet đã nỗ lực xây dựng một chính sách đối

ngoại linh hoạt nhằm cân bằng giữa lợi ích quốc gia, áp lực từ các cường quốc và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Giai đoạn này chứng kiến sự tăng cường hợp tác song phương giữa Campuchia và Mỹ trên nhiều lĩnh vực, bao gồm kinh tế, quốc phòng, giáo dục và giao lưu văn hóa dù không tránh khỏi những thách thức liên quan đến khác biệt về hệ giá trị và sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Những kết quả đạt được trong việc triển khai chính sách đối ngoại với Mỹ không chỉ phản ánh tư duy chiến lược linh hoạt, chủ động của Campuchia mà còn thể hiện khả năng thích ứng của nước này trước những biến động quốc tế, từ khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 - 2009 đến sự thay đổi trong cục diện thế giới trong hai thập niên gần đây của thế kỷ XXI. Campuchia là một ví dụ cho mô hình chính sách đối ngoại của các nước nhỏ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc. Việc Campuchia khéo léo “phòng bị nước đôi” trong quan hệ với Mỹ đã giúp Campuchia, về cơ bản, đã đạt được mục tiêu đối ngoại: không chỉ bảo vệ được độc lập, chủ quyền mà còn tối đa hóa lợi ích phát triển trong một thế giới ngày càng bất định. Có thể kể đến một số kết quả cụ thể như sau:

*Một là, thúc đẩy hợp tác kinh tế, duy trì và mở rộng được thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng chủ lực của Campuchia.* Một thành tựu quan trọng nhất từ kết quả triển khai chính sách đối ngoại với Mỹ là Campuchia thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại, tạo động lực tăng trưởng bền vững. Sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009, Campuchia tìm cách củng cố nền kinh tế xuất khẩu để thoát khỏi tình trạng kém phát triển bằng cách tận dụng thị trường Mỹ như một điểm đến chiến lược cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đặc biệt là dệt may - ngành chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc gia. Hiệp định thương mại song phương được ký kết vào năm 1996, cùng với việc Mỹ đưa Campuchia ra khỏi danh sách đen thương mại năm 2009 và việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế quan GSP, đã tạo nên tăng quan trọng để Campuchia thúc đẩy hợp tác kinh tế với Mỹ. Kết quả là kim ngạch xuất khẩu của Campuchia sang thị trường Mỹ từ khoảng hơn 2 tỷ USD năm 2009 lên khoảng gần 13 tỷ USD năm 2024, chiếm hơn 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Hiện nay, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia với các mặt hàng dệt may, da giày, xe đạp, đồ điện tử, túi xách du lịch. Sự tăng trưởng

này không chỉ mang lại nguồn thu ngoại tệ quan trọng mà còn thúc đẩy Campuchia cải cách thể chế kinh tế trong nước, cải thiện tiêu chuẩn lao động và sản xuất để đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của thị trường Mỹ. Hay nói cách khác, kinh nghiệm hợp tác thương mại với Mỹ giúp Campuchia nâng chuẩn mực lao động và kiểm soát chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, từ đó, Campuchia có năng lực để tiến tới ký kết các hiệp định thương mại tự do với các đối tác khác, cũng như mở rộng xuất khẩu sang các thị trường khó tính như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc...

*Hai là, thu hút được nguồn viện trợ để phát triển đất nước.* Thông qua công cụ ngoại giao, Campuchia cũng thu hút được viện trợ từ Mỹ trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường....để xóa đói, giảm nghèo và phát triển bền vững đất nước. Campuchia đã tranh thủ được sự hỗ trợ rất lớn từ USAID trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo sinh kế cho người dân ở nông thôn. Từ năm 2009, USAID đã triển khai nhiều dự án nhằm nâng cao năng lực cho các ngành nông nghiệp, du lịch và sản xuất bền vững. Chẳng hạn, chương trình “Feed the Future Cambodia HARVEST” bắt đầu được Mỹ triển khai từ năm 2010 với nhiều dự án khác nhau đã giúp ngành nông nghiệp Campuchia nâng cao năng lực, cải thiện năng suất và mở rộng chuỗi cung ứng cho các mặt hàng như gạo thơm, hạt điều giúp Campuchia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Theo Báo cáo của USAID, chương trình này đã hỗ trợ hơn 50.000 nông dân Campuchia, góp phần tăng thu nhập hộ gia đình lên 20% trong vòng một thập niên. Những kết quả này không chỉ cải thiện đời sống cho nông dân Campuchia mà còn hỗ trợ mục tiêu dài hạn của Campuchia nhằm thoát khỏi danh sách các quốc gia kém phát triển (LDC) vào năm 2029 [Royal Government of Cambodia, 2019].

Campuchia đã tiếp cận được với các chương trình đào tạo và học bổng do Mỹ tài trợ như Fullbright, chương trình Tiếng Anh... Theo Báo cáo của Đại sứ quán Mỹ tại Campuchia, trong giai đoạn 2009 - 2024, hơn 2000 sinh viên Campuchia được đào tạo tại Mỹ, nhiều người trong số họ sau đó trở về đóng góp cho các lĩnh vực kinh tế, quản trị công và giáo dục tại Campuchia [U.S.Embassy in Cambodia, 2024b]. Bên cạnh đó, các tổ chức phi chính phủ có tài trợ từ Mỹ đóng góp tích cực vào lĩnh vực như phòng chống HIV/AIDS, giáo dục giới tính, bảo vệ trẻ em, cải cách quản trị

công... Mặc dù Chính phủ Campuchia có lúc hạn chế hoạt động của các tổ chức này nhưng không thể phủ nhận rằng sự hiện diện của các chương trình hợp tác nhân đạo và giáo dục Mỹ đã góp phần nâng cao năng lực con người và xã hội dân sự Campuchia. Nhờ những cải thiện trong y tế, giáo dục và kinh tế, Campuchia đã đạt được những thành tựu bước đầu trong phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ số HDI từ 0,538 năm 2009 tăng lên 0,606 năm 2023; quy mô GDP tăng từ 12,5 tỷ USD năm 2009 lên 46,35 tỷ năm 2024; GDP bình quân thu nhập đầu người tăng từ 875,7 USD năm 2009 lên 2,627 USD năm 2024 [World Bank Group, 2024]. Dù tốc độ tăng có phần chậm hơn so với một số nước láng giềng nhưng cũng phản ứng được sự phát triển từng bước của Campuchia, trong đó có sự đóng góp của chính sách đối ngoại nói chung và với Mỹ nói riêng. Ngoài ra, Campuchia đã thu được sự hỗ trợ của Mỹ trong các dự án bảo tồn văn hóa, nổi bật là việc trùng tu các di sản Angkor Wat thông qua Quỹ Đại sứ bảo tồn văn hóa. Từ năm 2010 đến năm 2024, Mỹ đã đầu tư hơn 10 triệu USD vào các dự án này, từ đó, góp phần giúp quốc gia này không chỉ bảo vệ di sản văn hóa mà còn thúc đẩy du lịch, một ngành kinh tế quan trọng của Campuchia [U.S.Department of State, 2023b]. Những nỗ lực này đã củng cố mối quan hệ nhân dân giữa hai quốc gia, vượt qua những khác biệt chính trị và lịch sử, đồng thời góp phần xây dựng hình ảnh Campuchia như một quốc gia cởi mở và hội nhập.

*Ba là, bảo vệ được độc lập, tự chủ và an ninh quốc gia.* Trước hết, trong giai đoạn 2009 - 2024, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đã thể hiện một chiến lược cân bằng tinh tế giữa các cường quốc nhằm bảo vệ độc lập, tự chủ và an ninh quốc gia trong bối cảnh địa chính trị khu vực Đông Nam Á ngày càng phức tạp. Với sự trỗi dậy của Trung Quốc như một đối tác kinh tế và chính trị chủ đạo, cùng với ảnh hưởng truyền thống của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Campuchia đã phải điều chỉnh chính sách đối ngoại để không chỉ duy trì chủ quyền mà còn tận dụng các cơ hội từ cả hai siêu cường này. Sự thành công của chiến lược này không chỉ nằm ở khả năng tránh bị cuốn vào cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc, mà còn ở việc Campuchia đã nâng cao được vai trò của mình trong các cơ chế khu vực như ASEAN, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia trước áp lực từ các cường quốc.

Sự thành công của Campuchia trong quan hệ với Mỹ nằm ở khả năng giữ thế cân bằng với Trung Quốc và các cường quốc khác. Điều này được thể hiện qua ba khía cạnh chính: ngoại giao kinh tế, chính sách an ninh và vai trò trong các định chế đa phương. Thứ nhất, về kinh tế, Campuchia đã tận dụng viện trợ và đầu tư từ cả Mỹ và Trung Quốc để thúc đẩy phát triển mà không phụ thuộc hoàn toàn vào một bên. Ví dụ, trong khi Trung Quốc tài trợ các dự án lớn như đường cao tốc Phnom Penh - Sihanoukville (hoàn thành năm 2022), Mỹ lại hỗ trợ các chương trình đào tạo lao động và phát triển nông nghiệp, giúp Campuchia đa dạng hóa nền kinh tế. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2024) cho thấy GDP của Campuchia tăng từ 12,5 tỷ USD năm 2009 lên 46,35 tỷ USD năm 2024, một phần nhờ chiến lược này. Thứ hai, về an ninh, Campuchia đã tránh cam kết quân sự sâu rộng với bất kỳ cường quốc nào. Một mặt, Campuchia tiếp nhận viện trợ quân sự và đào tạo từ Mỹ, tổ chức các cuộc tập trận chung như “Angkor Sentinel” (2010 - 2016) nhằm thể hiện cam kết hợp tác an ninh khu vực. Mặt khác, Campuchia đã tiến hành nhiều cuộc tập trận quân sự chung và tăng cường hợp tác quốc phòng với Trung Quốc. Sự hợp tác này nhằm nâng cao năng lực của Quân đội Hoàng gia Campuchia và thể hiện mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước. Mặc dù việc tập trận chung với Mỹ bị tạm dừng từ năm 2017 nhưng Campuchia vẫn duy trì hợp tác hạn chế với Mỹ qua các chương trình huấn luyện và trao đổi quân sự. Những năm gần đây, dù cho phép Trung Quốc tiếp cận căn cứ quân sự Ream nhưng Campuchia không tham gia các liên minh quân sự chính thức với Bắc Kinh. Điều này phù hợp với lập trường trung lập, không liên kết của Campuchia, giúp nước này tránh bị lôi kéo vào các cuộc đối đầu trực tiếp giữa Mỹ và Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Từ năm 2021 trở lại đây, khi Mỹ bắt đầu quay lại Đông Nam Á mạnh mẽ hơn qua FIOP và cạnh tranh gay gắt với Trung Quốc, Campuchia bày tỏ thiện chí nối lại hợp tác quân sự với Mỹ và cho phép một số hình thức hỗ trợ nhân đạo hoặc huấn luyện phi chiến đấu.

Hơn nữa, trong quan hệ với Mỹ (2009 - 2024), trước những cáo buộc của Mỹ về vấn đề dân chủ, nhân quyền và những chỉ trích về việc quan hệ quá thân thiết với Trung Quốc, Campuchia đã có những thích ứng khá tính toán. Một mặt, Campuchia

phản ứng rất gay gắt trước những cáo buộc Mỹ, cho rằng Mỹ can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của Campuchia cũng như đang có âm mưu thực hiện cuộc “cách mạng màu” và luôn khẳng định Campuchia thực hiện chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết, Campuchia không chọn bên, mà mong muốn hợp tác với tất cả các quốc gia. Dù phản ứng mạnh, Hun Sen không cắt đứt quan hệ với Mỹ, ngược lại vẫn giữ kênh đối thoại mở: Campuchia vẫn duy trì hợp tác kinh tế - viện trợ nhân đạo với Mỹ; vẫn tham gia các sáng kiến như LMI do Mỹ dẫn dắt; Campuchia bỏ phiếu ủng hộ Ukraine tại LHQ (năm 2022) - quyết định mà chính Bộ Ngoại giao Mỹ hoan nghênh như tín hiệu cải thiện quan hệ. Mặt khác, song song với các tuyên bố cứng rắn, Campuchia tăng cường quan hệ với Trung Quốc để có “hậu phương địa chính trị”, duy trì vai trò trung lập trong ASEAN, tận dụng cơ chế đồng thuận khu vực để hạ nhiệt căng thẳng với Mỹ. Tranh thủ mọi cơ hội như vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2022, bên lề các cuộc họp tại LHQ, lãnh đạo Campuchia luôn bày tỏ thiện chí cải thiện mối quan hệ hai nước và thể hiện Campuchia vẫn là đối tác đối thoại chứ không đối đầu. Đối với Campuchia, việc bác bỏ sự “áp đặt tiêu chuẩn dân chủ kiểu Mỹ” và cảnh báo Mỹ không được “can thiệp vào công việc nội bộ” chính là cách giữ gìn không gian chính trị độc lập của một nhà nước có chủ quyền. Thậm chí, Campuchia sẵn sàng chấm dứt một số chương trình viện trợ hoặc hợp tác với Mỹ khi cảm thấy chủ quyền bị xâm phạm.

Như vậy, dù mâu thuẫn ở mức độ nào, Campuchia cũng không tuyệt giao với Mỹ, mà ngược lại, luôn duy trì kênh đối thoại, hợp tác thực chất và linh hoạt thông qua các cơ chế như ASEAN, LHQ hay LMI, phản ánh đúng bản chất của chính sách “phòng bị nước đôi” - vừa hợp tác vừa phòng bị. Campuchia tiếp tục tham gia các sáng kiến do Mỹ dẫn dắt, bỏ phiếu lên án Nga tại LHQ (năm 2022) - một động thái hiếm có trong khu vực Đông Nam Á - và vẫn tiếp nhận các chương trình hỗ trợ y tế, giáo dục, giảm nghèo từ phía Mỹ. Đây không phải là sự “xoay trục”, mà là chiến lược giữ thăng bằng: đối trọng mà không đối đầu, bảo vệ lập trường mà vẫn giữ cửa đối thoại. Nhờ đó, trong suốt giai đoạn 2009 - 2024, Campuchia vừa không bị cuốn vào vòng xoáy đối đầu Mỹ - Trung, vừa bảo vệ được độc lập, tự chủ, quyền tự quyết trong chính sách đối nội và đối ngoại.

Bốn là, nâng cao vị thế quốc gia, củng cố vai trò của Campuchia trong ASEAN và tiểu vùng Mekong. Mặc dù quan hệ Campuchia - Mỹ có những diễn biến không ổn định nhưng Campuchia vẫn duy trì vai trò tích cực trong các sáng kiến khu vực do Mỹ dẫn dắt như LMI và sau này là MUSP. Campuchia đã đăng cai các hội nghị cấp cao liên quan đến Tiểu vùng, đóng góp vào định hình chính sách phát triển bền vững, an ninh nguồn nước và chống biến đổi khí hậu - những vấn đề Mỹ đặc biệt quan tâm trong FOIP.

Hơn nữa, trong vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2012 và năm 2022, Campuchia đã điều tiết quan hệ nội khối để đảm bảo Mỹ tiếp tục tham gia các diễn đàn như ARF, EAS, ADMM+, duy trì cấu trúc khu vực “mở và bao trùm”. Điều này cho thấy, bất chấp khác biệt song phương, Campuchia vẫn đóng vai trò nhất định trong việc duy trì liên kết chiến lược giữa Mỹ và ASEAN. Cụ thể, năm 2022, với tư cách là Chủ tịch ASEAN, Campuchia đã tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 55 (AMM-55) tại Phnom Penh, đóng vai trò trung gian trong các vấn đề khu vực như khủng hoảng Myanmar và tranh chấp Biển Đông. Sự tham gia tích cực này không chỉ củng cố hình ảnh của Campuchia như một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, mà còn giúp nước này cân bằng giữa áp lực từ Trung Quốc và kỳ vọng từ các đối tác phương Tây như Mỹ. Campuchia luôn xem trọng việc Mỹ, công nhận và tôn trọng thể chế chính sách và chính sách nội bộ của mình, qua đó gián tiếp thừa nhận tính chính danh của chính quyền hiện tại trên trường quốc tế. Việc Tổng thống Mỹ B.Obama thăm Campuchia năm 2012 nhân Hội nghị East Asia Summit hay các cuộc gặp song phương bên lề các hội nghị quốc tế đều được Campuchia tận dụng để củng cố hình ảnh một đối tác bình đẳng với các cường quốc. Ngoài ra, Campuchia cũng từng đứng về phía đồng thuận quốc tế do Mỹ dẫn dắt trong một số vấn đề, nhằm thể hiện mình là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Chẳng hạn, năm 2022 Campuchia bỏ phiếu ủng hộ Nghị quyết của LHQ lên án chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine, động thái được cho là phù hợp với lập trường của Mỹ và phương Tây, qua đó thể hiện Campuchia tôn trọng luật pháp quốc tế và độc lập chủ quyền của các nước. Những

bước đi này phục vụ mục tiêu dài hạn là cải thiện hình ảnh, vị thế của Campuchia trên trường quốc tế, tránh bị xem là “vệ tinh” hoàn toàn của bất kỳ cường quốc nào.

Một lần nữa có thể khẳng định, trong giai đoạn 2009 - 2024, Campuchia đã đạt được những mục tiêu đối ngoại cơ bản với Mỹ, thể hiện năng lực thích ứng của một quốc gia nhỏ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc. Trên nền tảng chính sách “phòng bị nước đôi” - vừa tranh thủ quan hệ hợp tác với Mỹ để phát triển kinh tế, vừa giữ vững quan hệ truyền thống với Trung Quốc, Campuchia đã từng bước duy trì được thế cân bằng chiến lược, tránh bị cuốn vào xung đột địa chính trị mà vẫn tối ưu hóa được lợi ích quốc gia.

#### ***4.2.2. Những vấn đề đặt ra***

**Thứ nhất**, vấn đề dân chủ nhân quyền là thách thức chính trong chính sách của Campuchia với Mỹ. Mỹ đã bày tỏ lo ngại về sự suy thoái dân chủ, đàn áp phe đối lập chính trị và hạn chế quyền tự do báo chí của Campuchia. Mối quan hệ song phương giữa Campuchia và Mỹ đã bị ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt và đình chỉ chương trình viện trợ phát sinh từ những lo ngại này.

Vào tháng 9/2017, ông Kem Sokha, lãnh đạo Đảng đối lập CNRP, đã bị bắt vì tội phản quốc do âm mưu với Mỹ lật đổ Chính phủ hợp pháp bằng “cách mạng màu”. Chính phủ nhận thấy rằng “cách mạng màu” là một dạng phản đối nhằm lật đổ Chính phủ hợp pháp ra đời từ cuộc bầu cử dân chủ, vì vậy loại phản đối này sẽ gây ra bất ổn và rối loạn xã hội, chính trị và vi phạm Hiến pháp của Vương quốc. Từ video của ông Kem Sokha được chia sẻ trên Facebook, ông công khai tuyên bố rằng Mỹ đã đưa ra cho ông một số chỉ dẫn để thành công trong việc thay đổi chế độ (Julia Wallace, 2017). Ông được yêu cầu rời khỏi chính trường một thời gian để thành lập một tổ chức phi chính phủ hoạt động về nhân quyền và ông được giới thiệu, đào tạo về thay đổi lãnh đạo dựa trên cách tiếp cận đã áp dụng ở Nam Tư cũ (Sự thay đổi chính phủ ở Nam Tư không phải thông qua cuộc bầu cử dân chủ mà là các cuộc biểu tình trên đường phố). Chính phủ Campuchia cho rằng vụ bắt giữ không nhằm mục đích phá hoại không gian dân chủ mà là để thực thi pháp quyền và bảo vệ chủ quyền của Campuchia cũng như duy trì hòa bình và ổn định.

**Thứ hai,** các cuộc bầu cử của Campuchia là một yếu tố gây căng thẳng trong quan hệ với Mỹ và phương Tây, đặc biệt là bầu cử vào năm 2013 và năm 2018. Đối với cuộc bầu cử năm 2018, đây là thời kỳ căng thẳng Campuchia và Mỹ leo thang mạnh mẽ. Ngày 29/07/2018, Campuchia tiến hành bầu cử Quốc hội nhiệm kỳ VI (2018 - 2023), đây có thể coi là cuộc bầu cử mang tính chất then chốt đối với không chỉ ông Hun Sen và CPP. Cho nên, các đảng phái chính trị ở Campuchia đã chuẩn bị điều kiện tốt nhất để có thể chiến thắng trong cuộc bầu cử đó. Tuy nhiên, kết quả bầu cử đã chịu tác động rất lớn từ những nhân tố bên ngoài, đặc biệt là nhân tố Trung Quốc và phương Tây, đứng đầu là Mỹ. Có thể thấy, diễn biến chính trường Campuchia ra sao, phụ thuộc rất nhiều vào sự tương tác giữa Trung Quốc và phương Tây, đứng đầu là Mỹ.

Mục tiêu của Mỹ và phương Tây đối với bầu cử Campuchia thể hiện ở những khía cạnh sau: *Một là,* ngăn chặn Hun Sen tiếp tục trở thành Thủ tướng của Campuchia nhằm đảm bảo các giá trị về dân chủ, nhân quyền kiểu phương Tây được thực thi ở khu vực, đồng thời không để “nhân tố Campuchia” lan tràn khắp Đông Nam Á, rộng ra là các quốc gia thuộc thế giới Á - Phi. *Hai là, nhằm vào nhân tố Trung Quốc và gia tăng can dự ở khu vực.* Nhìn từ góc độ địa chính trị, ý đồ của phương Tây là loại bỏ ông Hun Sen, từ đó loại bỏ được lực lượng thân Trung Quốc ở Campuchia, khiến cho Campuchia phát triển theo con đường kiểu phương Tây, cho nên phương Tây tích cực ủng hộ CRNP. *Ba là, ủng hộ cho những nhân tố thân Mỹ và phương Tây gia tăng hiện diện ở Campuchia như Nhật Bản, Đài Loan.* Trong những năm gần đây, nhân tố phương Tây, đứng đầu là Mỹ, ngày càng suy giảm vai trò ở Campuchia, đồng thời nhân tố Đài Loan cũng ngày càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận ở Campuchia.

**Thứ ba,** cách thức Mỹ và phương Tây can thiệp vào vấn đề chính trị Campuchia: *Một là, biện pháp truyền thống là cắt giảm viện trợ và cấm vận.* Có thể thấy, cấm vận và cắt giảm viện trợ là biện pháp mà Mỹ và phương Tây hay sử dụng trong việc gây sức ép đối với những chính quyền mà đi ngược lại những lợi ích của họ, trong trường hợp của Campuchia cũng vậy. Trước những động thái mà Thủ tướng Hun Sen nhằm vào lực lượng đối lập - lực lượng đại diện cho lợi ích của Mỹ

và phương Tây ở Campuchia, theo đó chính quyền của ông Hun Sen đã ngay lập tức đối diện với việc bị phương Tây cấm vận (từng phần) và cắt giảm viện trợ. Điển hình như ngày 17/11/2017, Mỹ tuyên bố ngừng viện trợ cho cuộc bầu cử của Campuchia năm 2018. Tiếp đến, ngày 12/6/2018, Bộ Tài chính Mỹ tuyên bố lệnh trừng phạt chống lại tướng Hing Bun Hieng, tư lệnh Lực lượng cận vệ Thủ tướng Hun Sen, đơn vị có hàng ngàn binh sĩ. Lệnh trừng phạt cáo buộc tướng Hing Bun Hieng tham gia vào các vụ vi phạm nhân quyền nghiêm trọng trong 21 năm qua (George Wright, 2018). Với lệnh cấm vận này, vị tướng của Campuchia sẽ không được quyền truy cập vào bất kỳ tài sản nào của mình trên lãnh thổ nước Mỹ. Bên cạnh việc cấm vận về kinh tế, Mỹ và phương Tây cũng thực hiện việc cấm vận đối với nhiều lãnh đạo cấp cao của Campuchia. *Hai là*, kêu gọi “*cách mạng màu*” ở Campuchia. Ủng hộ lực lượng đối lập thân Mỹ và phương Tây thực hiện “*cách mạng màu*” là cách thức mà Mỹ và phương Tây hướng tới đối với chính trường Campuchia. Trong bối cảnh tương tác quyền lực ở Campuchia như hiện nay thì việc xuất hiện một cuộc “*cách mạng màu*” ở nước này là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Do vậy, nhằm ngăn chặn nguy cơ đối với mình, ông Hun Sen đã đi trước một bước là ngăn chặn các hành động có thể tạo ra “*cách mạng màu*” của CNRP. *Ba là*, ủng hộ các lực lượng đối lập ở Campuchia ở trong, ngoài nước và tấn công vào vấn đề dân chủ nhân quyền. Mỹ và phương Tây liên tục có những động thái chỉ trích chính Thủ tướng Hun Sen và Chính phủ của ông trong việc vi phạm dân chủ và nhân quyền khi tiến hành các hành động nhằm vào lực lượng đối lập CNRP. Các quốc gia phương Tây cũng đã kêu gọi cộng đồng quốc tế có những bước đi thích hợp nhằm ngăn chặn việc chính phủ Campuchia được cho là vi phạm dân chủ và nhân quyền ở nước này. EU đã bày tỏ quan ngại về sự xói mòn các quyền dân chủ và cảnh báo những hậu quả kinh tế mà nước này phải đối mặt. Trong khi đó, Mỹ đã rút lại toàn bộ khoản tiền tài trợ cho Ủy ban Bầu cử Quốc gia với lập luận rằng cuộc bầu cử năm 2018 sẽ không công bằng và minh bạch<sup>3</sup>. *Bốn là*, gây sức ép trong các diễn đàn song phương và đa phương. Mỹ và phương Tây phản ứng mạnh mẽ trước

---

<sup>3</sup> Mỹ và EU có tầm quan trọng lớn đối với Campuchia với các thị trường nhập khẩu chiếm khoảng 65% lượng hàng hóa của nước này. Những ảnh hưởng trong việc Mỹ và EU rút lại các khoản hỗ trợ tài chính có thể gây tổn hại cho đời sống người dân tại đây.

hành động của Chính phủ Campuchia trong việc bắt giữ Kem Sokha. Với việc bắt giữ Kem Sokha với tội danh “âm mưu phản quốc”, vì đã “câu kết với nước ngoài” (ám chỉ là Mỹ). Phía Mỹ đã có những phản ứng mạnh mẽ đối với hành động này của Hun Sen. Đồng thời, giới truyền thông phương Tây cũng lên tiếng chỉ trích mạnh mẽ đối với hành động này của Chính phủ ông Hun Sen. Phương Tây cũng đã lợi dụng một số diễn đàn đa phương để chỉ trích và kêu gọi cộng đồng quốc tế gia tăng sức ép đối với Hun Sen. *Năm là*, huỷ bỏ viện trợ cho Campuchia bầu cử và không thừa nhận kết quả bầu cử. Giới hạn lớn nhất mà Mỹ và phương Tây có thể làm được đó là khiến cho cuộc bầu cử của Campuchia khó có thể tiến hành được. Mỹ và EU đã dừng lại cam kết cung cấp viện trợ cho Campuchia, trong đó bao gồm cả cách thức kỹ thuật bỏ phiếu. Cái có mà Mỹ và EU dừng viện trợ đó là việc Tòa án Tối cao Campuchia đã dựa theo yêu cầu của Chính phủ Campuchia phán quyết CNRP không được tham gia bầu cử. Việc Mỹ huỷ bỏ tài trợ cho bầu cử ở Campuchia đồng nghĩa với việc phương Tây đang tìm cách gây khó khăn cho công tác bầu cử và tiến tới kêu gọi cộng đồng quốc tế không thừa nhận kết quả bầu cử của nước này.

**Thứ tư**, vấn đề chính trị ở Campuchia thực tế là một yếu tố trung gian, là công cụ để Mỹ và phương Tây can thiệp vào khu vực Đông Nam Á. Có thể thấy, mặc dù Mỹ và phương Tây gia tăng gây sức ép đối với Thủ tướng Hun Sen và Chính phủ của ông, song phương Tây cũng có những giới hạn nhất định trong việc can thiệp vào chính trường Campuchia, nhất là bầu cử ngày 29/7/2018, điều này thể hiện ở những điểm sau: *Một là*, Campuchia (cũng như Lào) chưa phải là mối quan tâm hàng đầu của Mỹ và phương Tây ở khu vực Đông Dương mở rộng ra là Đông Nam Á lục địa, mà mức độ quan tâm nhiều hơn là Việt Nam, thứ đến là Myammar và Thái Lan. Cho nên, mức độ quyết liệt trong phản ứng của Mỹ và phương Tây sẽ không lớn. Bên cạnh đó, Mỹ và phương Tây có nhiều mối quan tâm quan trọng hơn ở khu vực Đông Nam Á mở rộng ra là châu Á - Thái Bình Dương, chẳng hạn như vấn đề điều chỉnh chính sách đối ngoại của Philippines và Indonesia đang không có lợi cho Mỹ, vấn đề Biển Đông, vấn đề hạt nhân bán đảo Triều Tiên. *Hai là*, việc Mỹ và phương Tây có thể áp đặt lệnh cấm vận lên Campuchia, nhưng khó có thể đẩy

nước này vào con đường cùng bởi đằng sau Campuchia là nhân tố Trung Quốc có thể bù đắp lại những khoản thiệt hại mà Mỹ và phương Tây gây ra cho quốc gia này. Cắt đứt hỗ trợ phát triển kèm theo các biện pháp trừng phạt kinh tế có thể gây phương hại đến Campuchia, song chúng không nhất thiết buộc Campuchia phải thay đổi hành động trước khi diễn ra cuộc tổng tuyển cử. Trước hết, các biện pháp trừng phạt hiếm khi có tác dụng. Các biện pháp trừng phạt hiệu quả đòi hỏi việc triển khai hàng loạt chiến lược gắn kết với nhau cũng như sự hợp tác với tất cả các bên tham gia, bao gồm các chủ thể là quốc gia và phi quốc gia. Thế nhưng, điều này không đúng với Campuchia khi Phnom Penh có mối quan hệ kinh tế - thương mại đa dạng và quan hệ gần như “đồng minh” với Trung Quốc [Bnews, 2017]. Trong khi đó, các đồng minh khác của Mỹ như Nhật Bản thì tỏ ra không để ý đến vấn đề chính trị nội bộ Campuchia mà vẫn tiếp tục tìm kiếm cơ hội gia tăng hợp tác với Phnom Penh, thậm chí tiếp tục ủng hộ bầu cử của Campuchia. Mặt khác, mặc dù Mỹ tuyên bố cắt giảm viện trợ nhưng không phải cắt giảm toàn bộ. Mỹ tuyên bố sẽ chấm dứt hoặc tạm ngừng các chương trình viện trợ của Bộ Tài chính, USAID và quân đội Mỹ dành cho Campuchia. Tuy nhiên, phía Mỹ khẳng định sẽ tiếp tục tài trợ một số dự án tại quốc gia này, bao gồm các lĩnh vực y tế, nông nghiệp và rà phá bom mìn. Rõ ràng, Mỹ cũng nhìn rõ cục diện chính trị Campuchia sắp tới sẽ diễn tiến ra sao và Washington cũng không muốn cắt đứt quan hệ hoàn toàn với Campuchia trong bối cảnh hiện tại. *Ba là*, nhiều chính quyền trong khu vực được cho là “vi phạm” tự do dân chủ và nhân quyền của phương Tây nhưng không bị trừng phạt như trường hợp đảo chính ở Thái Lan năm 2014, cuộc chiến chống ma túy của Tổng thống Philippines Duterte. Chính vì vậy, Thủ tướng Hun Sen cho rằng Chính phủ của ông không thể trở thành mục tiêu của Mỹ và phương Tây nhắm vào. Theo như nhận xét của một nghị sĩ thuộc CNRP trước đây là Mao Monyvann cho rằng: “vấn đề tồi tệ nhất ở chỗ, Hun Sen nhìn từ xung quanh phát hiện ra rằng Trung Quốc ủng hộ ông, Mỹ cũng không trừng phạt các quốc gia châu Á khác có những hoạt động tương tự, cho nên Hun Sen tiếp tục trấn áp” [Hannah Beech, 2018]. *Bốn là*, Trung Quốc sẽ không từ bỏ việc chi phối chính trường Campuchia với việc ủng hộ Hun Sen và CPP. Cho nên, trong trường hợp Mỹ và các nước

phương Tây gia tăng áp lực chính trị đối với Thủ tướng Hun Sen và Chính phủ Campuchia, Trung Quốc nhiều khả năng sẽ tăng cường hỗ trợ nhằm duy trì ổn định ảnh hưởng tại nước này. Bắc Kinh được xem là đối tác hậu thuẫn quan trọng của Campuchia, cả về chính trị lẫn kinh tế và từng thể hiện quan điểm công khai ủng hộ Chính phủ đương nhiệm. Tuy nhiên, lợi ích giữa Mỹ và Trung Quốc mang tính toàn cầu và có sự phụ thuộc lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực chiến lược. Vì vậy, Campuchia không phải là ưu tiên hàng đầu trong các trao đổi song phương giữa hai nước lớn. Mức độ can dự của Trung Quốc và sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Campuchia có thể chịu ảnh hưởng từ các động lực chiến lược lớn hơn, bao gồm cạnh tranh tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và ổn định khu vực Mekong.

**Thứ năm**, thiếu nhất quán và không có một định hướng dài hạn rõ ràng trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ, khiến quan hệ song phương thường xuyên rơi vào trạng thái “dao động chiến lược” - lúc hợp tác, lúc căng thẳng và phần lớn mang tính phản ứng theo tình huống hơn là chủ động dẫn dắt. Điều này thể hiện qua việc Campuchia từng bước mở rộng hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực như gỗ mìn, y tế, giáo dục, nhưng lại đóng băng hợp tác quốc phòng khi phía Mỹ gia tăng áp lực về cải cách dân chủ, nhân quyền - đặc biệt là sau khi đảng đối lập CNRP bị giải thể năm 2017. Bên cạnh đó, chính sách đối ngoại của Campuchia chịu ảnh hưởng lớn từ cá nhân lãnh đạo và bối cảnh quốc tế tức thời, thay vì được dẫn dắt bởi một chiến lược quốc gia dài hạn dựa trên đánh giá lợi ích và rủi ro lâu dài. Áp lực cạnh tranh Mỹ - Trung cũng khiến Campuchia buộc phải liên tục điều chỉnh phương thức đối ngoại: khi bị Mỹ chỉ trích, Campuchia lại tiến gần hơn với Trung Quốc để bù đắp tài chính và đảm bảo an ninh chế độ; khi cần cải thiện hình ảnh, Campuchia lại chủ động mở lại đối thoại nhân quyền với Mỹ. Cách tiếp cận này làm suy giảm tính tin cậy chiến lược của Campuchia trong mắt Mỹ, khiến các cơ hội hợp tác sâu hơn - cả về thương mại, đầu tư và quốc phòng - bị bỏ lỡ hoặc đình trệ. Đồng thời, việc thiếu một hệ thống thể chế ngoại giao chiến lược, thiếu đội ngũ nghiên cứu - hoạch định có tầm nhìn dài hạn, khiến Campuchia khó xác lập được ranh giới đỏ trong đối thoại nhân quyền, không thể đưa ra được các “đề xuất đối trọng” nhằm tạo thế cân bằng có lợi khi đàm phán với Mỹ. Hệ quả là Campuchia

ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc - không chỉ về kinh tế, mà cả về chiến lược - làm giảm dư địa xoay trục hoặc đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Trong bối cảnh khu vực đang chuyển động nhanh chóng bởi cạnh tranh cường quốc, sự thiếu nhất quán và không có định hướng dài hạn này không chỉ gây bất lợi cho vị thế của Campuchia trong quan hệ với Mỹ, mà còn cản trở khả năng bảo vệ lợi ích chiến lược của chính nước này trong cấu trúc an ninh và phát triển khu vực.

**Thứ sáu**, thách thức khác trong chính sách của Campuchia trong quan hệ với Mỹ đó là việc Campuchia ngày càng thắt chặt quan hệ với Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng. Dưới góc nhìn của lý thuyết “phòng bị nước đôi” nước nhỏ như Campuchia thường kết hợp giữa việc nghiêng về một cường quốc chủ đạo nhằm bảo đảm các lợi ích sống còn, với nỗ lực duy trì hợp tác và tham gia đa phương với các cường quốc khác để mở rộng không gian chiến lược và giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, mức độ phụ thuộc ngày càng sâu vào Trung Quốc không những không củng cố khả năng phòng bị dài hạn, mà còn làm suy giảm tính tự chủ chiến lược và niềm tin chính trị từ phía Mỹ. Washington lo ngại về sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Bắc Kinh đối với khu vực và tác động của nó đối với lợi ích của Mỹ.

### **4.3. Tác động từ chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024)**

#### **4.3.1. Tác động đối với Campuchia**

Trong hơn một thập kỷ qua, chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ đã có những diễn biến khác nhau, phản ánh sự dịch chuyển chiến lược của Campuchia trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng ở khu vực Đông Nam Á. Giai đoạn 2009 - 2024 là khoảng thời gian chứng kiến sự mâu thuẫn trong quan hệ Campuchia - Mỹ nhiều hơn là sự nòng ấm, đặc biệt sau các diễn biến chính trị nội bộ Campuchia từ năm 2017, dẫn đến sự đối đầu ngoại giao và đứt gãy nhiều kênh hợp tác song phương. Trong bối cảnh đó, Campuchia ngày càng xích lại gần Trung Quốc, chuyển từ chiến lược ngoại giao “*cân bằng*” sang “*phù thịnh*”, điều này tác động đến chính trị, kinh tế, an ninh và vị thế quốc tế của Campuchia, từ đó phản ánh các hệ quả lâu dài đối với cấu trúc quyền lực quốc gia và định hướng phát triển trong tương lai.

**Thứ nhất**, chính sách đối ngoại (có những lúc rất cứng rắn) với Mỹ đã trở thành công cụ chính trị để chính quyền Campuchia củng cố vị trí cầm quyền. Đặc biệt sau năm 2017, khi Tòa án Tối cao Campuchia ra quyết định giải tán CNRP với cáo buộc âm mưu lật đổ có liên quan đến Mỹ, chính quyền Thủ tướng Hun Sen đã tận dụng tình thế này để siết chặt quyền lực, đàn áp xã hội dân sự và truyền thông độc lập. Các tổ chức phi chính phủ quốc tế có liên kết với Mỹ như NDI, USAID bị yêu cầu ngừng hoạt động hoặc hạn chế quyền tiếp cận. Trong các diễn ngôn chính trị, Mỹ được định vị là thế lực bên ngoài đang tìm cách can thiệp nội bộ, nhằm biện minh cho việc hạn chế quyền tự do chính trị trong nước.

Sự suy giảm vai trò của Mỹ trong đời sống chính trị Campuchia đã mở đường cho quá trình chuyên chế hóa chế độ diễn ra sâu rộng hơn. CPP kiểm soát toàn diện Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan công quyền, không còn đối trọng chính trị thực sự. Theo Strangio (2020, tr. 67), chính quyền Campuchia đã thành công trong việc “*vũ khí hóa căng thẳng với phương Tây để hợp pháp hóa sự tiếp tục cai trị độc đoán*”. Diễn biến này đặt ra những nghi vấn về mức độ cam kết dân chủ hóa tại Campuchia trong bối cảnh quan hệ căng thẳng với Mỹ.

**Thứ hai**, tác động về kinh tế: mất ưu đãi từ Mỹ, tăng phụ thuộc vào Trung Quốc. Trong quá khứ, Campuchia hưởng lợi từ các chương trình ưu đãi thương mại của Mỹ như GSP, tạo điều kiện cho ngành may mặc - trụ cột xuất khẩu quốc gia - tiếp cận thị trường Mỹ với mức thuế thấp. Tuy nhiên, sau năm 2017, Mỹ áp dụng các biện pháp trừng phạt thương mại, bao gồm đình chỉ một phần GSP, áp thuế đối ứng cao và giám sát chặt chẽ nguồn gốc hàng hóa xuất khẩu. Điều này khiến các doanh nghiệp Campuchia mất lợi thế cạnh tranh, gây tổn thất lớn cho xuất khẩu và công ăn việc làm của hàng trăm nghìn lao động. Trước sức ép đó, Campuchia không chọn thay đổi chính sách theo hướng cải cách, mà thay vào đó đẩy mạnh hợp tác kinh tế với Trung Quốc. Dòng vốn đầu tư, các khoản vay ưu đãi và viện trợ không điều kiện từ Bắc Kinh đã thế chỗ nguồn tài trợ phát triển từ Mỹ. Campuchia chuyển dần phụ thuộc tài chính vào Trung Quốc, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng, năng lượng và bất động sản. Mặc dù điều này giúp Chính phủ duy trì tăng trưởng kinh tế

ngắn hạn, song lại tạo ra rủi ro dài hạn về nợ công, mất cân bằng chiến lược và nguy cơ đánh mất quyền tự chủ của nền kinh tế quốc gia.

**Thứ ba**, về mặt an ninh - quốc phòng, trước năm 2017, hợp tác quốc phòng giữa Campuchia và Mỹ tuy không sâu rộng nhưng đóng vai trò đáng kể trong việc nâng cao năng lực gìn giữ hòa bình của Quân đội Hoàng gia Campuchia. Washington đã hỗ trợ huấn luyện lực lượng gìn giữ hòa bình, tổ chức các cuộc tập trận song phương như Angkor Sentinel và cung cấp thiết bị phi sát thương. Tuy nhiên, kể từ sau khủng hoảng chính trị năm 2017, Campuchia tuyên bố chấm dứt toàn bộ hợp tác quân sự với Mỹ. Đáp lại, Mỹ đưa Campuchia vào danh sách các quốc gia bị hạn chế tiếp cận vũ khí theo quy định kiểm soát xuất khẩu quốc phòng. Khoảng trống hợp tác này mở ra cơ hội cho Trung Quốc gia tăng hiện diện an ninh tại Campuchia. Bắc Kinh đã cung cấp viện trợ quân sự, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng quốc phòng và triển khai các cuộc tập trận thường niên như Golden Dragon. Đáng chú ý, việc Trung Quốc tham gia cải tạo căn cứ hải quân Ream đã làm dấy lên quan ngại từ phía Mỹ và một số quốc gia ASEAN về khả năng sử dụng quân sự của cơ sở này. Nếu Campuchia cho phép sử dụng căn cứ này với mục đích quân sự nước ngoài, điều đó có thể đặt ra thách thức đối với nguyên tắc trung lập được quy định trong Hiến pháp Campuchia.

**Thứ tư**, tác động đến vị thế quốc tế của Campuchia. Sự rạn nứt quan hệ với Mỹ kéo theo làn sóng xa lánh từ các nước phương Tây. EU rút một phần ưu đãi thương mại EBA (Everything But Arms), các tổ chức tài chính quốc tế giảm cam kết hỗ trợ phát triển, trong khi các diễn đàn quốc tế về nhân quyền liên tục chỉ trích chính quyền Campuchia. Campuchia ngày càng bị cô lập trong các sáng kiến toàn cầu về dân chủ, minh bạch và phát triển bền vững. Ngược lại, Trung Quốc tận dụng khoảng trống này để thắt chặt ảnh hưởng, biến Campuchia thành một trong những “đồng minh chiến lược thân cận nhất” tại Đông Nam Á. Campuchia thường xuyên thể hiện sự ủng hộ Trung Quốc trong các vấn đề nhạy cảm như Biển Đông, Hong Kong, Tân Cương. Campuchia đã mất khả năng được xem như một đối tác trung lập và có uy tín trong quan hệ quốc tế, đặc biệt trong nội khối ASEAN [Chansambath Bong, 2019b; Davis Llorick, 2021].

#### **4.3.2. Tác động đối với chiến lược khu vực của Mỹ**

Những chuyển biến trong chính sách của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) đã tác động rất mạnh mẽ đối với chiến lược của Mỹ tại khu vực và trực tiếp nhất là LMI của Mỹ. Trong các nước Đông Nam Á, khu vực sông Mekong có ý nghĩa quan trọng về mặt chiến lược đối với Mỹ. Mỹ nhận định rằng, “Khu vực Mekong - gồm Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam - có ý nghĩa quan trọng về mặt chiến lược đối với Mỹ. Khu vực này là trọng tâm trong FOIP của Mỹ và là một phần thiết yếu trong hợp tác của Mỹ với ASEAN. Thông qua hợp tác với các đối tác Mekong, Mỹ mong muốn duy trì và thúc đẩy chủ quyền, tính minh bạch, quản trị tốt, lấy ASEAN làm trung tâm và một trật tự dựa trên các quy tắc. Các mối quan hệ của Mỹ với khu vực Mekong đã được thắt chặt” [Mekong - US. Partnership, 2019]. Vì vậy, Mỹ đã tích cực thúc đẩy quan hệ song phương với các quốc gia thuộc Tiểu vùng Mekong.

Mỹ thúc đẩy quan hệ với khu vực tiểu vùng sông Mekong bằng việc đề xuất LMI vào năm 2009 và đã được các nước ở hạ nguồn sông Mekong nhất trí thực hiện. Từ thời điểm LMI được ra đời, Mỹ nhấn mạnh hạt nhân trong mối quan hệ Mỹ - Đông Nam Á hiện nay chính là LMI mới được thiết lập với mục tiêu kêu gọi nỗ lực của các bên trong việc cải thiện chất lượng giáo dục, môi trường, sức khỏe và cơ sở hạ tầng trong khu vực.

Campuchia là một trong năm quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á lục địa, nơi Mỹ không duy trì căn cứ quân sự thường trực hay liên minh chính thức. Trong bối cảnh mối quan hệ Campuchia - Mỹ còn nhiều hạn chế và Campuchia ngày càng gia tăng hợp tác với Trung Quốc, không gian chiến lược của Mỹ tại tiểu vùng này đang bị thu hẹp. Cùng với xu hướng tương tự tại Lào và Myanmar, nếu Washington không có những điều chỉnh phù hợp, chiến lược “*cân bằng ảnh hưởng*” của Mỹ tại Đông Nam Á lục địa có thể gặp nhiều trở ngại.

Hơn thế nữa, FOIP, trong đó Đông Nam Á được xem là “trục xoay” của chiến lược. Campuchia, nằm ở vị trí kết nối giữa Vịnh Thái Lan, Biển Đông và tiểu vùng Mekong, có ý nghĩa quan trọng để Mỹ triển khai các sáng kiến chiến lược của mình. Tuy nhiên, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) có những diễn

biến phức tạp nhất định, tác động trực tiếp đến việc triển khai các chiến lược khu vực của Mỹ. Ví dụ: việc Mỹ không mời Campuchia tham gia IPEF [Sangeetha Amarthalingam, 2022] khiến cho FOIP bị hạn chế tầm bao phủ, mất tính toàn diện và tạo khoảng trống cho Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng. Bên cạnh đó, chiến lược khu vực của Mỹ luôn nhấn mạnh và đề cao “vai trò trung tâm” của ASEAN. Sự suy yếu tính đồng thuận và đoàn kết trong ASEAN (được cho là nguyên nhân từ chính sách đối ngoại của Campuchia với Trung Quốc) cũng thách thức chính sách “ASEAN centrality” của Mỹ. Nói cách khác, Campuchia là một ví dụ điển hình về cách các nước nhỏ trong ASEAN thực hiện chính sách “phòng bị nước đôi” giữa các cường quốc. Mỹ gặp khó khăn trong triển khai chiến lược khu vực dựa hoàn toàn trên ASEAN mà buộc phải linh hoạt hơn, chuyển sang hợp tác song phương hoặc cơ chế tiểu đa phương dẫn đến giảm tính ổn định và gắn kết trong quan hệ khu vực. Ngoài ra, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) không chỉ ảnh hưởng thụ động đến chiến lược của Mỹ mà còn tạo điều kiện tích cực để Trung Quốc cạnh tranh với Mỹ. Có thể nói, Trung Quốc sử dụng Campuchia như “bàn đạp mềm” để phá vỡ các nỗ lực đa phương của Mỹ. Thông qua công cụ kinh tế, viện trợ không điều kiện, hợp tác quân sự..., Trung Quốc đã từng bước tạo dựng ảnh hưởng của mình tại quốc gia này. Tất cả những điều này làm phức tạp hóa chiến lược cạnh tranh nước lớn của Mỹ tại Đông Nam Á, khiến Mỹ phải điều chỉnh cách tiếp cận, thúc đẩy hợp tác song phương chọn lọc (với Việt Nam, Philippines, Singapore...).

Một tác động nữa có thể kể đến là ảnh hưởng đến hình ảnh “nước lớn” của Mỹ. Việc không thể “lôi kéo” Campuchia hoàn toàn ra khỏi quỹ đạo của Trung Quốc đôi khi làm suy yếu hình ảnh của Mỹ như một siêu cường có khả năng định hình khu vực.

#### ***4.3.3. Tác động đến quan hệ giữa Campuchia và Trung Quốc***

Những diễn biến trong chính sách của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) cho thấy, Campuchia ngày càng tách biệt trong quan hệ với Mỹ và gia tăng quan hệ với Trung Quốc nhiều hơn. Mặc dù Campuchia không muốn gia tăng căng thẳng với Mỹ và phương Tây bởi hoạt động kinh tế của nước này, nhất là xuất khẩu của Phnom Penh chủ yếu sang thị trường Mỹ. Nhưng những thách thức trong quan hệ

hai nước về vấn đề dân chủ, nhân quyền và quan hệ Campuchia - Trung Quốc cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến mối quan hệ Campuchia với Mỹ. Campuchia đã thể hiện một số động thái làm gia tăng khoảng cách trong quan hệ với Mỹ nhưng lại tạo điều kiện gia tăng quan hệ với Trung Quốc, chẳng hạn như việc Campuchia chấm dứt tập trận quân sự chung với Mỹ vào năm 2017, song nước này lại tiến hành tập trận chung với Trung Quốc. Campuchia từ lâu đã là một trong những “đồng minh trung thành nhất” của Trung Quốc ở Đông Nam Á và ảnh hưởng của Bắc Kinh trong khu vực đã gia tăng trong những năm gần đây.

Trong bối cảnh sự gia tăng cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực thì việc Campuchia gặp phải trở ngại trong việc thúc đẩy quan hệ với Mỹ thì đồng nghĩa với việc tạo điều kiện cho Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng tại quốc gia này và khu vực. Trung Quốc là “chủ nợ” lớn nhất của Campuchia và đã đầu tư hàng tỷ đô la vào cơ sở hạ tầng của Campuchia dưới thời cựu lãnh đạo Hun Sen. Như vậy, những thách thức trong quan hệ giữa Campuchia với Mỹ sẽ giúp Campuchia và Trung Quốc củng cố “đồng minh chiến lược” trong ngắn hạn. Các dự án đầu tư của Trung Quốc ngày càng gia tăng ở Campuchia. Chẳng hạn như Sân bay Siem Reap Angkor mới, mở cửa vào năm 2023 và đường cao tốc nối Phnom Penh và Sihanoukville là một trong những dự án do Trung Quốc tài trợ. Đối với Phnom Penh, những dự án này sẽ giúp Campuchia thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Khi Hun Manet đã trở thành Thủ tướng của Campuchia kể từ năm 2023 với những nỗ lực cải thiện mối quan hệ với Mỹ, dù ở mức độ hạn chế, có thể khiến Trung Quốc lo ngại về khả năng mất vị thế độc quyền trong khu vực Đông Nam Á. Nếu Campuchia thành công trong việc cân bằng quan hệ Mỹ - Trung, ảnh hưởng của Trung Quốc có thể bị suy giảm, đặc biệt khi Mỹ và đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc tăng cường hiện diện kinh tế tại đây.

#### ***4.3.4. Tác động đến quan hệ giữa các nước ASEAN***

Chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ (2009 - 2024) không chỉ định hình quan hệ song phương Campuchia - Mỹ mà còn tác động đáng kể đối với quan hệ giữa các quốc gia thành viên ASEAN. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng gia tăng tại khu vực Đông Nam Á, sự khác biệt trong

cách tiếp cận quan hệ với Mỹ của Campuchia đã góp phần làm thay đổi động lực tương tác nội khối, ảnh hưởng đến mức độ đồng thuận, niềm tin chiến lược và phương thức phối hợp chính sách giữa các nước ASEAN.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại thiếu sự nhất quán và hạn chế can dự chiến lược với Mỹ của Campuchia đã góp phần làm suy yếu sự đồng thuận nội khối ASEAN. Nguyên tắc đồng thuận vốn là nền tảng của ASEAN trong xử lý các vấn đề khu vực, tuy nhiên trong thực tiễn, sự khác biệt trong lập trường của Campuchia đối với vai trò và ảnh hưởng của Mỹ đã nhiều lần khiến ASEAN gặp khó khăn trong việc hình thành tiếng nói chung. Trường hợp Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN năm 2012 không ra được Thông cáo chung cho thấy, việc Campuchia - trên cương vị Chủ tịch ASEAN - lựa chọn cách tiếp cận thận trọng, tránh để ASEAN bị cuốn vào cạnh tranh giữa các cường quốc, đã dẫn tới bất đồng với một số quốc gia thành viên có xu hướng ủng hộ vai trò can dự lớn hơn của Mỹ trong khu vực. Hệ quả là niềm tin chiến lược giữa các nước ASEAN bị xói mòn, đặc biệt giữa nhóm các quốc gia có lợi ích trực tiếp về an ninh biển và nhóm các quốc gia lục địa theo đuổi chính sách cân bằng mềm.

Thứ hai, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đã góp phần gia tăng mức độ nghi kỵ chiến lược trong nội bộ ASEAN. Việc Campuchia duy trì khoảng cách nhất định với các sáng kiến an ninh do Mỹ thúc đẩy, đồng thời tránh tham gia vào các cấu trúc bị nhìn nhận là nhằm kiềm chế Trung Quốc, đã khiến một số nước ASEAN đặt câu hỏi về niềm tin chiến lược và khả năng phối hợp dài hạn trong khối. Sự khác biệt này thể hiện rõ trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, khi Campuchia đình chỉ tập trận quân sự song phương với Mỹ từ năm 2017, trong khi nhiều nước ASEAN khác như Singapore, Thái Lan, Việt Nam hay Philippines vẫn duy trì hoặc tăng cường hợp tác quốc phòng với Washington. Điều này làm nổi bật sự phân hóa trong nhận thức an ninh giữa các nước ASEAN, qua đó tác động tiêu cực đến khả năng hình thành các cách tiếp cận chung về an ninh khu vực.

Thứ ba, cách tiếp cận có phần “lệch trục” của Campuchia trong quan hệ với Mỹ đã gián tiếp làm suy giảm mức độ gắn kết nội khối và ảnh hưởng đến vai trò trung tâm của ASEAN. Khi một số thành viên ASEAN theo đuổi cách tiếp cận dè

dặt hoặc hạn chế đối với Mỹ, trong khi các thành viên khác coi quan hệ với Washington là trụ cột chiến lược, ASEAN ngày càng khó duy trì vai trò là diễn đàn trung tâm để điều hòa lợi ích giữa các cường quốc. Hệ quả là các nước ASEAN có xu hướng gia tăng hợp tác song phương hoặc tham gia các cơ chế “tiểu đa phương” bên ngoài khuôn khổ ASEAN, thay vì dựa vào các cơ chế chung của khối. Xu hướng này làm giảm mức độ tương tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ASEAN, từ đó tác động đến chất lượng quan hệ nội khối.

Thứ tư, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đã tạo ra hiệu ứng điều chỉnh chính sách trong ASEAN, ảnh hưởng đến cách các nước thành viên định vị lẫn nhau. Trước việc Campuchia theo đuổi cách tiếp cận thận trọng và tránh liên kết chiến lược với Mỹ, một số nước ASEAN đã chủ động tăng cường quan hệ song phương với Mỹ nhằm bảo đảm lợi ích an ninh và kinh tế của mình. Điều này không chỉ làm gia tăng mức độ đa dạng trong chính sách đối ngoại của các nước ASEAN, mà còn làm cho quan hệ nội Khối trở nên lỏng lẻo hơn, khi mỗi quốc gia ngày càng ưu tiên các chiến lược đối ngoại riêng biệt thay vì các cách tiếp cận chung.

#### ***4.3.5. Tác động đối với Việt Nam***

Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) đã tạo ra những tác động gián tiếp nhưng đáng kể đối với Việt Nam.

*Về chính trị - an ninh và vị thế của Việt Nam trong ASEAN:* Việc quan hệ Campuchia - Mỹ thiếu tính ổn định, nhất là trong lĩnh vực quốc phòng và đối thoại chính trị, đã góp phần làm thay đổi tương quan ảnh hưởng của các nước lớn tại tiểu vùng Mekong và trong nội bộ ASEAN. Khi Campuchia không coi Mỹ là đối tác an ninh quan trọng, khoảng trống này tạo điều kiện để các đối tác khác gia tăng ảnh hưởng, từ đó làm suy yếu môi trường chiến lược cân bằng mà Việt Nam có lợi ích duy trì.

Đối với Việt Nam, điều này đặt ra thách thức trong việc giữ thế cân bằng chiến lược khu vực, bởi Việt Nam vừa cần ổn định quan hệ láng giềng với Campuchia, vừa phải thúc đẩy vai trò của mình trong cấu trúc an ninh ASEAN theo hướng tự chủ, không bị chi phối bởi cạnh tranh nước lớn. Mặc dù Việt Nam và Campuchia duy trì quan hệ “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn

diện, bền vững lâu dài”, song các vấn đề tồn đọng như quản lý biên giới, người gốc Việt tại Campuchia và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy bài Việt trong một bộ phận xã hội Campuchia vẫn tiềm ẩn rủi ro. Mặt khác, Trong bối cảnh Campuchia có xu hướng thận trọng trong quan hệ với Mỹ, các kênh phối hợp ba bên hoặc các sáng kiến an ninh rộng hơn có sự tham gia của Mỹ trở nên khó thúc đẩy, gián tiếp thu hẹp không gian ngoại giao đa phương mà Việt Nam có thể tận dụng.

Hơn thế nữa, việc Campuchia duy trì khoảng cách với Mỹ và tăng cường gắn kết với Trung Quốc đã góp phần làm gia tăng sự phân hóa về nhận thức an ninh trong ASEAN, qua đó tác động gián tiếp đến lợi ích chiến lược của Việt Nam. Trong bối cảnh, Việt Nam coi việc duy trì đoàn kết ASEAN và vai trò trung tâm của Khối là một trụ cột trong chính sách đối ngoại đa phương, sự khác biệt trong cách tiếp cận của Campuchia đối với vai trò của Mỹ trong khu vực đã làm suy yếu khả năng hình thành lập trường chung của ASEAN về các vấn đề an ninh then chốt, đặc biệt là Biển Đông. Sự kiện Campuchia không đồng ý đưa nội dung Biển Đông vào Thông cáo chung tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN 2012 (khi Campuchia làm Chủ tịch) là một dấu mốc quan trọng, đánh dấu sự nghiêng hẳn về lập trường Trung Quốc và từ chối lập trường chung của Khối [Thayer, 2012b]. Trong các năm tiếp theo, Campuchia tiếp tục ngăn cản việc ASEAN đưa ra tuyên bố mạnh mẽ về các hành vi phi pháp của Trung Quốc trên Biển Đông, khiến cho nỗ lực của Việt Nam trong việc “*quốc tế hóa*” và “*khu vực hóa*” vấn đề Biển Đông gặp nhiều khó khăn. Với tư cách là thành viên tích cực thúc đẩy đoàn kết ASEAN, Việt Nam có thể phải đầu tư ngoại giao nhiều hơn để cân bằng ảnh hưởng giữa các bên trong ASEAN, đồng thời thích ứng với thực tế rằng vai trò trung tâm của ASEAN đang chịu sức ép ngày càng lớn từ cạnh tranh nước lớn. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng phải nỗ lực các kênh ngoại giao để bảo vệ lợi ích cốt lõi của mình tại Biển Đông.

Về *kinh tế*: Khi quan hệ Campuchia - Mỹ gặp nhiều trở ngại và Campuchia phải đối mặt với các biện pháp gây sức ép từ Mỹ và phương Tây, Việt Nam nổi lên như một đối tác khu vực tương đối ổn định và có độ tin cậy cao trong chiến lược khu vực của Mỹ. Quan hệ Việt Nam - Mỹ được củng cố mạnh mẽ trong giai đoạn này, từ thiết lập Đối tác toàn diện (2013) đến nâng cấp lên Đối tác chiến lược toàn

diện (2023), với hợp tác sâu rộng trên các lĩnh vực kinh tế, đầu tư, khoa học - công nghệ, chuỗi cung ứng và khắc phục hậu quả chiến tranh.

Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ Việt - Mỹ vừa tạo ra cơ hội cho Việt Nam gia tăng vị thế kinh tế và thu hút nguồn lực bên ngoài, vừa phản ánh sự phân hóa trong ASEAN khi không phải tất cả các nước thành viên đều có mức độ gắn kết tương tự với Mỹ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam phải điều chỉnh chính sách theo hướng vừa đẩy mạnh hội nhập kinh tế với Mỹ và các đối tác phương Tây, vừa tránh tạo ra khoảng cách quá lớn với các nước láng giềng, trong đó có Campuchia, nhằm duy trì môi trường khu vực ổn định.

#### **4.4. Dự báo xu thế chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ đến năm 2028**

Năm 2028 là năm Thủ tướng Hun Manet kết thúc nhiệm kỳ đầu tiên (2023 - 2028), đồng thời Tổng thống D.Trump cũng chuẩn bị kết thúc nhiệm kỳ và tiến hành bầu cử vào tháng 01/2029. Vì vậy, luận án đưa ra dự báo chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong ngắn hạn vì sự thay đổi lãnh đạo của cả hai nước sẽ dẫn đến chính sách đối ngoại thay đổi.

##### **4.4.1. Cơ sở của dự báo**

Thứ nhất, *xu hướng phát triển thế giới đa cực, đa trung tâm cùng với sự chia rẽ giữa các cường quốc sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.* Hệ thống quốc tế ngày nay cho thấy các yếu tố đơn cực (unipolarity), lưỡng cực (bipolarity), đa cực (multipolarity) và phi cực (nonpolarity). Trong quan hệ quốc tế, “cực” thường ám chỉ một lực lượng chính trị và kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến hệ thống quốc tế. Bản chất của đa cực là quyền lực quốc tế và quản trị toàn cầu được tất cả các bên cùng thảo luận, xây dựng và chia sẻ. Tuy nhiên, sự chuyển dịch quyền lực đang diễn ra hướng tới một số lượng lớn hơn các quốc gia đang cạnh tranh giành ảnh hưởng là điều dễ nhận thấy. Kỷ nguyên lưỡng cực của Chiến tranh Lạnh đã nhường chỗ cho giai đoạn đơn cực hậu Chiến tranh Lạnh, dường như do Mỹ dẫn dắt. Song, hiện nay thế giới đang ở giai đoạn chuyển đổi sang một kỷ nguyên ngày càng “đa cực”. Chủ nghĩa Tự do chính trị và kinh tế, vốn định hình nên giai đoạn đơn cực hậu Chiến tranh Lạnh, không còn là yếu tố có tính chi phối trong cục diện thế giới hiện nay nữa. Nó ngày càng bị cạnh tranh từ bên trong, chẳng hạn như qua sự trở

dậy của Chủ nghĩa dân túy, dân tộc chủ nghĩa ở nhiều nền dân chủ tự do. Nhưng nó cũng bị thách thức từ bên ngoài, chẳng hạn như sự phân nhánh tư tưởng ngày càng tăng giữa các nền chính trị khác nhau, cũng như trong sự xuất hiện của một thế giới, trong đó các mô hình trật tự đa dạng cùng tồn tại, cạnh tranh hoặc xung đột.

Trong khi mức độ đa cực của thế giới như thế nào thì vẫn là vấn đề còn có thể tranh luận thêm, thì “đa cực hóa” (multipolarization) của thế giới là một thực tế: Một mặt, quyền lực đang chuyển dịch sang một số lượng lớn hơn các bên có khả năng tác động đến các vấn đề toàn cầu quan trọng. Mặt khác, thế giới đang trải qua sự phân cực ngày càng tăng giữa và trong nhiều quốc gia, điều này đang cản trở các cách tiếp cận chung đối với các cuộc khủng hoảng và mối đe dọa toàn cầu [Munich Security Report 2025, 2025]. Một thế giới đa cực vừa là một tất yếu lịch sử vừa đang trở thành hiện thực. Báo cáo An ninh Munich 2025 lấy chủ đề “đa cực hóa” và chỉ ra rằng “chúng ta đang sống trong một thế giới được định hình bởi đa cực”. Nhận định này phù hợp với hiểu biết phổ thông hiện nay của cộng đồng quốc tế. Báo cáo phân tích những hậu quả sâu rộng của quá trình đa cực hóa trật tự quốc tế. Đối với nhiều chính trị gia và công dân trên toàn cầu, một thế giới đa cực hơn có nhiều hứa hẹn đáng kể. Nhưng xu hướng gần đây cho thấy rằng những tác động tiêu cực của quá trình đa cực hóa lớn hơn đang chiếm ưu thế khi sự chia rẽ giữa các cường quốc lớn ngày càng gia tăng và sự cạnh tranh giữa các mô hình trật tự khác nhau cản trở các cách tiếp cận chung đối với các cuộc khủng hoảng và mối đe dọa toàn cầu. Do đó, Báo cáo đưa ra lập luận về “phi cực hóa” hoặc “giải cực hóa” (depolarization), nhấn mạnh đến nhu cầu cải cách đáng kể trật tự quốc tế [Munich Security Report 2025, 2025]. Báo cáo cho thấy tầm nhìn về đa cực cũng bị phân cực. Điều này khiến việc điều chỉnh trật tự hiện tại một cách hòa bình, tránh chạy đua vũ trang mới, ngăn chặn xung đột bạo lực trong và giữa các quốc gia, cho phép tăng trưởng kinh tế toàn diện hơn và cùng nhau giải quyết các mối đe dọa chung như biến đổi khí hậu ngày càng khó khăn. Vì các cường quốc và các cường quốc không quá lớn không thể tự mình giải quyết những thách thức này, nên sự hợp tác của họ sẽ rất quan trọng. Nhưng để sự hợp tác này thành hiện thực, thế giới cũng có thể sử dụng một số “phi cực hóa”.

Thứ hai, *Campuchia dưới sự cầm quyền của Thủ tướng Hun Manet*: Campuchia, cùng với các quốc gia khác trong khu vực, đã thể hiện động thái tránh xa chính sách ngoại giao phụ thuộc và đang tìm cách đa dạng hóa các mối quan hệ của mình. Sau khi Hun Manet lên nắm quyền, cục diện chính trị nội bộ Campuchia sẽ không có thay đổi gì đáng kể, mọi thứ vẫn được vận hành giống như thời ông Hun Sen nắm quyền. Ông Hun Sen cũng từng bác bỏ những chỉ trích rằng Hun Manet, với tư cách là Thủ tướng sẽ đi theo cái bóng của cha mình. Hun Sen khẳng định ông không can thiệp vào các quyết định của Thủ tướng. Thay vào đó, ông cho biết thế hệ lãnh đạo trẻ phải tự mình điều hành quản trị và phát triển mạnh mẽ hơn trong việc giải quyết các thách thức quốc gia. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng các nhà lãnh đạo chính phủ, bao gồm cả Thủ tướng, bị ràng buộc bởi khuôn khổ chính trị do cử tri đặt ra; chính quyền mới phải luôn bám sát định hướng đã được thiết lập của Đảng cầm quyền [Ung Chamroeun, 2025]. Trên thực tế, mặc dù đã từ chức Thủ tướng, Hun Sen vẫn giữ vai trò Chủ tịch CPP và Chủ tịch Thượng viện,

Thế mạnh của Hun Manet là kinh nghiệm quân sự và chính trị phong phú. Hun Manet là người Campuchia đầu tiên tốt nghiệp Học viện Quân sự Mỹ tại West Point, New York (BA, 1999). Ông cũng học kinh tế tại Đại học New York (MA, 2002) và Đại học Bristol ở Vương quốc Anh (Tiến sĩ, 2008). Ông gia nhập RCAF năm 1995, sau đó Hun Manet đã nhanh chóng thăng tiến qua các cấp bậc sau khi trở về nước từ Vương quốc Anh. Sau khi giữ chức Phó Tư lệnh quân đội và Phó Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên hợp RCAF trong một tháng, ông được thăng hàm Thiếu tướng vào tháng 01/2011. Sau đó, Hun Manet được bổ nhiệm làm Phó Tổng tư lệnh RCAF vào năm 2019 và lãnh đạo nhóm chống khủng bố. Ông cũng được bổ nhiệm làm Phó Chỉ huy đơn vị cận vệ của Thủ tướng. Ngoài quân đội, Hun Manet đã tích lũy kinh nghiệm chính trị khi trở thành thành viên của Ủy ban thường vụ của CPP vào năm 2018 và được chọn làm người đứng đầu nhóm thanh niên của Đảng vào năm 2020. Năm 2023, Hun Manet được thăng hàm tướng bốn sao, cấp bậc quân sự cao nhất ở Campuchia [Chinatsu Tsuji, 2025; Soben Ung, 2023]. Từ khi lên nắm quyền, Hun Manet đã gặp gỡ nhiều lãnh đạo nước ngoài, Bộ trưởng ngoại giao và các quan chức cấp cao khác trong năm qua. Hình ảnh quốc tế và sự nổi tiếng đã được gia tăng đáng kể.

Đối ngoại của Campuchia chủ yếu tập trung vào giải quyết mối quan hệ của nước này với Trung Quốc, phương Tây đứng đầu là Mỹ và Việt Nam, ở mức độ thấp hơn là Nhật Bản. Hun Manet chủ yếu nói về lập trường ngoại giao của Campuchia giữa các cường quốc. Nhiều học giả cho rằng nền tảng giáo dục phương Tây của Hun Manet có thể đồng nghĩa với việc sau khi ông lên nắm quyền, chiến lược ngoại giao của đất nước sẽ có những điều chỉnh nhất định, Mỹ và Campuchia có thể có cơ hội phát triển hợp tác nhiều hơn, đặc biệt là hợp tác an ninh, nhằm chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc. Tuy nhiên, điều này khó có thể xảy ra trong tương lai gần. Vì dù Hun Manet được đào tạo bài bản, phương thức và phong cách ngoại giao có thể chuyên nghiệp hơn, mềm dẻo hơn nhưng cũng không thể đi ngược lại với lợi ích quốc gia, mục đích duy trì quyền lực của CPP (hiện ông Hun Sen đang giữ vai trò Chủ tịch). Hun Manet cho rằng việc cải thiện quan hệ ngoại giao với các quốc gia hùng mạnh là rất quan trọng để hỗ trợ ổn định khu vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố hợp tác song phương vì Mỹ là thị trường chính để Campuchia bán sản phẩm của mình. Mặt khác, thông qua các động thái ngoại giao khi Hun Manet lên nắm quyền, có thể thấy ông có phong cách ôn hòa hơn người tiền nhiệm. Cách tiếp cận chiến lược của Hun Manet đối với ngoại giao với tư cách là Thủ tướng Campuchia có thể có tác động sâu rộng đến mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ [So Chanththa, 2025].

Thứ ba, *Mỹ dưới nhiệm kỳ 2.0 của ông D.Trump*: Sự trở lại của D.Trump trong vai trò Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 2.0 làm dấy lên mối lo ngại về tương lai của cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, một khu vực mà một số thỏa thuận “tiểu đa phương” đã được thiết lập và đạt được những tiến bộ đáng kể trong những năm gần đây. Chính sách đối ngoại của D.Trump trong nhiệm kỳ đầu tiên được đánh dấu bằng sự khó lường và hỗn loạn nội bộ. Dưới thời D.Trump, có sự mất kết nối giữa những lời hứa đưa ra và hành động thực hiện, đặc biệt là liên quan đến Trung Quốc. Mặc dù có một số nỗ lực tăng cường sự hiện diện của quân đội và thúc đẩy các hoạt động tự do hàng hải, nhưng cách tiếp cận tổng thể của chính quyền lại thiếu sự gắn kết. Sự trở lại của D.Trump cũng có thể làm chệch hướng những nỗ lực đang diễn ra nhằm xây dựng một cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương gắn kết [Aiden Warren Charles T. Hunt, 2024].

Đối với chính sách đối ngoại của D.Trump cho nhiệm kỳ thứ hai thay đổi đáng kể. Theo như Cương lĩnh của Đảng Cộng hòa năm 2024 nhấn mạnh rằng kế hoạch chính sách đối ngoại của Đảng Cộng hòa là “tìm kiếm hòa bình thông qua sức mạnh”, xây dựng lại hệ thống quân sự và liên minh của Mỹ, đối đầu với Trung Quốc, đánh bại chủ nghĩa khủng bố, thiết lập hệ thống phòng thủ tên lửa “Vòm sắt”, thúc đẩy các giá trị của Mỹ, bảo vệ lãnh thổ và biên giới Mỹ, phục hồi cơ sở công nghiệp quốc phòng Mỹ và xây dựng một quân đội lớn hơn, tốt hơn và mạnh mẽ hơn bao giờ hết; nguyên tắc cốt lõi của nó là bảo vệ Mỹ và đảm bảo một tương lai an toàn và thịnh vượng cho tất cả mọi người. Báo cáo “*Xây dựng chính sách đối ngoại nước Mỹ trên hết*” (Establish an America First Foreign Policy) do Viện Nghiên cứu nước Mỹ ưu tiên (America First Policy Institute), cơ quan có quan hệ chặt chẽ với chính quyền D.Trump, công bố, nhấn mạnh ủng hộ liên kết các quỹ liên bang (dù là viện trợ quân sự, ngoại giao hay nước ngoài) với các mục tiêu rõ ràng mang lại lợi ích trực tiếp cho người dân Mỹ, cải thiện cơ chế viện trợ nước ngoài, ưu tiên hợp tác với các nước đóng góp công bằng cho các liên minh và không phụ thuộc chính sách an ninh quốc gia vào các tổ chức đa phương và các nước khác. Dựa trên những ý tưởng của ông, có thể thấy nhiệm kỳ thứ hai của D.Trump sẽ tiếp tục chính sách đối ngoại của nhiệm kỳ đầu, tức là lấy “*nước Mỹ trên hết*” làm định hướng giá trị, “*cạnh tranh giữa các cường quốc*” làm trọng tâm, xây dựng lại quân đội và liên minh, thúc đẩy các giá trị Mỹ làm trụ cột, duy trì an ninh và thịnh vượng của Mỹ làm mục tiêu [AFPI, 2025].

Bên cạnh đó, Mỹ gia tăng nhằm vào Trung Quốc, quan hệ Mỹ - Trung Quốc xấu đi đáng kể trong nhiệm kỳ Tổng thống đầu tiên của D.Trump, đặc biệt là về vấn đề thuế quan, áp đặt thêm thuế đối với hàng hóa Trung Quốc. Sự tăng trưởng kinh tế theo cấp số nhân của Trung Quốc trong các lĩnh vực như công nghệ, y tế và khoa học đời sống đã gây lo ngại ở Mỹ, đặc biệt là trong ngành công nghệ. Ngay từ đầu, D.Trump đã có cách tiếp cận cứng rắn, đôi khi hung hăng với Trung Quốc và Trung Quốc đã đáp trả bằng thuế quan và các biện pháp đối phó trong cuộc chiến thương mại sau đó. Các quan chức chính phủ Mỹ coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược và tin rằng cần phải kiềm chế khi nước này trở dậy.

Sự trở lại của triết lý ngoại giao “*Nước Mỹ trên hết*” thời kỳ D.Trump 2.0. Sau khi trở lại chính trường, “*Nước Mỹ trên hết*” sẽ là điểm khởi đầu cho hoạt động ngoại giao của ông. Tổng thống D.Trump sẽ sử dụng cùng một tiêu chuẩn, tức là lượng thặng dư thương mại của các quốc gia có liên quan với Mỹ, để đánh giá ai là bạn và ai là thù của Washington. Nội dung cốt lõi trong triết lý ngoại giao “*Nước Mỹ trên hết*” của D.Trump trong nhiệm kỳ đầu tiên bao gồm: đặt công dân Mỹ, các giá trị Mỹ và mối quan tâm của người Mỹ lên hàng đầu; đưa ra các quyết định về chính sách đối ngoại dựa trên kết quả thay vì ý thức hệ; duy trì vai trò lãnh đạo của Mỹ nhưng cũng khuyến khích các nước trên thế giới làm hết sức mình; khuyến khích các nước bảo vệ tốt hơn chủ quyền của mình và thúc đẩy một thế giới ổn định và thịnh vượng hơn. Lời nói đầu của “*Nền tảng của Đảng Cộng hòa năm 2024: Làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại!*” có tựa đề “*Nước Mỹ trên hết: Trở lại với lẽ thường*” và tập trung vào nền tảng chiến dịch của Đảng Cộng hòa. Những thực tế trên cho thấy triết lý ngoại giao “*Nước Mỹ trên hết*” mà D.Trump nhấn mạnh trong nhiệm kỳ đầu sẽ quay trở lại mạnh mẽ trong nhiệm kỳ thứ hai. Những bước đi đầu tiên của D.Trump 2.0 được thể hiện qua việc Mỹ tuyên bố cắt giảm viện trợ nước ngoài, điển hình là việc Mỹ tuyên bố dừng hoạt động của USAID vào ngày 29/3/2025. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến Campuchia vì Mỹ là một trong những quốc gia viện trợ lớn nhất của Campuchia thông qua USAID.

Đồng thời, vì hai nhiệm kỳ của D.Trump không diễn ra liền mạch nên tác động của chính sách đối ngoại của chính quyền J.Biden trong giai đoạn này không thể bị bỏ qua. Theo hãng thông tấn Associated Press, J.Biden đã phê duyệt bản ghi nhớ an ninh quốc gia mới nhằm cung cấp lộ trình cho chính quyền D. Trump để giải quyết vấn đề hợp tác ngày càng tăng giữa Trung Quốc, Iran, Triều Tiên và Nga. Bản ghi nhớ bao gồm bốn khuyến nghị chung: cải thiện sự hợp tác giữa các cơ quan Chính phủ Mỹ, đẩy nhanh việc chia sẻ thông tin về bốn quốc gia thách thức lợi ích chiến lược của Mỹ với các đồng minh, điều chỉnh việc sử dụng các biện pháp trừng phạt và các công cụ kinh tế khác của chính phủ Mỹ để đạt được hiệu quả tối đa, và tăng cường công tác chuẩn bị cho khả năng xảy ra khủng hoảng đồng thời ở các quốc gia này.

Các ưu tiên về chính sách đối ngoại của D.Trump trong nhiệm kỳ thứ hai của mình bao gồm ba khía cạnh. Một là, đảm bảo an ninh biên giới và trục xuất những người nhập cư bất hợp pháp. D.Trump đã hứa sẽ đóng cửa biên giới Mỹ - Mexico vào ngày đầu tiên nhậm chức và triển khai chiến dịch trục xuất trong nước lớn nhất trong lịch sử Mỹ. Hai là, các hành động về thương mại và thuế. Những người trong cuộc cho biết D.Trump sẽ chuẩn bị tốt hơn để thực hiện các ưu tiên chính sách của mình trong nhiệm kỳ thứ hai so với năm 2016, đặc biệt là về các vấn đề cốt lõi như thương mại và thuế quan. Trên thực tế, ngày 02/4/2025, Tổng thống D.Trump đã ký sắc lệnh áp thuế đối với hơn 180 nền kinh tế, trong đó Campuchia phải chịu mức áp thuế là 49% [Hin Pisei, 2025] nhưng lại hạ xuống 19% vào ngày 01/8/2025. Bà là, giải quyết xung đột Nga - Ukraine và xung đột ở Trung Đông. Trong chiến dịch tranh cử của mình, D.Trump đã hứa sẽ nhanh chóng chấm dứt cuộc khủng hoảng ở Ukraine và xung đột ở Trung Đông. Hiện tại, Trump đã bổ nhiệm một đặc phái viên để giải quyết xung đột Nga - Ukraine và đề cử đại sứ Mỹ tại Israel, với mục tiêu đạt được lệnh ngừng bắn sớm nhất có thể bằng cách tăng cường can thiệp vào hai cuộc xung đột này.

Tuy nhiên, vẫn có thể thấy rằng nhóm ngoại giao và an ninh này có khuynh hướng chính sách đối ngoại sau: có thái độ tiêu cực đối với việc hỗ trợ Ukraine, tương đối cứng rắn trong việc ủng hộ Israel và có lập trường “*cứng rắn*” đối với Trung Quốc. Chẳng hạn như, Marco Rubio, Ngoại trưởng Mỹ, thường thảo luận về các “*mối đe dọa*” kinh tế và quân sự nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc. Ông cảnh báo rằng Trung Quốc, Iran, Bắc Triều Tiên và Nga đang ngày càng liên kết với nhau để chống lại Mỹ [The New York Times, 2025]; “*Tất cả bọn họ đều có một mục tiêu chung, đó là làm suy yếu Mỹ, làm suy yếu các liên minh của chúng ta và làm suy yếu vị thế, năng lực và ý chí của chúng ta*”, ông nhấn mạnh trong bài phát biểu vào tháng 3/2023 [Brendan Farrington, 2024]. Giám đốc CIA của D.Trump là John Ratcliffe - một người cứng rắn chống lại Trung Quốc, Iran. Ratcliffe đã nhiều lần cảnh báo Trung Quốc là “*mối đe dọa lớn nhất đối*” với Mỹ và phần còn lại của thế giới tự do kể từ Thế chiến II [Deb Riechmann, 2020; The Economics Times,

2024]. Bên cạnh đó, cố vấn an ninh quốc gia của ông D.Trump, Mike Waltz, một người trung thành với D.Trump và cũng từng phục vụ trong Lực lượng Vệ binh Quốc gia với tư cách là đại tá, cũng thường xuyên chỉ trích Trung Quốc tại Quốc hội [ Phil Stewart, Steve Holland and Idrees Ali, 2024].

Thứ tư,  *cạnh tranh Mỹ - Trung tại khu vực trong thời gian tới*. Sự gia tăng ảnh hưởng và cạnh tranh chiến lược giữa của các cường quốc tại khu vực sẽ tác động mạnh mẽ đối với chính sách của các quốc gia trong khu vực với các cường quốc, trong đó có chính sách của Campuchia đối với Mỹ.

Cuộc tập trận chung “Golden Dragon 2024” giữa Trung Quốc và Campuchia được tổ chức từ ngày 16 đến ngày 30/5/2024, là cuộc tập trận chung thứ sáu giữa hai bên. Tuy nhiên, lần này, hơn 2.000 sĩ quan và binh lính của hai nước đã tham gia cuộc tập trận, hơn một chục tàu đã được huy động. Đây là quy mô lớn nhất kể từ khi hai nước bắt đầu cuộc tập trận quân sự thường niên vào năm 2016. Cuộc tập trận được tổ chức vào thời điểm cuộc đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc đang dần leo thang nên thu hút nhiều sự chú ý.

Thời điểm tổ chức các cuộc tập trận chung giữa Trung Quốc và Campuchia diễn ra đồng thời với các hoạt động quân sự tăng cường của Mỹ tại khu vực, bao gồm cuộc tập trận thường niên “Balikatan” giữa Mỹ và Philippines từ 22/4 đến 10/5/2025, với sự tham gia của hơn 10.000 binh sĩ và mở rộng địa điểm đến đảo Bataan, gần Đài Loan. Trong bối cảnh đó, một số nhà phân tích cho rằng các cuộc tập trận Trung Quốc - Campuchia có thể được xem như phản ứng chiến lược nhằm đối trọng với sự hiện diện quân sự gia tăng của Mỹ và các đồng minh tại chuỗi đảo thứ nhất (Al Jazeera, 2017). Đồng thời, điều này cho thấy vai trò ngày càng nổi bật của Campuchia trong chiến lược an ninh khu vực của Trung Quốc.

#### ***4.4.2. Phân tích mô hình SWOT đối với xu thế chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ***

Từ cơ sở đánh giá về xu thế chính sách của Campuchia với Mỹ trong thời gian tới như phân tích ở trên, luận án sử dụng mô hình SWOT để đánh giá chiến lược về mặt xu thế như sau:

### Phân tích SWOT về xu thế chính sách Campuchia với Mỹ

<b>Điểm mạnh</b>	<b>Điểm yếu</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp tác văn hóa - giáo dục tiếp tục phát triển.</li> <li>- Mỹ vẫn là thị trường quan trọng nhất của Campuchia.</li> <li>- Campuchia là một quốc gia có nhiều NGOs nhất ở Đông Nam Á.</li> <li>- Campuchia có xu hướng thực hiện chính sách đối ngoại tự chủ chiến lược và đa dạng hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vấn đề về lòng tin chính trị.</li> <li>- Mỹ thiếu chiến lược rõ ràng cho Campuchia</li> <li>- Các vấn đề dân chủ và nhân quyền.</li> <li>- Ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc tại Campuchia.</li> <li>- Vấn đề căng quân sự Ream của Campuchia.</li> </ul>
<b>Cơ hội</b>	<b>Thách thức</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường hợp tác văn hóa và giáo dục.</li> <li>- Quan hệ kinh tế.</li> <li>- Hợp tác đa phương.</li> <li>- Vai trò của Thủ tướng Hun Manet - một người được đào tạo bài bản tại Mỹ.</li> <li>- Hội nhập nhiều hơn với ASEAN và thực hiện chính sách hội nhập linh hoạt với các cường quốc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỹ coi Campuchia là quốc gia “chư hầu” hay phụ thuộc của Trung Quốc.</li> <li>- Sự thay đổi về môi trường chính trị và chính sách đối ngoại của Mỹ, nhất là chính sách “nước Mỹ trên hết” của Tổng thống D.Trump.</li> <li>- “Khủng hoảng ngoại giao của Campuchia” và xung đột biên giới Campuchia - Thái Lan.</li> <li>- Vấn đề tội phạm xuyên quốc gia tại Campuchia.</li> <li>- Lo ngại của Campuchia về một cuộc “cách mạng màu”.</li> <li>- Cạnh tranh Mỹ - Trung có xu hướng gia tăng.</li> </ul>

*Nguồn: Tác giả đánh giá*

Từ mô hình SWOT của xu thế chính sách của Campuchia với Mỹ cho thấy, Campuchia tiếp tục chính sách gia tăng tiếp cận với Mỹ, đặc biệt là trong vấn đề kinh tế và giảm sức ép về mặt chính trị - an ninh. Hai nước có nhiều cơ hội để Campuchia có thể thúc đẩy chính sách tiếp cận của mình với Mỹ, nhưng thách thức giữa hai bên rất lớn khiến cho tính hiệu quả trong chính sách của Campuchia trong

thời gian tới tương đối lớn. Trong nhiệm kỳ trước của Tổng thống D.Trump, Đông Nam Á phần lớn không nằm trong trọng tâm chiến lược toàn cầu của ông. Trong nhiệm kỳ thứ 2 của Tổng thống D.Trump, Mỹ có xu hướng thúc đẩy gia tăng can dự đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, trong đó có các quốc gia Đông Nam Á. Campuchia, đang tìm kiếm không gian phát triển trong trò chơi quyền lực lớn, đang nỗ lực xóa bỏ định kiến “*quân cờ thụ động*” và chủ động gửi tín hiệu đến Mỹ rằng trong khi vẫn bảo vệ chủ quyền, họ hy vọng sẽ xây dựng một mối quan hệ đối tác mới mang tính xây dựng hơn với Mỹ.

Từ phân tích SWOT trên cho thấy, mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ từ lâu đã bất ổn, dao động giữa sự gắn kết và xa lánh. Một yếu tố then chốt là mối quan ngại liên tục của Mỹ về tiến trình dân chủ của Campuchia, trong khi một yếu tố khác là sự hợp tác chiến lược ngày càng chặt chẽ của Campuchia với Trung Quốc. Hai yếu tố này đã đan xen vào nhau, thúc đẩy những biến động theo chu kỳ trong quan hệ song phương. Tuy nhiên, kể từ khi Hun Manet nhậm chức Thủ tướng vào cuối năm 2023, đã có những dấu hiệu cải thiện, tạo cơ hội để điều chỉnh lại quan hệ ngoại giao. Với sự trở lại của chính quyền D.Trump, Campuchia hy vọng sẽ tiếp tục xu hướng hòa hoãn ngoại giao hiện tại, đồng thời vẫn thận trọng và làm rõ các ưu tiên của mình. Nếu Mỹ áp dụng chính sách buộc Campuchia phải chọn phe giữa Mỹ và Trung Quốc, điều này có thể chỉ làm sâu sắc thêm sự phụ thuộc của Campuchia vào Trung Quốc, từ đó làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ ở Đông Nam Á. Đối với Phnom Penh, một mối quan hệ Mỹ - Campuchia thực dụng hơn dựa trên sự hợp tác cùng có lợi là lựa chọn lý tưởng, phù hợp với lợi ích quốc gia của họ.

Tham vọng chiến lược của Campuchia là tìm kiếm tự chủ trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung. Campuchia mong muốn Mỹ điều chỉnh chính sách Đông Nam Á để xây dựng mối quan hệ song phương vượt qua những định kiến, thay vì chỉ đơn thuần bị phân loại. Cách hiểu đơn giản này đã bỏ qua thực tế phức tạp của Campuchia khi cố gắng cân bằng giữa sự tồn tại và tham vọng chiến lược, cũng như hoàn cảnh quốc gia độc đáo. Campuchia hy vọng tận dụng quan hệ song phương để mở rộng không gian ngoại giao và đạt được các lợi ích đáng kể về kinh tế và địa chính trị, thay vì bị ràng buộc bởi cuộc cạnh tranh nước lớn

Về mặt kinh tế, Campuchia đang ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển đổi số và đa dạng hóa thương mại để giảm sự phụ thuộc quá mức vào Trung Quốc, đồng thời nâng cao vị thế của mình trong hệ thống kinh tế toàn cầu. Về an ninh, Campuchia đặt mục tiêu tăng cường năng lực hàng hải, hiện đại hóa quốc phòng và duy trì quyền tự chủ trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ -Trung leo thang thông qua các biện pháp phòng ngừa chiến lược. Tuy nhiên, không giống như Việt Nam hay Philippines, Campuchia thiếu đòn bẩy quân sự và địa chính trị đủ mạnh để thực hiện chiến lược cân bằng mềm trực tiếp. Do đó, chính sách an ninh của nước này phụ thuộc nhiều hơn vào các chiến thuật ngoại giao linh hoạt và các liên minh có chọn lọc để đảm bảo lợi ích tối ưu trong các cuộc tranh giành quyền lực phức tạp ở khu vực.

Bên cạnh đó, xu thế chính sách của Campuchia với Mỹ sẽ thiên về hợp tác thực dụng được ưu tiên hơn ý thức hệ. Yêu cầu cốt lõi của Campuchia là chính quyền mới của Mỹ ưu tiên hợp tác kinh tế và phát triển, thay vì tập trung vào đối đầu ý thức hệ. Campuchia hy vọng quan hệ song phương sẽ dựa trên hợp tác thực dụng, thay vì xoay quanh các giá trị dân chủ tự do - điều thường dẫn đến căng thẳng gia tăng. Campuchia kỳ vọng Mỹ sẽ tập trung vào các lợi ích chung, chẳng hạn như thương mại và đầu tư, an ninh hàng hải, hoạt động rà phá bom mìn và xây dựng năng lực trong các lĩnh vực như đổi mới kỹ thuật số, thay vì gây áp lực chính trị. Tuy nhiên, việc chính quyền D.Trump chính thức đóng cửa USAID không chỉ gây gián đoạn cho các quốc gia phụ thuộc vào viện trợ của Mỹ, bao gồm cả Campuchia, mà còn phản ánh tiềm năng của một chính sách Mỹ mang tính giao dịch, khó lường và hướng đến lợi nhuận hơn dưới thời D.Trump 2.0. Đối với Campuchia, đây không chỉ là sự gián đoạn viện trợ, mà còn là một lời cảnh báo nghiêm khắc - việc quá phụ thuộc vào viện trợ của phương Tây tiềm ẩn nhiều rủi ro. Mặc dù các hoạt động rà phá bom mìn, y tế công cộng và các dự án gắn kết cộng đồng đã bị ảnh hưởng trực tiếp, nhưng bài học sâu sắc hơn vẫn còn rõ ràng: Campuchia phải đánh giá lại chiến lược hợp tác đối ngoại của mình, giảm sự phụ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào để duy trì sự linh hoạt trong chính sách và quyền tự chủ phát triển.

Hơn nữa, Campuchia cũng có xu hướng thu hẹp khoảng cách giữa “Dân chủ và Chủ nghĩa thực dụng”. Điểm bất đồng cốt lõi trong quan hệ Mỹ - Campuchia vẫn là vấn đề dân chủ và nhân quyền. Giới lãnh đạo Campuchia từ lâu đã hoài nghi về cách tiếp cận của Mỹ trong việc thúc đẩy cải cách dân chủ, coi đó là quá lý tưởng và thiếu cân nhắc thực tế. Bộ Ngoại giao Campuchia từng trích dẫn lời một nghị sĩ Mỹ để bày tỏ quan điểm này: “*Đầu tư hàng tỷ USD ra nước ngoài để thúc đẩy thay đổi chế độ không phải là dân chủ thực sự*” [Ministry of Foreign Affairs & International Cooperation, 2017]. Mối lo ngại này đã tồn tại từ lâu. Ngay từ năm 2022, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật Dân chủ và Nhân quyền Campuchia, áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với những cá nhân bị coi là phá hoại tiến trình dân chủ.

Bên cạnh đó, Marco Rubio, một chính trị gia có quan điểm cứng rắn về vấn đề Trung Quốc và là người ủng hộ chủ chốt của đạo luật này, đã công khai bày tỏ quan ngại về tình hình chính trị Campuchia vào năm 2022. Ông Rubio, hiện là chủ tịch Thượng viện, đã chỉ trích gay gắt giới lãnh đạo Campuchia [David Hutt, 2024]. Tuy nhiên, giới phân tích cho rằng áp lực tư tưởng quá mức có thể phản tác dụng, đẩy nhanh xu hướng Campuchia nghiêng về Trung Quốc. Campuchia liên tục kêu gọi Mỹ tập trung vào hợp tác thực dụng và tôn trọng lẫn nhau, thay vì thúc đẩy cải cách. Campuchia coi quan hệ với Trung Quốc là một cân nhắc thực dụng về kinh tế và an ninh, do Trung Quốc là đối tác thương mại và đầu tư lớn nhất. Nếu Mỹ hy vọng xây dựng một mối quan hệ đối tác có ảnh hưởng lớn hơn tại Campuchia, họ phải vượt ra khỏi khuôn khổ giá trị đơn nhất và áp dụng một cách tiếp cận hợp tác thực dụng hơn, tìm kiếm tiếng nói chung với lợi ích của Phnom Penh thay vì áp đặt áp lực chính trị đơn phương.

Có thể nói, sự thay đổi chiến lược của Campuchia không chỉ đơn thuần là một lựa chọn ngoại giao cấp quốc gia, mà còn là một hình ảnh thu nhỏ về cách các quốc gia Đông Nam Á nhỏ hơn tìm kiếm quyền tự chủ trong bối cảnh cạnh tranh do các cường quốc chi phối. Campuchia không phản đối cạnh tranh Mỹ - Trung, nhưng hy vọng Mỹ sẽ nhận ra rằng các chính sách kiềm chế hung hăng sẽ chỉ làm sâu sắc thêm sự phụ thuộc của các quốc gia nhỏ hơn vào Trung Quốc và làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực. Đối mặt với môi trường địa chính trị không ngừng

biến đổi, các nước Đông Nam Á đang nỗ lực từ bỏ vai trò thụ động, thích nghi và tìm kiếm các mô hình hợp tác linh hoạt hơn, dựa trên lợi ích và thực dụng hơn, thay vì bị buộc phải chọn phe. Nếu Mỹ hy vọng duy trì ảnh hưởng lâu dài trong khu vực, họ phải điều chỉnh chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, ưu tiên hội nhập kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng và hợp tác an ninh thực dụng, thay vì gây áp lực buộc các quốc gia nhỏ hơn phải đưa ra lựa chọn nhị nguyên. Nếu không, Mỹ không chỉ có nguy cơ mất lợi thế chiến lược ở Đông Nam Á mà còn bị gạt ra ngoài lề trong một khu vực đang tích cực định hình tương lai của chính mình.

#### **4.4.3. Đánh giá các kịch bản đối với xu thế chính sách của Campuchia với Mỹ**

Chính sách của Campuchia với Mỹ trong thời gian tới cũng như quan hệ hai nước theo các kịch bản sau:

*Kịch bản 1: Campuchia sẽ nỗ lực cải thiện quan hệ với Mỹ trong thời gian tới và quan hệ hai nước được cải thiện.*

*Kịch bản 2: Campuchia nhìn nhận Mỹ như đối thủ và quan hệ hai nước tiếp tục căng thẳng, Mỹ gia tăng sức ép mạnh mẽ hơn đối với Campuchia.*

*Kịch bản 3: Campuchia thận trọng hơn trong quan hệ với Mỹ, thực hiện chính sách duy trì khoảng cách với Mỹ, quan hệ hai nước không được cải thiện.*

Trong số các kịch bản trên, kịch bản 1 có khả năng xảy ra dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, Hun Manet có quan điểm riêng biệt và mối quan hệ hữu ích trong quân đội và chính quyền Mỹ vì ông từng tốt nghiệp Học viện Quân sự Mỹ tại West Point. Ông có khả năng thu hẹp khoảng cách giữa hai quốc gia bằng cách sử dụng trình độ học vấn và chuyên môn của mình để thúc đẩy sự hợp tác và giao tiếp về một loạt các vấn đề chiến lược.

Thứ hai, trong Hội nghị thường niên của Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế Campuchia diễn ra từ ngày 03 - 05/3/2025, Thủ tướng Hun Manet đã tái khẳng định Campuchia tiếp tục theo đuổi chính sách trung lập, không liên kết và đưa ra 06 định hướng đối ngoại trong thời gian tới: i) Làm sâu sắc hơn các mối quan hệ song phương hiện có và mở rộng quan hệ hữu nghị với tất cả các quốc gia, bằng cách thúc đẩy lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau, thiết lập quan hệ đối tác “cùng thắng”

trên mọi lĩnh vực (chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội). Đặc biệt, tập trung vào việc xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng trực tiếp; ii) Thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, thông qua việc tích cực tham gia vào quản trị toàn cầu, ủng hộ các hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ và tăng cường đóng góp của Campuchia vào hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trên toàn thế giới; iii) Tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN, bằng cách củng cố sự đoàn kết của ASEAN và vai trò trung tâm của Khối trong việc duy trì ổn định khu vực, ủng hộ giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, đóng góp vào lợi ích chung và sự thịnh vượng của ASEAN và hiện thực hóa Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045; iv) Thúc đẩy ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa để mở rộng sự hiện diện của đất nước trên thị trường toàn cầu, tăng cường quan hệ thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy du lịch và tận dụng di sản văn hóa của đất nước để tăng cường tăng trưởng kinh tế và hình ảnh quốc gia; v) Tăng cường các nỗ lực ngoại giao công chúng để chống lại thông tin sai lệch, bảo vệ và quảng bá hình ảnh tốt đẹp cũng như lợi ích quốc gia của Campuchia trên trường quốc tế; vi) Nâng cao sức mạnh của nền ngoại giao Campuchia thông qua cải cách thể chế và cải thiện hiệu quả hoạt động cũng như tính chuyên nghiệp của ngành ngoại giao [Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation, 2025].

Đồng thời, tại lễ khánh thành Cảng Du lịch Quốc tế Kampot (ngày 21/4/2025), Thủ tướng Hun Manet tái khẳng định chính sách đối ngoại trung lập, chọn hợp tác thay vì đối đầu, hợp tác với cả Mỹ và Trung Quốc để bảo vệ sức mạnh của nền kinh tế. Ông nhấn mạnh: "Campuchia chọn cả hai quốc gia (Mỹ và Trung Quốc) để đảm bảo sức mạnh của nền kinh tế", khẳng định độc lập, chủ quyền và không chịu áp lực từ bất kỳ ai; "Chúng tôi là bạn với tất cả các nước. Chúng tôi không coi bất kỳ nước nào là kẻ thù" [Seoung Nimol, 2025].

Dựa vào những định hướng trên, có thể nhận định rằng Campuchia đang nỗ lực và phát đi tín hiệu cải thiện và làm sâu sắc hơn các mối quan hệ ngoại giao nói chung, trong đó có Mỹ trên cơ sở chiến lược rõ ràng, không đơn thuần mang tính ngẫu hứng hay phản ứng tình huống. Hay nói cách khác, Campuchia mong muốn phát triển quan hệ thực chất, bình đẳng và không bị chi phối bởi các liên minh khép

kín - tạo tiền đề thuận lợi để tái khởi động và làm mới quan hệ với tất cả các đối tác, đặc biệt là với Mỹ sau một giai đoạn nhiều căng thẳng dưới thời Hun Sen. Mặt khác, định hướng (ii) về thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, tham gia tích cực vào quản trị toàn cầu và gìn giữ hòa bình LHQ cũng rất phù hợp với cách tiếp cận chiến lược FIOP của Mỹ - duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Campuchia khi thể hiện vai trò xây dựng tại các thể chế toàn cầu có thể khơi gợi lại sự quan tâm từ Mỹ trong việc tái lập các chương trình hỗ trợ phát triển và hợp tác an ninh. Thêm vào đó, định hướng (iii) về việc tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN, củng cố đoàn kết nội khối và giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, là điểm giao thoa lợi ích quan trọng giữa Campuchia và Mỹ. Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung ngày càng gay gắt, định hướng này như là một sự cam kết mềm của Campuchia trong việc tạo đồng thuận và ngăn ngừa chia rẽ nội khối. Đây là điểm tích cực của nước này góp phần cải thiện cái nhìn của Mỹ đối với Campuchia, đặc biệt khi Campuchia từng bị chỉ trích là “thiên lệch về Bắc Kinh” trong các cuộc họp ASEAN giai đoạn 2012 - 2016.

Hiện nay, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia, vì vậy nỗ lực thúc đẩy quan hệ với Mỹ sẽ phù hợp với định hướng về ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa của Hun Manet. Song song, định hướng (v) về ngoại giao công chúng nhằm chống lại thông tin sai lệch và quảng bá hình ảnh đất nước là bước đi quan trọng trong bối cảnh quan hệ Campuchia - Mỹ từng bị tổn hại bởi các tranh cãi về nhân quyền, tự do báo chí và ảnh hưởng Trung Quốc. Cuối cùng, định hướng (vi) về cải cách thể chế ngoại giao, nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của ngành ngoại giao Campuchia, là yếu tố then chốt giúp chính sách đối ngoại vận hành ổn định và có chiều sâu trong thời gian tới. Qua đó, Campuchia sẽ có đội ngũ cán bộ ngoại giao đủ năng lực để đàm phán, đối thoại với một cường quốc như Mỹ để cải thiện mối quan hệ.

Có thể nói dưới thời Hun Manet, chính sách đối ngoại của Campuchia đã chuyển hướng sang một mô hình linh hoạt, đa phương hóa và ít đối đầu hơn. Với Mỹ, đây chính là giai đoạn “cửa sổ chiến lược” để tái định hình quan hệ, đặc biệt nếu Mỹ điều chỉnh cách tiếp cận mềm mỏng hơn, tập trung vào hợp tác kinh tế, an ninh biển, giáo dục và biến đổi khí hậu - những lĩnh vực mà Campuchia thể hiện sẵn

sàng đối thoại. Trong bối cảnh môi trường khu vực đang chịu nhiều xáo trộn, cả hai bên đều có động cơ và dư địa để cải thiện quan hệ, miễn là những định hướng nói trên được cụ thể hóa bằng các hành động thực tiễn, song phương cùng có lợi và có lộ trình xây dựng lòng tin rõ ràng.

Thứ ba, từ khi nhậm chức vào tháng 8/2023, Thủ tướng Hun Manet đã có nhiều động thái ngoại giao thực tiễn thể hiện xu hướng làm “ấm” lại quan hệ với Mỹ sau thời kỳ căng thẳng dưới thời cha ông - cựu Thủ tướng Hun Sen. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất là việc tiếp đón Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Lloyd Austin trong chuyến thăm Campuchia tháng 6/2024 - sự kiện đầu tiên ở cấp cao như vậy kể từ khi quan hệ quốc phòng song phương bị đình chỉ vào năm 2017. Tại cuộc gặp, Hun Manet thể hiện thiện chí khôi phục hợp tác quốc phòng và mở rộng kênh đối thoại an ninh - điều chưa từng diễn ra trong giai đoạn quan hệ căng thẳng trước đó. Bên cạnh đó, Chính phủ do ông đứng đầu đã tuyên bố mở cửa căn cứ hải quân Ream - vốn được Trung Quốc hỗ trợ nâng cấp - cho tàu hải quân các nước khác, bao gồm cả Mỹ vào thăm, như một cách trấn an cộng đồng quốc tế rằng Campuchia không để căn cứ này bị độc quyền sử dụng. Trong lĩnh vực kinh tế, Hun Manet chỉ đạo đoàn đàm phán thương mại thể hiện thiện chí rõ rệt khi đề xuất giảm thuế nhập khẩu đối với 19 mặt hàng của Mỹ từ 35% xuống 5% - một động thái nhằm cân bằng thương mại và tạo điều kiện nối lại đàm phán về quy chế thương mại ưu đãi (GSP). Ngoài ra, Chính phủ mới cũng đẩy mạnh ngoại giao công chúng nhằm cải thiện hình ảnh Campuchia với các đối tác phương Tây, thông qua việc tiếp nhận các phái đoàn doanh nghiệp Mỹ, tổ chức diễn đàn xúc tiến đầu tư song phương và thể hiện quan điểm ôn hòa hơn về các vấn đề nhân quyền trong các tuyên bố ngoại giao. Những bước đi này cho thấy Hun Manet không chỉ duy trì đường lối thân Trung Quốc như trước đây, mà đang chủ động tái cân bằng chiến lược đối ngoại - trong đó việc cải thiện quan hệ với Mỹ được xem là một ưu tiên thực dụng để mở rộng không gian hợp tác và nâng cao vị thế quốc tế của Campuchia.

Thứ tư, trong xung đột biên giới Thái Lan - Campuchia năm 2025, Mỹ đã thể hiện sự can dự chủ động và trực tiếp ở cấp ngoại giao, đặc biệt thông qua các kênh liên lạc cấp cao với lãnh đạo hai nước nhằm ngăn chặn nguy cơ leo thang xung đột.

Mỹ không chỉ dừng ở các tuyên bố kêu gọi kiềm chế mà còn triển khai ngoại giao khủng hoảng, kết hợp giữa gây sức ép chính trị, hỗ trợ kỹ thuật và viện trợ nhân đạo. Mỹ công khai ủng hộ vai trò của Nhóm Quan sát viên ASEAN và khuôn khổ giải quyết tranh chấp khu vực. Phản ứng này của Mỹ có thể góp phần giảm thiểu cảm nhận bị “bỏ rơi” như xung đột với Thái Lan giai đoạn 2008 - 2011 và tin tưởng vào vai trò của Mỹ đối với an ninh khu vực. Đồng thời, vào ngày 01/8/2025, Tổng thống D.Trump đã quyết định giảm mức thuế đối ứng của Campuchia từ 49% xuống 19%. Đây là một tín hiệu tốt về mặt chính trị, một cơ hội tốt cho nền kinh tế Campuchia và là cơ sở để Campuchia thúc đẩy hợp tác kinh tế với một cường quốc nơi đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước này.

Thứ năm, trong Chiến lược Ngũ giác - Giai đoạn I (Pentagonal Strategy - Phase I), được Chính phủ Campuchia công bố, là xây dựng nền tảng vững chắc để thực hiện Cambodia Vision 2050 thông qua phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, cân bằng, có khả năng chống chịu trước các biến động, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống người dân. Theo đó, đến năm 2030, Campuchia đặt mục tiêu trở thành một quốc gia thu nhập trung bình cao và trở thành nước thu nhập cao vào năm 2050. Vì vậy, Campuchia rất cần thu hút nguồn lực để thực hiện các mục tiêu trên và Mỹ là một trong những lựa chọn hữu ích đối với sự phát triển toàn diện của Campuchia trong giai đoạn tới.

Mặc dù vậy, để mối quan hệ được cải thiện một cách thực chất và bền vững, vẫn có một số vấn đề cần đặt ra với chính quyền Hun Manet: i) Campuchia làm thế nào để cải thiện mối quan hệ với Mỹ nhưng không làm ảnh hưởng gì tới “mối quan hệ sắt son” với Trung Quốc? bởi trên thực tế, Trung Quốc vẫn là quốc gia cung cấp sự bảo đảm an ninh, hỗ trợ phát triển hạ tầng cơ sở, ủng hộ chính trị vô điều kiện. Hun Manet cần phải rất khôn ngoan trong mỗi quyết sách, “cân bằng mềm” giữa hai cường quốc. Trong trung hạn, Campuchia vẫn theo hướng “phòng bị nước đôi mềm” duy trì chiến lược Trung Quốc là trụ cột, Mỹ sẽ vẫn là đối tác có chọn lọc (trong một số lĩnh vực kinh tế, công nghệ, giáo dục...) tránh các lĩnh vực chính trị nhạy cảm; ii) Campuchia cần xây dựng niềm tin chiến lược đối với Mỹ và phá vỡ được “rào cản địa chính trị” từ Mỹ thay vì chỉ căn cứ vào những thiện chí ban đầu

(VD: ứng xử của Campuchia về vấn đề an ninh khu vực tại các cơ chế đa phương của ASEAN; ứng xử trong quan hệ với Trung Quốc; minh bạch thông tin về căn cứ quân sự Ream...); iii) Campuchia cần phải giải quyết được bài toán giữa một bên là nhu cầu đa dạng hóa quan hệ để tránh bị lệ thuộc với một bên là áp lực phải bảo vệ các giá trị cốt lõi của chế độ trước những yêu cầu và điều kiện từ phía Mỹ.

## **4.5. Hàm ý chính sách cho Việt Nam**

### ***4.5.1. Cơ sở đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam***

Thứ nhất, *đối với quan hệ Việt Nam - Campuchia*. Việt Nam và Campuchia là hai quốc gia láng giềng, có đường biên giới tiếp giáp kéo dài 10 tỉnh của phía Việt Nam và 10 tỉnh của Campuchia. Hai quốc gia có truyền thống gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau trong suốt chiều dài lịch sử. Đặc biệt, sau hơn 58 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ hai nước đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả lĩnh vực, góp phần củng cố mối đoàn kết giữa hai dân tộc, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước. Quan hệ Việt Nam - Campuchia là mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện và bền vững, được hun đúc qua lịch sử lâu đời, bao gồm sự hỗ trợ lẫn nhau trong các cuộc chiến giải phóng dân tộc. Quan hệ này hiện nay đang phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa, với sự cam kết của lãnh đạo và nhân dân hai nước nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết này cho các thế hệ tương lai.

Trước tình hình mới, lãnh đạo Việt Nam, Campuchia tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ truyền thống và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước, coi đây là mối quan hệ chiến lược lâu dài, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của mỗi nước, cần phải được giữ gìn, phát huy và truyền tiếp cho các thế hệ mai sau. Hai nước đều mong muốn tiếp tục được củng cố, phát triển mối quan hệ “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” lên tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Trong chuyến thăm cấp Nhà nước Vương quốc Campuchia của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, từ ngày 20 - 22/7/2017, Thủ tướng Hun Sen nhất trí hoàn toàn với đề nghị 5 điểm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về hướng tăng cường quan hệ giữa hai Đảng,

hai nước trong thời gian tới là: Tăng cường, duy trì thường xuyên, hiệu quả các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai nước; đồng thời, mở rộng hợp tác rộng rãi giữa các bộ, ngành, các tổ chức nhân dân, các địa phương, nhất là các địa phương có chung biên giới nhằm giúp đỡ nhau một cách thiết thực, có hiệu quả; không ngừng đẩy mạnh công tác giáo dục cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về tình đoàn kết hữu nghị truyền thống và quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Campuchia.

Thứ hai, *đối với quan hệ Việt Nam - Mỹ*. Quan hệ Việt Nam - Mỹ phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Ngày 11/7/1995, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Võ Văn Kiệt và Tổng thống Mỹ B.Clinton chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao, đánh dấu bước ngoặt lịch sử và mở ra chương mới trong quan hệ song phương, hướng tới hợp tác, hòa bình và phát triển. Từ thời điểm đó, quan hệ Việt Nam - Mỹ không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước được nâng tầm theo hướng thực chất, ổn định và lâu dài. Năm 2000, hai nước ký kết Hiệp định Thương mại song phương (BTA) Việt Nam - Mỹ, tạo nền tảng pháp lý quan trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Cũng trong năm 2000, Tổng thống Mỹ B.Clinton là vị nguyên thủ Mỹ đầu tiên thăm chính thức Việt Nam sau chiến tranh, đánh dấu bước tiến quan trọng trong tiến trình bình thường hóa quan hệ song phương. Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phan Văn Khải thực hiện chuyến thăm chính thức đầu tiên tới Mỹ, mở ra giai đoạn phát triển mới trong trao đổi đoàn cấp cao và thúc đẩy hợp tác toàn diện giữa hai nước. Tháng 7/2013, trong chuyến thăm chính thức Mỹ, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng thống Mỹ B.Obama tuyên bố thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện Việt Nam - Mỹ, tạo khuôn khổ hợp tác sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ đến giáo dục - đào tạo và quốc phòng - an ninh. Tháng 9/2023, nhân chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Mỹ J. Biden, hai nước tuyên bố nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện. Sự kiện này là bước phát triển quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược và sự nỗ lực bền bỉ của cả hai nước, phù hợp với mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Mỹ.

Việc Việt Nam nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ đã đưa quan hệ hai nước bước vào giai đoạn mới phát triển sâu sắc hơn. Sự gia tăng hiện diện của Mỹ góp phần thúc đẩy xây dựng các cấu trúc hợp tác dựa trên luật lệ, và các quy tắc trong luật pháp quốc tế. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Trong khoảng 30 năm qua, Việt Nam và Mỹ cho thấy quan hệ đang ngày càng sâu sắc, hai bên có nhiều mối quan tâm chung và có cùng lợi ích trên nhiều lĩnh vực. Khi nhìn vào diễn biến phức tạp trên thế giới hiện nay, việc hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của an ninh và luật pháp quốc tế ở khu vực càng quan trọng.

Thứ ba, *mục tiêu chiến lược đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới*. Hội nhập quốc tế của Việt Nam được nâng lên một tầm cao trong thời gian tới. Hội nhập quốc tế đã thực sự trở thành một động lực quan trọng để nâng cao nội lực, phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển đất nước, trong đó có phát triển khoa học-công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế; đưa nền kinh tế Việt Nam lớn mạnh, hội nhập sâu rộng với thế giới. Đặc biệt là Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW. Nghị quyết số 59-NQ/TW lần này là phần đầu đưa hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh là một trong trụ cột của hội nhập quốc tế, đặc biệt trong quan hệ với các đối tác quan trọng. Về mục tiêu của hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 59-NQ/TW đặt ra mục tiêu tổng quát góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực vào phát triển và bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa; tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, phát triển nhanh và bền vững; tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam để phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa...

Có thể nói, Nghị Quyết 59-NQ/TW là cơ sở quan trọng để chúng ta xác định phương hướng chiến lược của đối ngoại Việt Nam trong thời gian tới. Đây cũng là cơ sở để chúng ta đưa ra những gợi mở cho Việt Nam trong việc thúc đẩy chính sách đối ngoại với các quốc gia cụ thể trong thời gian tới, trong đó có Campuchia và Mỹ.

#### **4.5.2. Một số hàm ý chính sách cụ thể cho Việt Nam**

Từ việc phân tích những tác động (cả chiều kích cơ hội và thách thức) và từ thực tiễn Campuchia triển khai chính sách đối ngoại với Mỹ, chúng ta có thể tận dụng một số cơ hội phát triển và thúc đẩy quan hệ đối ngoại và giảm thiểu những rủi ro.

Trước bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc, các nước nhỏ và quốc gia tầm trung tại khu vực Đông Nam Á buộc phải định hình lại chính sách đối ngoại nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia một cách linh hoạt và khôn khéo. Việt Nam hiện duy trì quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với cả Mỹ và Trung Quốc - hai cường quốc có ảnh hưởng sâu rộng tại khu vực - nhưng vẫn đối mặt với những thách thức nhất định: Mỹ thường xuyên nêu quan ngại về nhân quyền, trong khi Trung Quốc có ảnh hưởng lớn về kinh tế và địa chính trị, đặc biệt trong vấn đề Biển Đông. Dù vậy, khác với Campuchia, Việt Nam vẫn giữ được mức độ tự chủ chiến lược đáng kể.

Trong bối cảnh đó, bài học từ Campuchia đặt ra những quan ngại cho Việt Nam về nguy cơ mất cân bằng trong quan hệ đối ngoại. Với vị thế địa lý chiến lược và vai trò của Việt Nam như một quốc gia “tầm trung mới nổi” lại mở ra những cơ hội đặc biệt để Việt Nam đóng vai trò cân bằng giữa các cường quốc, tối ưu hóa lợi ích mà không bị cuốn vào xung đột hoặc lệ thuộc. Từ đây, một số hàm ý chính sách có thể được rút ra nhằm củng cố tính tự chủ chiến lược và tăng cường vị thế của Việt Nam trong môi trường quốc tế đang thay đổi nhanh chóng:

Thứ nhất, *bài học về đa dạng hóa quan hệ đối ngoại*. Một trong những bài học quan trọng từ chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ là tầm quan trọng của việc đa dạng hóa quan hệ để giảm thiểu rủi ro từ sự phụ thuộc quá mức vào một cường quốc. Campuchia, dù hưởng lợi từ đầu tư và hỗ trợ chính trị của Trung Quốc, dẫn đến những giới hạn nhất định trong quan hệ với Mỹ và các đối tác phương Tây. Hệ lụy là Campuchia phải đối mặt với các biện pháp trừng phạt kinh tế và cô lập ngoại giao trong một số khía cạnh. Theo Chủ nghĩa Hiện thực, các nước nhỏ như Campuchia thường phải "phù thịnh" hoặc “cân bằng” giữa các cường quốc để bảo vệ lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, việc nghiêng mạnh về một phía của Campuchia cho

thấy chiến lược "phù thịnh" có thể mang lại lợi ích ngắn hạn nhưng gia tăng tính dễ tổn thương trong dài hạn, đặc biệt khi Mỹ gia tăng hiện diện tại khu vực qua chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Đối với Việt Nam, bài học này củng cố tầm quan trọng và tính đúng đắn của đường lối, chính sách “*đa phương hóa, đa dạng hóa*” trong quan hệ quốc tế, được xác định trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việt Nam đã đạt được một số thành công trong việc cân bằng quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, đặc biệt từ khi nâng cấp quan hệ với Mỹ lên “*Đối tác Chiến lược Toàn diện*” vào năm 2023. Tuy nhiên, sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc (chiếm khoảng 30% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam) và áp lực từ Mỹ về cải cách chính trị đặt ra thách thức tương tự như Campuchia. Để tránh rơi vào tình trạng “*bị kẹt*” giữa hai cường quốc, Việt Nam cần làm sâu sắc hơn nữa quan hệ với các đối tác khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU và Ấn Độ, đồng thời tận dụng các FTA như EVFTA, CPTPP, RCEP... để giảm phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc và Mỹ. Kinh nghiệm của Campuchia cho thấy rằng sự đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại không chỉ là một lựa chọn mà là một yêu cầu chiến lược để bảo vệ chủ quyền và lợi ích kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị ngày càng gay gắt.

Thứ hai, *quản lý áp lực từ các cường quốc về dân chủ và nhân quyền*. Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) cũng làm nổi bật thách thức trong việc quản lý áp lực từ các cường quốc về dân chủ và nhân quyền - một vấn đề mà Việt Nam cũng phải đối mặt. Mỹ đã sử dụng các công cụ kinh tế và ngoại giao, như trừng phạt và chỉ trích công khai, để gây áp lực lên Campuchia về các vấn đề như đàn áp đối lập và hạn chế tự do báo chí. Điều này phản ánh chiến lược rộng lớn hơn của Mỹ trong việc thúc đẩy các giá trị tự do tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, phản ứng của Campuchia - củng cố quan hệ với Trung Quốc để đối phó với áp lực từ Mỹ - cho thấy hướng tiếp cận thực dụng, đồng thời cũng làm dấy lên lo ngại, khi nó làm gia tăng sự phụ thuộc vào một đối tác ít đặt ra điều kiện về chính trị.

Việt Nam, với hệ thống chính trị nhất nguyên và lịch sử quan hệ phức tạp với Mỹ, cũng đối mặt với áp lực tương tự, đặc biệt trong các cuộc đàm phán thương mại và an ninh. Ví dụ, Mỹ thường xuyên đưa ra các báo cáo chỉ trích Việt Nam về tự do

tôn giáo và quyền lao động, như trong Báo cáo Tự do Tôn giáo Quốc tế hàng năm của Bộ Ngoại giao Mỹ [U.S. Department of State, 2024]. Tuy nhiên, không giống Campuchia, Việt Nam đã áp dụng một cách tiếp cận linh hoạt hơn, vừa hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực chiến lược (như an ninh hàng hải ở Biển Đông), vừa duy trì đối thoại để giảm thiểu căng thẳng về nhân quyền. Việc Việt Nam trở thành thành viên của Hội đồng Nhân quyền LHQ là một minh chứng rõ ràng cho nỗ lực xây dựng vị thế trên trường quốc tế, khi vừa duy trì ổn định chính trị trong nước, vừa chủ động cải thiện hình ảnh quốc tế (Báo Chính phủ, 2022). Trong khi Campuchia từng bị chỉ trích vì sự lệ thuộc vào Trung Quốc, Việt Nam đến nay vẫn giữ được thế “cân bằng động” giữa các đối tác lớn. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gia tăng, Việt Nam có thể rút ra bài học từ Campuchia trong việc điều tiết quan hệ với Trung Quốc, sao cho phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia mà không làm tổn hại đến tính tự chủ trong chính sách đối ngoại.

Thứ ba, *củng cố vai trò trong các cơ chế đa phương*. Chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) cung cấp bài học về vai trò của các nước nhỏ trong các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, LHQ và các cơ chế tiểu khu vực. Trong lúc mối quan hệ giữa Campuchia và Mỹ không mấy mặn nồng, Campuchia đã tận dụng các cơ chế đa phương để hạ nhiệt căng thẳng với Mỹ, đồng thời truyền thông về chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết và nâng cao vai trò, vị thế của Campuchia tại các diễn đàn này. Tuy nhiên, ở khía cạnh nào đó, Campuchia đã có những ứng xử đi ngược lại nguyên tắc “đồng thuận” cốt lõi trong ASEAN làm ảnh hưởng đến đoàn kết nội khối và vai trò trung tâm của ASEAN. Từ đó, làm xói mòn niềm tin chiến lược với Mỹ và các nước thành viên ASEAN.

Đối với Việt Nam, việc củng cố vai trò trong các cơ chế đa phương không chỉ là một định hướng ngoại giao quan trọng mà còn là một lựa chọn chiến lược của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Nhìn từ trường hợp Campuchia, có thể thấy rõ cách một quốc gia có quy mô vừa và nhỏ đã tận dụng các diễn đàn đa phương như ASEAN, LHQ, MUSP để “làm nóng” quan hệ với các đối tác lớn như Mỹ trong bối cảnh song phương còn nhiều hạn chế. Từ đó, Campuchia từng bước cải thiện hình ảnh quốc tế, tạo dựng kênh đối thoại ổn định và giảm thiểu sức ép chính trị. Mặc dù

vị thế, uy tín của Việt Nam hiện nay hoàn toàn khác với Campuchia nhưng đối với Việt Nam, việc chủ động và tích cực trong các cơ chế đa phương không chỉ giúp đa dạng hóa quan hệ đối ngoại mà còn là một công cụ thiết thực để nâng cao vị thế, bảo vệ lợi ích chiến lược và góp phần xây dựng một môi trường quốc tế ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển - đúng với đường lối “độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa” mà Đảng và Nhà nước Việt Nam đã kiên định theo đuổi.

Tuy nhiên, củng cố vai trò không có nghĩa là chỉ hiện diện tại các diễn đàn, mà quan trọng hơn là thể hiện rõ dấu ấn của Việt Nam qua việc chủ động kiến tạo, đề xuất sáng kiến, đóng góp thực chất vào quá trình hoạch định chính sách khu vực và toàn cầu. Trong ASEAN, Việt Nam cần tiếp tục là nhân tố trung gian điều hòa, thúc đẩy đồng thuận và duy trì vai trò trung tâm của Khối, nhất là trong các vấn đề nhạy cảm như Biển Đông, an ninh chuỗi cung ứng, an ninh mạng và phục hồi hậu COVID-19. Trong khuôn khổ ASEAN - Mỹ, Việt Nam có thể đóng vai trò cầu nối trong việc thúc đẩy các chương trình hợp tác thiết thực, đặc biệt trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng, kinh tế số - những lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của Việt Nam và nhu cầu hỗ trợ từ các đối tác phát triển. Tại LHQ và các cơ chế toàn cầu khác, Việt Nam có thể tích cực tham gia xây dựng luật lệ quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như an ninh phi truyền thống, trí tuệ nhân tạo, công nghệ cao, qua đó định hình luật chơi toàn cầu theo hướng công bằng và có lợi cho các quốc gia đang phát triển.

Để thực hiện hiệu quả định hướng này, Việt Nam cần chú trọng phát triển năng lực ngoại giao đa phương một cách toàn diện: đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, tư duy chiến lược và năng lực đàm phán sắc bén; tăng cường nghiên cứu chiến lược, theo dõi sát các xu thế toàn cầu và khu vực để đưa ra các phản ứng chính sách kịp thời và sáng tạo; xây dựng các cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả nhằm bảo đảm các sáng kiến đa phương gắn chặt với lợi ích phát triển trong nước. Đồng thời, Việt Nam cần chủ động lồng ghép ngoại giao đa phương vào các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chẳng hạn như thông qua việc tham gia các sáng kiến toàn cầu về tài chính khí hậu, tăng trưởng xanh, an sinh xã hội và giáo dục đào tạo, để không chỉ đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới mà còn tranh thủ các nguồn lực quốc tế phục vụ mục tiêu quốc gia.

Trong một thế giới đang phân mảnh và dễ tổn thương hơn bởi khủng hoảng khí hậu, dịch bệnh, xung đột và biến động kinh tế như hiện nay, các quốc gia “tâm trung” như Việt Nam cần thiết lập không gian chiến lược linh hoạt thông qua đa phương hóa. Cùng cố vai trò trong các cơ chế đa phương sẽ giúp Việt Nam duy trì thế cân bằng chiến lược giữa các nước lớn, phòng tránh rủi ro bị lôi kéo hoặc bị buộc phải chọn bên, đồng thời tạo điều kiện để Việt Nam thể hiện một hình ảnh quốc gia có trách nhiệm, xây dựng và đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định và phát triển bền vững trong khu vực và thế giới. Đây là con đường đúng đắn và dài hạn để Việt Nam nâng cao vị thế và khẳng định vai trò trong cấu trúc toàn cầu đang định hình lại.

Thứ tư, *đoàn kết nội bộ trong nước* là nền tảng thực hiện thành công chính sách đối ngoại. Nhìn vào trường hợp Campuchia, chúng ta thấy yếu tố chính trị nội bộ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong chính sách đối ngoại của Campuchia nói chung và với Mỹ nói riêng. Sự mất ổn định về chính trị, mâu thuẫn lợi ích của các đảng phái là rào cản lớn trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của nước này. Từ thực tiễn đó, hàm ý đối với Việt Nam là cần tiếp tục bảo đảm sự thống nhất trong toàn hệ thống chính trị giữa đối ngoại và đối nội, tiếp tục phát huy tình thân đoàn kết của dân tộc, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa nhưng linh hoạt trong phương thức phát triển để đảm bảo chính sách đối ngoại là cánh tay nối dài của chính sách đối nội. Suy cho cùng, chính là thu hút tổng lực để phát triển đất nước và nâng cao vị thế của Việt Nam.

Thứ năm, *tự chủ chiến lược và linh hoạt trong đối ngoại*. Là một nước nhỏ, nguồn lực hạn chế về mọi mặt nên Campuchia có phần phải phụ thuộc vào các nguồn lực từ các nước lớn, nhất là Mỹ và Trung Quốc. Từ phụ thuộc về kinh tế sẽ dẫn đến sự phụ thuộc về chính trị. Từ thực tiễn của Campuchia, bài học rút ra cho Việt Nam là: Trong bối cảnh cục diện thế giới biến động sâu sắc như hiện nay, chỉ có nội lực mạnh, năng lực tự chủ cao và bản lĩnh chính trị vững vàng mới giúp đất nước đứng vững, tránh lệ thuộc, ứng phó linh hoạt và tận dụng được cơ hội phát triển. Khác với Campuchia, Việt Nam là một quốc gia tâm trung “mới nổi”, với thế và lực tương đối, tự chủ chiến lược ở đây không phải là đứng ngoài hay trung lập

tuyệt đối, mà là năng lực chủ động điều chỉnh chính sách đối ngoại để tối đa hóa lợi ích quốc gia - dân tộc. Tự chủ chiến lược nhằm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và không gian quyết sách độc lập, đồng thời tránh bị lôi kéo vào cạnh tranh nước lớn. Tự chủ ở đây mang tính nguyên tắc và chiến lược lâu dài của Việt Nam. Việt Nam cần đầu tư vào phát triển về mọi mặt để tạo sức mạnh nội sinh, khi đó có đủ sức mạnh để tự chủ chiến lược.

Về tính linh hoạt trong đối ngoại: Từ thực tiễn việc Campuchia sử dụng chiến lược “phòng bị nước đôi” mang tính thực dụng và đôi khi thụ động; chiến lược “phù thịnh” để đôi lấy lợi ích kinh tế và sự bảo trợ an ninh trong ngắn hạn, dẫn đến mối quan hệ giữa Campuchia với các nước lớn thật sự không bền vững. Hàm ý chính sách cho Việt Nam là: duy trì chính sách “cân bằng động” dựa trên nền tảng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược để tránh bị lôi kéo hay ép buộc chọn bên, đan xen giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích của các bên. Từ đó, Việt Nam hài hòa được quan hệ với các nước và thể hiện được vai trò thành viên tích cực trong cộng đồng quốc tế.

Thứ sáu, *thúc đẩy mối quan hệ thực chất*. Với chính sách đối ngoại thực dụng của Campuchia trong quan hệ với Mỹ, Việt Nam cần phát triển mối quan hệ với Campuchia thực chất hơn nữa, quan tâm vào những lĩnh vực mà Campuchia đang có nhu cầu để phát triển đất nước. Đồng thời, trong sự tương tác đó, Việt Nam cũng cần có những động thái để Campuchia nhận thức rõ vai trò của nước này trong ASEAN, tầm quan trọng của tính đồng thuận nội Khối và vai trò trung tâm của tổ chức khu vực. Bên cạnh đó, bài học từ xói mòn niềm tin trong quan hệ quốc tế, Việt Nam cần xây dựng một mối quan hệ láng giềng hữu hảo, tạo vành đai mềm cho đất nước.

Từ những phân tích trên, luận án khẳng định rằng: Việt Nam với thể và lực khác Campuchia; hệ thống chính trị khác Campuchia; triết lý đối ngoại khác Campuchia. Vì vậy, hàm ý chính sách cho Việt Nam không phải là đi theo mô hình của Campuchia, mà là rút ra các bài học từ chính những hạn chế trong chính sách của nước láng giềng. Việt Nam kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa... đang và sẽ trở thành một đối tác không thể thiếu trong chiến lược khu vực của các nước hiện nay và trong tương lai.

#### **Tiểu kết chương 4**

Giai đoạn 2009 - 2024 chứng kiến sự vận động phức tạp và linh hoạt trong chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ, phản ánh đặc điểm đặc trưng chính sách đối ngoại của một nước nhỏ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng giữa các cường quốc. Campuchia đã vận dụng phương thức “phòng bị nước đôi”, để cân bằng quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc.

Về kết quả triển khai chính sách, Campuchia đã cơ bản đạt được mục tiêu chính sách đối ngoại đề ra trong quan hệ với Mỹ với một số thành tựu cụ thể như: thúc đẩy hợp tác kinh tế, duy trì và mở rộng được thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng chủ lực của Campuchia; thu hút được nguồn viện trợ để phát triển đất nước; bảo vệ được độc lập, tự chủ và an ninh quốc gia; nâng cao vị thế quốc gia, củng cố vai trò của Campuchia trong ASEAN và tiểu vùng Mekong.

Tuy nhiên, chính sách này cũng bộc lộ những vấn đề tồn tại: sự thiếu nhất quán và định hướng dài hạn trong quan hệ với Mỹ; xu hướng lệ thuộc ngày càng sâu về kinh tế - chiến lược vào Trung Quốc; sự hoài nghi từ cộng đồng quốc tế về tính minh bạch và trung lập trong chính sách đối ngoại của Campuchia. Chương 4 cũng phân tích tác động từ chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ tới chính bản thân nước này, chiến lược khu vực của Mỹ, quan hệ giữa Campuchia và Trung Quốc, quan hệ với các nước ASEAN và Việt Nam. Từ việc phân tích bối cảnh, xu thế và những diễn biến nội tại của cả hai nước, luận án đưa ra những kịch bản dự báo quan hệ Campuchia - Mỹ trong tương lai. Từ góc độ hàm ý chính sách cho Việt Nam, trường hợp Campuchia cho thấy tầm quan trọng của việc duy trì độc lập chiến lược, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, nhưng đồng thời cần tránh rơi vào thế lệ thuộc quá mức vào một bên. Việt Nam có thể rút ra bài học về sự cần thiết của việc xây dựng nội lực bền vững, cân bằng động và tận dụng tối đa các cơ chế đa phương, để duy trì vị thế, uy tín, ảnh hưởng của Việt Nam trong cục diện thế giới diễn biến phức tạp như hiện nay.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024), luận án rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) chịu tác động từ các yếu tố bên trong và bên ngoài. Trong đó, chính trị nội bộ của Campuchia, cạnh tranh Mỹ - Trung tại khu vực Đông Nam Á và sự hiện diện của Trung Quốc tại quốc gia này tác động sâu sắc đến chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ. Chính quyền Campuchia dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Sen và sau này là Hun Manet ưu tiên duy trì ổn định chế độ và kiểm soát chính trị nội bộ, từ đó có xu hướng dè dặt với các yêu cầu về dân chủ, nhân quyền và cải cách thể chế từ phía Mỹ. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á tạo ra áp lực nhất định, buộc Campuchia phải điều chỉnh chính sách một cách linh hoạt để không bị cuốn vào thế đối đầu. Trung Quốc, với vai trò là đối tác chiến lược toàn diện, vừa là nhà đầu tư, tài trợ hạ tầng cơ sở, vừa là “lá chắn chính trị” cho Phnom Penh trước áp lực phương Tây, đã trở thành một biến số then chốt trong việc định hình hành vi đối ngoại của Campuchia. Sự hiện diện sâu rộng của Trung Quốc tại các lĩnh vực kinh tế, an ninh và ngoại giao khiến Campuchia có xu hướng nghiêng về Bắc Kinh trong các vấn đề chiến lược, làm giới hạn mức độ gắn bó của quốc gia này với Washington.

Thứ hai, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ trong (2009 - 2024) là đại diện cho chính sách đối ngoại của nước nhỏ với nước lớn, trong đó “phòng bị nước đôi” là phương thức chủ đạo mà Phnom Penh vận dụng để ứng phó với cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc. Thay vì nghiêng hẳn về một phía, Campuchia linh hoạt kết hợp giữa hợp tác và đề phòng với cả hai cường quốc nhằm tối đa hóa lợi ích kinh tế - chính trị, đồng thời giảm thiểu rủi ro về an ninh và sự ổn định thể chế. Trên thực tế, Campuchia không thực hiện chiến lược cân bằng ngoài, bởi nước này không tìm cách dựa vào Trung Quốc để đối trọng với Mỹ, mà ngược lại, nhiều lần công khai ủng hộ lập trường của Bắc Kinh trong các vấn đề nhạy cảm như Biển Đông hay phán quyết của Tòa Trọng tài năm 2016. Đồng thời, Campuchia cũng không theo đuổi mô hình phù thịnh giới hạn, vì

hợp tác với Mỹ thường mang tính chọn lọc, không đi kèm với các cam kết sâu rộng về quân sự hay chính trị. Trong bối cảnh đó, chiến lược “phòng bị nước đôi” trở thành lựa chọn xuyên suốt, thể hiện qua việc Campuchia vừa tiếp nhận đầu tư và viện trợ từ Trung Quốc, vừa tận dụng thị trường xuất khẩu sang Mỹ và các chương trình ưu đãi thương mại từ EU, đồng thời mở rộng quan hệ với các đối tác an toàn như Nhật Bản nhằm đa dạng hóa nguồn lực và tránh phụ thuộc tuyệt đối. Cách tiếp cận này giúp Campuchia duy trì tăng trưởng kinh tế, củng cố ổn định chính trị, đồng thời né tránh được áp lực phải lựa chọn phe giữa hai siêu cường. Tuy nhiên, phương thức này cũng gây ra hệ quả nhất định: quan hệ với Mỹ và phương Tây có xu hướng xấu đi, uy tín quốc tế bị ảnh hưởng và nguy cơ lệ thuộc vào Trung Quốc ngày càng tăng. Trong bối cảnh Thủ tướng Hun Manet vừa lên nắm quyền, thách thức đặt ra là làm sao tiếp tục duy trì hiệu quả “phòng bị nước đôi” nhưng vẫn giữ được thế tự chủ chiến lược trong môi trường khu vực ngày càng phân cực và củng cố được niềm tin trong quan hệ với Mỹ.

Thứ ba, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) được triển khai trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực trên cả bình diện song phương và diễn đàn đa phương. Về cơ bản, Campuchia đã đạt được mục tiêu đối ngoại trong quan hệ với Mỹ với những kết quả cụ thể như: thu hút được nguồn lực để phát triển đất nước thông qua viện trợ và đầu tư từ Mỹ; thúc đẩy được thương mại và duy trì được thị trường xuất khẩu lớn nhất của Campuchia hiện nay; bảo vệ được độc lập, tự chủ, quyền tự quyết của quốc gia và từng bước nâng cao được tiếng nói của Campuchia tại các diễn đàn đa phương. Tuy nhiên, vấn đề về dân chủ, nhân quyền, môi quan hệ thân thiết của Campuchia với Trung Quốc và chính hành vi đối ngoại “nước đôi” của Campuchia chính là rào cản lớn trong quan hệ hai nước. Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Hun Manet với phong cách lãnh đạo mềm dẻo, linh hoạt hơn cùng với những mục tiêu mà chính quyền Hun Manet đưa ra vào năm 2030 và năm 2050 sẽ là cơ sở để Campuchia nỗ lực cải thiện quan hệ với Mỹ trong tương lai.

Thứ tư, quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ (2009 - 2024) với những diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ đến Campuchia,

Mỹ, quan hệ Campuchia - Trung Quốc, quan hệ nội Khối ASEAN và Việt Nam. Từ kinh nghiệm thực tiễn của Campuchia, có thể thấy rằng việc duy trì sự cân bằng chiến lược giữa các cường quốc không chỉ đòi hỏi sự linh hoạt trong hành động, mà còn cần một định hướng đối ngoại thực sự độc lập, nhất quán và chủ động. Nếu nghiêng hẳn về một phía và đánh đổi quá nhiều lợi ích dài hạn để đổi lấy hỗ trợ ngắn hạn, các nước nhỏ và vừa dễ rơi vào trạng thái bị động, mất lòng tin từ các đối tác khác và suy giảm vị thế trong cấu trúc khu vực. Đây là một bài học quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang nỗ lực duy trì chính sách cân bằng giữa các nước lớn trong một môi trường địa chính trị ngày càng cạnh tranh, đồng thời tận dụng vị thế của một quốc gia “tâm trung mới nổi” để nâng cao khả năng tự chủ chiến lược và tối ưu hóa lợi ích quốc gia.

Thứ năm, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ luôn có “bóng dáng của nhân tố Trung Quốc”. Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng Mỹ tỏ ra thờ ơ với Campuchia vì Campuchia được coi là đồng minh thân cận nhất của Trung Quốc trong khu vực. Mỹ có thể cho rằng hàng loạt chỉ trích và đề xuất trừng phạt Campuchia là để cảnh báo các nước khác rằng bất kỳ ai xích lại gần Trung Quốc đều sẽ phải đối đầu với Mỹ. Mặc dù Campuchia luôn muốn thể hiện một chính sách đối ngoại trung lập, đa dạng và linh hoạt trong quan hệ với các nước lớn, nhất là với Mỹ và Trung Quốc. Chính sách đối ngoại của Campuchia đang chuyển động theo hướng có thể làm hài lòng cả hai cường quốc, Trung Quốc và Mỹ, do tầm quan trọng to lớn của họ đối với an ninh và kinh tế của Vương quốc. Về quan hệ với Trung Quốc, Campuchia là nước ủng hộ mạnh mẽ chính sách Một Trung Quốc và Sáng kiến Vành đai và Con đường. Mối quan hệ chặt chẽ của Phnom Penh với Bắc Kinh không được phát triển bằng cách đánh đổi mối quan hệ của nước này với Washington. Campuchia thực sự đã có những cử chỉ tích cực đối với Washington trong nhiều vấn đề. Ví dụ, Campuchia có sự ủng hộ mạnh mẽ đối với Mỹ trong nhiều sáng kiến khu vực bao gồm ASEAN và khuôn khổ Hạ lưu sông Mê Kông. Campuchia là nước ủng hộ mạnh mẽ các chương trình MIA của Mỹ nhằm tìm kiếm hài cốt của những người lính Mỹ còn lại trong Chiến tranh Việt Nam trước khi bắt đầu tái lập ngoại giao. Hơn nữa, vào tháng 02/2020, theo yêu cầu của Mỹ,

Campuchia đã ngay lập tức đồng ý cho phép Tàu du lịch Westerdam, trên tàu có hơn 2000 người, bao gồm 600 người Mỹ, cập cảng biển của mình sau khi con tàu bị nã vùng lãnh thổ và đảo từ chối do lo ngại lây truyền COVID-19. Đây là một dấu hiệu cho thấy động thái của Campuchia nhằm khôi phục hợp tác và lòng tin với Mỹ thông qua các cử chỉ nhân đạo sau nhiều năm căng thẳng trong quan hệ. Ngoài ra, để đáp lại những lo ngại của Mỹ về căn cứ quân sự của Trung Quốc ở khu vực ven biển Campuchia, chính phủ Campuchia đã mời các quan sát viên nước ngoài bao gồm các nhà ngoại giao Mỹ, các đoàn ngoại giao nước ngoài khác tại Phnom Penh, các nhà báo và nhân viên các tổ chức phi chính phủ đến chứng kiến nơi Mỹ nghi ngờ. Về mặt quân sự, Campuchia luôn có ý định tăng cường hợp tác quốc phòng song phương với Mỹ và mong muốn Mỹ hỗ trợ và tham gia vào quá trình hiện đại hóa quân đội của mình. Bất chấp tất cả những hợp tác tích cực này, một số nhà lãnh đạo và nhà lập pháp Mỹ vẫn giữ tâm lý tiêu cực về quan hệ Campuchia - Trung Quốc và tâm lý này đã tiếp tục làm xói mòn lòng tin và sự hiểu biết lẫn nhau giữa Mỹ và Campuchia. Ngược lại, về phía Mỹ, Washington cũng đang tự mình đẩy Campuchia ngày càng gần gũi hơn với Trung Quốc. Có lẽ vào những năm 1990, với vị thế bá chủ độc tôn, Mỹ có thể không ngờ rằng một ngày nào đó họ sẽ phải đối đầu với Trung Quốc như hiện nay, nên Mỹ có thể không ngờ rằng các quốc gia đang phát triển nhỏ bé như Campuchia lại có thể lựa chọn một nước khác ngoài Mỹ. Chính những chính sách đối ngoại và phản ứng của Mỹ đã đẩy Campuchia ngày càng trở thành một trong những đồng minh mạnh mẽ của Trung Quốc.

Thứ sáu, quan hệ Campuchia - Mỹ hiện đang trải qua một giai đoạn phức tạp với những diễn biến gần đây âm lên và những căng thẳng tiềm ẩn dai dẳng. Mặc dù đã có những nỗ lực cải thiện quan hệ, được đánh dấu bằng một Hiệp định Thương mại Đối ứng (Agreement on Reciprocal Trade) vào ngày 26/10/2025 và những lời kêu gọi hợp tác, mối quan hệ này vẫn còn căng thẳng bởi những vấn đề tồn tại lâu dài như mối quan ngại của Mỹ về dân chủ, nhân quyền và ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Những thay đổi gần đây cho thấy Campuchia đang tìm cách cân bằng mối quan hệ với cả Mỹ và Trung Quốc, điều này đã dẫn đến cả việc tăng cường đối thoại lẫn những điểm bất đồng đang diễn ra. Dưới thời Trump 2.0, quan

hệ Campuchia - Mỹ có thể sẽ thuận lợi hơn. Thủ tướng Hun Manet được đánh giá là một “chiến lược gia ngoại giao thông minh, linh hoạt và thực tế” với cách tiếp cận mềm mỏng và linh hoạt hơn cha mình. Việc Trump trở lại nắm quyền sẽ mang lại những chính sách tích cực hơn cho Campuchia, đặc biệt là trong việc giảm bớt áp lực lên các vấn đề dân chủ và nhân quyền. Trong khi đó, Hun Manet hiện được cho là đang nắm bắt cơ hội và các ưu tiên từ chính sách của Mỹ trong khu vực để tháo gỡ những nút thắt trong mối quan hệ. Nhà lãnh đạo Campuchia sẵn sàng thảo luận về hợp tác theo phong cách “giao dịch” của Trump, bao gồm cả những vấn đề “nhạy cảm” như căn cứ hải quân Ream. Đây là một thông điệp quan trọng mà Chính phủ Hun Manet muốn gửi đến các nhà hoạch định chính sách của Trump 2.0, bao gồm cả Ngoại trưởng Marco Rubio, người đã chỉ trích mạnh mẽ các hoạt động quân sự của Trung Quốc tại Campuchia. Những động thái của Campuchia cho thấy mong muốn của Chính phủ Hun Manet trong việc xây dựng lòng tin và cải thiện quan hệ với Mỹ. Thay vì tiếp tục đường lối cứng rắn và đòi đầu của các nhiệm kỳ trước, Chính phủ Hun Manet đã thể hiện sự linh hoạt hơn và tích cực thúc đẩy đối thoại, trên tinh thần thiện chí. Hơn nữa, chính quyền Hun Manet cũng chủ động củng cố quan hệ với các đồng minh và đối tác lớn của Mỹ, bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Australia, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế và ngoại giao mà còn trong hợp tác quốc phòng.

Thứ bảy, những chuyển biến trong chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ tác động mạnh mẽ đối với Việt Nam. Chính đối ngoại của Campuchia với Mỹ đem lại cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam, một mặt việc quan hệ Campuchia và Mỹ lạnh nhạt dần lại là cơ hội để quan hệ Việt Nam - Mỹ gia tăng nhanh chóng, song sự suy giảm vai trò của Mỹ ở Campuchia đồng nghĩa với việc sự ảnh hưởng của Trung Quốc tại Phnom Penh gia tăng, điều đó có nghĩa là sức ép với Việt Nam càng lớn. Xét một cách toàn diện thì chính sách đối ngoại của Campuchia với các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc cũng góp phần làm gia tăng nguồn tài nguyên địa chính trị của Việt Nam trong khu vực. Thậm chí Việt Nam còn là mẫu hình để Campuchia học hỏi trong việc thực hiện chính sách đối ngoại với các cường quốc, nhất là với Mỹ và Trung Quốc.

Tóm lại, chính sách đối ngoại của Campuchia với Mỹ giai đoạn 2009 - 2024 là một trường hợp điển hình cho mô hình “ngoại giao sinh tồn” (survival diplomacy) của nước nhỏ. Dưới điều kiện bất cân xứng quyền lực, Campuchia không tìm cách thách thức trật tự, cũng không tuyệt đối phục tùng, mà sử dụng tổng hòa các công cụ: linh hoạt cấu trúc, phòng thủ thể chế, liên kết bất đối xứng và diễn ngôn hóa chủ quyền - để duy trì không gian hành động và tính chính danh chính trị. Trong một môi trường quốc tế ngày càng phân cực và cạnh tranh chiến lược gia tăng, Campuchia nổi lên như một trường hợp nghiên cứu giàu giá trị học thuật, góp phần làm rõ vai trò và giới hạn của nước nhỏ trong cấu trúc quyền lực toàn cầu thế kỷ XXI./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Dương Văn Huy, Trần Thị Thủy (2022), “Thực trạng và xu thế quan hệ chính trị - an ninh Campuchia - Mỹ”, *Châu Mỹ ngày nay* (5), tr.15-25.
2. Tran Thi Thuy, Vu Thi Anh Thu (2023), “Selecting a foreign strategy of Cambodia to great powers in the period of 2010 - 2022: Hedging, bandwagoning or balancing”, *Conference Proceedings of The International Conference on Global issues, trends and directions across disciplines, VNUHCM Press*, pp.362 - 380, ISBN: 978-604-73-9869-0.
3. Tran Thi Thuy, Vu Thi Anh Thu (2024), “Cambodia - US economic cooperation (2009 - 2023)”, *Second International Conference on the issues of social sciences and humanities, Vietnam National University Press, HaNoi*, pp.337-349, ISBN: 978-604-43-1656-7.
4. Tran Thi Thuy (2024), “US-Cambodia cooperation in the Mekong Sub-Region in the Context of US - China competition”, *Proceedings of Conference: Regional and sub-regional cooperation in East and Southeast Asia: Toward a sustainable and Innovative Future, Thế giới Publisher*, pp.51-73, ISBN 978-604-77-3984-4.
5. Tran Thi Thuy, Vu Thi Anh Thu (2025), “Fluctuation in Cambodia - the U.S Relations (1997 - 2024)”, *The Third International Conference on the issues of social sciences and humanities, Vietnam National University Press Vol.1*, pp.567-581, ISBN: 978-604-43-4874-2.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Quang Anh (2023), “Campuchia - thị trường đầu tư tiềm năng đối với các doanh nghiệp Mỹ”, *Bnews*, <https://bnews.vn/campuchia-thi-truong-dau-tu-tiem-nang-doi-voi-cac-doanh-nghiep-my/309989.html>, truy cập ngày 27/11/ 2025.
2. Báo Điện tử Chính phủ (2017), “Campuchia: Chủ tịch Đảng Cứu nguy dân tộc bị truy tố”, <http://baochinhphu.vn/Quoc-te/Campuchia-Chu-tich-Dang-Cuu-nguy-dan-toc-bi-truy-to/315785.vgp>, truy cập ngày 23/3/2025.
3. Báo Điện tử Chính phủ (2022), “Việt Nam trúng cử vào Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, nhiệm kỳ 2023-2025”, <https://baochinhphu.vn/viet-nam-trung-cu-vao-hoi-dong-nhan-quyen-lien-hop-quoc-nhiem-ky-2023-2025-102221012005934699.htm>, truy cập ngày 23/3/2025.
4. Both Sreng (2017), “Chính sách đối ngoại của Campuchia nhằm củng cố độc lập dân tộc giai đoạn 1993 - 2003”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (10), tr.120-125.
5. Bộ Quốc phòng Việt Nam (2019), *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Brantly Womack (2020), *Sự bất cân xứng về sức mạnh và các mối quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Bnews (2017), “Campuchia trước nguy cơ bị trừng phạt về kinh tế vì vấn đề chính trị”, <https://bnews.vn/campuchia-truoc-nguy-co-bi-trung-phat-kinh-te-vi-van-de-chinh-tri/69979.html>, truy cập ngày 26/11/2024.
8. Carlyle A.Thayer (2012), “Bàn về quan hệ giữa Campuchia và Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* (89), tr.95-110.
9. Chou, Vithoureakborndidh (2018), “Cuộc bầu cử ở Campuchia năm 2018: Sự độc quyền trên chính trường đã quay trở lại”, *Trung tâm Nghiên cứu quốc tế (SCIS), Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh*, <http://scis.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=556bdc61-5b69-4181-a299-2e52cb4601f6>, truy cập ngày 12/02/2025.
10. Chou, Vithoureakborndidh (2019), “Liệu Campuchia vẫn ở trong tầm ngắm của Mỹ? Góc nhìn của một người Campuchia”, *Trung tâm Nghiên cứu quốc tế (SCIS), Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh* (21).

11. Phạm Cao Cường (2022), *Chính sách an ninh của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời Tổng thống Donald Trump*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Duy Dũng (2010), *Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Trần Ngọc Dũng (2022), “Cạnh tranh ảnh hưởng của Trung Quốc và Mỹ ở Tiểu vùng sông Mekong trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* (4), tr.3-12.
14. Thành Đạt (2021), “Campuchia cho phép tùy viên Mỹ thăm căn cứ nghi liên quan tới Trung Quốc”, *Dân trí*, <https://dantri.com.vn/the-gioi/campuchia-cho-phep-tuy-vien-my-tham-can-cu-nghi-lien-quan-toi-trung-quoc-20210603153440702.htm>, truy cập ngày 26/11/2024.
15. Trần Hải Định (2017), “Sự phát triển kinh tế của Campuchia giai đoạn 2005 - 2015”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á* (3), tr.41-52.
16. Nguyễn Hoàng Giáp (2013), *Cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Nam Á giữa một số nước lớn hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đỗ Mạnh Hà (2018), “*Chính sách của Trung Quốc đối với Campuchia từ năm 1993 đến nay*”, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Hà Nội.
18. Thu Hiền (2018), “Nước Mỹ và sáng kiến Hạ nguồn sông Mekong”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/nuoc-my-va-sang-kien-ha-nguon-song-mekong-79736.html>, truy cập ngày 26/5/2025.
19. Trần Xuân Hiệp (2013), “Mỹ - Campuchia - Trung Quốc và những tác động từ mối quan hệ này”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh* (46), tr. 92 - 99.
20. Trần Xuân Hiệp (2014), *Quan hệ Campuchia - Việt Nam (1993 - 2010)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Cao Thị Mai Hoa (2022), “Hợp tác Campuchia - Mỹ trong phát triển xã hội từ năm 2010 đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (10), tr. 40-49.
22. Trịnh Thị Hoa, Nguyễn Huy Dũng (2013), “Hợp tác Mỹ - các nước tiểu vùng sông Mê Công đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/286-hop-tac-my-cac-nuoc-tieu-vung-song-me-cong-dau-the-ky-xxi.html>, truy cập ngày 03/02/2024.

23. An Hồng (2017), “Thủ tướng Hun Sen thúc giục Mỹ cắt viện trợ cho Campuchia”, <https://vnexpress.net/thu-tuong-hun-sen-thuc-giuc-my-cat-vien-tro-cho-campuchia-3672822.html>, truy cập ngày 23/11/2024.
24. Vũ Dương Huân (2018), *Về chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
25. Dương Văn Huy (2013), “Một số vấn đề trong cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ tại Campuchia”, *Tạp chí Sự kiện & Nhân vật* (08), tr.56-84.
26. Dương Văn Huy (2018), “Xu hướng quan hệ Campuchia với các nước lớn sau bầu cử”, *Thế giới toàn cảnh* (120), tr.7-9.
27. Dương Văn Huy (2019), “Sự chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Campuchia hiện nay”, *Thế giới Toàn cảnh* (151), tr.5-7.
28. Dương Văn Huy - Lê Chí Công (2021), “Tiến triển trong quan hệ Mỹ - Campuchia từ năm 2008 đến nay”, *Châu Mỹ ngày nay* (6), tr.3-19.
29. Dương Văn Huy - Ngô Văn Cương (2021), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc ở khu vực tiểu vùng sông Mê Công những năm gần đây”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (54), tr.58-67.
30. Dương Văn Huy, Trần Thị Thủy (2022), “Thực trạng và xu thế quan hệ chính trị - an ninh Campuchia - Mỹ”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (5), tr.15-25.
31. Dương Văn Huy (2023), “Vấn đề con người trong xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2045 (1)”, <https://aseanvietnam.vn/post/van-dje-con-nguoi-trong-xay-dung-tam-nhin-cong-djong-asean-djen-nam-2045-ky-1>, truy cập ngày 26/5/2025.
32. Trương Quốc Huy (2021), *Quan hệ Campuchia - Nhật Bản giai đoạn 2012 - 2020*, Luận văn Quan hệ quốc tế, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Nguyễn Đăng Khoa (2020), “Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Barack Obama và Donald Trump: Những điểm tương đồng và khác biệt”, *TNU Journal of Science and Technology* (15), tr. 25-33.

34. Đào Đình Kỳ (2015), *Chính sách của Mỹ đối với Campuchia từ năm 2000 đến năm 2015 và tác động tới Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Hà Nội.
35. Đào Đình Kỳ (2019), *Chính sách đối ngoại của Campuchia dưới thời Thủ tướng Hun Sen (1997 - 2017)*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Hà Nội.
36. Hoàng Khắc Nam (2011), *Quyền lực trong quan hệ quốc tế*, NXB Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
37. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội.
38. Hoàng Khắc Nam (2017a), *Hợp tác và hội nhập quốc tế: Lý luận và thực tiễn*, NXB Thế giới, Hà Nội.
39. Lê Linh Lan (2012), “Vai trò của các nước vừa và nhỏ trong quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương”, *Học viện Ngoại giao* (23), <https://www.dav.edu.vn/so-23-vai-tro-cua-cac-nuoc-vua-va-nho-trong-quan-he-quoc-te-o-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong/>, truy cập ngày 20/3/2025.
40. Lê Lêna (2023), “Nhận thức về yếu tố phi vật chất trong lý thuyết quan hệ quốc tế”, *Khoa học xã hội Việt Nam* (4), [http://admin.tapchikhxh.vass.gov.vn/upload/pdf/2023/07/08/6.le-le-na\\_08072023131030.pdf](http://admin.tapchikhxh.vass.gov.vn/upload/pdf/2023/07/08/6.le-le-na_08072023131030.pdf), truy cập ngày 10/7/2024.
41. Hoàng Thị Thanh Nhân (2021), “Sáng kiến vành đai con đường của Trung Quốc và phản ứng chính sách của một số quốc gia Đông Nam Á”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Đông Đô* (12), tr.4-8.
42. Trang Nhung (2020), “Mỹ dành thêm hơn 66 triệu USD viện trợ phát triển cho Campuchia”, *VietnamPlus*, <https://www.vietnamplus.vn/my-danh-them-hon-66-trieu-usd-vien-tro-phat-trien-cho-campuchia/682539.vnp>, truy cập ngày 02/6/2025.
43. Trang Nhung (2020), “Ngày 12/8 EU bắt đầu rút một phần ưu đãi thuế quan EBA với Campuchia”. *VietnamPlus*, <https://www.vietnamplus.vn/ngay-128-eu-bat-dau-rut-mot-phan-uu-dai-thue-quan-eba-voi-campuchia/657096.vnp>, truy cập ngày 08/4/2025.

44. Nguyễn Hồng Quang, Chủ Hoàng Anh (2023), “Cách tiếp cận mới của Mỹ trong thực thi chính sách đối với khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquptd.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/cach-tiep-can-moi-cua-my-trong-thuc-thi-chinh-sach-doi-voi-khu-vuc-dong-nam-a/20415.html>, truy cập ngày 20/3/2025.
45. Nguyễn Quân (2016), “Campuchia phản ứng Mỹ can thiệp nội bộ”, *Tuổi Trẻ Online*, <https://tuoitre.vn/campuchia-phan-ung-my-can-thiep-noi-bo-1171323.htm>, truy cập ngày 20/11/2024.
46. Khai Tâm (2024), “Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Campuchia”, <https://vietstock.vn/2024/12/my-van-la-thi-truong-xuat-khau-hang-dau-cua-campuchia-1326-1249810.htm?utm>, truy cập ngày 25/12/2024 .
47. Trần Việt Thái (2014), *Quá trình giải quyết vấn đề Campuchia trong chính sách đối ngoại Việt Nam giai đoạn 1979 - 1991 và một số bài học kinh nghiệm*, Luận án Tiến sỹ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Hà Nội.
48. Nguyễn Việt Thảo, Ngô Chí Nguyễn (2017), “Quan hệ nước nhỏ - nước lớn trong thế giới ngày nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (11), tr. 109-115.
49. Phạm Đức Thành, Vũ Công Quý (2009), *Những khía cạnh dân tộc - tôn giáo - văn hóa trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Kim Thoa (2020), “Campuchia phá bỏ tòa nhà Mỹ xây ở căn cứ hải quân Ream?”, *Tuổi Trẻ Online*, <https://tuoitre.vn/campuchia-pha-bo-toa-nha-my-xay-o-can-cu-hai-quan-ream-20201003065114211.htm>, truy cập ngày 15/8/2024.
51. Thông tấn xã Việt Nam (2017), “Campuchia trước nguy cơ bị trừng phạt kinh tế vì vấn đề chính trị”, <https://bnews.vn/campuchia-truoc-nguy-co-bi-trung-phat-kinh-te-vi-van-de-chinh-tri/69979.html>, truy cập ngày 20/4/2025.
52. Nguyễn Thị Thu (2019), *Phân cực chính trị ở Mỹ hiện nay: tình hình, nguyên nhân và tác động*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
53. Đỗ Thị Thủy (2021), *Ngoại giao cường quốc tầm trung: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
54. Thương vụ Việt Nam tại Campuchia (2025), “Cẩm nang giới thiệu thị trường Campuchia”, NXB Công Thương, Hà Nội.

55. Nguyễn Sỹ Tuấn (2015), *Một số giải pháp nhằm tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện giữa Việt Nam Campuchia giai đoạn 2013 - 2020*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước.
56. Nguyễn Sỹ Tuấn (2015), *Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Campuchia và tác động đến Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
57. Bùi Thanh Tuấn (2022), “Giá trị địa - chiến lược của Tiểu vùng sông Mekong”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825693/gia-tri-dia---chien-luoc-cua-tieu-vung-song-mekong.aspx>, truy cập ngày 20/01/2024.
58. Nguyễn Thành Văn (2011), “Quan hệ Campuchia - Mỹ từ năm 1954 đến năm 1965”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (7), tr. 23-38.
59. Nguyễn Thành Văn (2012), *Chính sách đối ngoại của Campuchia giai đoạn 1953 - 1970*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. Nguyễn Thành Văn (2018), *Chính sách đối ngoại của Campuchia từ năm 1993 đến nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
61. Nguyễn Khánh Vân, Nguyễn Xuân Trung (2022), “Tiếp cận chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á dưới thời kỳ chính quyền Tổng thống Mỹ Giô Bai - đơ”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/826595/tiep-can-chinh-sach-cua-my-doi-voi-khu-vuc-dong-nam-a-duoi-thoi-ky-chinh-quyen-tong-thong-my-gio-bai-don.aspx>, truy cập ngày 20/3/2025.
62. Thế Việt (2020), “Thủ tướng Campuchia: Trung Quốc không thể tiếp cận độc quyền căn cứ Ream”. *Báo Thế giới và Việt Nam*, <https://baoquocte.vn/thu-tuong-campuchia-trung-quoc-khong-the-tiep-can-doc-quyen-can-cu-ream-125665.html>, truy cập ngày 18/3/2025.
63. Vietstock (2017), “Đầu tư Mỹ tại Campuchia tăng mạnh trong năm 2016”, <https://vietstock.vn/2017/03/dau-tu-my-tai-campuchia-tang-manh-trong-nam-2016-1329-521573.htm>, truy cập ngày 27/11/2024.

64. VCCI (2022), “ASEAN là tâm điểm tăng trưởng của thế giới”,  
<https://aecvcci.vn/tin-tuc-n10526/asean-la-tam-diem-tang-truong-cua-the-gioi.htm>, truy cập ngày 27/11/ 2024.

### **Tiếng Anh**

65. Abdelraouf Mostafa Galal (2020), “External behavior of small states in light of theories of international relations”, *Review of Economics and Political Science* Vol. 5 (1), pp.38-56.
66. Adam Lupel, Kaewkamol Pitakdumrongkit, Joel Ng (2024), “Small States and the Multilateral System: Transforming Global Governance for a Better Future”. *International Peace Institute*,  
<https://www.ipinst.org/wp-content/uploads/2024/09/Small-States-and-the-Multilateral-System-web.pdf>, accessed on 28 August 2025.
67. A.F.K Organski, Jacek Kugler (1981), “The War Ledge”, *American Political Science Association*, pp.13-63.
68. AFPI (2025), “Establish an America First Foreign Policy”,  
[https://agenda.americafirstpolicy.com/assets/uploads/Pillar\\_6-1\\_-Deliver\\_Peace\\_Through\\_Strength\\_and\\_American\\_Leadership.pdf](https://agenda.americafirstpolicy.com/assets/uploads/Pillar_6-1_-Deliver_Peace_Through_Strength_and_American_Leadership.pdf), accessed on 28 March 2025.
69. Aharon Barth (2000), *Econo-Realism: Putting Economics at Center Stage. How Does, and Should, IR Research React to Expanding Economic Interdependence?* *International Studies Association*,  
<https://ciaotest.cc.columbia.edu/isa/baa01/>, accessed on 28 August 2025.
70. Aiden Warren Charles T. Hunt (2024), “What a Trump return might mean for AUKUS and the Quad”, <https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/what-trump-return-might-mean-aucus-quad>, accessed on 28 March 2025.
71. Akerlof, G. A. (1980), “A Theory of Social Custom, of Which Unemployment May be One Consequence”, *The Quarterly Journal of Economics* Vol.94(4), pp.749-775, <https://doi.org/10.2307/1885667>, accessed on 28 August 2025.

72. Alesina, A., Spolaore, E. (2003), "The size of nations", MIT Press, Cambridge.
73. Alex Mintz (2010), "Understanding Foreign Policy Decision Making", [https://www.researchgate.net/publication/236270833\\_Understanding\\_Foreign\\_Policy\\_Decision\\_Making](https://www.researchgate.net/publication/236270833_Understanding_Foreign_Policy_Decision_Making), accessed on 28 May 2025.
74. Andrew Yeo (2024), "Cultivating America's alliances and partners in the Indo-Pacific", <https://www.brookings.edu/articles/cultivating-americas-alliances-and-partners-in-the-indo-pacific/>, accessed on 10 March 2025.
75. Annette Baker Fox (1959), *The Power of Small States: Diplomacy in World War II*, University of Chicago Press.
76. Asean Vietnam Information Portal (2020), "Cambodia-US trade remains strong despite COVID-19", <https://aseanvietnam.vn/en/post/cambodia-us-trade-remains-strong-despite-covid-19>, accessed on 10 November 2024.
77. Bailes, A. J. K., Thayer, B. A., & Thorhallsson, B. (2016), "Alliance theory and small state alliance "shelter": The complexities of small state alliance behavior", *Third World Thematics* Vol.1(1), pp.9-26.
78. Baldur Thorhallsson (2006), "The Size of States in the European Union: Theoretical and Conceptual Perspectives", *Journal of European Integration* Vol.28(1), pp 7-31.
79. Baldur Thorhallsson, Alyson J.K.Bailes (2016), *Small State diplomacy*, The Sage Handbook of Diplomacy, pp.294-307.
80. Baldur Thorhallsson and Sverrir Steinsson (2017), "Small State Foreign Policy", *Oxford Research Encyclopedia of Politics*, pp.1-27, <https://uni.hi.is/baldurt/files/2018/09/Small-State-Foreign-Policy-5404.pdf>, accessed on 22 November 2024.
81. Baldur Thorhallsson, Sverrir Steinsson, Thorsteinn Kristinsson (2019), "The Small State in International Relations" in *Small States and Shelter Theory*, Routledge, New York, pp.13-23.
82. Bangkok Post (2021), "Angry Hunsen orders US weapons, Destroys", <https://www.bangkokpost.com/world/2230015/angry-hun-sen-orders-us-weapons-destroyed>, accessed on 22 November 2024.

83. Blum, W (2003), *Killing Hope: US Military and CIA Interventions since World War II*, Zed Books, London, p.137
84. Bradley J. Murg (2020), “Cooling US-Cambodia Relations: The Incentivization Argument and Its Errors”, *Pacific Forum* (58), [https://pacforum.org/wp-content/uploads/2024/01/PacNet58\\_10202020.pdf](https://pacforum.org/wp-content/uploads/2024/01/PacNet58_10202020.pdf), p.2, accessed on 4 March 2025.
85. Brendan Farrington (2024) “Things to know about Sen. Marco Rubio, Trump’s pick for secretary of state”, <https://apnews.com/article/trump-marco-rubio-secretary-of-state-25664371f80dcf3332838352165e4d48>, accessed on 4 March 2025.
86. Breuning Marijke (2007), *Foreign policy analysis*, Palgrave, New York, p.164.
87. Britannica (2024), “Hun Sen”, <https://www.britannica.com/biography/Hun-Sen>, accessed on 31 May 2025.
88. Bureau of Public Affairs (1996), “Cambodia (01/96), U.S. Department of State”,
89. <https://2009-2017.state.gov/outofdate/bgn/cambodia/21557.htm>, accessed on 31 May 2025.
90. Cambodianess (2019), “US aid for clearing war-era bombs in Cambodia exceeds \$140m: Report”, *Cambodianess*, <https://cambodianess.com/article/us-aid-for-clearing-war-era-bombs-in-cambodia-exceeds-140m-report>, accessed on 30 December 2024.
91. Cambodianess (2020), “The U.S. Disappointed by Cambodia’s Destruction of Naval Facility”, <https://cambodianess.com/article/the-us-disappointed-by-cambodias-destruction-of-naval-facility?>, accessed on 30 December 2024.
92. Carlyle A. Thayer (2012a), “Cambodia-United States Relations: from Cambodia and Others”, Chapter 8, in *Cambodia Progress and Challenges since 1991*, ISEAS-Yusof Ishak Institute, Singapore, pp.96 - 202.
93. Carlyle A. Thayer (2012b), “ASEAN’s Code of Conduct in the South China Sea: A Litmus Test for Community-Building?” *The Asia-Pacific Journal*, <https://apjpf.org/2012/10/34/carlyle-a-thayer/3813/article>, accessed on 30 December 2024.
94. Carlyle A. Thayer (2013), “The Tug of War Over Cambodia - USNI News”, <https://news.usni.org/2013/02/19/the-tug-of-war-over-cambodia>, accessed on 29 December 2024.

95. Cham Nimul & Ratnakar Adhikari (2024), “Lessons from Cambodia: how it is outgrowing its least developed status through openness”, *World Economic Forum*, <https://www.weforum.org/stories/2024/02/cambodia-ldc-graduation-economic-progress>, accessed on 5 April 2025.
96. Chandy Doung, William Kang, and Jaehun Kim.2022, “Cambodia’s foreign policy choice during 2010 to 2020: from Strategic Hedging to Bandwagoning”, *The Korean Journal of International Studies* Vol.20 (1), pp. 55 - 88.
97. Chansambath Bong (2019a), “Making US - Cambodia relations great again”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2019/12/14/making-us-cambodia-relations-great-again/>, accessed on 5 April 2025.
98. Chansambath Bong (2019b), “Cambodia’s Disastrous Dependence on China: A History Lesson”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2019/12/cambodias-disastrous-dependence-on-china-a-history-lesson>, accessed on 5 April 2025.
99. Chansambath Bong (2020), *Cambodia’s hedging foreign policy between the United States and China: The role of domestic politics, 1999 - 2019*, Thesis Security Studies program, Kansas State University, Manhattan.
100. Cheang Vannarith (2019), “Cambodia supports Japan’s Indo-Pacific Strategy”, *Khmer Times*, <https://www.khmertimeskh.com/605150/cambodia-supports-japans-indo-pacific-strategy/>, accessed on 5 April 2022.
101. Cheunboran Chanborey (2019), “Japan in Cambodia’s Delicate Hedging Strategy”, *Khmer Times*, <https://www.khmertimeskh.com/608572/japan-in-cambodias-delicate-hedging-strategy/>, accessed on 8 April 2025.
102. Chheng Niem (2019a), “What now for banned CNRP after law change signed off?”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national-politics/what-now-banned-cnrp-after-law-change-signed>, accessed on 02 June 2024.
103. Chheng Niem (2019b), “Hun Manet in Hawaii Counter-Terrorism Visit”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national/hun-manet-hawaii-counter-terrorismvisit>, accessed on 8 April 2025.

104. Chong T (2017), *The politics behind Cambodia's embrace of China*, ISEAS Perspective (59), pp.1-7.
105. Chris Alden and Amnon Aran (2017), *Foreign policy analysis, New approaches*, Routledge, London.
106. Christopher Woody (2020), "Demolition of US - built facility at Southeast Asian base raises new fears about a secret Chinese military deal", <https://www.businessinsider.com/cambodia-ream-base-changes-concerns-about-china-military-presence-2020-10>, accessed on 05 April 2025.
107. Ciorciari and Haacke (2019), "Hedging in international relations: an introduction", *International Relations of the Asia - Pacific* Vol.19 (3), pp.367 - 374.
108. Claire Callahan, Matthew Willis (2023), "Protecting Cambodia's Cultural Heritage: US - Cambodia Conservation Ties", <https://asiamattersforamerica.org/articles/protecting-cambodias-cultural-heritage-us-cambodia-conservation-ties>, accessed on 29 December 2024.
109. Clymer, K (2004a), *The United States and Cambodia, 1870 - 1969: from curiosity to confrontation*, Routledge, London, p.112.
110. Clymer, K (2004b), *The United States and Cambodia, 1969 - 2000: A trouble relationship*, Routledge, London, p.221.
111. CNA (2018), "美擴大簽證制裁 柬埔寨執政黨反嗆：沒有用", *Central News Agency*, <https://www.cna.com.tw/news/aopl/201808160261.aspx>, accessed on 29 December 2024.
112. Congressional Research Service (2023), "Cambodia: Background and U.S. Relations", <https://sgp.fas.org/crs/row/R47311.pdf>, accessed on 05 April 2025.
113. Constitutional Council (2015), "The Consitution of the Kingdom of Cambodia", [https://www.ccc.gov.kh/detail\\_info\\_en.php?\\_txtID=79](https://www.ccc.gov.kh/detail_info_en.php?_txtID=79), accessed on 05 April 2023.
114. Cook, Malcolm, and Ian Storey (2017), "The Trump Administration and Southeast Asia: Limited Engagement Thus Far", *ISEAS Perspective* (27), pp. 1-8.
115. Cynthia Weber (2005), *International Relations Theory: A critical introduction*, Second edition, Routledge, Madison Ave, New York.

116. David C. Kang (2009), “Between Balancing and Bandwagoning: South Korea’s Response to China”, *Journal of East Asian Studies* Vol.9 (1), pp.1-28.
117. David Harvey (2003), *The New Imperialism*, Oxford University Press Inc., New York.
118. David Hutt (2024), “Could Marco Rubio champion human rights in Southeast Asia?”, <https://www.dw.com/en/will-us-secretary-of-state-nominee-marco-rubio-champion-human-rights-in-southeast-asia/a-70810187>, accessed on 30 September 2025.
119. David Vital (1967), *The Inequality of States: a Study of the Small in International Relations*, Clarendon Press, Oxford.
120. David Vital (1971), “Survival of Small States: Studies” in *Small Power/Great Power Conflict*, Oxford University Press, Washington DC.
121. Davis Llorick (2021), “China’s leverage point on ASEAN”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2021/12/15/cambodia-is-chinas-leverage-point-on-asean/>, accessed on 22 April 2025.
122. Deb Riechmann (2020), “US intelligence director says China is top threat to America”, <https://apnews.com/article/joe-biden-technology-politics-beijing-china-0f20571946b69de78b13b5c238ed6154>, accessed on 22 April 2025.
123. Deth Sok Udom, Sum Suon and Serkan Bulut (2017), *Cambodia’s Foreign Relations in Regional and Global Contexts*, Konrad Adenauer Stiftung, CICP, Phnom Penh.
124. Domke William K. (1989). “Power, Political Capacity, and Security in the Global System.” in Richard J. Stoll và Michael D. Ward (editor), *Power in World Politics*, Lynne Rienner Publishers, Boulder.
125. Doyle, M. W. (1983), “Kant, Liberal Legacies, and Foreign Affairs”, *Philosophy & Public Affairs* Vol.12(3), pp.205-235.
126. Dunst, Charles (2019), “He was deported for a crime he committed at 19. Now a 30-year-old Cambodian refugee is back home in California”, <https://www.latimes.com/world/la-fg-cambodia-us-deportations-20190306-story.html>, accessed on 22 November 2024.

127. East, M.A. (1973), Size and Foreign Policy behavior: A Test of Two Models. *World Politics* Vol.25 (4), pp.556 - 576.
128. Ernest Z.Bower (2012), “China Reveals Its Hand on ASEAN in Phnom Penh”, CSIS, <https://www.csis.org/analysis/china-reveals-its-hand-asean-phnom-penh>, accessed on 25 November 2024.
129. Erin Handley (2017), “US to impose ‘visa ban’, purportedly in response to Kingdom’s refusal to accept deportees”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national/us-impose-visa-ban-purportedly-response-kingdoms-refusal-accept-deportees>, accessed on 25 November 2024.
130. Fazal, T. (2004), “State death in the international system”, *International Organization* Vol.58(2), pp.311- 344.
131. Ferguson, P. (2016), “Liberalism and Economic Growth: A Theoretical Exploration. Environmental Values”, *The White Horse Press* Vol.25(5), pp. 593-619, <https://doi.org/10.3197/096327116X14703858759170>, accessed on 02 September 2025.
132. Fowler, H. W., Coulson, J. S. and Friedrichsen, G. W. S. (1973), *The Shorter Oxford English Dictionary on Historical Principles*, Clarendon Press, Oxford.
133. George Wright (2018), “Sanctions Implicate Hun Sen’s Bodyguard Chief in Grenade Attack”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2018/06/sanctions-implicate-hun-sens-bodyguard-chief-in-grenade-attack/>, accessed on 02 April 2025.
134. Global Firepower 2024, “Military Strength Ranking”, <https://www.globalfirepower.com/countries-listing.php>, accessed on 02 April 2025.
135. Goh, E. (2005), *Meeting the China Challenge: The U.S. in Southeast Asian Regional Security Strategies*, East-West Center Washington, Washington, DC.
136. Gregory B. Poling, Charles Dunst, and Simon Tran Hudes (2022), “Pariah or Partner? Clarifying the US Approach to Cambodia”, *Center for Strategic and International Studies (CSIS)*, pp.1-7.
137. Haacke, J. (2019), “The concept of hedging and its application to Southeast Asia: A critique and a proposal for a modified conceptual and methodological framework”, *International Relations of the Asia-Pacific* Vol.19(3), pp.375-417.

138. Hannah Beech (2018), “Embracing China, Facebook and Himself, Cambodia’s Ruler Digs In”, *The New York Times*, [https://www.nytimes.com/2018/03/17/world/asia/hun-sen-cambodia-china.html?\\_ga=2.117237574.1946570036.1530678334-1128758904.1496996853](https://www.nytimes.com/2018/03/17/world/asia/hun-sen-cambodia-china.html?_ga=2.117237574.1946570036.1530678334-1128758904.1496996853), accessed on 4 May 2025.
139. Hans Mouritzen and Anders Wivel (2005), *The Geopolitics of Euro-Atlantic Integration*, Routledge, London.
140. Hans J. Morgenthau (1949), *Politics among nations the struggle for power and peace*, Alfred A.Knopf, New York, p.79.
141. Health Policy Plus (2021), “Health Policy Plus: Cambodia”, [http://www.healthpolicyplus.com/ns/pubs/1850818905\\_CambodiaResultsSummaryBrief.pdf](http://www.healthpolicyplus.com/ns/pubs/1850818905_CambodiaResultsSummaryBrief.pdf), accessed on 4 May 2025.
142. Hedley Bull (2002), *The Anarchical Society: A Study of Order in World Politics*, Columbia University Press, New York.
143. Heike Löschmann (2025), “Cambodia Seeks Balance Between China and USA Under Trump 2.0”, *Heinrich Böll Stiftung*, accessed on 14 January 2026.
144. Heng Pheakdey (2012), “Cambodia-China Relations: A Positive-Sum Game?”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs* Vol.31(2), pp.57-85, <https://journals.sagepub.com/doi/epub/10.1177/186810341203100203>, accessed on 31 May 2025.
145. Hermann Charles (1990), *Changing course: When Governments Choose to Redirect Foreign Policy*, *International Studies Quarterly*, *International Studies Quarterly* Vol.34 (1), pp.3-21.
146. Hey (2003), *Small States in World Politics: Explaining Foreign Policy Behavior*, Lynne Rienner Publishers, Colorado.
147. Heydarian Richard Javad (2019), “US, ASEAN Float Together in the South China Sea”, *AsiaTimes*, <https://asiatimes.com/2019/09/us-asean-float-together-in-the-southchina-sea/>, accessed on 28 November 2024.
148. Trần , X. H., & Truong , Q. H. (2023), “Investment and development aid of china for cambodia (2010 - 2020): on the rise”, *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science* Vol. 20(1), pp.22-32,

- <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.1.3535>(2023, accessed on 28 September 2025).
149. Hin Pisei (2023), “Cambodia-US trade recovery underway, with export growth”, *The Phnom Penh*, <https://www.phnompenhpost.com/business/cambodia-us-trade-recovery-underway-export-growth>, accessed on 28 November 2024.
  150. Hin Pisei (2024), “Cambodia - US trade shows signs of recovery”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/business/cambodia-us-trade-shows-signs-of-recovery>, accessed on 30 November 2024 .
  151. Hin Pisei (2025), “Cambodia tops list of new Trump tariffs, 49%”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national/cambodia-tops-list-of-new-trump-tariffs-49->, accessed on 20 April 2025.
  152. Hong Raksmeay (2024), “Clearing the past, building the future: US-Cambodia humanitarian collaboration”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national/clearing-the-past-building-the-future-us-cambodia-humanitarian-collaboration>, accessed on 30 November 2024 .
  153. Huang Ruli (2017) “中国将帮助柬埔寨防止颜色革命发生”, <https://www.58cam.com/portal.php?mod=view&aid=1527>, accessed on 30 November 2024.
  154. Hunt Luke (2019). “Cambodia Raises Diplomatic Alarm with Seabee Decision”, *Voice of America*, <https://www.voanews.com/east-asia-pacific/cambodia-raisesdiplomatic-alarm-seabee-decision>, accessed on 20 April 2025.
  155. Duong Van Huy and Tran Thi Hai Yen (2021), “Rising Strategic Competition Between the United States and China in Mekong River Subregion”, *Journal Global Policy and Governance, JGPG Vol.10 (2)*, pp.73-100.
  156. Idress Ali (2020), “Cambodia demolished U.S.-built facility on naval base: researchers”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/world/cambodia-demolished-us-built-facility-on-naval-base-researchers-idUSKBN26O05G/>, accessed on 26 November 2024.
  157. Ingebritsen, C. (2002), “Norm entrepreneurs: Scandinavia’s role in world politics”, *Sage journal Vol.37(1)*, pp.11- 23.

158. Jack S. Levy (2004), “What do Great Powers Balance Against and When?” in T.V. Paul, J.J. Wirtz and M. Fortmann (eds), *Balance of Power: Theory and Practice in the 21st Century*, Stanford University Press, Redwood.
159. Jentleson, Bruce W. (2014), *American Foreign Policy: The Dynamics of Choice in the 21st Century*, W.W. Norton & Company Inc, New York, p.7.
160. Jeremy Page, Gordon Lubold and Rob Taylor (2019), “Deal for Naval Outpost in Cambodia Furthers China’s Quest for Military Network”, *The Wall Street Journal*, <https://www.wsj.com/articles/secret-deal-for-chinese-naval-outpost-in-cambodia-raises-u-s-fears-of-beijings-ambitions-11563732482>, accessed on 20 April 2025.
161. JICA (2022), “Signing of Japanese ODA Loan Agreement with Cambodia: Contributing to COVID-19 crisis response in Cambodia through providing budget support”, [https://www.jica.go.jp/english/news/press/2021/20220112\\_10e.html#:~:text=On%20January%2012%2C%20the%20Japan,Support%20Loan%20\(Phase%20202\)](https://www.jica.go.jp/english/news/press/2021/20220112_10e.html#:~:text=On%20January%2012%2C%20the%20Japan,Support%20Loan%20(Phase%20202),), accessed on 9 April 2023.
162. John Spanier (1975), *Games Nations Play: Analyzing International Politics*, Second Edition, Praeger, New York.
163. John Ikemberry, Michael Mastanduno & William C Wohlforth (2009), “Unipolarity, state behavior, and systemic consequences”, *World Politics* Vol.61(1), pp.1-27.
164. John Pomfret (2010), “Clinton urges Cambodia to strike a balance with China”, <https://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2010/11/01/AR2010110101460.html>, accessed on 4 July 2024.
165. Johnson, Kay and Panu, Wongcha-um (2020), “Water wars: Mekong River is another front in the U.S.-China rivalry”, *Reuters*, <https://s.net.vn/cJWJ>, accessed on 4 July 2024.
166. Julia Wallace (2017). “Cambodia Charges Opposition Leader Kem Sokha with Treason”, *The New York Times*, <https://www.nytimes.com/2017/09/05/world/asia/cambodia-kem-sokha-treason.html>, accessed on 4 May 2025.

167. Jung, H. (2019), “The Evolution of Social Constructivism in Political Science: Past to Present”, *SAGE Open* Vol.9(1),  
<https://doi.org/10.1177/2158244019832703>, accessed on 4 September 2025.
168. Karsh, E. (1988), *Neutrality and small states*, Routledge, London.
169. Kei Koga (2017), “The Concept of “Hedging” Revisted: The Case of Japan’s Foreign Policy Strategy in East Asia’s Power Shift”, *International Studies Review* Vol.20 (4), pp.1-28.
170. Keohane (1969), *Lilliputians' Dilemmas: Small States in International Politics*, Cambridge University Press Vol.23 (2), pp.291-310.
171. Kham Vanda, Theng Nan (2015), “Terrorism: the need to enhance global cooperation against the threat to democracy and individual rights”,  
[https://lib.ncdd.gov.kh/storage/app/public/test\\_library/CAT\\_11615\\_1/2015-CooperationAgainstThreat-on-Democracy-en.pdf](https://lib.ncdd.gov.kh/storage/app/public/test_library/CAT_11615_1/2015-CooperationAgainstThreat-on-Democracy-en.pdf),  
 accessed on 04 December 2024.
172. Khmer Times (2022), “USAID Morodok Baitang Project launched”,  
<https://www.khmertimeskh.com/501095902/usaids-morodok-baitang-project-launched/>, accessed on 04 July 2024.
173. Khmer Times (2022a), “PM condemns Russian invasion of Ukraine as ‘act of aggression””,  
<https://www.khmertimeskh.com/501048629/pm-condemns-russian-invasion-of-ukraine-as-act-of-aggression/>, accessed on 04 July 2024.
174. Khmer Times (2023), “2022 marks another fruitful year of Cambodia-China cooperation”,  
<https://www.khmertimeskh.com/501212286/2022-marks-another-fruitful-year-of-cambodia-china-cooperation/>, accessed on 02 June 2025.
175. Khuon Narim (2013), “Cambodia Delays US Military Aid”, *The Cambodia Daily*,  
<https://english.cambodiadaily.com/news/cambodia-delays-us-military-assistance-39509/>, accessed on 26 November 2024.
176. Kimkong Heng (2020), “Cambodia’s Foreign Policy Post-COVID-19: Key Challenges”, *ISEAS, Yosof Ishak Institute* (132), pp.1-10.
177. KimKong Heng (2022) “Mending Cambodia - US relations: A Cambodian Perspective”, *Kyoto Review of Southeast Asia* (32),

- <https://kyotoreview.org/issue-32/mending-cambodia-us-relations-a-cambodian-perspective/>, accessed on 02 April 2023.
178. Korolex (2019), “Shrinking room for hedging: system - unit dynamics and behavior of smaller powers”, *International Relations of the Asia-Pacific* (19), pp.419-452.
  179. Kuik (2008), “The essence of hedging: Malaysia and Singapore's response to a rising China”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 30 (2), pp.159 - 185.
  180. Kuik (2020), “Hedging in Post-Pandemic Asia: What, How, and Why?”, *The Asian Forum*, <http://www.theasanforum.org/hedging-in-post-pandemicasia-what-how-and-why/>, accessed on 2 April 2025.
  181. Kuznets (1960), “Economic Growth of Small Nations” in *Economic Consequences of the Size of Nations*, Palgrave Macmillan, London.
  182. Labs, E. J. (1992), “Do weak states bandwagon?”, *Security Studies* Vol.1(3), p.389.
  183. Lake, D. A. (2009), *Hierarchy in international relations*, Cornell University Press, New York, pp.4-7.
  184. Laura Southgate (2021), "Explaining the United States' Foreign Policy Failure in Southeast Asia since 2008", *Asia Policy* Vol.16 (4), pp.195 - 215.
  185. Levy, J. S. (1989), “The causes of war: A review of theories and evidence” in P. E. Tetlock(Ed.), *Behavior, society and nuclear war*, Oxford University Press, New York, p.231.
  186. Lewis M.Stern (2009), “U.S.-Cambodia Defense Relations: Defining New Possibilities”, *Strategic Forum* (251), Institute for National Strategic Studies, National Defense University, pp.1-6.
  187. Liska, G. (1968), “Alliances and the Third World”, *Studies in International Affairs* (5), Johns Hopkins Press, Baltimore.
  188. Lowy Institute Asia Power Index (2024), <https://power.lowyinstitute.org/compare/?countries=united-states,cambodia>, accessed on 31 May 2025.

189. Lye Liang Fook (2020), “Hun Sen’s China Visit: Love in the Time of Coronavirus”,  
<https://www.iseas.edu.sg/media/commentaries/hun-sens-china-visit-love-in-the-time-of-coronavirus-by-lye-liang-fook/>, accessed on 31 May 2025.
190. Magam, N. L. (2022), “The Role of Interests and Identities in the Practice of International Relations among Sub-regional Entities: Towards a Constructivist Theory of Paradiplomacy”, *Journal of African Foreign Affairs* Vol. 9(3), pp.141-160.
191. Martin Jones and Nicole Jenne (2022), “Hedging and grand strategy in Southeast Asian foreign policy”, *International Relations of the Asia-Pacific* (22), pp.205-235.
192. Matthew Galway (2023), “Forging Autocratic Legitimation: Charisma and Mythmaking in Hun Sen’s Cambodia”, *The Asia-Pacific Journal* Vol.21 (2), pp.1-15.
193. Mattila, M (2004), “Contested Decisions: Empirical Analysis of Voting in the European Union Council of Ministers”, *European Journal of Political Research* Vol.43(1), pp.29-50.
194. May Kunmakara.2023, “US to explore more investment in Kingdom: PM”, *The Phnompenh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/business/us-explore-more-investment-kingdom-pm>, accessed on 10 November 2024.
195. Mech Dara and Daphne Chen (2018), “Government unit publishes 132-page treatise on threat of ‘colour revolution’”, *The Phnompenh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national-politics/government-unit-publishes-132-page-treatise-threat-colour-revolution>, accessed on 26 November 2024.
196. Mech Dara. (2019), “Banh ‘Talks Ongoing Over US Cooperation’”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national-politics/banh-talks-ongoingover-us-cooperation>, accessed on 23 November 2024.
197. Mech Dara (2021), “Updated: US Ends Funding in \$21M Prey Lang Project, Citing Continued Logging”, <https://vodenglish.news/us-ends-funding-to-21m-prey-lang-project-citing-continued-logging/>, accessed on 23 November 2024.

198. Medeiros, E. S. (2005), “Strategic hedging and the future of Asia-pacific stability”, *The Washington Quarterly* Vol. 29 (1), pp.145-167.
199. Mekong - US. Partnership (2019), “Strengthening the U.S.-Mekong Partnership”, <https://www.state.gov/strengthening-the-u-s-mekong-partnership/>, accessed on 23 November 2024.
200. Men Kimseng (2019), “FBI, Cambodia Ink Cooperation Agreement to Fight Transnational Crime”, *VOA Khmer*, <https://khmer.voanews.com/a/fbi-cambodia-ink-cooperation-agreemend-to-fight-transnational-crime/4873362.html>, accessed on 10 November 2024.
201. Meng Seavmey, Rin Ousa (2023), “Cambodians Study in the US in Growing Numbers: Ambassador”, *Cambodianess*, <https://cambodianess.com/article/cambodians-study-in-us-in-growing-numbers-ambassador>, accessed 18 February 2024.
202. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2022), “Keynote Address, Fumio Kishida, Prime Minister of Japan”, <https://www.mofa.go.jp/mofaj/files/100356160.pdf>, accessed on 28 May 2024.
203. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2022), “National Security Strategy of Japan”, <https://www.cas.go.jp/jp/siryoku/221216anzenhoshou/nss-e.pdf>, accessed on 28 May 2024.
204. Ministry of Foreign Affairs & International Cooperation (2017), “Cambodia, Democracy and Human Rights: To Tell The Truth”, <https://www.mfaic.gov.kh/files/uploads/TFVLQX9EQ8WV/To%20tell%20the%20true%20EXE.pdf>, accessed on 2 October 2025.
205. Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation (2018), “CAMBODIA: Stability and Development First, Kingdom of Cambodia”, <https://www.mfaic.gov.kh/wp-content/uploads/2018/02/4T2-Stability-12-February-2018.pdf>. accessed on 28 May 2025.
206. Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation (2021), “Cambodia’s Foreign Policy Direction”, <https://www.mfaic.gov.kh/page/2021-02-08-Cambodia-s-Foreign-Policy-Direction>, accessed on 28 August 2025.

207. Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation (2022), “Samdech Techo PM Hun Sen Holds Bilateral Meeting with President Joe Biden”, <https://www.mfaic.gov.kh/posts/2022-11-13-Press-Release-Samdech-Techo-PM-Hun-Sen-Holds-Bilateral-Meeting-with-President-Joe-Biden--13-25-10>, accessed on 28 September 2025.
208. Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation (2024), “Cambodia and U.S. Commit to Further Strengthening Ties”, <https://www.mfaic.gov.kh/posts/2024-12-11-Press-Release-Cambodia-and-U-S--Commit-to-Further-Strengthening-Ties-16-32-24?>, accessed on 28 September 2025.
209. Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation (2025), “Samdech Thipadei Prime Minister Hun Manet Highlights Key Priorities of Cambodia’s Foreign Policy”, <https://www.mfaic.gov.kh/posts/2025-03-10-Press-Release-Samdech-Thipadei-Prime-Minister-Hun-Manet-Highlights-Key-Priorities-of-Cambodia-s-Foreign-Policy---09-34-38?>, accessed on 28 September 2025.
210. Mao Sreypich (2024), “Cambodia and US Pledge to Step Up Fight Against Human Trafficking”, <https://kiripost.com/stories/cambodia-and-us-pledge-to-step-up-fight-against-human-trafficking>, accessed on 28 September 2025.
211. Munich Security Report (2025), “Multipolarization”, [https://securityconference.org/assets/02\\_Dokumente/01\\_Publikationen/2025/MSR\\_2025/Multipolarization\\_%E2%80%93\\_Munich\\_Security\\_Report\\_2025.pdf](https://securityconference.org/assets/02_Dokumente/01_Publikationen/2025/MSR_2025/Multipolarization_%E2%80%93_Munich_Security_Report_2025.pdf), accessed on 28 May 2025.
212. Murphy, A. M. (2017), Great power rivalries, domestic politics and Southeast Asian foreign policy: Exploring the linkages’, *Taylor & Francis* Vol.13 (3), pp.165-182.
213. Murray, W. (2011), “Thoughts on grand strategy’, in W. Murray, R. H. Sinn Reich, and J. Lacey (eds), *The Shaping of Grand Strategy: Policy, Diplomacy, and War*, Cambridge University Press, Cambridge, pp.1-33.
214. Mushelenga and Van Wyk (2017) “Diplomacy of small states in the international political system”, *Journal for Studies in Humanities and Social Sciences* Vol.6 (2), pp.118 -145.

215. Mykola Kapitonenko (2022), *International Relations Theory*, Routledge, Avenue, New York.
216. Nasif Tanjim (2023), Hun Sen's playbook for power, *The Business Standard*, <https://www.tbsnews.net/features/panorama/hun-sens-playbook-power-672282>, accessed on 23 September 2025.
217. National Institute of Statistics, “General Population Census of Cambodia”, <https://www.nis.gov.kh/index.php/km/15-gpc/85-general-population-census-of-cambodia>, accessed on 23 April 2025.
218. Neou Vannarin (2009), “US Announces Cambodia Off Export Blacklist”, <https://english.cambodiadaily.com/news/us-announces-cambodia-off-export-blacklist-92585/>, accessed on 23 December 2024.
219. Nhean Chamrong (2024), “Cambodia attracts \$5B investments in 10 months”, *Khmer Times*, <https://www.khmertimeskh.com/501591470/cambodia-attracts-5b-investments-in-10-months/>, accessed on 23 March 2025.
220. Nye, J. S. (1990), “Soft power”, *Foreign Policy* (80), pp.153 - 171.
221. Nye, J. S. (2011), “Power and foreign policy”, *Journal of Political Power* Vol.4(1), pp. 9-24.
222. Parris Chang (2016), “US pivot to Asia-Pacific to counterbalance China”, <https://www.taipeitimes.com/News/editorials/archives/2016/07/11/2003650778>, accessed on 26 May 2025.
223. Kingdom of Cambodia (2024), “Permanent mission to the United Nations: Statement by H.E. Chenda Sophea Sok, Deputy Prime Minister, Minister of Foreign Affairs and International Cooperation of the Kingdom of Cambodia, at the General Debate of the 79th session of the United Nations”, [https://gadebate.un.org/sites/default/files/gastatements/79/kh\\_en.pdf?utm](https://gadebate.un.org/sites/default/files/gastatements/79/kh_en.pdf?utm), accessed on 26 March 2025.
224. Phil Stewart, Steve Holland and Idrees Ali (2024), “Trump selects Mike Waltz as national security adviser, sources say”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/world/us/trump-selects-mike-waltz-national-security-adviser-wsj-reports-2024-11-11/>, accessed on 26 March 2025.

225. Poppy Mcpherson (2024), “Cambodia calls US sanctions against tycoon Ly Yong Phat unjust, politically motivated”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/cambodia-says-us-sanctions-against-tycoon-unjust-politically-motivated-2024-09-13/>, accessed on 27 November 2024.
226. Prak Chan Thul (2017), “U.S. rejects Cambodian accusations, calls for opposition leader's release”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/world/us-rejects-cambodian-accusations-calls-for-opposition-leaders-release-idUSKCN1BN0DK/>, accessed on 20 November 2024.
227. Prak Chan Thul (2018), “Cambodia's Hun Sen defiant despite EU trade threat”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/us-eu-cambodia/cambodias-hun-sen-defiant-despite-eu-trade-threat-idUSKCN1MI0FU/>, accessed on 20 September 2025.
228. Prak Chan Thul (2019), “Trump urges Cambodia to return to 'democratic path' after crackdown”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/world/trump-urges-cambodia-to-return-to-democratic-path-after-crackdown-idUSKBN1XW0GE/>, accessed on 20 November 2024.
229. Prashanth Pamareswaran (2017), “The Hidden Cost of Cambodia Downgrading US Military Ties”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2017/04/the-hidden-cost-of-cambodia-downgrading-us-military-ties/>, accessed on 26 May 2025.
230. Prashth Parameswaran (2019), “The Mekong in US Asia Strategy: Opportunities and Challenges”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2019/07/the-mekong-in-us-asia-strategy-opportunities-and-challenges/>, accessed on 07 July 2024.
231. Prathma (2020), “U.S. extends US\$7.5 million for Cambodia’s response and recovery from COVID-19”, <https://en.khmerpostasia.com/2020/05/22/u-s-extends-us7-5-million-for-cambodias-response-and-recovery-from-covid-19/>, accessed on 5 November 2024.

232. Pou Sothirak (2020), “Into the 70th anniversary of Cambodia - US relations and beyond: The rebalancing dilemma and new era of relations”, *Konrad-Adenauer-Stiftung Cambodia*, pp.14 - 19.
233. Pou Sothirak (2021), “Geopolitics, Great Power Competition, and Cambodian Foreign Policy” in *Cambodia 2040*, Konrad-Adenauer-Stiftung Cambodia, pp.41- 48.
234. Prom Thary (2024), “Why the US Opposes Closer Cambodia-China Ties”, *Cambodianess*, <https://cambodianess.com/article/why-the-us-opposes-closer-cambodia-china-ties>, accessed on 10 July 2024.
235. Pru Sch (2019), “Remarks by Samdech Techo Hun Sen Prime Minister of the Kingdom of Cambodia at the 41st Session of the Human Rights Council Geneva, 4th July 2019”, <https://pressocm.gov.kh/en/archives/55082?>, accessed on 26 September 2025.
236. Reuter (2010), “U.S. suspends some aid to Cambodia over Uighur case”, <https://www.reuters.com/article/world/us-politics/us-suspends-some-aid-to-cambodia-over-uighur-case-idUSTRE63042W/>, accessed on 26 November 2024.
237. Reuters (2021), “U.S. says denied full access to Cambodia naval base during visit”, <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/us-says-denied-full-access-cambodia-naval-base-during-visit-2021-06-11/>, accessed on 22 November 2024.
238. Richard J.Stoll (1989), “State Power, World Views, and the Major Powers” in Richard J.Stoll and Michael D.Ward (editor), *Power in World Politics*, Lyne Riemer, Boulder.
239. Ripsman, N., Jeffrey W. Taliaferro, and Steven E. Lobell (2016), “Neoclassical Realist Theory of International Politics” *Oxford Academic*, <https://doi.org/10.1093/acprof:oso/9780199899234.001.0001>, accessed on 27 August 2025.
240. Ripsman, N. (2017). “Neoclassical Realism”, *Oxford Research Encyclopedia of International Studies*, <https://oxfordre.com/internationalstudies/view/10.1093/acrefore/9780190846626.001.0001/acrefore-9780190846626-e-36>, accessed on 30 August 2025.

241. Robert A. Pape (2005), “Soft Balancing against the United States”, *International Security* Vol.30 (1), pp.7- 45.
242. Rose G (1998), “Neoclassical Realism and Theories of Foreign Policy”, *World Politics* Vol.51(1):144-172, <https://doi.org/10.1017/S0043887100007814>, accessed on 30 August 2025.
243. Rothstein (1968), *Alliances and Small Powers*, Columbia University Press, New York.
244. Royal Government of Cambodia (2010), *National strategic development plan update 2009 - 2013 for growth, employment, equity and efficiency to reach Cambodia millennium development goals*.
245. Royal Government of Cambodia (2013), *Political Platform of the Royal Government of Cambodia of the Fifth Legislature of the National Assembly*, pp.4-5.
246. Royal Government of Cambodia (2014), *National strategic development plan 2014 - 2018 for growth, employment, equity and efficiency to reach the status of an upper-middle income country*.
247. Royal Government of Cambodia (2019), *National Strategic Development Plan 2019 - 2023 for growth, employment, equity and efficiency to reach the status of an upper-middle income country by 2030*.
248. Royal Government of Cambodia (2023), *Political Platform of the Royal Government of Cambodia of the seventh Legislature of the National Assembly*, p.2.
249. Royal Government of Cambodia (2023), *Pentagonal Strategy – Phase I for Growth, Employment, Equity, Efficiency and Sustainability: Building and Foundation Towards Realizing the Cambodia Vision 2050*.
250. Samnang Un (2018), *Cambodia’s foreign policy and China’s influence during the Khmer Rouge era (1975 - 1979)*, Master of Arts (Asia-Pacific Studies), Thammasat University, Thai Lan.
251. Sandya Nishanthi Gunasekara (2015), “Bandwagoning, Balancing, and Small States: A Case of Sri Lanka”, *Asian Social Science* Vol.11 (28), pp.212 - 220.

252. Sangeetha Amarthalingam (2022), “Not part of IPEF - Would that be so bad?”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/special-reports/not-part-ipef-would-be-so-bad>, accessed on 21 December 2024.
253. Senat Secretariat General (2008), “Consitution of the Kingdom of Cambodia”, <https://www.mowa.gov.kh/wp-content/uploads/2016/12/Constitution-of-the-Kingdom-of-Cambodia-1993-EN.pdf>, accessed on 21 December 2024.
254. Seoung Nimol (2025), “Cambodia Upholds Neutrality Amid Chinese Deals; U.S. Affirms It’s Not Forcing a Choice”, *Cambodian Journalists Alliance Association*, <https://cambojanews.com/cambodia-upholds-neutrality-amid-chinese-deals-u-s-affirms-its-not-forcing-a-choice/>, accessed on 14 January 2026.
255. Sharafutdinova G. (2003), Paradiplomacy in the Russian Regions: Tatarstan’s Search for Statehood, *Europe-Asia Studies* Vol.55(3), pp.613-629.
256. Shin, G. W., Izatt, H., & Moon, R. J. (2016), “Asymmetry of power and attention in alliance politics: the US-Republic of Korea case”, *Australian Journal of International Affairs* Vol.70(3), pp.235-255.
257. Simon Roughneen (2012),” Obama's historic visit to Cambodia highlights economic growth and struggles”, <https://www.csmonitor.com/World/Asia-Pacific/2012/1120/Obama-s-historic-visit-to-Cambodia-highlights-economic-growth-and-struggles?utm>, accessed on 22 August 2025.
258. Smith, A. D. (2000), “The “Sacred” Dimension of Nationalism”, *Millennium: Journal of International Studies* Vol.29(3), pp.791-814, <https://doi.org/10.1177/03058298000290030301>, accessed on 22 August 2025.
259. Soben Ung (2023), “About Cambodia New Premier Hun Manet”, *Khmer Post USA*, <https://khmerpostusa.com/about-cambodia-new-premier-hun-manet/>, accessed on 22 April 2025.
260. So Chanththa (2025), “What Will Cambodia-US Relations in Trump 2.0 Be Like?”, *Cambodianess*, <https://cambodianess.com/article/what-will-cambodia-us-relations-in-trump-20-be-like>, accessed on 21 April 2025.
261. Sok Raksa (2023), “Cambodia, US strengthen anti-crime cooperation”, *The Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/national/cambodia-us-strengthen-anti-crime-cooperation>, accessed on 23 December 2024.

262. Sok Siphana (2005), “Lessons from Cambodia’s Entry into the World Trade Organization”, *ADBI Policy Papers* (7), Asian Development Bank Institute, <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/159380/adbi-lessons-cambodia-wto.pdf>, accessed on 23 December 2024.
263. Sokvy Rim and Kimkong Heng (2021). “Cambodia’s Foreign Policy: Balancing China and Vietnam”, *Cambodianess*, <https://cambodianess.com/article/cambodias-foreign-policy-balancing-china-and-vietnam>, accessed on 22 June 2023.
264. Sophat Soeung (2010), “After 60 Years, US Relations Maturing: Analysts”, *VOA Khmer*, <https://khmer.voanews.com/a/after-sixty-years-us-cambodia-relations-maturing/1660429.html>, accessed on 23 December 2024.
265. Sopheng Cheang (2017), “Cambodia cancels military exercise with US”, <https://apnews.com/general-news-6a4b25fd5c62418cbc2dad9d9cac53ef#>, accessed on 21 December 2024.
266. Sothiary Toch and Tong Ly (2020), "People's views of the US’s relations towards Cambodia: A survey among university students in Phnom Penh", *European Academic Research* Vol.VIII (5), pp.2787 - 2807.
267. Soth Koemsoeun (2024), “Resetting the clock: Hun Sen urges US to restart dialogue and military cooperation’, *Khmer Times*, <https://www.khmertimeskh.com/501500251/resetting-the-clock-hun-sen-urges-us-to-restart-dialogue-and-military-cooperation/?utm>, accessed on 23 August 2025.
268. Spetalnick (2012), “Obama presses Cambodia's Hun Sen to improve rights record”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/world/obama-presses-cambodias-hun-sen-to-improve-rights-record-idUSBRE8AI0LW/>, accessed on 23 December 2024.
269. Statistia (2023), The 20 countries with the largest gross domestic product (GDP) in 2023, <https://www.statista.com/statistics/268173/countries-with-the-largest-gross-domestic-product-gdp/>, accessed on 22 April 2025.

270. Stepanov (2023), "US Policy towards Southeast Asia: from Barack Obama to Joe Biden", *Herald of the Russian Academy of Sciences* Vol.92 (15), pp.S1473 - S1478.
271. Stephen G. Brooks and William C Wohlforth (2008), *World out of Balance: International Relations and the Challenge of American Primacy*, Princeton University Press.
272. Stephen Walt (1985), "Alliance Formation and the Balance of World Power", *International Security* Vol.9 (4), pp.3-43.
273. Strangio (2014), *Hun Sen's Cambodia*, Yale University Press, p.67.
274. Suen Sam (2024), "Strategies for Cambodia's Hun Manet to Enhance US-Cambodia Ties", *Khmer Times*,  
<https://www.khmertimeskh.com/501465516/strategies-for-cambodias-hun-manet-to-enhance-us-cambodia-ties/>, accessed on 23 December 2024.
275. Sun, Narin, Chhengpor Aun, Sokummono Khan, and Mengly Ky (2019), "Interview: Senior Pentagon Official Visits Cambodia, Talks Phnom Penh Ties, Indo-Pacific Strategy", *Voice of America*,  
<https://www.voacambodia.com/a/interview-seniorpentagon-official-visits-cambodia-talks-phnom-penh-ties-indo-pacificstrategy/4749209.html>, accessed on 25 December 2024.
276. Taing Vida (2019), "President Trump: the US respects Cambodia's sovereignty, condemns regime change", *Khmer Times*,  
<https://www.khmertimeskh.com/663552/president-trump-the-us-respects-cambodias-sovereignty-condemns-regime-change/>, accessed on 25 December 2024.
277. Tann Eangdavid (2021), "The Contemporary Cambodia - US relations: An Analysis of Confrontation", *North American Academic Research (NAAR) Journal* Vol.4 (6), pp.48 - 62.
278. Taylor Coplen (2025), "Cambodia's Warming Ties with Washington Reflect Continuity, Not Realignment", *Fulcrum*, <https://fulcrum.sg/cambodias-warming-ties-with-washington-reflect-continuity-not-realignment/>, accessed on 14 January 2026.

279. Tem Oudom (2014), *Cambodia between China and The United States*, Thesis of International Studies, Royal University of Phnom Penh.
280. Tessman, B. F. (2012) “System structure and state strategy: adding hedging to the menu”, *Security Studies* Vol.21(2), pp.192 - 231.
281. Thearth Leng and Vannarth Chheang (2021), “Are Cambodia - US relations Mendable?”, *Asia Policy* Vol.16 (4), pp.124 - 133.
282. The Asahi Shimbun (2023), “U.S. announces punitive measures over concerns that Cambodia’s elections were ‘neither free nor fair’”, <https://www.asahi.com/ajw/articles/14965203>, accessed on 26 November 2024.
283. The Department of State (2018), “Remarks at the Lower Mekong Initiative Ministerial”, <https://2017-2021.state.gov/remarks-at-the-lower-mekong-initiative-ministerial/>, accessed on 10 February 2024.
284. The Department of State (2019), “Strengthening the U.S.-Mekong Partnership”, <https://2017-2021.state.gov/strengthening-the-u-s-mekong-partnership/>, accessed on 10 February 2024.
285. The Department of State (2020), “A Free and Open Indo-Pacific, Advancing a Shared Vision”, <https://www.state.gov/wp-content/uploads/2019/11/Free-and-Open-Indo-Pacific-4Nov2019.pdf>, accessed on 9 February 2024.
286. The Economics Times (2024), “Donald Trump's CIA Director pick John Ratcliffe - A hardliner against China, Iran”, <https://economictimes.indiatimes.com/news/international/us/donald-trumps-cia-director-pick-john-ratcliffe-a-hardliner-against-china-iran/articleshow/115259206.cms?from=mdr>, accessed on 9 April 2025.
287. The Globalfirepower (2024), “Cambodia Military Strength”, [https://www.globalfirepower.com/country-military-strengthdetail.php?country\\_id=cambodia](https://www.globalfirepower.com/country-military-strengthdetail.php?country_id=cambodia), accessed on 28 May 2024.
288. The New York Times (2025), “Highlights from Marco Rubio’s Confirmation Hearing”, <https://www.nytimes.com/live/2025/01/15/us/rubio-confirmation-secretary-state>, accessed on 10 April 2025.

289. The White House (2023), “Fact Sheet: U.S.-ASEAN Comprehensive Strategic Partnership, One Year On”, <https://id.usembassy.gov/fact-sheet-u-s-asean-comprehensive-strategic-partnership-one-year-on/>, accessed on 26 May 2024.
290. The World bank (2023), “GDP per capita - Cambodia”, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD?locations=KH>, accessed on 02 June 2024.
291. Nguyen Tien Thinh, “An assessment of Cambodia-US Relations under the Trump Administrations”, *Nghiên cứu Biển Đông*, <https://en.nghiencuubiendong.vn/an-assessment-of-cambodia-us-relations-under-the-trump-administrations.56765.aneews>, accessed on 14 January 2026.
292. Thomas Lum (2009), “Cambodia: Background and U.S. Relations”, *Congressional Research Service*, <https://apps.dtic.mil/sti/pdfs/ADA501062.pdf>, accessed on 5 November 2023.
293. Thomas Lum (2013), “U.S.-Cambodia Relations: Issues for the 113th Congress”, *Congressional Research Service*, <https://fas.org/sgp/crs/row/R43113.pdf>, accessed on 12 April 2021.
294. Thomas Lum (2015), “Cambodia: Background and U.S. Relations in Brief”, *Congressional Research Service*, [https://www.everycrsreport.com/files/20150511\\_R44037\\_8f011b75206789c3d33904fcc9492c76fd1e8477.pdf](https://www.everycrsreport.com/files/20150511_R44037_8f011b75206789c3d33904fcc9492c76fd1e8477.pdf), accessed on 5 November 2023.
295. Thomas Lum (2018), “Cambodia: Background and U.S. Relations”, *Congressional Research Service*, [https://www.everycrsreport.com/files/20180111\\_R44037\\_1121eb5c161dab0548425210bfc5df810623f70e.pdf](https://www.everycrsreport.com/files/20180111_R44037_1121eb5c161dab0548425210bfc5df810623f70e.pdf), accessed on 5 November 2023.
296. Thomas Lum (2019), “Cambodia: Background and U.S. Relations”, *Congressional Research Service*, <https://sgp.fas.org/crs/row/R44037.pdf>, accessed on 5 November 2023.
297. Thomas Lum (2020), “Cambodia: Background and U.S. Relations”, *Congressional Research Service*, <https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R44037>, accessed on 22 June 2023.

298. Thomas Lum (2022), “Cambodia: Background and U.S. Relations”, *Congressional Research Service*, <https://crsreports.congress.gov/product/pdf/R/R47311/2>, accessed on 5 November 2023.
299. Thomas Lum (2023), “Cambodia: Background and U.S. Relations”, *Congressional Research Service*, <https://sgp.fas.org/crs/row/R47311.pdf>, accessed on 5 November 2023.
300. Thomson, R. (2011), *Resolving controversy in the European Union*, Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom.
301. Thorhallsson, B. (2015), “How do little frogs fly? Small states in the European Union”, *The Norwegian Institute of International Affairs (NUPI) policy brief*, <http://hdl.handle.net/11250/284449>, accessed on 5 April 2024.
302. Thorhallsson, B. (2000), *The role of small states in the European Union*, Ashgate, Aldershot, United Kingdom.
303. Tim Dunne, Milja Kurki, Steve Smith (2012), *International Relations Theories: Discipline and Diversity*, Third Edition, Oxford University Press.
304. Tim Smart (2024), “The 10 Largest Economies in the World”, <https://www.usnews.com/news/best-countries/articles/the-top-10-economies-in-the-world>, accessed on 5 April 2025.
305. Torn Vibol (2025), “Hun Sen recalls 40 years of service leading the nation”, *Khmer Times*, <https://www.khmertimeskh.com/501624019/hun-sen-recalls-40-years-of-service-leading-the-nation/>, accessed on 5 September 2025.
306. Transparency International, “Corruption perceptions index”, <https://www.transparency.org/en/cpi/2022/index/khm>, accessed on 02 June 2024.
307. Tunsjø, Ø. (2013), *Security and Profit in China’s Energy Policy: Hedging Against Risk*, Columbia University Press, New York.
308. T. V. Paul (2005), “Soft Balancing in the Age of U.S. Primacy”, *International Security* Vol.30 (1), pp.46 - 71.
309. United States Agency for International Development (2024). “United States announces more than \$17 million for new initiatives to improve the health of Cambodian people”,

- <https://www.developmentaid.org/news-stream/post/186612/usaids-improve-the-health-of-cambodian-people>, accessed on 02 March 2025.
310. United State Trade of Representative (2024), <https://ustr.gov/countries-regions/southeast-asia-pacific/Cambodia->, accessed on 18 April 2025.
  311. Ung Chamroeun (2025), “”Hun Sen Rejects Analysis of PM Hun Manet Walking in His Shadow, *Cambodianess*, <https://cambodianess.com/article/hun-sen-rejects-analysis-of-pm-hun-manet-walking-in-his-shadow>, accessed on 18 April 2025.
  312. USAID (2013a), “Lower Mekong Initiative: Agriculture and Food Security Pillar”, <https://s.net.vn/kqjn>, accessed on 28 February 2024.
  313. USAID (2013b), “Lower Mekong Initiative: Education Pillar”, <https://s.net.vn/VJoK>, accessed on 18 February 2024.
  314. USAID (2013c), “Lower Mekong Initiative: Environment and Water Pillar”, <https://s.net.vn/FOzG>, accessed on 28 February 2024.
  315. USAID (2013d), “Lower Mekong Initiative: Friends of the Lower Mekong”, <https://s.net.vn/2tqS>, accessed on 9 February 2024.
  316. USAID (2013e), “Lower Mekong Initiative: Health Pillar”, <https://s.net.vn/Djrt>, accessed 18 February 2024, accessed on 28 February 2024.
  317. USAID (2019a), “Connecting the Mekong through education and training”, <https://2017-2020.usaid.gov/asia-regional/documents/connecting-mekong-through-education-and-training>, accessed on 4 July 2024.
  318. USAID (2019b), “Green Future activity”, [https://pdf.usaid.gov/pdf\\_docs/PA00WJ23.pdf](https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PA00WJ23.pdf), accessed 18 February 2024.
  319. USAID (2020), “Mekong-U.S. Partnership”, <https://www.usaid.gov/asia-regional/lower-mekong-initiative-lmi>, accessed on 18 February 2024.
  320. USAID (2023a), “Education and Child Protection”, <https://www.usaid.gov/cambodia/education>, accessed on 28 February 2024.
  321. USAID (2023b), “Sustainable Economic Growth”, <https://www.usaid.gov/cambodia/fact-sheets/sustainable-economic-growth>, accessed on 15 February 2024.

322. U.S. Department of Defense (2019), “Indo-Pacific Strategy Report”, <https://media.defense.gov/2019/Jul/01/2002152311/-1/-1/1/DEPARTMENT-OFDEFENSE-INDO-PACIFIC-STRATEGY-REPORT-2019.PDF>, accessed on 4 July 2024.
323. U.S. Department of State (1977), “U.S. - Cambodia Relation”, [https://1997-2001.state.gov/regions/eap/fs\\_us\\_cambodia\\_970620.html](https://1997-2001.state.gov/regions/eap/fs_us_cambodia_970620.html), accessed on 4 July 2024.
324. U.S. Department of State (2023a), “Ambassadors Fund for Cultural Preservation: 2023 report”, <https://kh.usembassy.gov/education-culture/u-s-government-assistance-cambodian-cultural-heritage-preservation/>, accessed on 06 April 2025.
325. U.S. Department of State. (2023b), “2023 Investment Climate Statements: Cambodia”, <https://www.state.gov/reports/2023-investment-climate-statements/cambodia/>, accessed on 19 November 2023.
326. U.S. Department of State (2024), “2023 Report on International Religious Freedom: Vietnam”, <https://www.state.gov/reports/2023-report-on-international-religious-freedom/vietnam/>, accessed on 18 April 2025.
327. U.S. Embassy in Cambodia (2015), “New Mobile Phone Information System to Help Cambodia’s HIV Fight”, <https://s.net.vn/U2zK>, accessed on 4 July 2024.
328. U.S. Embassy in Cambodia (2017), “Report: More Cambodians Studying in the United States”, <https://kh.usembassy.gov/report-cambodians-studying-united-states/>, accessed on 18 February 2024.
329. U.S. Embassy in Cambodia (2021), “U.S. Donates Over One Million Doses of COVID-19 Vaccine to Cambodia”, <https://kh.usembassy.gov/u-s-donates-over-one-million-doses-of-covid-19-vaccine-to-cambodia/>, accessed on 4 July 2024.
330. U.S. Embassy in Cambodia (2022a), “Inclusive Primary Education Activity (IPEA) Launch”, <https://kh.usembassy.gov/inclusive-primary-education-activity-ipea-launch/>, accessed on 4 July 2024.

331. US. Embassy in Cambodia (2022b), “The United States-Cambodia Relationship”, <https://kh.usembassy.gov/fact-sheet-the-united-states-cambodia-relationship/>, accessed on 5 April 2023.
332. US. Embassy in Cambodia (2022c), “POW/MIA office”, <https://kh.usembassy.gov/embassy/phnom-penh/sections-offices/pow-mia>, accessed on 30 December 2024.
333. US. Embassy in Cambodia (2022d), “Getting started”, <https://kh.usembassy.gov/business/getting-started-cambodia/>, accessed on 19 November 2023.
334. US. Embassy in Cambodia (2023), “Signing of Cultural Agreement between Cambodia and the United States”, <https://kh.usembassy.gov/signing-of-cultural-agreement-between-cambodia-and-the-united-states/>, accessed on 4 July 2024.
335. U.S. Embassy in Cambodia (2024a), “U.S. Centers for Disease Control and Prevention Director Mandy K. Cohen Visits the Kingdom of Cambodia”, <https://kh.usembassy.gov/u-s-centers-for-disease-control-and-prevention-director-mandy-k-cohen-visits-the-kingdom-of-cambodia/>, accessed on 18 February 2024.
336. U.S. Embassy in Cambodia (2024b), “Education exchange programs: 2009 - 2024 impact report”, <https://kh.usembassy.gov/education-culture/education-programs/>, accessed on 06 April 2025.
337. US.Indo - Pacific Command (2016), “US, Cambodia Commence Pacific Angel 16 Humanitarian Assistance Mission”, <https://www.pacom.mil/Media/NEWS/Article/797087/us-cambodia-commence-pacific-angel-16-humanitarian-assistance-mission/>, accessed on 06 September 2025.
338. Vandebosch, A. (1964), “The small states in international politics and organization”, *The Journal of Politics* Vol.26(2), pp.293-312.
339. Valerie M. Hudson and Benjamin S. Day (2020), *Foreign policy analysis, classic and contemporary theory*, Rowman & Littlefield, Lanham.

340. Vannarith Chheang (2010), “US-Cambodia Relations: New Momentum”, *Asia Pacific Bulletin*, pp.1-2,  
<https://www.eastwestcenter.org/sites/default/files/private/apb080.pdf>, accessed on 23 December 2024.
341. Vannarith Chheang (2017), “Cambodia rejects paying ‘dirty debt’ to the US”,  
<https://www.aljazeera.com/opinions/2017/3/21/cambodia-rejects-paying-dirty-debt-to-the-us/>, accessed on 26 November 2024.
342. Vannarith Chheang (2022), “Cambodia hedges”, *Eastasia Forum*,  
<https://eastasiaforum.org/2022/09/13/cambodia-hedges/?utm>, accessed on 26 September, 2024.
343. VCCI (2021), “Cambodia-US trade surges 33% in first six months of 2021”,  
<https://aecvcci.vn/tin-tuc-n8306/cambodia-us-trade-surges-33-in-first-six-months-of-2021.htm>, accessed on 10 November 2023.
344. VCCI (2023), “Cambodia - China FTA brings growth”. <https://aecvcci.vn/tin-tuc-n12170/cambodiachina-fta-brings-growth.htm>, accessed on 29 November 29, 2023.
345. Veasna Var (2016), “Holding Balance Between Two Superpowers: Cambodia’s Strategic Choices for Foreign and Development Policy - Analysis”, *Eurasia Review*, <https://www.eurasiareview.com/27072016-holding-balance-between-two-superpowers-cambodias-strategic-choices-for-foreign-and-development-policy-analysis/>, accessed on 23 December 2024.
346. Vietnamplus (2013), “Pacific Airlift Rally 2013 underway in Cambodia”,  
<https://en.vietnamplus.vn/pacific-airlift-rally-2013-underway-in-cambodia-post45582.vnp?utm>, accessed on 23 December 2024.
347. VOA News (2013), “US Calls for 'Transparent Review' of Cambodia Election”,  
<https://www.voanews.com/a/us-calls-for-transparent-review-of-cambodia-election/1746540.html/>, accessed on 26 November 2024.
348. Wallace Julia (2017), “Cambodia’s Top Court Dissolves main opposition party”, *The New York Times*,  
<https://www.nytimes.com/2017/11/16/world/asia/cambodia-court-opposition.html>, accessed on 28 May 2024.

349. Wang Yuzhu (2022), “Hedging Strategy: Concept, Behavior, and Implications for China - ASEAN Relations”, *East Asian Affairs* Vol.1(2), pp.2150012-1 - 2150012-36.
350. Walt, S. M. (1987), *The origins of alliances*, Cornell University Press, New York, p.29.
351. Waltz, K. (1959), *Man, the State, and War*, Columbia University Press, New York.
352. Waltz, K. (1979), *Theory of International Politics*, Addison - Wesley Publishing Company, Inc, Massachusetts.
353. Waltz, K. (1997), “Evaluating Theories”, *The American Political Science Review* Vol.91(4), pp. 913-917.
354. Waltz, K. (2008), *Realism and international Politics*, Routledge, New York.
355. Walter Sim (2018), Asean at heart of Japan’s Free and Open Indo-Pacific Strategy: Kono, *The Straits Times*,  
<https://www.mofa.go.jp/files/000386152.pdf>, accessed on 28 May 2024.
356. Wendt, A. (1992), “Anarchy is what States Make of it: The Social Construction of Power Politics”, *International Organization* Vol.46(2), pp.391- 425,  
<http://www.jstor.org/stable/2706858>, accessed on 28 August 2025.
357. William (2001), *International Relations: Politics and Economics in the 21st Century*, Wadworth Groups, USA.
358. William E. Todd (2013), “The US - Cambodia Relationship: A Work in Progress”,  
[https://s3.amazonaws.com/caaproduct/attachments/163/C\\_Pages6to9\\_-Todd\\_The\\_US-Cambodia\\_Relationship\\_A\\_Work\\_in\\_Progress.pdf?1366918880](https://s3.amazonaws.com/caaproduct/attachments/163/C_Pages6to9_-Todd_The_US-Cambodia_Relationship_A_Work_in_Progress.pdf?1366918880),  
 accessed on 22 June 2023.
359. Willmott, W. E. (1967). “Cambodian Neutrality”. *Current History* Vol.52(305), pp.36-53.
360. Wolf, Reinhard (2011), “Respect and Disrespect in International Politics: The Significance of Status Recognition”, *International Theory* Vol.3(1), pp.105-142,  
<https://doi.org/10.1017/S1752971910000308>, 02 September 2025.
361. World Bank (2024), “Cambodia”,  
[https://data.worldbank.org/country/cambodia?utm\\_](https://data.worldbank.org/country/cambodia?utm_), accessed on 02 September 2025.

362. Xinhua (2010), “Cambodia’s Angkor Sentinel 2010’s military exercise ends”, <https://khemernz.blogspot.com/2010/07/cambodias-angkor-sentinel-2010-military.html>, accessed on 02 June 2023.
363. Xinhua (2017), “Cambodia orders U.S.-backed National Democratic Institute to leave country”, [http://www.xinhuanet.com/english/2017-08/23/c\\_136549172.htm](http://www.xinhuanet.com/english/2017-08/23/c_136549172.htm), accessed on 26 November 2024.
364. Xinhua (2022), “China provides \$4.3 million from LMC Special Fund 2022 to Cambodia”, *Khmer Times*, <https://www.khmertimeskh.com/501095167/china-provides-4-3-million-from-lmc-special-fund-2022-to-cambodia/>, accessed on 02 June 2024.
365. Xinhua (2025), “Cambodia's GDP per capita hits 2,713 USD in 2024: PM”, <https://english.news.cn/asiapacific/20250220/b70c454514e44e12ae8366dc3dced7b8/c.html>, accessed on 26 March 2025.
366. Yoel Guzansky (2015), “The Foreign-Policy Tools of Small Powers: Strategic Hedging in the Persian Gulf”, *Middle East Policy* Vol. XXI (1), pp.112-122.
367. Zhong Jie (2024), “Cambodia-China economic and trade cooperation yields fruitful results in 2023”, *Phnom Penh Post*, <https://www.phnompenhpost.com/opinion/cambodia-china-economic-and-trade-cooperation-yields-fruitful-results-in-2023>, accessed on 31 May 2024.
368. Zsuzsanna Biedermann (2010), “Cambodia today or is China eating America’s lunch in Southeast Asia?”, *AARMS Security* Vol.9 (1), pp.139 - 152./.